

UBND TỈNH HÀ TĨNH  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH**

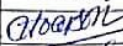


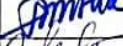
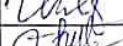

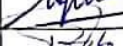
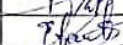
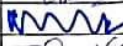


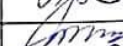
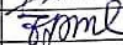
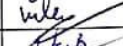


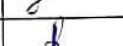



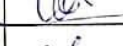
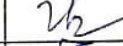



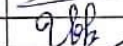
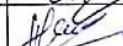
---



**BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học  
Của Bộ Giáo dục và Đào tạo  
(*Giai đoạn đánh giá: 2017 - 2022*)

Hà Tĩnh, tháng 8 - 2023

**DANH SÁCH VÀ CHỮ KÝ**  
**CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**  
(Kèm theo Quyết định số: 642 /QĐ-ĐHHT ngày 23 tháng 11 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Đoàn Hoài Sơn	Hiệu trưởng	Chủ tịch	
2	Trần Thị Ái Đức	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
3	Hồ Thị Nga	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch	
4	Trần Anh Vũ	TP. KT-ĐBCL	Thành viên TT- Trưởng Ban thư ký	
5	Lưu Thị Thu Hằng	TP. Tổ chức-Hành chính	Thành viên	
6	Trần Thu Thủy	TP. Đào tạo	Thành viên	
7	Nguyễn Văn Thanh	PTP PT Phòng QLKH- ĐN-TT	Thành viên	
8	Ngô Tất Đạt	TP. CTCT-HSSV	Thành viên	
9	Đình Văn Nam	TP. Quản trị	Thành viên	
10	Nguyễn Việt Hùng	TP. Kế hoạch-Tài chính	Thành viên	
11	Trần Thế Sơn	PTP PT Phòng Thanh tra-PC	Thành viên	
12	Nguyễn Thị Thái Hòa	GD. Trung tâm ĐTBDTX	Thành viên	
13	Nguyễn Việt Phú	GD. Trung tâm CNTT	Thành viên	
14	Trần Dương	PGD. Trung tâm TT-TV	Thành viên	
15	Trương Quang Duẩn	PTP. KT-ĐBCL	Thành viên	
16	Nguyễn Thị Hải Lý	CV Phòng KT-ĐBCL	Thành viên	
17	Lê Văn An	Trưởng khoa Sư phạm	Thành viên	
18	Nguyễn Văn Hòa	PTBM PT bộ môn Tâm lý-GD	Thành viên	
19	Trần Minh Đức	PTK PT Khoa Ngoại ngữ	Thành viên	
20	Nguyễn T. Thanh Nhân	TK. Chính trị-Luật	Thành viên	
21	Nguyễn Sỹ Minh	TK. Kỹ thuật-CN	Thành viên	
22	Lâm Xuân Thái	PTK Khoa Nông nghiệp-Môi trường	Thành viên	
23	Nguyễn Thị Lệ Hằng	PTK PT Khoa Tiếng Việt	Thành viên	
24	Nguyễn Văn Tịnh	Trưởng bộ môn Tâm lý- GD	Thành viên	
25	Tống Thị Cẩm Lệ	Chủ tịch Công đoàn trường, Giảng viên Khoa Sư phạm	Thành viên (Đại diện giảng viên)	
26	Cù Thị Nhung	Bí thư Đoàn trường	Thành viên	
27	Phan Văn Việt Hoàng	SV K13 GD Tiểu học, Khoa SP	Thành viên (Đại diện người học)	

(Danh sách gồm có 27 người) ./.

## MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	4
DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG .....	6
PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC .....	7
PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC.....	15
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa.....	15
Tiêu chuẩn 2. Hệ thống quản trị .....	22
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý .....	30
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược .....	38
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng .....	44
Tiêu chuẩn 6. Quản trị nguồn nhân lực .....	51
Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất.....	64
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại .....	83
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong .....	89
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài.....	102
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong .....	109
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng .....	115
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học .....	122
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học .....	129
Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập .....	136
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học .....	146
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.....	156
Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học .....	159
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ.....	173
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH.....	180

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và PVCD .....	188
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo .....	196
Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH .....	207
Tiêu chuẩn 24. Phục vụ cộng đồng .....	217
Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường .....	222
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC .....	231
Phần III. PHỤ LỤC .....	236
PHỤ LỤC 1. CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC .....	236
PHỤ LỤC 2. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ BAN THƯ KÝ .....	272
PHỤ LỤC 3 .....	280



## DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

ANTT	An ninh trật tự
BCH	Ban chấp hành
BGH	Ban giám hiệu
BK	Bằng khen
BTV	Ban thường vụ
CB	Cán bộ
CBGV	Cán bộ giảng viên
CBQL	Cán bộ quản lý
CBVC	Cán bộ viên chức
CĐR	Chuẩn đầu ra
CNTT	Công nghệ thông tin
CSDL	Cơ sở dữ liệu
CSGD	Cơ sở giáo dục
CSHT	Cơ sở hạ tầng
CSTĐCS	Chiến sỹ thi đua cơ sở
CSVC	Cơ sở vật chất
CTCT-HSSV	Công tác chính trị - Học sinh sinh viên
CTĐT	Chương trình đào tạo
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
ĐGN	Đánh giá ngoài
ĐH	Đại học
DHTĐ	Danh hiệu thi đua
ĐTN	Đoàn thanh niên
GD&ĐT	Giáo dục & đào tạo
GK	Giấy khen
GV	Giảng viên
HSSV	Học sinh sinh viên
HSV	Hội sinh viên
HTKT	Hình thức khen thưởng
HTQT	Hợp tác quốc tế
KĐCL	Kiểm định chất lượng
KH&CN	Khoa học và công nghệ
KHCN	Khoa học công nghệ
KH-TC	Kế hoạch-Tài chính

KT-ĐBCL	Khảo thí - Đảm bảo chất lượng
KTX	Ký túc xá
KTXH	Kinh tế Xã hội
KH&ĐT	Khoa học và Đào tạo
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
LĐTĐ&XH	Lao động thương binh & Xã hội
LĐTT	Lao động tiên tiến
NCKH	Nghiên cứu khoa học
NH	Người học
NV	Nhân viên
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
NTD	Nhà tuyển dụng
PVCĐ	Phụ vụ cộng đồng
QLKH-ĐN-TT	Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông
SV	Sinh viên
SHCD	Sinh hoạt công dân
TC-HC	Tổ chức - Hành chính
TĐG	Tự đánh giá
TĐHHT	Trường đại học Hà Tĩnh
TN	Thanh niên
TT - TV	Thông tin - Thư viện
TT CNTT	Trung tâm Công nghệ thông tin
TTĐT&BDTX	Trung tâm đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên
TT TT-TV	Trung tâm Thông tin - Thư viện
TT-PC	Thanh tra - Pháp chế
THPT	Trung học phổ thông
UBND	Ủy ban nhân dân
VLVH	Vừa làm vừa học
XSCT	Xuất sắc cấp tỉnh

## DANH MỤC SƠ ĐỒ, BẢNG

Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hà Tĩnh.....	9
Bảng 6.5.1. Kết quả xếp loại chất lượng viên chức TĐHHT Từ 2018 - 2022.....	58
Bảng 6.5.2. Kết quả xếp loại thi đua khen thưởng viên chức TĐHHT từ 2018 - 2022 .....	58
Bảng 7.1.1. Nguồn tài chính giai đoạn 2018-2022 .....	65
Bảng 7.1.2. Nguồn tài chính triển khai giai đoạn 2018 đến 2022.....	66
Bảng 7.3.1. Hệ thống CNTT của Trường ĐHHT .....	71
Bảng 8.2.1. Bảng tổng hợp các đối tác ngoài nước giai đoạn 2018 - 2022 .....	85
Bảng 8.4.1. Tổng hợp đoàn ra, đoàn vào giai đoạn 2018 - 2022 .....	86
Bảng 8.4.2. Tổng hợp biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2018 - 2022 .....	86
Sơ đồ 9.1.1. Cấu trúc hệ thống ĐBCL của Trường .....	91
Bảng 13.2. Thống kê điểm trúng tuyển TB của các thí sinh .....	124
Bảng 22.1 Thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp và thôi học các CTĐT .....	197
Bảng 22.2.1. Thời gian đào tạo các bậc, hệ .....	200
Bảng 22.2.2. Thời gian bình quân tốt nghiệp của các khóa SV trong giai đoạn 2018-2022 .....	201
Bảng 22.2.3. Thời gian bình quân tốt nghiệp của CTĐT trong giai đoạn 2018-2022 .....	201
Bảng 22.3.1. Bảng thống kê tỉ lệ việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng ....	204
Bảng 25.1.1. Bảng đối sánh chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ giai đoạn 2018 - 2022 .....	224
Bảng 25.1.2. Bảng đối sánh chi hoạt động NCKH giai đoạn 2018 - 2022 .....	224
Bảng 25.2.2. Thống kê số lượng công trình NCKH giai đoạn 2018 - 2022 .....	227

# PHẦN I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

## 1. Khái quát về cơ sở giáo dục

### *a. Khái quát về lịch sử phát triển*

Tiền thân là các trường sơ cấp, trung cấp và các trường sư phạm khác được thành lập từ năm 1958, Trường Đại học Hà Tĩnh ra đời là quyết tâm chính trị to lớn của Đảng, Nhà nước, Tỉnh Ủy, UBND Tỉnh Hà Tĩnh, với thành viên Hội đồng sáng lập Trường Đại học Hà Tĩnh được thành lập năm 2001, do đ/c Đặng Duy Báu, nguyên Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh Hà Tĩnh làm chủ tịch, với sự tham gia của các đồng chí nguyên là ủy viên Bộ Chính trị như đ/c Nguyễn Đức Bình, đ/c Lê Xuân Tùng, đ/c Lê Minh Hương và các nhà khoa học uy tín như GS.TSKH Phan Đình Diệu, GS.TS Hà Học Trạc, GS.TS Mai Trọng Nhuận, GS.TS Nguyễn Đình Hương, GS.TS Trần Ngọc Hiên.

Ngày 10/5/2007, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ Nguyễn Sinh Hùng đại diện Chính phủ cùng Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh Hà Tĩnh đã công bố quyết định 318/QĐ-TTg ngày 19/03/2007 của Thủ tướng Chính phủ thành lập Đại học Hà Tĩnh, trên cơ sở sáp nhập và nâng cấp các trường Cao đẳng Sư phạm Hà Tĩnh, Phân hiệu trường Đại học Vinh tại Hà Tĩnh, Trường Trung cấp Kinh tế Hà Tĩnh, và tháng 11/2013 sáp nhập thêm Trường Trung cấp Kỹ thuật Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Hà Tĩnh. Trường Tiểu học, Trung học cơ sở và Trung học phổ thông - Đại học Hà Tĩnh được thành lập ngày 12/7/2016, và Trường Mầm non IvyHSchool thành lập ngày 18/8/2017, hoàn thiện hệ thống cung cấp dịch vụ giáo dục trọn đời của trường.

Năm học 2008-2009, Trường Đại học Hà Tĩnh bắt đầu tuyển sinh khóa sinh viên đại học đầu tiên với 806 sinh viên. Lúc đó, Trường có 31 mã ngành đào tạo của cả ba bậc: ĐH, CĐ và TCCN.

Đến nay, Trường đã và đang đào tạo hệ đại học khóa thứ 15 với **8.760** sinh viên hệ chính quy đào tạo các khối ngành: Sư phạm, kinh tế - Quản trị kinh doanh, Kỹ thuật - Công nghệ, Khoa học Tự nhiên, Xã hội Nhân văn, Ngôn ngữ (tiếng Anh, tiếng Trung, Tiếng Việt), Nông nghiệp. Trường hiện có 9 Khoa và Bộ môn, 302 cán bộ, trong đó có 176 giảng viên với 97% giảng viên có trình độ thạc sỹ, tiến sỹ là những thầy giáo cô giáo tâm huyết, giàu kinh nghiệm và bề dày sư phạm, được đào tạo tại Anh, Mỹ, Pháp, Đức, Nga, Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Thái Lan và nhiều nước khác trên thế giới.

Trường xây dựng theo mô hình trường đại học cộng đồng, tạo một môi trường giáo dục quốc tế năng động và sáng tạo, cung cấp các trải nghiệm học tập trọn đời, với sự tham gia của hơn 2.000 sinh viên quốc tế đến từ Lào, Thái Lan, Trung Quốc, Đài Loan, Canada và Hoa Kỳ, cùng với hệ thống trường song ngữ,

chất lượng cao, đa cấp từ bậc tiểu học đến trung học phổ thông theo chuẩn Cambridge, tích hợp, liên thông, mềm dẻo, linh hoạt để tạo điều kiện tốt nhất cho các em có cơ hội vào thẳng các trường đại học trong nước và quốc tế.

Trường vinh dự được Đảng và nhà nước tặng thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì và hạng Ba, và nhiều Bằng khen, Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ, Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND Tỉnh Hà Tĩnh. Nước CHDCND Lào tặng thưởng Huân chương Hữu nghị, Huân chương Lao động hạng Ba, và nhiều bằng khen của Thủ tướng Lào, Đại sứ Quán Lào, tỉnh Bolikhamxay, Khăm moun của Lào, và tỉnh Nakhon Phanom của Thái Lan.

#### Sứ mạng

Là trường đại học trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, thực hiện các nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao; cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và thực hành nghề nghiệp cho người học, phục vụ cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của tỉnh Hà Tĩnh, cả nước và các nước trong khu vực.

#### Tầm nhìn

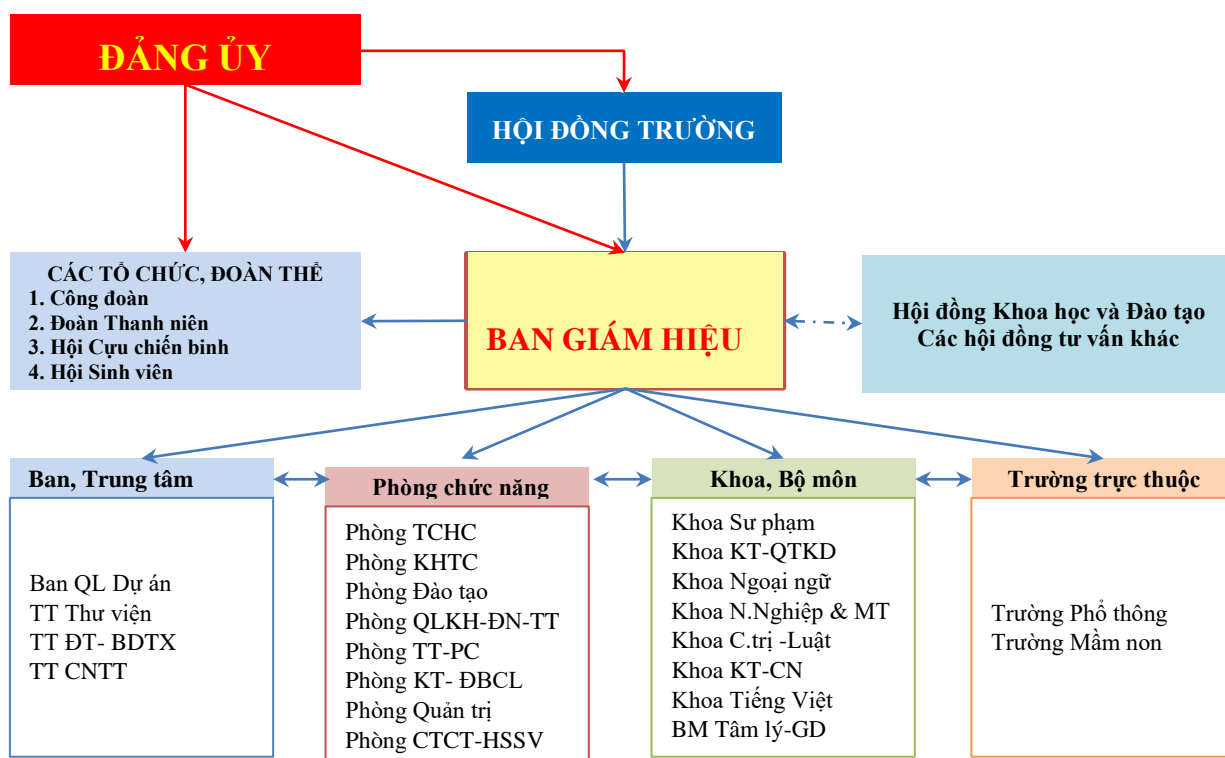
Trường Đại học Hà Tĩnh là trường đại học đa cấp, đa ngành, định hướng ứng dụng và cung cấp sản phẩm khoa học công nghệ, nguồn nhân lực có kiến thức, năng lực thực hành phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của tỉnh Hà Tĩnh và cả nước.

#### Giá trị cốt lõi

Kiến thức - Kỹ năng - Tự chủ - Trách nhiệm - Hợp tác.

#### *b. Cơ cấu tổ chức của cơ sở giáo dục*

Trong quá trình phát triển, do quy mô đào tạo thay đổi, cơ cấu tổ chức bộ máy của Trường đã được điều chỉnh phù hợp với yêu cầu của hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học. Năm 2018 Trường đã xây dựng Đề án sắp xếp, tinh gọn bộ máy, rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, thực hiện giải thể, sáp nhập các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng để cơ cấu tổ chức của Trường gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Hiện nay, Trường còn 23 đơn vị trực thuộc, gồm 8 Phòng, 01 Ban, 03 Trung tâm; 07 Khoa, 02 Bộ môn trực thuộc và 02 Trường trực thuộc.



**Sơ đồ 1.1. Cơ cấu tổ chức của Trường Đại học Hà Tĩnh**

*c. Cơ cấu của Hội đồng trường (chưa có HDT)*

**Tóm tắt thành tích nổi bật của Trường theo các giai đoạn phát triển:**

**- Công tác tổ chức bộ máy, cán bộ**

Công tác tổ chức bộ máy và cán bộ là khâu then chốt vì thế việc cải cách, kiện toàn bộ máy luôn được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Cơ cấu tổ chức của Nhà trường đã được kiện toàn sắp xếp lại phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong từng thời kỳ, luôn tuân thủ các quy định của Luật giáo dục, các quy định khác của pháp luật, phù hợp với thực tế Nhà trường và địa phương theo hướng tinh gọn, hiệu quả.

Từ năm 2018, Trường đã xây dựng Đề án sắp xếp, tinh gọn bộ máy, rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, thực hiện giải thể, sáp nhập các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng để cơ cấu tổ chức của Trường gọn nhẹ, hoạt động có hiệu quả. Hiện nay, Trường còn 23 đơn vị trực thuộc, gồm 8 Phòng, 01 Ban, 03 Trung tâm; 07 Khoa, 02 Bộ môn trực thuộc và 02 Trường trực thuộc.

Việc bố trí sắp xếp cán bộ, viên chức, người lao động hợp lý, phù hợp với vị trí công tác và năng lực chuyên môn. Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý ngày càng được nâng lên, có lập trường tư tưởng vững vàng, kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có đạo đức, lối sống giản dị, “chí công vô tư”, hoàn thành nhiệm vụ được giao; nhiều cán bộ năng động, sáng tạo, thích ứng với xu thế hội nhập, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Cơ cấu độ tuổi, giới tính, lĩnh vực công tác có sự cân đối, hợp lý hơn; nguồn cán bộ quy hoạch khá dồi dào, cơ bản đảm bảo sự chuyển tiếp giữa các độ tuổi, các thế hệ.

Xác định công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức là một nhiệm vụ quan trọng, không những góp phần nâng cao chất lượng đào tạo mà còn đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường. Trong những năm qua công tác đào tạo phát triển đội ngũ, được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Từ năm 2018 đến nay, Trường đã cử 14 giảng viên đi nghiên cứu sinh trong và ngoài nước

Công tác chế độ chính sách, chăm lo đến đời sống của cán bộ, viên chức được thực hiện đầy đủ, kịp thời; thường xuyên thăm hỏi, động viên cán bộ, viên chức, người lao động có hoàn cảnh khó khăn, gia đình chính sách giúp họ yên tâm công tác.

Đội ngũ cán bộ, giảng viên của Nhà trường luôn đoàn kết, trách nhiệm và cầu tiến trong cuộc sống và trong công tác.

#### **- Chương trình đào tạo**

Hiện nay, Nhà trường đang đào tạo 23 mã ngành trình độ đại học. Việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định và ban hành cho các CTĐT, ĐCHP được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.

Từ năm 2016, Chương trình đào tạo các ngành ngoài sư phạm đã được xây dựng theo định hướng tiếp cận CDIO (Conceive Design Implement Operate) thực học, thực làm, trong đó sinh viên có thể lựa chọn thực tập 1 năm tại các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài (tương đương 27 tín chỉ), nhờ vậy, đến nay có hơn 200 sinh viên tham gia chương trình thực tập 01 năm ở các ngành như: Ngôn ngữ Trung Quốc, Ngôn ngữ Anh, Kế toán, Công nghệ thông tin...

Năm 2018, Nhà trường tiến hành rà soát, cải tiến đối với tất cả các chương trình đào tạo khối ngành sư phạm đang thực hiện. Các CTĐT đã được điều chỉnh, cụ thể là: Mục tiêu của CTĐT; CDR của CTĐT (kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức); Cấu trúc CTĐT (học phần mới, học phần điều chỉnh, học phần hủy bỏ và số tín chỉ điều chỉnh...).

Từ năm 2021, thực hiện theo Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường đã thực hiện rà soát và ban hành CTĐT các ngành theo đúng quy định về chuẩn chương trình đào tạo.

#### **- Hoạt động nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế**

Từ năm 2018 đến nay, số lượng công trình nghiên cứu đăng ở các tạp chí uy tín trong và ngoài nước không ngừng tăng lên; số lượng sáng kiến kinh nghiệm, đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên tăng lên theo từng năm. Cụ thể:

+ Giảng viên của Trường đã thực hiện 66 đề tài khoa học trong đó có 10 đề tài cấp Bộ và cấp Tỉnh, 02 Dự án, 54 đề tài cấp Trường; xuất bản 17 sách và giáo trình, trong đó có 07 sách chuyên khảo, 06 giáo trình và 04 sách tham khảo, hơn 400 đề tài khoa học của sinh viên; các đề tài cấp tỉnh, cấp Bộ được ứng dụng rộng rãi kết quả vào thực tiễn; các đề tài cấp cơ sở, đề tài của sinh viên được đưa vào ứng dụng trong đào tạo và nghiên cứu của sinh viên;

+ Đã tổ chức 17 hội thảo quốc gia và quốc tế, thu hút nhiều nhà khoa học

trong và nước ngoài tham gia. Tạp chí Khoa học của Trường đang từng bước khẳng định uy tín, xuất bản 3 số/năm với số lượng 15 - 20 bài/mỗi số trong đó có nhiều bài của các nhà khoa học có uy tín ngoài trường;

+ Có 650 bài báo đã công bố ở tạp chí khoa học, trong đó có 85 bài ở tạp chí Quốc tế thuộc danh mục ISI/Scopus; có 510 bài báo ở đăng các kỷ yếu hội thảo quốc gia, quốc tế và các tạp chí có chỉ số ISSN; 8 giảng viên có các công trình đạt giải cao trong hoạt động nghiên cứu khoa học cán bộ trẻ cấp Bộ; đặc biệt có 6 đề tài cấp bộ, cấp tỉnh được ứng dụng trong thực tiễn tại tỉnh Hà Tĩnh: trong đó có 3 đề tài về lĩnh vực công nghệ môi trường, 01 đề tài cấp tỉnh về lĩnh vực du lịch, 01 đề tài về lĩnh vực nông nghiệp và 01 đề tài về giải quyết việc làm sau sự cố môi trường biển;

Hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng đã có những bước phát triển, có nhiều đề tài được đánh giá cao. Đã có 15 sinh viên được giải thưởng nghiên cứu khoa học cấp Bộ và nhiều giải thưởng khác.

Trường không ngừng mở rộng đối tác, tổ chức, đồng tổ chức và tham gia các hội thảo khoa học quốc tế. Từ năm 2018 đến nay, Trường đã tổ chức, đồng tổ chức được 16 Hội thảo Quốc tế, cử nhiều cán bộ giảng viên tham gia các hội thảo quốc tế khác trong và ngoài nước.

#### ***- Thành tích nổi bật trong đào tạo***

Công tác tuyển sinh, quảng bá tuyển sinh được thực hiện dưới nhiều hình thức ở trong nước, cũng như ở nước ngoài, đặc biệt là nước bạn Lào. Nhiều năm liền Trường Đại học Hà Tĩnh là cơ sở đào tạo Lưu học sinh Lào lớn nhất trong cả nước, trong đó có cả Lưu học sinh học tiếng Việt và học chuyên ngành. Tuy những năm gần đây công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn nhưng nhìn chung, tỉ lệ nhập học hằng năm đạt trên 60% so với tổng chỉ tiêu.

Nhờ chú trọng chất lượng đào tạo, tỉ lệ sinh viên tốt nghiệp loại giỏi trở lên hằng năm chiếm hơn 40% trong số sinh viên tốt nghiệp. Qua khảo sát hằng năm, tỷ lệ sinh viên có việc làm sau 01 năm tốt nghiệp ở mức tương đối cao, năm 2022 là 89,02%. Hầu hết sinh viên đều làm đúng ngành hoặc liên quan đến ngành đào tạo. Một số ngành sư phạm có nhiều sinh viên tốt nghiệp như Giáo dục Mầm non, Giáo dục Tiểu học,... cung cấp phần lớn đội ngũ giáo viên cấp tiểu học, mầm non còn thiếu những năm qua trên toàn tỉnh. Nghị định 116/2020/NĐ-CP của Chính phủ về chính sách hỗ trợ đóng học phí, chi phí sinh hoạt đối với sinh viên sư phạm là chính sách hỗ trợ sinh viên đúng đắn nhằm thu hút nhiều học sinh có học lực giỏi theo học, góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên các cấp.

Trong đào tạo VLVH, ngoài đào tạo các ngành nói chung, Nhà trường đã được UBND tỉnh giao nhiệm vụ đào tạo theo lộ trình nâng chuẩn được đào tạo của giáo viên mầm non, tiểu học, THCS giai đoạn 2020-2025 theo Kế hoạch 392/KH-UBND tỉnh Hà Tĩnh với quy mô hơn 400 học viên.

#### ***- Phục vụ cộng đồng***

Với tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường là giáo dục, đào tạo, nghiên cứu



khoa học phục vụ cộng đồng. Nhà trường đã đẩy mạnh, phát triển và đạt được một số thành tích trên nhiều lĩnh vực. Về giáo dục đã đào tạo có chất lượng cung cấp nguồn nhân lực cho xã hội, trong đó có đội ngũ CBCC, VC của tỉnh Hà Tĩnh và đội ngũ doanh nhân trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là đào tạo nguồn nhân lực cho nước bạn Lào với số lượng tương đối lớn gần 3000 SV giai đoạn từ 2007-2022. Trong nghiên cứu khoa học, Nhà trường đã hoàn thành nhiều đề án, dự án, đề tài nghiên cứu khoa học góp phần phát triển kinh tế xã hội của tỉnh và đất nước, đội ngũ giảng viên đã có nhiều ý kiến góp ý cho các nghị quyết, các chủ trương phát triển của tỉnh và của ngành.

Nhà trường rất quan tâm đến các hoạt động phục vụ cộng đồng trong đó chủ trì là Phòng Công tác Chính trị - HSSV và Đoàn Thanh niên, Hội SV và các đơn vị phối hợp tốt nhằm mang lại những giá trị nhân văn đến với cộng đồng xã hội. Với nhiều hoạt động thiết thực như: Hằng năm đều triển khai có hiệu quả các chương trình “Tiếp sức mùa thi”; “Mùa hè tình nguyện”; Mùa xuân yêu thương”; “Đông ấm biên cương”; “Một bức tranh, nhiều hy vọng”; “Hiến máu nhân đạo.. bằng các nghĩa cử cao đẹp của cán bộ, giảng viên và HSSV của Nhà trường như giúp dân các ngày công tu sửa trường lớp, làm giao thông nông thôn mới, khắc phục, hỗ trợ sau lũ lụt, mưa bão, dạy học hè, giúp đỡ hỗ trợ thí sinh ăn ở đi lại trong thời gian thi đại học, trao tặng quà, tiền hỗ trợ, xây dựng được ngân hàng máu sống sẵn sàng có mặt kịp thời để hiến máu tình nguyện, tổ chức nhiều chương trình văn nghệ...tất cả những việc làm cao cả trên đều hướng tới cộng đồng, xã hội, góp phần giáo dục truyền thống đối với cán bộ, giảng viên và sinh viên trường Đại học Hà Tĩnh qua nhiều thế hệ.

Phục vụ cộng đồng xã hội được Nhà trường xác định vừa là trách nhiệm,, vừa là nhiệm vụ, vừa là mục tiêu để cán bộ, giảng viên, HSSV hướng tới trong tương lai.

## **2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục**

a. Mô tả quy định pháp lý của các hoạt động của CSGD và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của CSGD

Trường Đại học Hà Tĩnh là trường đại học địa phương, vừa thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT, vừa thực hiện quy định của UBND tỉnh Hà Tĩnh.

Thuận lợi: Trường trực thuộc tỉnh nên được sự quan tâm của các cấp, các ngành, mong muốn tạo điều kiện cho trường phát triển tốt nhằm góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như việc cấp đất, chính sách hỗ trợ đào tạo và thu hút đội ngũ giảng viên có trình độ cao.

Khó khăn: Hà Tĩnh là địa phương kinh tế còn khó khăn nên sự hỗ trợ, đầu tư phát triển Nhà trường còn nhiều hạn chế, nhất là trong điều kiện đòi hỏi Nhà trường phải tăng cường đầu tư CSVC, đội ngũ để nâng cao chất lượng ĐT, đáp ứng nhu cầu xã hội theo định hướng đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục ĐH hiện nay như vấn đề biên chế GV, hỗ trợ tăng thu nhập cho VC, đầu tư CSVC, trang

thiết bị hỗ trợ GV học tập nước ngoài.

b. Những thách thức mà Nhà trường gặp phải và kế hoạch khắc phục

- Theo quy định về điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học, mỗi ngành đào tạo phải có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình, do đó đây là một thách thức lớn đối với việc bố trí giảng viên ở các ngành đào tạo hiện có ở trường.

- Tuyển sinh là một thách thức lớn nhất của Trường hiện nay. Công tác tuyển sinh đã và đang có sự cạnh tranh rất lớn giữa các trường đại học. Trường Đại học Hà Tĩnh là trường đại học địa phương có bề dày lịch sử còn chưa nhiều, cơ hội tìm việc cho sinh viên sau khi ra trường còn khó khăn nên sức thu hút đối với người học chưa cao. Số lượng tuyển sinh trong mấy năm gần đây liên tục giảm.

- Chính sách thu hút và đãi ngộ chưa thực sự phù hợp nên một số giảng viên có trình độ tiến sĩ đã chuyển công tác sang đơn vị khác. Đây là thách thức lớn trong việc trọng dụng, sử dụng và thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao của Trường.

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ công tác đào tạo và NCKH chưa được đầu tư đồng bộ.

- Xu thế cạnh tranh về công tác tuyển sinh, nhất là các trường đại học lớn ở khu vực miền Trung, đồng thời học sinh phổ thông cả nước nói chung và tỉnh Hà Tĩnh nói riêng đang có xu hướng chuyển dịch sang học nghề, du học, xuất khẩu lao động nên ảnh hưởng đến quy mô và chất lượng tuyển sinh của Trường.

- Một số văn bản của Bộ, Ngành giáo dục còn chưa đồng bộ, chưa tạo được sự thuận lợi đối với hoạt động đào tạo của Trường. Điển hình việc thực hiện Nghị định 116 của Chính phủ hiện còn rất nhiều vướng mắc. Việc khảo sát, dự báo nhu cầu nhân lực các ngành nghề vẫn chưa được cập nhật thường xuyên, nên Trường khó điều chỉnh kịp tỉ lệ và cơ cấu ngành đào tạo;

- Học sinh phổ thông cả nước nói chung và Hà Tĩnh nói riêng đang có xu hướng chuyển dịch sang học nghề, du học, xuất khẩu lao động nên ảnh hưởng đến quy mô và chất lượng tuyển sinh của Trường Đại học Hà Tĩnh.

➤ Kế hoạch khắc phục:

- Xây dựng chính sách thu hút và đãi ngộ phù hợp để thu hút những giảng viên có trình độ cao về gắn bó lâu dài, cống hiến cho Nhà trường.

- Đầu tư sửa sang, xây dựng cơ sở và mua sắm trang thiết bị phục vụ thật tốt cho việc học của sinh viên và công tác giảng dạy của giảng viên.

- Đẩy mạnh công tác tuyển sinh trên nhiều phương diện để đưa thông tin phổ cập đến đối tượng tốt nghiệp trung học phổ thông trên địa bàn. Nhờ đó tăng cường số lượng tuyển sinh qua các năm.

c. Các điểm mạnh và cơ hội của Nhà trường và cách tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó

- Đảng và Nhà nước ban hành nhiều chính sách đổi mới giáo dục đại học

như: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo; Luật Giáo dục đại học được Quốc hội khóa XIV, kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 19/11/2018 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2019, Quyết định số 69/QĐ-TTg ngày 15/01/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng giáo dục đại học giai đoạn 2019 - 2025, Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 18/1/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Nâng cao năng lực đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019-2030... Những văn bản này đã tạo cơ sở lý luận và pháp lý vững chắc để các trường đại học nói chung và Trường Đại học Hà Tĩnh nói riêng định hướng đổi mới và phát triển.

- Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 8/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc “Phê duyệt quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050” đã xác định “*Xây dựng trường Đại học Hà Tĩnh theo hướng đa cấp, đa ngành, nâng cao chất lượng đào tạo*”. Đây là cơ sở để Trường nhận được nhiều sự quan tâm đầu tư hơn nữa của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Hà Tĩnh cũng như các cấp, các ngành.

- Sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh trong những năm vừa qua và những mục tiêu trong giai đoạn sắp tới đòi hỏi các cơ sở giáo dục cung cấp nguồn lực lao động lớn ở nhiều lĩnh vực ngành nghề khác nhau, nhất là các khối ngành kỹ thuật, nông nghiệp, dịch vụ du lịch,...

- Với mục tiêu đến năm 2030, Hà Tĩnh có 100% trường mầm non, tiểu học và trung học cơ sở, 90% trường trung học phổ thông đạt chuẩn quốc gia, Trường Đại học Hà Tĩnh có cơ hội đào tạo mới cũng như đào tạo lại, đào tạo nâng chuẩn, bồi dưỡng thường xuyên cho toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của toàn bộ hệ thống giáo dục của Tỉnh.

- Số lượng học sinh tốt nghiệp THPT hằng năm của tỉnh Hà Tĩnh tăng mỗi năm 100-200 em, hiện ở mức bình quân 17.400 em/ năm.

- Trường luôn nhận được sự quan tâm đặc biệt của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, UBND tỉnh và sự tạo điều kiện các sở, ban, ngành của địa phương.

d. Cách tận dụng những điểm mạnh và cơ hội nêu trên

- Tăng cường đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, hoàn thiện môi trường dạy và học để thu hút học sinh, sinh viên.

- Đưa ra các biện pháp quảng bá tuyển sinh hợp lý, hiệu quả để thu hút người học tham gia học tập tại TĐHHT.

- Bám sát và tận dụng sự hỗ trợ tối đa của các sở, ban, ngành để có cơ hội đào tạo mới cũng như đào tạo lại, đào tạo nâng chuẩn, bồi dưỡng thường xuyên cho toàn bộ đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên của toàn bộ hệ thống giáo dục của Tỉnh.

## PHẦN II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

### Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa

*Tiêu chí 1.1. Lãnh đạo CSGD đảm bảo tầm nhìn và sứ mạng của CSGD đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan*

#### 1. Mô tả

Trường ĐHHT được thành lập theo Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ. Sứ mạng của Trường ĐHHT được khẳng định tại Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2008-2013 và tiếp tục được khẳng định lại tại Đại hội Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020. Đến năm 2016, để thích nghi với tình hình kinh tế-văn hóa-xã hội mới, Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.01.01], trong đó sứ mạng của Trường được tuyên bố: “*Cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, NCKH và công nghệ nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và thực hành nghề nghiệp cho người học, PVCD và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước*”.

Tầm nhìn, sứ mạng của Trường đều được xây dựng dựa trên trí tuệ của tập thể các phòng, ban, khoa, các đơn vị trong Trường, có sự tham khảo ý kiến của toàn bộ GV, CB, CV của Nhà trường [H1.01.01.02]. Tầm nhìn, sứ mệnh của Nhà trường đã được đăng tải trên website, trên các pano đặt ở những vị trí trang trọng của Trường, được thông tin và phổ biến rộng rãi trong và ngoài trường [H1.01.01.03].

Nội dung của sứ mạng được xác định phù hợp với các nguồn lực và định hướng phát triển của Nhà trường là định hướng thực hành. Nhà trường có đội ngũ GV đáp ứng yêu cầu đào tạo, NCKH. Quy mô và chất lượng đội ngũ so với đầu nhiệm kỳ không ngừng tăng qua các năm. Hiện tại, trường có 205 giáo viên (01 GS, 01 PGS, 15 TS, 131 ThS); có 25 người đang học NCS, 42 người đang học thạc sĩ trong và ngoài nước.

Cơ cấu tổ chức của nhà trường được kiện toàn sắp xếp lại phù hợp với chức năng, nhiệm vụ trong từng thời kỳ; luôn luôn tuân thủ các quy định của Luật Giáo dục, Điều lệ trường ĐH, các quy định khác của pháp luật và phù hợp với thực tế nhà trường và địa phương. Kịp thời giải thể, sáp nhập những đơn vị hoạt động kém hiệu quả hoặc giảm chức năng, nhiệm vụ do yêu cầu công tác; thành lập các đơn vị cần thiết phục vụ yêu cầu nhiệm vụ mới. Các đơn vị trực thuộc phát huy tốt tính tự chủ, sáng tạo nhằm thực hiện và hoàn thành các mục tiêu của nhà trường. Cơ cấu tổ chức, bộ máy và nhân sự tuy đã được kiện toàn qua từng thời kì song vẫn còn một số đơn vị vẫn còn bất cập như dôi dư cấp phó, số lượng viên chức theo quy định... Trong thời gian tới Nhà trường cần tiếp tục thu gọn đầu mối, hoàn thiện cơ cấu tổ chức đảm bảo tinh, gọn, hiệu quả.

Những năm qua, đội ngũ CB, GV của Trường không ngừng được tăng cường về số lượng và chất lượng. Số lượng CB, GV tăng nhanh qua các năm, trong đó tăng chủ yếu là CB giảng dạy.

Sứ mạng của Trường phù hợp và gắn kết với Chiến lược phát triển KTXH của Việt Nam giai đoạn 2011-2020 “*Phát triển nhanh nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao, tập trung vào việc đổi mới căn bản và toàn diện nền giáo dục quốc dân; gắn kết chặt chẽ phát triển nguồn nhân lực với phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ*” [H1.01.01.04]; phù hợp với Chiến lược phát triển giáo dục quốc gia giai đoạn 2011-2020 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt “*Hoàn thiện cơ cấu hệ thống giáo dục nghề nghiệp và ĐH; điều chỉnh cơ cấu ngành nghề và trình độ đào tạo, nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu nhân lực cho phát triển KTXH*” [H1.01.01.05].

Sứ mạng của Nhà trường cũng gắn kết và phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt [H1.01.01.06] trong đó ghi rõ “Giai đoạn 2016 - 2020: Tập trung nâng cao năng lực giáo dục ĐH và đào tạo nghề. Phấn đấu đến năm 2020 các chương trình GD&ĐT nghề đạt chuẩn chất lượng cao của quốc gia”.

Dựa trên tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi, Nhà trường đã ban hành các kế hoạch hành động cụ thể để hướng dẫn các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo tầm nhìn, sứ mạng đã được xác định [H1.01.01.07], [H1.01.01.08], [H1.01.01.09], [H1.01.01.10], [H1.01.01.11].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### ***Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD***

#### **1. Mô tả**

Chiến lược phát triển Trường ĐHHT ban hành năm 2016, đã công bố chính thức về Giá trị cốt lõi của Nhà trường là “Kiến thức - Kỹ năng - Tự chủ - Trách nhiệm - Hợp tác”. Việc xác định những giá trị này hoàn toàn phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Nhà trường. Đồng thời, trong Báo cáo chuyên đề xây dựng và phát triển Trường ĐH Hà Tĩnh tầm nhìn đến 2030 cũng đã khẳng định giá trị cốt lõi của Nhà trường [H1.01.02.01].

Nhằm thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng đã xác định, đạt được mục tiêu chiến lược đề ra, trước hết phải khẳng định giá trị cốt lõi được xây dựng và hình thành trên cơ sở truyền thống, lịch sử, đổi mới và thực tiễn. Tiếp tục phát huy sự đa dạng của văn hóa vùng miền, đặc biệt là địa phương giàu truyền thống hiếu học, vùng đất xuất thân của những bậc thầy trí tuệ trong xã hội từ xưa đến nay, Nhà trường chú trọng đến việc nâng cao chất lượng giáo dục, đáp ứng yêu cầu xã hội, nâng cao hiệu quả công việc nhằm mục tiêu thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chiến lược đã đề ra. Điều này đã thể hiện trong các nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Trường ĐHHT lần thứ IV [H1.01.02.02], Quyết

định ban hành chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng các cấp, nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.01.02.03] và tổ chức học tập quán triệt và triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Khối lần thứ XVI nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.01.02.04].

Trong công tác thúc đẩy giá trị văn hóa, Trường cũng đã rất chú trọng đến việc giữ gìn giá trị văn hóa truyền thống, đặc biệt là việc biên soạn lịch sử hình thành và phát triển của Trường. Trường đã chỉ đạo biên soạn Lịch sử 60 năm xây dựng và trưởng thành: Thành lập Ban chỉ đạo biên soạn Lịch sử Trường theo Quyết định 133/QĐ-TĐHHT, ngày 02/02/2016; thành lập Ban biên soạn theo Quyết định số 211/QĐ-TĐHHT, ngày 29/02/2016 [H1.01.02.04].

Tiếp tục phát huy truyền thống, xây dựng các giá trị mới, hằng năm Nhà trường đều đánh giá cụ thể kết quả thực hiện, đề ra các kế hoạch ngắn hạn, tập trung cũng nhằm tôn lên giá trị cốt lõi của Trường. Báo cáo tổng kết năm học hằng năm và kế hoạch năm học đều thể hiện rõ các nội dung về việc phát huy giá trị truyền thống, tôn vinh các giá trị văn hóa, thúc đẩy giá trị cốt lõi của Trường [H1.01.02.05]. Trong bối cảnh hiện nay, với những giá trị được tạo ra, Trường đã khẳng định được vị thế trong xã hội, mặc dù còn nhiều khó khăn nhưng với những giá trị tạo ra Trường đã được xã hội ghi nhận. Những giá trị của Trường tạo ra đã, đang và sẽ tiếp tục được khẳng định, đặc biệt là hoàn toàn phù hợp với bối cảnh tình hình mới của địa phương, chính sách phát triển của tỉnh nhà trong giai đoạn mới. Điều này được thể hiện trong Quyết định về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kì 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 [H1.01.02.06]. Ngoài ra việc quảng bá hình ảnh, thông tin rộng rãi về các giá trị văn hóa, giá trị cốt lõi Trường đã có nhiều hình thức như lồng ghép trong công tác tuyển sinh, tuyên truyền trên hệ thống trang thông tin điện tử và mạng xã hội, thành lập các fanpage của đơn vị, xây dựng đơn vị truyền thông có nghiệp vụ và chuyên môn [H1.01.02.07]. Đồng thời Trường cũng thường xuyên rà soát, xây dựng hệ thống văn bản nội bộ phù hợp với tình hình, đặc biệt là các văn bản điều hành liên quan đến chất lượng đào tạo, người học và văn hóa công sở, đảm bảo phát huy truyền thống, xây dựng thương hiệu vững mạnh [H1.01.02.08].

Trên cơ sở các chủ trương mới Trường ĐHHT đã tiến hành xây dựng Đề án phát triển Trường giai đoạn mới [H1.01.02.09]. Trong Dự thảo Đề án phát triển Trường giai đoạn 2021-2025 định hướng đến năm 2030, giá trị cốt lõi được giữ nguyên, nội dung của Tầm nhìn, sứ mạng có sự điều chỉnh nhằm phù hợp hơn với giai đoạn mới của nhà trường, đó là gắn chặt nhiệm vụ của nhà trường với chiến lược chung về phát triển KTXH của Tỉnh (“...đào tạo nguồn nhân lực cao cho Tỉnh) [H1.01.02.10].

Tại các Hội nghị chuyên đề, Hội thảo về định hướng phát triển Trường giai đoạn hiện nay trong thời gian gần đây, các báo cáo đã thể hiện rõ giá trị văn hóa, giá trị cốt lõi của Trường [H1.01.02.11]. Với những gì đã làm được giá trị văn hóa, giá trị cốt lõi của Trường đã được truyền tải đầy đủ tới từng đơn vị, cá nhân trong toàn Trường và cả trong xã hội.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### ***Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để phát triển***

#### ***1. Mô tả***

Tầm nhìn, sứ mạng của Trường ĐHHT được khẳng định tại bản Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trong đó nêu rõ: “*Cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, NCKH và công nghệ nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và thực hành nghề nghiệp cho người học, PVCD và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước*”[H1.01.03.01].

Sau khi ban hành bản Kế hoạch chiến lược phát triển nêu rõ tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường trong giai đoạn mới, Đảng ủy, BGH nhà trường đã tiến hành phổ biến rộng rãi trong toàn thể CB, GV, NV thông qua trang thông tin điện tử của trường. Đối với các thế hệ SV, Nhà trường có kế hoạch phổ biến về tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của Trường cho các em thông qua hoạt động tuần SHCD đầu năm học [H1.01.03.02]; và điều này diễn ra thường xuyên hằng năm. Chức năng, nhiệm vụ của Trường và của các đơn vị trực thuộc Trường đều được quy định rõ trên trang website Trường và website từng đơn vị [H1.01.03.04].

Trên cơ sở Kế hoạch chiến lược phát triển chung, BGH Trường đã tổ chức các cuộc họp bàn bạc để triển khai xây dựng các kế hoạch chiến lược phát triển trường một cách toàn diện trên nhiều mặt [H1.01.03.03]. Các đơn vị chuyên môn được phân công tham mưu đã hoàn thành việc xây dựng các kế hoạch phát triển đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 về các mặt: KHCN, đội ngũ, nguồn thu, HTQT, ĐBCLGD. [H1.01.03.05] [H1.01.03.06] [H1.01.03.07] [H1.01.03.08] [H1.01.03.09].

#### ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

### ***Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.***

#### ***1. Mô tả***

Năm 2021, Hiệu trưởng Nhà trường đã ra Quyết định thành lập Ban Xây dựng đề án phát triển Trường ĐHHT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số: 204/QĐ-ĐHHT ngày 12.04.2021) [H1.01.04.01] nhằm giúp Nhà trường xây dựng Chiến lược phát triển đến năm 2030; Ban Xây dựng đề án đã có Kế hoạch và Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên, trong đó có phân công lĩnh vực phụ trách: Tổng hợp, rà soát, xây dựng Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi và Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2025.

Năm 2022, Trường ĐHHT thành lập Ban xây dựng đề án [H1.01.04.02] và đã họp để rà soát và xác định lại về Tầm nhìn sứ mạng, giá trị cốt lõi trong tình hình mới [H1.01.04.03]; tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan định kỳ hằng năm thông qua các cuộc họp tổng kết năm tại các đơn vị phòng, khoa, trung tâm thuộc Trường; tại Hội nghị viên chức hằng năm của Trường [H1.01.04.04]. Ngoài ra, trong các hội nghị CBVC năm học của nhà trường từ năm 2019 đến năm 2022,

các chủ trương, quan điểm, những định hướng, giải pháp của nhà trường đều được đưa ra để thảo luận để đi đến thống nhất Nghị quyết. Trong các nghị quyết này, với sự đồng thuận cao về các nội dung trong tất cả các lĩnh vực hoạt động của nhà trường thể hiện rõ quyết tâm thực thi các nhiệm vụ theo Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi đã đề ra [H1.01.04.04].

Năm 2021, Trường đã khảo sát và nhận được ý kiến của CBVC về Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi và đã sửa đổi, bổ sung Kế hoạch chiến lược phát triển trường ĐHHT giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.01.04.05].

Theo đó, Nhà trường đã nhận được sự đóng góp ý kiến chân thành, khách quan, khoa học của viên chức, GV, người học là SV các lớp và cựu SV, cũng như ý kiến góp ý của các Sở Ban ngành [H1.01.04.06] trên địa bàn Tỉnh, các nhà khoa học trong nước [H1.01.04.07]. Đây chính là những cứ liệu quan trọng để nhà trường tiếp tục xây dựng và phát triển về sứ mạng của nhà trường, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.***

Trước bối cảnh mới về tình hình KTXH tỉnh Hà Tĩnh, những thách thức của các trường ĐH đại phương, sự khó khăn của nội bộ nhà trường và sự chỉ đạo về việc xây dựng đề án của UBND Tỉnh [H1.01.05.01], Trường ĐHHT đã tiến hành họp bàn đề tiến tới làm việc với lãnh đạo Hà Tĩnh [H1.01.05.02].

Sau khi xem xét, rà soát các hoạt động, Nhà trường đã thực hiện cải tiến về sứ mạng tầm nhìn xây dựng dự thảo đề án, xác định và điều chỉnh sát hơn về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị văn hóa của Nhà trường cho phù hợp với từng giai đoạn, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, các nguồn lực và định hướng phát triển; phù hợp và gắn kết với chiến lược phát triển kinh tế xã hội của Hà Tĩnh và của cả nước; đồng thời đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Bên cạnh đó, với sự chỉ đạo của UBND Tỉnh về việc giao góp ý dự thảo đề án [H1.01.05.03], trường đã nhận được rất nhiều ý kiến góp ý của Sở Ban Ngành [H1.01.05.04], các nhà khoa học [H1.01.05.05]. Ban xây dựng đề án đã tiến hành giải trình và báo cáo về việc góp ý trên. [H1.01.05.06].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 1:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Trường ĐH Hà Tĩnh được xây dựng theo quy trình có sự tham gia của các bên liên quan, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và nguồn lực của Nhà trường, gắn liền và phục vụ chiến lược phát triển KT-XH của tỉnh Hà Tĩnh; Sứ mạng, tầm nhìn và những giá trị cốt lõi được Nhà trường cụ thể hóa trong chiến lược phát triển, trong các nghị quyết của Đảng ủy, Hội nghị



viên chức và người lao động hàng năm và các văn bản quản lý để triển khai trong thực tế

- Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Nhà trường được rà soát, điều chỉnh đáp ứng nhu cầu, sự hài lòng của các bên liên quan và theo đúng định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.

- Nhà trường đã tích cực trong việc triển khai xây dựng dự thảo đề án, rà soát về Tầm nhìn, Sứ mạng và Văn hóa, Giá trị cốt lõi để cải tiến phù hợp với từng giai đoạn phát triển của Trường nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Chưa thực hiện đầy đủ các bước theo quy trình về kế hoạch tổ chức thực hiện việc rà soát.

- Việc thành lập các Ban và xây dựng kế hoạch rà soát điều chỉnh về Tầm nhìn sứ mạng giá trị văn hoá hàng năm còn hạn chế.

- Mặc dù sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi đã được thay đổi phù hợp với tình hình mới, Nhà trường cũng đã xây dựng các kế hoạch chiến lược phát triển từng lĩnh vực rất cụ thể, chi tiết; tuy nhiên để có thể thay đổi được theo yêu cầu cần có thời gian dài để thực hiện.

- Do nhiều nguyên nhân nên việc ban hành Đề án còn chậm, ảnh hưởng đến việc triển khai và tổ chức thực hiện theo sứ mạng, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi của nhà trường.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>STT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện các giải pháp và hoạt động cụ thể để tuyên truyền sứ mạng, tầm nhìn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của Nhà trường.	BGH, các đơn vị liên quan	Từ năm 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 2,3	Tích cực trong việc rà soát, điều chỉnh về tầm nhìn sứ mạng, về Đề án phát triển trường đáp ứng nhu cầu, sự hài lòng của các bên liên quan và theo đúng định hướng phát triển của Nhà trường, phù hợp với xu thế phát triển của xã hội.	BGH, các đơn vị liên quan	Từ năm 2023	

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
3	Khắc phục tồn tại 1	Đẩy mạnh hơn nữa công tác tuyên truyền, phổ biến về Chiến lược phát triển Trường, về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Nhà trường, ưu tiên các hình thức tuyên truyền, phổ biến bằng hình thức trực tuyến thích ứng với nhiều đối tượng được lấy ý kiến	BGH, các đơn vị liên quan	Từ năm 2023	
	Khắc phục tồn tại 2	Đặc biệt, khi xây dựng chương trình hành động, kế hoạch hằng năm, Lãnh đạo trường cần chú trọng việc chuyển hóa nội dung sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa của trường thành các chương trình hành động để phổ biến và triển khai thực hiện.	BGH, các đơn vị liên quan	Từ năm 2023	
	Khắc phục tồn tại 3	Định kỳ 5 năm, Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan để điều chỉnh tầm nhìn và sứ mạng của Nhà trường.	HĐT, BGH, các đơn vị liên quan	Từ năm 2023	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 1</b>	<b>4,4</b>
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	4
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	4
Tiêu chí 1.5	4

## **Tiêu chuẩn 2. Hệ thống quản trị**

***Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường; các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của CSGD***

### **1. Mô tả**

Hội đồng trường Trường ĐH Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Hội đồng gồm 13 thành viên, đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, Phó Bí thư Tỉnh ủy được bầu giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng trường [H1.02.01.01].

Đảng bộ Trường ĐH Hà Tĩnh là tổ chức Đảng cấp trên cơ sở trực thuộc trực tiếp Tỉnh ủy được thành lập theo Quyết định số 396-QĐ/TU, ngày 15/6/2007 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hà Tĩnh. Từ năm 2019, Đảng bộ là đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng bộ Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh. Hiện nay, Đảng bộ có 16 chi bộ, gồm 218 đảng viên (191 CB, giáo viên, 27 SV) [H1.02.01.02], [H1.02.01.03], BCH Đảng bộ gồm: 10 đồng chí (Năm 2021, 02 đồng chí chuyển công tác, 01 đồng chí từ trần), trong đó: Ban Thường vụ: 02 đồng chí [H1.02.01.04]. Ngay sau Đại hội, Đảng ủy đã xây dựng Quy chế làm việc của BCH [H1.02.01.05], Chương trình công tác toàn khóa để thực hiện thắng lợi nghị quyết của đại hội đề ra [H1.02.01.06], phân công, phân nhiệm cụ thể cho các thành viên BCH phụ trách các mảng việc, các chi bộ, các tổ chức đoàn thể trong Nhà trường [H1.02.01.07].

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn TN Cộng sản Hồ Chí Minh, HSV, Hội Cựu chiến binh của Nhà trường được thành lập theo quy định của pháp luật và theo Điều lệ của mỗi tổ chức, hoạt động dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cơ quan quản lý ngành dọc, như: Liên đoàn Lao động tỉnh Hà Tĩnh, Trung ương Đoàn, Tỉnh đoàn Hà Tĩnh, HSV Việt Nam, Hội LHTN Hà Tĩnh. BCH các tổ chức đoàn thể hoạt động theo nhiệm kỳ đại hội, thông qua quyết định chuẩn y công nhận BCH, Ban Thường vụ, Chủ tịch, Phó Chủ tịch (Bí thư, Phó Bí thư) của các đơn vị chủ quản cấp trên [H1.02.01.08]. Các tổ chức này, đều có Quy chế hoạt động rõ ràng, minh bạch để lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai kế hoạch hoạt động trong nhiệm kỳ [H1.02.01.09].

Hội đồng KH&ĐT, Hội đồng tuyển sinh, Hội đồng thi đua - khen thưởng, Hội đồng tự đánh giá, Hội đồng lương được thành lập theo quy định của Điều lệ trường ĐH và Luật giáo dục ĐH, theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng [H1.02.01.10]. Các Hội đồng này, có chức năng tham mưu tư vấn cho Hiệu trưởng về các lĩnh vực hoạt động trong Nhà trường; những ý kiến tham mưu, tư vấn sẽ là một trong những căn cứ để thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của Nhà

trường, góp phần đảm bảo tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Nhà trường.

Hệ thống văn bản của các tổ chức trong hệ thống quản trị Nhà trường là cơ sở để Trường xây dựng hệ thống văn bản về tổ chức, quản lý các hoạt động của Nhà trường. Trong giai đoạn 2018-2022, Nhà trường đã xây dựng Đề án phát triển Trường ĐHHT giai đoạn 2021- 2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.02.01.11]; ban hành: Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường, Quy chế công tác văn thư - lưu trữ, Quy định chế độ làm việc của GV, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng KH&ĐT, Quy định quản lý hoạt động KHCN... để quản lý, tổ chức các hoạt động của Nhà trường [H1.02.01.12]. Hệ thống các văn bản thể chế thể hiện hiện trách nhiệm thông tin, báo cáo, minh bạch và trách nhiệm giải trình với các cơ quan quản lý như UBND tỉnh, Bộ GD-ĐT và địa phương nơi Trường trú đóng theo quy định của pháp luật.

Như vậy, hệ thống quản trị của Trường ĐH Hà Tĩnh được thành lập theo đúng quy định của pháp luật, có quy chế hoạt động rõ ràng, đảm bảo nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch trong tất cả các hoạt động. Tuy nhiên, sau khi đồng chí Chủ tịch Hội đồng trường chuyên công tác, đến nay HĐT Trường ĐHHT vẫn chưa được kiện toàn hoặc thành lập mới, đây là một khó khăn lớn trong việc định hướng chiến lược phát triển Trường lâu dài và ảnh hưởng không nhỏ đến công tác lãnh đạo, chỉ đạo, sự phát triển bền vững của Nhà trường.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện.***

### ***1. Mô tả***

Hệ thống quản trị của Nhà trường luôn kịp thời đưa ra các quyết định và được chuyển tải thành các kế hoạch hoạt động, các văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Đảng ủy Trường giữ vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Nhà trường, lãnh đạo thực hiện công tác chính trị tư tưởng, công tác chuyên môn, công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát và lãnh đạo các tổ chức đoàn thể. Sau Đại hội Đảng bộ, Đảng ủy ban hành Chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2015-2020, 2020-2025 [H2.02.02.01]; kịp thời tuyên truyền, tổ chức học tập, quán triệt triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng, pháp luật của nhà nước; Chỉ thị 05- CT/TW của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”; Nghị quyết Trung ương 4 của BCH Trung ương về xây dựng và chỉnh đốn Đảng [H2.02.02.02]; quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các nhiệm vụ chính trị của nhà trường cũng như công tác xây dựng Đảng thông qua các cuộc họp BCH đảng bộ hàng tháng [H2.02.02.03].

Hội đồng trường thành lập năm 2018, sau khi đồng chí Đặng Quốc Khánh, Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng trường chuyên công tác, HĐT Trường

ĐHHT chưa được kiện toàn hoặc thành lập mới. Tỉnh ủy, Sở Nội vụ đã nhiều lần tổ chức làm việc với Đảng ủy, BGH và đội ngũ CB cốt cán để bàn về công tác cơ cấu, nhân sự và thành lập Hội đồng trường, tuy nhiên đến nay các bên vẫn chưa thống nhất được nhân sự Hội đồng trường [H2.02.02.04].

Trên cơ sở Nghị quyết đại hội và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội của Công đoàn Trường [H2.02.02.05] và kế hoạch của cấp trên, Công đoàn đã ban hành các kế hoạch cụ thể nhằm triển khai hiệu quả, đồng bộ các hoạt động của công đoàn, như: tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước; triển khai kế hoạch của cấp trên; tổ chức các phong trào, các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao vào các dịp ngày lễ lớn, như: kỷ niệm Ngày Quốc tế phụ nữ (8/3), Ngày Phụ nữ Việt Nam (20/10), ngày Nhà giáo Việt Nam (20/11); vận động đoàn viên tích cực hưởng ứng các hoạt động nhân đạo, từ thiện như: Ủng hộ quỹ vì người nghèo, Tết vì người nghèo, nạn nhân chất độc da cam, xây dựng nhà tình nghĩa, Xây dựng "Quỹ mái ấm gia đình" ủng hộ đồng bào bị ảnh hưởng lũ, lụt, ủng hộ Covid-19 [H2.02.02.06]. Với vai trò là người đại diện và đảm bảo quyền lợi chính đáng, hợp pháp; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động, Công đoàn Trường đã tham gia tích cực và có trách nhiệm trong hầu hết các hoạt động của nhà trường như: tham gia Hội đồng thi đua - khen thưởng, Hội đồng xét nâng lương, Hội đồng tuyển dụng..., làm tốt công tác hiếu hỉ, động viên kịp thời đoàn viên khi ốm đau, hoạn nạn [H2.02.02.07].

Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội và Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đoàn trường nhiệm kỳ 2017-2019; 2020-2024 [H2.02.02.08], ĐTN đã chủ động xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật; giáo dục lý tưởng cách mạng; tuyên truyền biển đảo, quê hương.... Hoạt động của ĐTN, HSV luôn đi vào nề nếp, không ngừng lớn mạnh và giữ vai trò nòng cốt trong các phong trào thi đua của Nhà trường. Bên cạnh đó, ĐTN, HSV cũng tổ chức rất nhiều hoạt động có ý nghĩa, như: Tháng Thanh niên; Chiến dịch Thanh niên tình nguyện, các hoạt động tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng; "Trao giọt hồng - Gửi yêu thương"; "Giọt máu nghĩa tình vì Miền Nam ruột thịt"; giao lưu tặng quà chiến sĩ; phong trào mùa thi nghiêm túc, chất lượng... [H2.02.02.09] thu hút đông đảo đoàn viên thanh niên, HS, SV tham gia.

Trong 5 năm qua, Hội Cựu chiến binh Trường luôn hoạt động hiệu quả theo đúng Điều lệ của Hội và không ngừng xây dựng, bồi dưỡng phát triển đội ngũ. Hội Cựu chiến binh Trường có 16 hội viên, BCH gồm 03 đồng chí, trong đó: Chủ tịch: 01 đồng chí, Phó Chủ tịch: 01 đồng chí [H2.02.02.10]. Đại hội, nhiệm kỳ 2017-2022, BCH đã xây dựng Nghị quyết đề ra phương hướng, chỉ tiêu, nhiệm vụ đồng thời đưa ra giải pháp để triển khai thực hiện [H2.02.02.11]; xây dựng Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội và triển khai hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của Hội [H2.02.02.12].

Có thể nói, hệ thống quản trị của Trường ĐHHT đã đề ra nghị quyết, chương trình, kế hoạch để kịp thời lãnh đạo, chỉ đạo, định hướng cho các hoạt

động chung và cụ thể của Nhà trường; phù hợp với thực tiễn của địa phương và năng lực của Nhà trường về đào tạo, NCKH và PVCĐ. Công đoàn, ĐTN, HSV, Hội Cựu chiến binh đều ban hành chương trình và kế hoạch hoạt động từng năm để định hướng các chủ trương chính sách và các hoạt động cụ thể phù hợp với vai trò, chức năng của từng tổ chức trong hệ thống quản trị của Nhà trường.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### ***Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của CSGD được rà soát thường xuyên.***

#### **1. Mô tả**

Với chức năng, nhiệm vụ là cơ quan lãnh đạo cao nhất trong hệ thống cơ quan quản trị Nhà Trường, hàng năm Đảng ủy đã ban hành chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát đối với tổ chức Đảng, đảng viên, qua đó đánh giá những vấn đề còn hạn chế, mặt mạnh, mặt yếu để làm căn cứ đưa ra các quyết nghị phù hợp [H3.02.03.01]; công tác rà soát quy hoạch CB cũng được Đảng ủy thường xuyên thực hiện kịp thời để bổ sung đủ số lượng CB dự nguồn và đưa ra khỏi danh sách những CB không còn đủ tiêu chuẩn, điều kiện [H3.02.03.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng ban hành kế hoạch kiểm tra các mặt hoạt động của Nhà trường [H3.02.03.03]. Hàng năm, Đảng ủy tổ chức tổng kết đánh giá hoạt động của năm và xây dựng phương hướng nhiệm vụ trọng tâm của năm tiếp theo [H3.02.03.04]; định kỳ, Đảng ủy còn tổ chức đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết, các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra vào cuối kỳ đại hội [H3.02.03.05].

Các tổ chức đoàn thể: Công đoàn, ĐTN, HSV; Hội Cựu chiến binh tổ chức đánh giá các chỉ tiêu theo kế hoạch của đơn vị đã đề ra trên các nội dung mỗi tổ chức quy định [H3.02.03.06]. Bên cạnh đó, Đảng ủy, các tổ chức đoàn thể cũng hướng dẫn CB, đảng viên, CBQL, người đứng đầu thực hiện tự kiểm điểm, đánh giá, phân loại cá nhân trên các mặt: Về tư tưởng chính trị; phẩm chất đạo đức, lối sống; ý thức tổ chức kỷ luật; tác phong, lề lối làm việc; việc thực hiện chức trách, quyền hạn theo quy định (đảng, chính quyền, đoàn thể); mức độ hoàn thành nhiệm vụ được phân công trong BCH, vai trò lãnh đạo và sự đóng góp của từng cá nhân vào việc thực hiện theo các chỉ tiêu đã đề ra... [H3.02.03.07].

Trên cơ sở các báo cáo tổng kết của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể, Nhà trường tổ chức tổng kết năm học, đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy, các kế hoạch của BGH, của các tổ chức đoàn thể đề ra [H3.02.03.08].

Kết quả đánh giá trong giai đoạn 2018-2022 cho thấy, Đảng bộ, các tổ chức đoàn thể của Nhà trường đều được cấp trên đánh giá là đơn vị “Hoàn thành tốt nhiệm vụ” trở lên [H3.02.03.9]; các đồng chí trong BCH Đảng bộ, BCH các tổ chức đoàn thể đều được xếp loại hoàn thành nhiệm vụ trở lên, nhiều đồng chí trong BCH được đề nghị tặng giấy khen, bằng khen vì đã có thành tích xuất sắc trong phong trào, hoạt động [H3.02.03.10].

Hệ thống văn bản quản lý của Nhà trường cũng được quan tâm chỉ đạo, hướng dẫn các đơn vị chuyên môn tự rà soát, bổ sung, thay thế cho phù hợp với

tình hình thực tế của Nhà trường theo từng giai đoạn. Việc này Nhà trường giao cho Phòng Thanh tra- Pháp chế lập danh mục các văn bản cần rà soát và hướng dẫn các đơn vị chức năng thực hiện tự rà soát, điều chỉnh, bổ sung, thay thế [H3.02.03.11]. Cơ cấu tổ chức bộ máy cũng được Nhà trường tiến hành rà soát, điều chỉnh một cách ngày càng hợp lý hơn. Khi điều chỉnh cơ cấu tổ chức bộ máy Nhà trường đều giao Phòng TC-HC xây dựng Đề án cơ cấu tổ chức bộ máy trình Đảng ủy, BGH phê duyệt thực hiện [H3.02.03.12].

Sau các cuộc kiểm tra, giám sát của cấp trên Đảng ủy, Nhà trường, các nhân sự cơ quan quản trị đều được đánh giá đã quan tâm công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của cấp trên, đồng thời cũng chỉ ra những nhiệm vụ cần phải triển khai thực hiện trong thời gian tới [H3.02.03.13].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### ***Tiêu chí 2.4. Hệ thống quản trị của CSGD được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của CSGD và quản lý rủi ro tốt hơn.***

#### **1. Mô tả**

Khi mới thành lập, Trường ĐH Hà Tĩnh có 21 đơn vị gồm: 07 khoa, 02 Bộ môn, 08 phòng, 03 trung tâm, 01 ban. Đến 01/01/2018, do quy mô phát triển hơn nên Trường có 29 đơn vị trực thuộc, gồm: 08 khoa, 02 bộ môn, 10 phòng, 06 trung tâm, 01 ban, 02 trường trực thuộc.

Thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của BCH Trung ương khóa XII, trên cơ sở nghị quyết của Đảng ủy, BGH đã chỉ đạo thực hiện xây dựng đề án cơ cấu tổ chức bộ máy, theo đó cơ cấu bộ máy của nhà trường đã giảm từ 26 đơn vị xuống còn 23 đơn vị (gồm 07 khoa đào tạo; 02 bộ môn; 08 phòng chức năng; 03 trung tâm; 01 ban; 02 trường thực hành). Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức của Trường định kỳ được rà soát, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế phát triển nhà trường vừa đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Giai đoạn 2018-2022, do yêu cầu phát triển và nhiệm vụ mới phát sinh Nhà trường đã thành lập mới 06 đơn vị (Phòng TT-PC, Phòng Khảo thí - ĐBCL, Phòng QLKH - Đối ngoại - Truyền thông, Trung tâm CNTT, TTĐT& BDTX, Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Thái Lan) [H4.02.04.01], đồng thời Nhà trường đã tiến hành sáp nhập, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ một số đơn vị, cụ thể là: Sáp nhập Phòng Quản lý đào tạo sau ĐH vào Viện Đào tạo thường xuyên, [H4.02.04.02]; giải thể 04 đơn vị (Phòng Thanh tra - ĐBCL, Trung tâm Ngôn ngữ và Văn hóa Thái Lan, Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - Kỹ Năng mềm, Viện Đào tạo thường xuyên) [H4.02.04.03]; đổi tên: Khoa Lí luận chính trị thành Khoa Chính trị - Luật, Khoa Nông nghiệp thành Khoa Nông nghiệp và Môi trường [H4.02.04.04]. Hiện nay, cơ cấu tổ chức bộ máy của Nhà trường còn lại 23 đơn vị, so với năm 2018 đã giảm 06 đơn vị. Việc thực hiện được chủ trương về tinh giản tổ chức bộ máy, giúp giảm đầu mối cơ quan tham mưu và tăng cường sự phối hợp công tác của các đơn vị, nhằm nâng cao hiệu quả công tác lãnh đạo, quản lý của Nhà trường. Đây được xem là sự

thay đổi căn bản trong tổ chức bộ máy của Nhà trường để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới căn bản GD&ĐT, trước mắt cũng như lâu dài cho sự phát triển của Nhà trường. Tuy nhiên, cơ cấu tổ chức của Trường vẫn chưa thực sự tinh gọn; CB lãnh đạo, quản lý một số đơn vị trực thuộc vẫn chưa được sắp xếp theo quy định về mặt số lượng.

Nhân sự tham gia các đơn vị của hệ thống quản trị Trường được bổ sung điều chỉnh cho phù hợp tình hình thực tế của Nhà trường theo từng giai đoạn. BCH Đảng bộ nhiệm kỳ 2015-2020, có 13 đồng chí, đến năm 2018, đồng chí Bí thư Đảng ủy (Cao Thành Lê) và đồng chí Phó Bí thư Đảng ủy (Nguyễn Đình Thọ) chuyển công tác, Đảng ủy đã làm thủ tục đề nghị Tỉnh ủy cho kiện toàn chức danh Bí thư Đảng ủy [H4.02.04.05]. Nhiệm kỳ 2020-2025, BCH Đảng bộ gồm 10 đồng chí, đến năm 2021 đã có sự biến động về nhân sự: 01 đồng chí Đảng ủy viên chuyển công tác, 01 đồng chí Đảng ủy viên từ trần. Nhưng do Nhà trường chưa thực hiện kiện toàn lại cơ cấu tổ chức nên chưa đề nghị cấp trên bổ sung nhân sự ủy viên BCH. Vì vậy, hiện nay BCH Đảng bộ chỉ còn lại 08 đồng chí.

Trong thời gian qua, nhân sự BGH cũng có nhiều biến động, 01 đồng chí Hiệu trưởng (Nguyễn Đình Thọ), 02 đồng chí Phó Hiệu trưởng (Cao Thành Lê và Bùi Thị Quỳnh Thơ) chuyển công tác, 01 đồng chí Phó Hiệu trưởng (Lê Thị Hương) nghỉ chế độ, Nhà trường đã kịp thời đề nghị cấp trên cho làm quy trình bổ sung các chức danh còn thiếu. Từ năm 2018 đến nay Nhà trường đã đề xuất cấp trên cho bổ sung và thực hiện quy trình bổ nhiệm 03 Phó Hiệu trưởng, kiện toàn chức danh Hiệu trưởng và đã được cấp trên phê duyệt [H4.02.04.06].

Nhiệm kỳ 2017-2022, các tổ chức đoàn thể cũng đã kịp thời kiện toàn nhân sự sau khi có sự biến động về nhân sự thành viên BCH và được cấp trên chuẩn y bổ sung nhân sự theo quy định [H4.02.04.07].

Để nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị, Nhà trường luôn quan tâm chỉ đạo sát sao công tác đào tạo, phát triển đội ngũ. Nhân sự tham gia công tác quản lý tại các đơn vị của hệ thống quản trị được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn để từng bước nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ nhằm đáp ứng hiệu quả vị trí công tác, như cử đi đào tạo, bồi dưỡng năng lực quản trị, kỹ năng lãnh đạo, bồi dưỡng lý luận chính trị, an ninh quốc phòng; cử CB tham gia các đợt bồi dưỡng, tập huấn theo kế hoạch của các đơn vị quản lý ngành dọc [H4.02.04.08]. Nhờ có các đợt học tập, bồi dưỡng hiệu quả hoạt động của các tổ chức quản trị của Nhà trường được nâng cao rõ rệt trong cách thức xây dựng kế hoạch, hoạch định chiến lược, cách thức giám sát, điều chỉnh, bổ sung về thể chế chính sách tạo sự phù hợp ngày càng cao trong các hoạt động của Nhà trường.

Nhà trường thường xuyên quan tâm chỉ đạo các đơn vị rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quản lý. Hệ thống văn bản quản lý của Nhà trường được điều chỉnh phù hợp với những thay đổi trong cơ cấu tổ chức. Thời gian qua, Nhà trường đã thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh một số văn bản quản lý, như: Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế thi đua- khen thưởng; Quy định chế độ làm việc của GV; Quy chế dân chủ cơ sở... cho phù hợp với các thay đổi trong cơ cấu



tổ chức và quản trị của Nhà trường [H4.02.04.09].

Việc điều chỉnh các nhân sự trong BCH Đảng ủy, BCH Công đoàn, BCH ĐTN, Hội SV qua các nhiệm kỳ đã tạo cơ hội cho những cải tiến, đổi mới trong phương pháp, giải pháp quản trị Nhà trường, nâng cao năng lực và tăng hiệu quả hoạt động của Nhà trường. Bên cạnh đó, hệ thống quản trị của Nhà trường đã thường xuyên được rà soát, đánh giá về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ. Công tác rà soát, đánh giá các văn bản của hệ thống quản trị được Nhà trường thực hiện thường xuyên để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với tình hình, nhiệm vụ của Trường theo từng giai đoạn. Những việc làm này đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo điều kiện để ổn định và phát triển Nhà trường.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHHT được thành lập theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam và của tỉnh Hà Tĩnh, phù hợp với chức năng nhiệm vụ, chiến lược phát triển, nhằm đạt được hiệu quả quản trị của Nhà trường.

- Hệ thống quản trị của Nhà trường đã đề ra Nghị quyết, kết luận kịp thời để lãnh đạo và định hướng cho các hoạt động chung và cụ thể của Nhà trường; phù hợp với thực tiễn địa phương và năng lực của Nhà trường.

- Hệ thống quản trị của Nhà trường thường xuyên được rà soát, đánh giá về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ; các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị đã xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá hằng năm bằng văn bản một cách nghiêm túc, sát với tình hình thực tế và đảm bảo tính khách quan, công khai, minh bạch.

- Nhân sự tham gia hệ thống quản trị của Nhà trường được điều chỉnh thường xuyên và theo định kỳ phù hợp với điều kiện thực tế và việc duy trì các hoạt động đều đặn theo quy định của các cơ quan quản trị đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và tạo điều kiện để ổn định và phát triển Nhà trường.

#### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Tuy các cơ quan quản trị của Trường hoạt động hiệu quả, song Hội đồng trường vẫn chưa được kiện toàn sau khi đồng chí Chủ tịch UBND tỉnh, Chủ tịch Hội đồng trường đã chuyển công tác từ năm 2018. Đây là một khó khăn lớn trong việc đề ra chiến lược phát triển Trường và hoạch định các nội dung mang tính định hướng để lãnh đạo, chỉ đạo các đơn vị quản trị khác trong Nhà trường triển khai thực hiện.

- Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHHT tuy đã thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại nhưng đến nay vẫn chưa thực sự tinh gọn; đội ngũ CB lãnh đạo, quản lý ở một số đơn vị trực thuộc vẫn còn bất cập.

- Một số văn bản thể chế về tổ chức và hoạt động của hệ thống quản trị Nhà trường vẫn còn chậm đổi mới hoặc chưa ban hành để triển khai thực hiện cho phù hợp với tình hình thực tế của Trường.

#### ***3. Kế hoạch cải tiến:***

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Nhanh chóng tham mưu với UBND tỉnh bố trí đúng thành phần tham gia Hội đồng trường để hoàn tất việc thành lập Hội đồng trường.	Đảng ủy, BGH, Phòng TC-HC.	Năm học 2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Lãnh đạo Trường chỉ đạo Phòng TC-HC xây dựng Đề án cơ cấu tổ chức Nhà trường và triển khai thực hiện cơ cấu tổ chức bộ máy sao cho tinh gọn, hiệu quả hơn; kiện toàn CB lãnh đạo, quản lý một số đơn vị trực thuộc để nâng cao hiệu quả công tác. Sớm xây dựng Đề án vị trí việc làm trình UBND tỉnh và Sở Nội vụ phê duyệt để có kế hoạch tuyển dụng các vị trí còn thiếu	Đảng ủy; BGH; Phòng TC-HC	Năm học 2023-2024	
3	Khắc phục tồn tại 3	Lãnh đạo trường chỉ đạo Phòng TC- HC, Phòng Thanh tra- Pháp chế kịp thời rà soát, cải tiến nhằm tạo lập hệ thống văn bản của hệ thống quản trị phù hợp, đầy đủ và đồng bộ.	BGH; Phòng TC-HC; Phòng TT-PC	Năm học 2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Trường ĐHHT tiếp tục phát huy vai trò của hệ thống quản trị, nhằm nâng cao hiệu quả, giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động, từng bước tạo dựng giá trị thương hiệu cho Nhà trường.	Đảng ủy; BGH; Các tổ chức đoàn thể	Hàng năm (Từ năm 2022-2027)	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Hệ thống quản trị của Trường nghiên cứu, xây dựng các chương trình hoạt động cụ thể phù hợp với thực tế ở địa phương và yêu cầu của đơn vị.	Đảng ủy; BGH	Hàng năm (Từ năm 2023-2028)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
6	Phát huy điểm mạnh 3	Nhà trường tiếp tục làm tốt việc rà soát cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, bộ phận của hệ thống quản trị; xây dựng báo cáo tổng kết, đánh giá nghiêm túc, khoa học, đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch.	Đảng ủy; BGH; HĐT	(Năm học 2023-2024)	
7	Phát huy điểm mạnh 4	Nhà trường chỉ đạo xây dựng quy hoạch nhân sự tham gia hệ thống quản trị của Trường thường xuyên và theo định kỳ nhằm chuẩn bị đội ngũ nhân sự kế cận tham gia công tác quản lý và phát triển Nhà trường tốt hơn.	Đảng ủy; BGH; P.TC-HC	Hàng năm (Từ năm 2023-2028)	

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 2</b>	<b>4,00</b>
Tiêu chí 2.1	4.0
Tiêu chí 2.2	4.0
Tiêu chí 2.3	4.0
Tiêu chí 2.4	4.0

### Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý

**Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo CSGD thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD**

#### 1. Mô tả

Cơ cấu tổ chức của Trường ĐHHT có Hội đồng trường, Đảng ủy, Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng, Hội đồng KH&ĐT, BCH Công đoàn, ĐTN Cộng sản Hồ Chí Minh và Hội SV, có 23 đơn vị thuộc Trường gồm 08 phòng; 7 khoa, 02 bộ môn; 03 trung tâm; 01 Ban và 02 trường trực thuộc là Trường Tiểu học - THCS, THPT - ĐH Hà Tĩnh, Trường Mầm non - ĐH Hà Tĩnh. Vai trò, trách nhiệm của mỗi thành tố và cơ chế phối hợp với các thành tố còn lại cũng như việc phân định rõ vai trò trách nhiệm của mỗi lãnh đạo được quy định rõ Trong Quy chế phối hợp

giữa Đảng ủy với nhà trường; Quy chế phối hợp giữa Nhà trường với Công đoàn, Quy chế thực hiện dân chủ trong hoạt động của Trường [H1.03.01.01].

Các đơn vị được Hiệu trưởng ra quyết định thành lập đều dựa trên Đề án tổ chức bộ máy các đơn vị trực thuộc Trường ĐHHT và Đề án nâng cấp, tách và thành lập mới các đơn vị trực thuộc Trường ĐH Hà Tĩnh được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt [H1.03.01.02] đồng thời dựa trên định hướng phát triển của Trường, thể hiện trong Đề án phát triển Trường ĐHHT giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.03.01.03]; Cơ cấu tổ chức, các cá nhân được bổ nhiệm trong cơ cấu tổ chức của Trường phù hợp với quy định của Luật Giáo dục ĐH năm 2012, Luật Giáo dục ĐH (sửa đổi, bổ sung) năm 2018, Điều lệ Trường ĐH, Nghị định số 99/NĐ-CP của Chính phủ; phù hợp với Quy định của UBND Tỉnh Hà Tĩnh (*Quyết định số 55/2021/QĐ-UBND ngày 31/12/2021*)[H1.03.01.04]; phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng và các mục tiêu phát triển của Nhà trường giai đoạn 2021-2025 [H1.03.01.05]. Như vậy, cơ cấu quản lý của Trường ĐHHT được thiết lập rõ ràng, theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; phù hợp với quy định của tỉnh Hà Tĩnh, với điều kiện thực tế của địa phương; phù hợp với Tầm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi và các mục tiêu phát triển của Nhà trường.

Chức năng, nhiệm vụ cụ thể đối với mỗi đơn vị đã được ghi rõ trong Quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Trường [H1.03.01.06] được ghi trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐH Hà Tĩnh [H1.03.01.07]; Khoa có chức năng và nhiệm vụ: Quản lý viên chức thuộc khoa theo phân cấp của Hiệu trưởng; Lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục đào tạo theo kế hoạch chung của Trường; lập kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ, HTQT; xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ GV, ngành nghề đào tạo và CSVC phục vụ cho đào tạo và NCKH, tăng cường điều kiện bảo đảm chất lượng đào tạo; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho GVVC, người học; có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho CBGV, VC thuộc khoa; Tổ chức đánh giá CBQL, viên chức trong khoa và tham gia đánh giá CBQL trong trường theo quy định của Nhà trường. Các phòng chức năng có nhiệm vụ tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, tổng hợp, đề xuất ý kiến, tổ chức thực hiện các công việc theo chức năng, nhiệm vụ được Hiệu trưởng giao. Thư viện có nhiệm vụ cung cấp các thông tin, tư liệu khoa học và công nghệ phục vụ giảng dạy, nghiên cứu và học tập của GV và SV. Tạp chí khoa học của Trường đăng tải các công trình nghiên cứu nhằm phục vụ công tác đào tạo và NCKH của Nhà trường. Trường Tiểu học - Trung học cơ sở - Trung học Phổ thông và Trường Mầm non ĐHHT là cơ sở thực hành của Trường ĐH Hà Tĩnh thực hiện việc giảng dạy các cấp từ mầm non đến THPT. Mối quan hệ giữa các đơn vị với nhau là mối quan hệ bình đẳng, phối hợp, tôn trọng lẫn nhau, tạo điều kiện để cùng nhau hoàn thành tốt mục tiêu, nhiệm vụ của Trường.

Hội đồng trường ĐHHT nhiệm kỳ 2018-2023 được thành lập theo Quyết định số 1076/QĐ-UBND ngày 12/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, tuy nhiên, hiện nay Hội đồng trường không còn phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tế tại Trường ĐH Hà Tĩnh và tỉnh Hà Tĩnh (Theo quy định tại điểm C, Khoản 1, Điều 7 Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ, Hội đồng trường Trường ĐHHT thuộc đối tượng cần được thành lập mới). Chính vì thế, ngày 14/02/2020 Trường ĐH Hà Tĩnh đã có văn bản số 46/TĐHHT-TCHC gửi UBND tỉnh Hà Tĩnh về việc đề nghị cho ý kiến thành lập mới Hội đồng trường. Nhà trường cũng đã ban hành Đề án số 01/ĐA-TĐHHT ngày 17 tháng 3 năm 2020 về việc thành lập Hội đồng trường nhiệm kỳ 2020-2025. Tuy nhiên, do có một số biến động về đội ngũ lãnh đạo cốt cán nên Hội đồng Trường vẫn đang từng bước được kiện toàn.

Hiện nay, Hiệu trưởng là người đứng đầu Nhà trường, chịu trách nhiệm quản lý, điều hành các hoạt động của Trường ĐHHT theo quy định của pháp luật, quy chế tổ chức và hoạt động của Trường. Phó Hiệu trưởng là người giúp Hiệu trưởng trong việc quản lý, điều hành các hoạt động của Trường, chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng trong việc tổ chức, quản lý, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ được Hiệu trưởng phân công [H1.03.01.09]. Trường phòng, khoa và tương đương: Tham mưu, giúp Hiệu trưởng trong lĩnh vực chuyên môn thuộc đơn vị quản lý; trực tiếp chỉ đạo các hoạt động thuộc lĩnh vực Hiệu trưởng phân công quản lý; chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng, nhà trường về toàn bộ hoạt động của đơn vị. Phó phòng, khoa và tương đương: Giúp cấp trưởng chỉ đạo, thực hiện một số nhiệm vụ công tác của đơn vị được phân công và chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng lĩnh vực công tác được phân công phụ trách. Trường bộ môn: Chịu trách nhiệm về nội dung, chất lượng, tiến độ giảng dạy của những môn học được giao trong CTĐT, kế hoạch giảng dạy chung của Trường, của khoa.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo CSGD tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của CSGD***

#### ***1. Mô tả***

Tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Trường ĐH Hà Tĩnh được công bố năm 2016 tại Quyết định số 703/QĐ-TĐHHT, ngày 05/5/2016 về ban hành kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐH Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 [H3.03.02.04]; Kế hoạch đã xác định rõ phương hướng và các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp cụ thể nhằm thực hiện chủ trương của Đảng và Chính phủ về đổi mới giáo dục ĐH, phát triển khoa học và công nghệ, đồng thời thực hiện phương hướng, nhiệm vụ chiến lược, phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2050. Văn bản này là cơ sở để xây dựng kế hoạch hoạt động trung hạn và từng năm học của Trường; là cơ sở pháp lý và định hướng để các khoa, bộ môn, phòng, ban, trung tâm, đoàn thể trong Trường xây dựng kế

hoạch chiến lược và kế hoạch hoạt động cụ thể của từng đơn vị. Quyết định 703/QĐ-TĐHHT, ngày 05/5/2016 được đăng lên website Trường ĐH Hà Tĩnh để thông tin, tuyên truyền và định hướng cho toàn thể CB, viên chức, người lao động trong toàn Trường trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Hàng năm, Nhà trường chủ trì và phối hợp tổ chức các Hội nghị để kết nối, thảo luận, định hướng cho CB, viên chức, người lao động và HS, SV và các bên liên quan khác về tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường như Hội nghị CB, viên chức, người lao động [H3.03.02.01]; Hội nghị công tác HSSV, Hội nghị đối thoại giữa Hiệu trưởng và HSSV [H3.03.02.02]; Hội nghị SV NCKH [H3.03.02.03]; bên cạnh đó, Trường cũng cử SV tham gia ngày hội khởi nghiệp HSSV; cử Đoàn viên, thanh niên tham gia Hội nghị đối thoại giữa Chủ tịch UBND tỉnh Hà Tĩnh với thanh niên trên địa bàn tỉnh trong tháng 3/2022 [H3.03.02.05]. Lãnh đạo Trường ĐH Hà Tĩnh cũng tích cực tham gia vào các hoạt động lớn của Ngành Giáo dục, của tỉnh Hà Tĩnh, cụ thể như tham gia các cuộc Hội nghị, Hội thảo của Bộ GD&ĐT về đổi mới giáo dục ĐH, về tuyển sinh, về công tác HSSV; tham gia họp Hội đồng nhân dân tỉnh, các cuộc họp của Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Tĩnh để đề xuất các cơ chế, chính sách, kế hoạch chiến lược phát triển của Nhà trường phù hợp với xu thế phát triển của giáo dục ĐH, của nhu cầu xã hội, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhà và đặc biệt là phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu mà Nhà trường đã đề ra.

Lãnh đạo Trường ĐH Hà Tĩnh đã chủ động, tích cực tổ chức và trực tiếp tham gia vào việc tuyên truyền, định hướng Tầm nhìn, Sứ mạng, Văn hóa Giá trị cốt lõi và các mục tiêu phát triển của Trường ĐH Hà Tĩnh đến CB, viên chức, người lao động, người học, nhà sử dụng lao động, các tổ chức xã hội - nghề nghiệp thông qua nhiều hình thức khác nhau: Trực tiếp phổ biến tới CB, viên chức, người lao động tại các cuộc họp giao ban, tại hội nghị viên chức, người lao động thông qua bảng báo cáo của Lãnh đạo Trường, thông qua các buổi gặp mặt trao đổi với các đơn vị; phổ biến cho người học thông qua bài phát biểu tại các buổi Lễ khai giảng, bế giảng, các buổi chào cờ đầu tháng, tuần SHCD đối với SV. Thông qua bài trình bày của Lãnh đạo Trường đã chuyển tải thông tin về tầm nhìn, sứ mạng đến các đối tác, các nhà tuyển dụng thông qua bài phát biểu trong các hội nghị, hội thảo và tại các buổi làm việc, ký kết các văn bản hợp tác giữa Nhà trường và các cơ quan, doanh nghiệp. Theo đó, Tầm nhìn, Sứ mạng, Văn hóa Giá trị cốt lõi và Văn hóa của Nhà trường được công bố công khai trên Trang thông tin điện tử của Trường (<http://htu.edu.vn>), in trên các bảng hiệu, các quà tặng lưu niệm và trong các video clip giới thiệu về Trường ĐH Hà Tĩnh, trong Cẩm nang SV, trong các ấn phẩm, trong tổ chức các cuộc thi dành cho SV, trong tổ chức các hoạt động kỷ niệm: Ngày Nhà giáo Việt Nam, Ngày truyền thống HS, SV, trên các Bảng thông tin đặt tại những vị trí trang trọng trong khuôn viên của Trường.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được rà soát thường xuyên***

#### ***1. Mô tả***

Đảng uỷ, BGH xác định rõ vai trò, tầm quan trọng của công tác tổ chức, CB, đặc biệt quan tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện việc rà soát cơ cấu tổ chức cũng như đội ngũ lãnh đạo và quản lý của toàn Trường trong giai đoạn từ 2018 theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 6 khóa XII. [H3.03.03.01]. Ngay sau khi Đại hội Đảng uỷ đã xây dựng Quy chế hoạt động, Quy chế phối hợp giữa các bên liên quan, phân công nhiệm vụ các thành viên BCH. Thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo của cấp trên về việc rà soát, xây dựng văn bản quản lý nội bộ, đặc biệt là quy chế hoạt động của Đảng uỷ Trường, triển khai theo chỉ đạo của BTV Đảng uỷ Khối, Đảng uỷ Trường đã ban hành Quy chế 239-QC/ĐU thay thế cho Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 29-QĐ/ĐU. [H3.03.03.02] Khi thành viên BCH Đảng bộ có sự biến động Đảng uỷ kịp thời thông báo phân công lại nhiệm vụ các thành viên [H3.03.03.03].

Về phía Nhà trường có bộ phận TT-PC có chức năng nhiệm vụ rà soát văn bản nội bộ được quy định rõ trong Quy định về xây dựng, ban hành và quản lý các văn bản nội bộ của Trường ĐH Hà Tĩnh [H3.03.03.04]; Phòng TCHC có chức năng tham mưu các văn bản về chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong bộ máy quản lý của Trường [H3.03.03.05]. Định kỳ rà soát, báo cáo kết quả triển khai đồng thời đề xuất các giải pháp khắc phục. [H3.03.03.06]. Xây dựng Đề án vị trí việc làm phù hợp với tình hình mới. [H3.03.03.07]. Thành viên của BGH thay đổi đều có TB phân công nhiệm vụ của BGH, khi phân quyền cho cấp dưới đều có văn bản của Hiệu trưởng theo đúng quy định [H3.03.03.08].

Đảng uỷ, BGH lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt công tác đánh giá, xếp loại tổ chức, cá nhân hằng năm, khi thực hiện công tác rà soát, bổ sung quy hoạch CB hay trước thềm đại hội Đảng. [H3.03.03.09]; Việc đánh giá nhằm phát hiện các điểm mạnh, góp ý xây dựng, kiểm điểm các mặt hạn chế, đảm bảo đánh giá khách quan, đúng người đúng việc, không thiên vị, bao che, không trù dập. [H3.03.03.10]. Kết quả đánh giá xếp loại được công khai tới toàn Trường, đảm bảo các điều kiện không cao hơn xếp loại chuyên môn, xếp loại CBQL đúng tỉ lệ HTXSNV không vượt quá 20% trên tổng số HTTNV trở lên; xếp loại trường đơn vị không cao hơn xếp loại tập thể mà người đó là người đứng đầu. [H3.03.03.11].

Định kỳ xây dựng QHCB theo đúng quy định, hướng dẫn của cấp trên. Ngay khi có văn bản chỉ đạo của cấp trên Đảng uỷ đã xây dựng văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện nghiêm túc. [H3.03.03.12]. Triển khai các bước trong quy trình một cách nghiêm túc, dân chủ, lấy ý kiến của tập thể qua Phiếu kín đảm bảo khách quan. Sau khi hoàn thành các bước trình cấp trên phê duyệt đối với các đối tượng diện Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Ban Thường vụ Đảng uỷ Khối quản lý theo quy định [H3.03.03.13]; ra Quyết định phê duyệt kết quả thực hiện xây dựng, rà soát, bổ sung QHCB hằng năm đối với đối tượng diện Trường quản lý. [H3.03.03.14].

Trong công tác bổ nhiệm CB diện lãnh đạo Trường thực hiện quy trình và tiêu chuẩn đảm bảo theo yêu cầu của Tỉnh ủy dành cho đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý, từ 2018 đến nay thực hiện quy trình bổ nhiệm 01 Hiệu trưởng, 03 Phó Hiệu trưởng [H3.03.03.15]. Trường đã xây dựng bộ tiêu chuẩn, yêu cầu về bổ nhiệm CBQL cấp trường, phó đơn vị trực thuộc Trường. [H3.03.03.16]. Hiện nay Phòng TCHC đang xây dựng bản dự thảo quy định về việc bổ nhiệm CB diện Trường quản lý để phù hợp với tình hình mới.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của CSGD được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của CSGD như mong muốn***

### **1. Mô tả**

Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường ĐHHT được cải tiến để đáp ứng tốt hơn yêu cầu phát triển trong bối cảnh tiến tới tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các CSGDDH dựa trên kết quả rà soát, đánh giá hàng năm thể hiện rõ trong đề án tái cấu trúc các đơn vị trực thuộc Trường. Việc thành lập, giải thể, sáp nhập các đơn vị trực thuộc Trường được tiến hành theo quy định của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Trong giai đoạn 2018-2022, trên cơ sở rà soát cơ cấu quản lý hàng năm, Nhà trường đã thực hiện việc điều chỉnh cơ cấu lãnh đạo và quản lý theo định hướng phát triển của Trường nhằm tăng hiệu quả quản lý như sau:

Đầu năm 2018, số đơn vị trực thuộc khá nhiều (có đến 29 đơn vị trực thuộc, gom: 08 khoa, 02 bộ môn, 10 phòng, 6 trung tâm, 01 ban và 02 trường trực thuộc.), chức năng nhiệm vụ của một số đơn vị còn bị chồng chéo, dẫn đến hiệu quả công việc không cao [H3.03.04.01].

Từ tháng 7/2018, Trường đã thực hiện các giải pháp kiện toàn và đổi mới tổ chức bộ máy nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị của Trường, cụ thể:

Về các đơn vị đào tạo, từ 8 khoa thành 7 khoa bao gồm các khối đào tạo có tính chất đặc thù rõ nét và đảm bảo đúng tính chất là Trường ĐH đa ngành trong đó số lượng chỉ còn là một khoa đào tạo.

Về các phòng chức năng, Trường đã sáp nhập, kiện toàn, đổi tên một số phòng. Đồng thời giao thêm chức năng cho một số phòng để sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nhân lực nhưng đảm bảo bao quát hết các chức năng nhiệm vụ của Trường và các đơn vị.

Về các đơn vị phục vụ đào tạo và phát triển dịch vụ, Trường đã sáp nhập 02 Trung tâm thành 01 Trung tâm mới trong các lĩnh vực đào tạo dịch vụ, NCKH phát triển cộng đồng.

Nhà Trường đã chỉ đạo và thực hiện xây dựng được hệ thống văn bản quản lý điều hành các hoạt động trong các lĩnh vực, quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị và Quy chế hoạt động của Nhà Trường.



Đến cuối tháng 9/2018 với mục tiêu thiết lập cơ cấu lãnh đạo quản lý tinh gọn theo hướng phát huy tối đa năng lực và trách nhiệm của lãnh đạo đơn vị; tạo mối quan hệ gắn kết, phối hợp linh hoạt; đảm bảo vận hành tốt các hoạt động để thực hiện nhiệm vụ chính trị của Nhà trường và giảm được đáng kể số lượng đầu mối trong cơ cấu tổ chức hiện có. Nhà trường đã tiến hành tái cơ cấu các đơn vị trực thuộc Trường. Về các phòng chức năng được cơ cấu lại từ 9 phòng thành 8 phòng trong đó các phòng có chức năng giao nhau sẽ ghép lại để tạo sự liên thông trong quản lý. Đơn vị phục vụ đào tạo và phát triển dịch vụ được cơ cấu lại từ 5 trung tâm thành 3 trung tâm bằng cách sáp nhập, điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ, theo đó sẽ điều chỉnh, bổ sung chức năng dịch vụ cho các đơn vị phục vụ đào tạo nhưng có khả năng cung ứng dịch vụ [H3.03.04.02].

Sau khi tái cấu trúc, Nhà trường tiến hành cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý, sắp xếp các chức danh. Trong quá trình sắp xếp các chức danh quản lý, Nhà trường chú trọng lựa chọn nguồn CB đáp ứng các yêu cầu của chức danh, CB có kinh nghiệm quản lý, CB trẻ, luôn được rà soát, điều chỉnh, đánh giá thường xuyên theo sự phát triển của CB để kịp thời bổ sung nhân tố mới, chuẩn bị đội ngũ CB kế cận [H3.03.04.03]. Đối với CB mới dự kiến được bổ nhiệm, Nhà trường chỉ đạo phòng TCHC có kế hoạch điều động, luân chuyển CB đến một số đơn vị khác trong Trường để nắm rõ hệ thống, làm quen với công việc, tạo điều kiện cho CB mới sớm hòa nhập và hoàn thành nhiệm vụ của mình [H3.03.04.04].

Do thực hiện tốt công tác quy hoạch và bồi dưỡng CB, thực hiện quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm một cách nghiêm túc và dân chủ, nên số CB được bổ nhiệm mới đều cho thấy khả năng và phát huy tương đối tốt vai trò lãnh đạo, quản lý.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 3:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Cơ cấu quản lý của Trường ĐHHT được thiết lập rõ ràng, theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành; phù hợp với quy định của tỉnh Hà Tĩnh, với điều kiện thực tế của địa phương; phù hợp với Tâm nhìn, Sứ mạng, Giá trị cốt lõi và các mục tiêu phát triển của Nhà trường.

- Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Trường ĐHHT được quan tâm xây dựng, thường xuyên rà soát và cải tiến để kịp thời điều chỉnh, bổ sung, từng bước hoàn thiện nhằm nâng cao hiệu quả quản lý và đạt được kết quả công việc như mục tiêu Nhà trường đề ra.

- Thực hiện đúng, đủ, nghiêm túc các quy định của cấp trên về công tác CB, tạo được sự tin tưởng, đồng thuận từ đội ngũ; chủ động trong việc xây dựng các văn bản triển khai các chủ trương của cấp trên về việc rà soát, bố trí CB; đặc biệt là CBQL; công tác bổ nhiệm đảm bảo đúng quy định.

#### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Việc điều chỉnh, cải tiến cơ cấu quản lý vẫn chưa được triển khai một cách bài bản, khoa học, chưa xây dựng được quy định và kế hoạch thực hiện cải tiến.

- Trường chưa có Hội đồng Trường nên các vấn đề về công tác tổ chức, CB đang là một điểm nghẽn như: Chưa sắp xếp kịp thời các tổ chức, đơn vị trong Trường dẫn đến đội ngũ CBQL đang cồng kềnh, ảnh hưởng đến việc kiện toàn các tổ chức Đảng, kiện toàn BCH Đảng bộ. Hiện tại BCH Đảng bộ vẫn đang khuyết 03 đồng chí, khuyết Phó Bí thư Đảng uỷ.

- Đề án sắp xếp bộ máy, bố trí vị trí việc làm chưa được phê duyệt.

- Vẫn còn một số CB lãnh đạo, quản lý các đơn vị trực thuộc Trường chưa thực sự phát huy tốt vai trò, chức trách và nhiệm vụ được giao, nên đã ảnh hưởng đến những hoạt động chung của Nhà trường.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1 và 2	Tiếp tục thường xuyên rà soát, cải tiến cơ cấu lãnh đạo, quản lý, rà soát sửa đổi bổ sung hoàn thiện các quy định, quy chế, đáp ứng tốt yêu cầu thực hiện chiến lược phát triển của Trường.	BGH, P.TC-HC	Từ năm học 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 3	Công tác rà soát, đánh giá đội ngũ CB lãnh đạo quản lý các cấp của Trường được tiếp tục thực hiện định kỳ theo năm, theo nhiệm kỳ nhằm đáp ứng tốt yêu cầu công tác quản lý và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường trong giai đoạn mới. - Bố trí CB làm công tác tổ chức, CB có tầm nhìn chiến lược, chủ động trong công tác tham mưu, quyết liệt trong triển khai thực hiện.	BGH, P.TC-HC	Từ năm học 2022 - 2023	
3	Khắc phục	Lãnh đạo Trường giao cho Phòng TCHC xây dựng quy định và kế hoạch để thực	Trường ĐHHV	Hàng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	tồn tại 1	hiện cải tiến cơ cấu quản lý của Nhà trường; triển khai ứng dụng CNTT trong lãnh đạo, quản lý các hoạt động của Trường.			
	Khắc phục tồn tại 2,3	- Xây dựng HD Trường - Kien toàn bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả - Rà soát, xây dựng các văn bản theo đúng quy định			
	Khắc phục tồn tại 4	Định kỳ hàng năm tổ chức các đợt tập huấn nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ CB trong diện quy hoạch			

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 3</b>	<b>4,25</b>
Tiêu chí 3.1	4
Tiêu chí 3.2	4
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	4

#### Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược

**Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và PVCD**

##### 1. Mô tả

Nhằm thực hiện định hướng xây dựng Trường ĐHHT trở thành trung tâm đào tạo, NCKH, trung tâm văn hóa chất lượng cao của tỉnh Hà Tĩnh [H4.04.01.01], trong những năm qua, Đảng uỷ và Nhà trường đã xây dựng chương

trình hành động, mục tiêu phát triển toàn diện đến năm 2025 và các năm tiếp theo thông qua các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường [H4.04.01.02].

Năm 2016, để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong bối cảnh nền giáo dục đang có những chuyển biến mới, Nhà trường đã tiến hành xây dựng và ban hành “*Chiến lược phát triển Trường ĐHHT giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030*”. Kế hoạch chiến lược phát triển đã phân tích những điểm mạnh cơ bản, những tồn tại cần khắc phục, đồng thời đánh giá những cơ hội, thách thức của Nhà trường, tuyên bố sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và xây dựng mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cho các lĩnh vực hoạt động cũng như xây dựng hệ thống các giải pháp, lộ trình, kế hoạch tổ chức thực hiện chiến lược, trong đó xác định rõ thời gian thực hiện, phân công nhiệm vụ, các chỉ số thực hiện, nguồn tài liệu kiểm chứng và nguồn tài chính để thực hiện [H4.04.01.03].

Năm 2019, Nhà trường đã thành lập Ban soạn thảo Đề án phát triển Trường ĐH Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.01.04]. Ban soạn thảo gồm Lãnh đạo Trường, Trưởng các đơn vị và một số GV là thành viên kiêm thư ký. Bản Đề án đã được gửi đến toàn bộ các đơn vị trong toàn trường lấy ý kiến góp ý [H4.04.01.05]. Sau khi Ban soạn thảo hoàn thiện lại Đề án theo các ý kiến góp ý, Trường ĐH Hà Tĩnh đã gửi bản Đề án cho UBND tỉnh và các sở, ban, ngành liên quan trong tỉnh để họ tham gia đóng góp ý kiến [H4.04.01.06]. Mặt khác, sau khi chỉnh sửa bản Đề án theo góp ý của các sở, ban, ngành, Nhà trường tiếp tục gửi bản Đề án cho một số nhà khoa học và lãnh đạo một số CSGD trong cả nước để xin ý kiến góp ý [H4.04.01.07]. Đặc biệt, tháng 12 năm 2022, UBND tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức một cuộc Hội thảo về giải pháp phát triển Trường ĐH Hà Tĩnh [H4.04.01.08]. Trong Hội thảo, Lãnh đạo tỉnh, các đại biểu và Trường ĐH Hà Tĩnh đã được nghe nhiều ý kiến góp ý thẳng thắn, tâm huyết từ các chuyên gia [H4.04.01.09].

Bản Đề án phát triển Trường ĐH Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 cũng có giá trị như một bản kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và PVCĐ mà Nhà trường đã đề ra [H4.04.01.10].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện***

#### ***1. Mô tả***

Trên cơ sở Đề án phát triển Trường đã ban hành [H4.04.02.01], Nhà trường quán triệt đến các đơn vị và cá nhân trong Nhà trường [H4.04.02.02]. Đề án phát triển Trường ĐH Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã đề ra mục tiêu tổng quát và xác định các mục tiêu phát triển cụ thể đến năm 2025 (gồm 5 mục tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực chủ chốt của Nhà trường). Trong bản Đề án, Nhà trường đã đề ra kế hoạch chi tiết theo từng lĩnh vực và nhiệm vụ cụ thể cho từng lĩnh vực như: công tác đội ngũ, công tác đào tạo, KHCN, CSVC, tài chính,

.... đi kèm với các chỉ tiêu thực hiện (KPIs) và khung thời gian thực hiện (giai đoạn 2020-2025) có đơn vị chịu trách nhiệm chính, các đơn vị phối hợp thực hiện. Căn cứ vào các tiêu chí nội dung nhiệm vụ với các chỉ tiêu thực hiện đã được xác định trong Bản kế hoạch cho từng lĩnh vực, các đơn vị, khoa và các bộ phận liên quan trong Trường xây dựng kế hoạch hành động của đơn vị mình cho từng năm để đạt được các chỉ tiêu đã xác định.

Công tác xây dựng kế hoạch ngắn hạn được thực hiện thông qua việc xây dựng kế hoạch công tác năm học [H4.04.02.03]. Vào đầu năm học, Nhà trường sẽ ban hành thông báo yêu cầu các đơn vị xây dựng Kế hoạch năm học. Trong đó nêu rõ những nội dung về các mảng công tác mà mỗi đơn vị phải chú trọng xây dựng [H4.04.02.03]. Bản Kế hoạch năm học của mỗi đơn vị trực thuộc phải được trình bày trước Hội đồng duyệt kế hoạch, được góp ý chỉnh sửa và được phê duyệt [H4.04.02.04].

Như vậy, Đề án phát triển Trường ĐH Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn theo một khung logic hành động và phân thành những tiêu chí phải thực hiện cho từng lĩnh vực cụ thể của Nhà trường. Tuy nhiên, việc xây dựng chương trình, kế hoạch công tác của các đơn vị trực thuộc Trường còn hạn chế, chậm so với kế hoạch chung của Nhà trường. Trong khi đó, Nhà trường chưa có các biện pháp cụ thể để giám sát thực hiện kế hoạch công tác ở các đơn vị trong Trường; đội ngũ GV, viên chức thừa thiếu cục bộ; CSVC, phương tiện và thiết bị dạy học của Nhà trường chưa được đầu tư đúng mức trong một thời gian dài.

Hàng tháng, Nhà trường đều tổ chức Hội nghị liên tịch, trong đó đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng trước và đưa ra nội dung, kế hoạch thực hiện của tháng tiếp theo [H4.04.02.04].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của CSGD***

### ***1. Mô tả***

Trong Đề án phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030 đã xác định rõ các KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính cho các lĩnh vực bao gồm: Đào tạo, NCKH, xây dựng đội ngũ, tổ chức bộ máy, xây dựng CSVC, phát triển nguồn tài chính, HTQT, CNTT, công tác SV, ĐBCL. Các KPIs này được lượng hóa nên thuận lợi cho việc đo lường và đánh giá mức độ thực hiện với mốc thời gian thực hiện. Cụ thể đến 2025:

*Về Đào tạo:* Xây dựng Trường ĐH Hà Tĩnh trở thành trung tâm đào tạo nhân lực cho tỉnh và khu vực. Chất lượng đào tạo không ngừng được nâng cao, quy mô đào tạo được mở rộng nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực chất lượng cao, đa dạng của xã hội; Xây dựng CTĐT theo chuẩn khu vực và hội nhập quốc tế, tiến hành cải tiến CTĐT gắn với nhu cầu thực tế sử dụng nguồn nhân lực chất lượng trong

nước, khu vực và quốc tế, đáp ứng được kỳ vọng của xã hội trong công cuộc hội nhập và phát triển hiện nay.

*Về NCKH:* Xây dựng Trường ĐH Hà Tĩnh thành trung tâm NCKH và CGCN đáp ứng nhu cầu phát triển KTXH của tỉnh và có uy tín trong khu vực, đảm bảo có nguồn thu từ hoạt động khoa học và CGCN.

*Về xây dựng đội ngũ:* Xây dựng được đội ngũ CBVC có đủ phẩm chất, năng lực, số lượng và cơ cấu hợp lý, bảo đảm sự chuyển tiếp vững vàng, liên tục giữa các thế hệ CB chuyên môn quản lý và GV.

*Về CSVC:* Xây dựng CSVC đồng bộ, hiện đại, tạo môi trường hấp dẫn, thu hút người học, đáp ứng nhu cầu phát triển của Nhà trường.

*Về tài chính:* Tăng quy mô, đa dạng hóa loại hình đào tạo, đồng thời quản lý và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính. Phân đầu đến năm 2025, mức đảm bảo chi thường xuyên đạt 70%, đến năm 2030, mức đảm bảo chi thường xuyên đạt 100%.

Các KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính đảm bảo rõ ràng, đo lường được, có tính khả thi, thích hợp, có mốc thời gian thực hiện. Trong Đề án phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 xác định: Về đào tạo: Mở thêm một số ngành ĐH có sức thu hút cao đối với người học (2021-2025) như: Điều dưỡng, Dược, Kỹ thuật chẩn đoán hình ảnh; Cử nhân khoa học tự nhiên; Mở được một số ngành đào tạo Thạc sĩ (2021-2025) như: Quản lý Kinh tế, Quản lý Giáo dục, CNTT, Ngôn ngữ Anh; Triển khai được 02-04 chương trình liên kết đào tạo với các trường ĐH nước ngoài theo hình thức 02 + 02 hoặc 03 + 01 (2021-2025). Về NCKH: Mở rộng quy mô, lĩnh vực nghiên cứu; tăng cường nghiên cứu ứng dụng, ưu tiên các hướng nghiên cứu chiến lược, mũi nhọn và liên ngành: 5% đề tài, dự án hợp tác nghiên cứu trong nước; 1% đề tài, dự án nghiên cứu HTQT. Về xây dựng đội ngũ: Đến năm 2025, tuyển dụng đủ số lượng nhân lực Nhà trường còn thiếu, mỗi mã ngành cần phải đảm bảo 02 TS chuyên ngành và 07 Thạc sĩ; mở được một số ngành đào tạo thạc sĩ (yêu cầu 01 PGS và 04 TS). Thu hút được đội ngũ GS, PGS và TS về trường làm việc công tác lâu dài. Về CSVC: Đến năm 2025 đầu tư xây dựng xong khu thực hành và các trung tâm dịch vụ trung tâm nghiên cứu ứng dụng, thực hành và trải nghiệm sáng tạo về nông nghiệp và môi trường. Trong Đề án phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường đã xác định các chỉ tiêu chính đến năm 2025 [H4.04.03.01].

Trường ĐHHT thường xuyên giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính so với các mục tiêu chiến lược mà Nhà trường đã đề ra. Việc giám sát, đánh giá và rà soát mức độ thực hiện các KPIs, các chỉ tiêu phân đầu chính so với mục tiêu chiến lược được thực hiện thông qua cuộc họp liên tịch [H4.04.03.02], thông qua báo cáo của các đơn vị [H4.04.03.03], các báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường [H4.04.03.04].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phân đầu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD***

***1. Mô tả***

Cùng với sự phát triển của xã hội, sự thay đổi của các chính sách về giáo dục đào tạo, an sinh xã hội; nhu cầu mới của thị trường lao động trong và ngoài nước khiến các định hướng phát triển Trường cũng phải có sự rà soát, điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn đặt ra. Căn cứ báo cáo tổng kết mỗi năm học, Nhà trường sẽ đối chiếu và đánh giá chỉ số thực hiện các chỉ tiêu chiến lược của mỗi đơn vị để kịp thời điều chỉnh [H4.04.04.01]. Sau gần 5 năm thực hiện chiến lược, Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHTT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 [H4.04.04.02], Nhà trường đã lên xây dựng bản Đề án phát triển Trường giai đoạn 2020 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030, trong đó đã có sự điều chỉnh các mục tiêu chiến lược cũng như các chỉ tiêu cụ thể để phù hợp với giai đoạn mới và để đạt được các mục tiêu chiến lược của CSGD [H4.04.04.03].

Ở cấp đơn vị, Hội nghị CBVC các đơn vị hàng năm cũng đánh giá các chỉ tiêu phân đầu của năm, phân tích đánh giá các ưu điểm, tồn tại, hạn chế để xây dựng chiến lược hành động, giải pháp thực hiện nhiệm vụ Nhà trường giao trong năm học, đề xuất các hướng phát triển mới để bổ sung cho kế hoạch chung của Nhà trường trên cơ sở bám sát các mục tiêu trong chiến lược tổng thể [H4.04.04.04].

Trong Đề án, chiến lược điều chỉnh giai đoạn 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030, nhiều chỉ số thực hiện chính, các chỉ số phân đầu chính đã được rà soát, điều chỉnh, bổ sung để phản ánh tốt hơn thực tế hoạt động của Nhà trường, góp phần thực hiện sứ mệnh mục tiêu phát triển của Nhà trường [H4.04.04.03].

***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

**Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 4:**

***1. Tóm tắt các điểm mạnh***

- Để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã xây dựng Đề án phát triển Trường và được xác định bằng văn bản. Đề án của Trường được xây dựng dựa trên văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh và thực tiễn phát triển của Nhà trường, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, triết lý giáo dục, dựa trên ý chí, nguyện vọng của toàn thể viên chức, người lao động, người học và các bên liên quan.

- Đề án phát triển Trường được xây dựng một cách khoa học và theo hướng tiếp cận mục tiêu, xác định rõ các chỉ tiêu cụ thể cho từng lĩnh vực và cho từng năm học, đồng thời đưa ra những đánh giá, giải pháp cụ thể cho từng lĩnh vực để có sự điều chỉnh kịp thời và phù hợp với thực tiễn của Nhà trường.

- Đề án của Nhà trường được phổ biến đến tất cả các CB, GV, người lao động trong Trường, được triển khai thực hiện.

***2. Tóm tắt các điểm tồn tại***

Trường chưa xây dựng được Kế hoạch chiến lược phát triển Trường nói chung và kế hoạch chiến lược phát triển từng lĩnh vực cụ thể, trong đó có các chỉ số thực hiện rõ ràng và chi tiết.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

STT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	Bám sát các mục tiêu đề ra trong Đề án phát triển Nhà trường để xây dựng Kế hoạch năm/giai đoạn cho phù hợp, thực hiện mục tiêu đề ra. Chú ý đối sánh với giai đoạn trước để đối sánh xây dựng kế hoạch năm/giai đoạn tiếp theo cho khả thi.	BGH, Phòng KT - ĐBCL, các đơn vị liên quan	Từ năm học 2022 - 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường duy trì việc rà soát các các mục tiêu trong Đề án, các chỉ số hoạt động chính thông qua công tác tự đánh giá, được cải tiến liên tục để phù hợp với mục tiêu chiến lược phát triển của Nhà trường.	BGH, Phòng KT - ĐBCL, các đơn vị liên quan	Từ năm học 2022 - 2023	
3	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường phổ biến Đề án đến các bên liên quan qua nhiều kênh khác nhau	BGH, Phòng KT - ĐBCL, các đơn vị liên quan	Từ năm học 2022 - 2023	
4	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Trường trong giai đoạn 2023 - 2028 và tầm nhìn đến năm 2035	Phòng KT - ĐBCL, các đơn vị liên quan	Từ năm học 2022 - 2023	
5	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển từng lĩnh vực cụ thể: chiến lược phát triển ĐBCL, chiến lược phát triển đào tạo, chiến lược phát triển đội ngũ...	Các đơn vị chức năng	Từ năm học 2022 - 2023	



#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 4</b>	<b>4,00</b>
Tiêu chí 4.1	4
Tiêu chí 4.2	4
Tiêu chí 4.3	4
Tiêu chí 4.4	4

#### **Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng**

##### ***Tiêu chí 5.1. Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng***

###### **1. Mô tả**

Đảng ủy, BGH Trường Đại học Hà Tĩnh quan tâm xây dựng các văn bản có tầm nhìn chiến lược như các Kế hoạch chiến lược [H1.05.01.01], [H1.05.01.02], [H1.05.01.03], [H1.05.01.04]. Trên cơ sở chiến lược, căn cứ vào tình hình thực tiễn của mỗi nhiệm kỳ, Đảng ủy Trường đã ban hành các Nghị quyết Đại hội Đảng bộ [H1.05.01.05] và các Chương trình hành động để thực hiện Nghị quyết một cách hiệu quả nhất [H1.05.01.06]. Dựa vào đó các chi bộ trực thuộc xây dựng Kế hoạch hành động theo từng nhiệm kỳ đại hội sát với Nghị quyết của Đảng ủy [H1.05.01.07] để thực hiện tốt nhiệm vụ đào tạo, NCKH, PVCĐ. Đoàn Thanh niên, hội SV ban hành Nghị quyết đại hội và chương trình hành động với nhiều nội dung gắn với nhiệm vụ học tập, NCKH, PVCĐ [H1.05.01.08].

Trang website của Trường công bố tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi làm khẩu hiệu hành động của đơn vị. Trường đã xây dựng các chính sách chất lượng, Sổ tay chất lượng để thực hiện tốt các nhiệm vụ đào tạo, NCKH, PVCĐ [H1.05.01.10], [H1.05.01.11]. Quy trình ISO của toàn trường và của từng đơn vị trực thuộc được công khai để thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của từng đơn vị và dễ rà soát, kiểm tra theo định kỳ. [H1.05.01.09].

Trường đã có các văn bản hướng dẫn, tập huấn về việc xây dựng các chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng thông qua các văn bản cụ thể [H1.05.01.12], [H1.05.01.13], [H1.05.01.14], [H1.05.01.15].

Nội dung các chính sách đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng phù hợp với các chủ trương của Đảng, quy định của Nhà nước. Các đơn vị hàng năm phải xây dựng Kế hoạch năm học để triển khai các văn bản cấp trên và thực hiện tự đánh giá theo các kì, các năm học. [H1.05.01.16], [H1.05.01.17], [H1.05.01.18].

Tất cả các văn bản liên quan đến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ đều được phổ biến công khai trên Website, trên Hành chính điện tử, gửi email nội bộ đến lãnh đạo các đơn vị và thông báo trong các cuộc họp để mọi người góp ý xây dựng, hoàn thiện văn bản và thực hiện việc giám sát khi văn bản được thực thi. Phòng Đào tạo xây dựng các chính sách phục vụ công tác Đào tạo

[H1.05.01.19]. Phòng Khảo thí - ĐBCL xây dựng các văn bản rà soát điều kiện đảm bảo chất lượng [H1.05.01.20]. Phòng NCKH-ĐN-TT ban hành các văn bản quản lí lĩnh vực NCKH [H1.05.01.21].

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được cụ thể hóa bằng văn bản, được lãnh đạo Trường phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện. Trước khi ban hành và sau một quá trình thực hiện thường lấy ý kiến các bên liên quan; [H1.05.01.23], [H1.05.01.24], [H1.05.01.25], [H1.05.01.26]. Trường còn giao cho Ban Thanh tra nhân dân giám sát việc ban hành, thực hiện các chính sách trong trường và có báo cáo hàng năm trong hội nghị viên chức toàn trường [H1.05.01.22] để bổ sung, cập nhật phù hợp với thực tiễn.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### ***Tiêu chí 5.2. Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hóa bằng văn bản, phổ biến và thực hiện***

#### **1. Mô tả**

Trường đã phân công đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi và giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Phòng Thanh tra - Pháp chế có nhiệm vụ thanh, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật, các quy định liên quan đến đào tạo, NCKH, PVCĐ [H1.05.02.01], [H1.05.02.02].

Các đơn vị Phòng Đào tạo, Phòng QLKH-ĐN-TT, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên, Công đoàn trực tiếp tham gia giám sát chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các văn bản về quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thể hiện thông qua việc đánh giá trong các cuộc họp liên tịch và giao ban đào tạo hàng tháng [H1.05.02.03], [H1.05.02.04].

Phòng Thanh tra - Pháp chế thường xuyên phổ biến các quy định về việc theo dõi, giám sát việc thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H1.05.02.07], [H1.05.02.08], [H1.05.02.10].

Định kỳ hàng năm, các đơn vị có báo cáo về việc triển khai thực hiện việc giám sát các chính sách. Phòng Đào tạo thực hiện giám sát việc giảng dạy học tập của GV, SV thông qua phân công CB trực theo ngày trong tuần, kiểm tra chuyên môn đột xuất. Giáo vụ các khoa kiểm tra nề nếp dạy học của GV và SV trong khoa, tổng hợp theo tháng để báo cáo. Phòng Khảo thí - ĐBCL kiểm tra, giám sát thi cử theo kỳ học và theo kế hoạch thi [H1.05.02.05], [H1.05.02.06], [H1.05.02.09]. Phòng Quản lý KH-ĐN-TT thông qua các báo cáo tiến độ theo giai đoạn. [H1.05.02.13]. Các hoạt động về PVCĐ nhà trường giám sát thông qua các kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện của Công đoàn, Đoàn Thanh niên. [H1.05.02.14], [H1.05.02.15]. Bên cạnh đó, hoạt động giám sát còn được thực hiện qua công tác đánh giá nội bộ, thông qua Hội đồng thi đua, khen thưởng của Trường [H1.05.02.16].

Ban Thanh tra nhân dân của Trường có báo cáo hàng năm về thực hiện giám sát các hoạt động về đào tạo, NCKH và các hoạt động khác trong Trường [H1.05.02.11],

Nhà trường có truyền thống phổ biến kết quả giám sát, kết quả xếp loại tới các cán bộ, GV tại Hội nghị liên tịch hàng tháng, hàng năm thông qua các báo cáo liên tịch, báo cáo tổng kết năm học [H1.05.02.03].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### ***Tiêu chí 5.3. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên.***

#### **1. Mô tả**

Theo kế hoạch chiến lược phát triển, Nhà trường có quy định về rà soát các chính sách định kỳ hàng năm [H1.5.03.01]. Các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức rà soát, cập nhật các văn bản, quy chế, quy định do các quy định của Nhà nước thay đổi và nhằm đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan [H1.5.03.02], [H1.5.03.03], [H1.5.03.04].

Phòng Đào tạo có trách nhiệm tổ chức rà soát các quy định liên quan đến đào tạo trình độ cao đẳng, đại học trình Hiệu trưởng ban hành các quy định mới. Trong những năm qua, đối với trình độ đại học, dựa trên Quy chế về đào tạo đại học

theo hệ thống tín chỉ của Bộ GD&ĐT, Trường đã ban hành Hướng dẫn thực hiện quy chế đào tạo đại học theo hình thức tín chỉ [H1.05.03.05], sau đó thực hiện các hoạt động theo Quy chế đào tạo đại học và tiến hành rà soát trong các Hội nghị đào tạo; sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế [H1.05.03.06], [H1.05.03.07], [H1.05.03.08], [H1.05.03.09], [H1.05.03.10]. Nhà trường còn ban hành kế hoạch công tác đảm bảo đảm bảo chất lượng các năm học [H1.05.03.11].

Đối với Hệ Vừa làm vừa học, Nhà trường cũng ban hành các quy định liên quan đến rà soát, cải tiến chương trình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo [H1.05.03.12], [H1.05.03.13], [H1.05.03.14], [H1.05.03.15], [H1.05.03.16].

Đối với công tác bồi dưỡng ngắn hạn, Nhà trường ban hành các chương trình liên quan đến bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp giáo viên ở các cơ sở giáo dục công lập theo Quyết định của UBND tỉnh Hà Tĩnh [H1.05.03.17]; ban hành chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho người có bằng cử nhân chuyên ngành phù hợp có nguyện vọng trở thành giáo viên tiểu học [H1.05.03.18]. Nhà trường còn phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương thực hiện bồi dưỡng tiếng Lào theo Đề án 165 cho các cán bộ, công chức, viên chức trên cả nước [H1.05.03.19].

Đối với hoạt động nghiên cứu khoa học, Phòng Quản lý KH-ĐN-TT có trách nhiệm tổ chức rà soát các quy định về hoạt động khoa học công nghệ và trình Hiệu trưởng ban hành quy định mới [H1.5.03.20]; tiến hành sửa đổi, bổ sung khi cần thiết [H1.05.03.21], [H1.05.03.22], [H1.05.03.23], [H1.05.03.24].

Bên cạnh đó Nhà trường còn ban hành các văn bản liên quan đến các hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, học viên và qui định các mức khen thưởng sinh viên đạt giải các cấp theo Qui chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H1.05.03.25], [H1.05.03.26]. Trường đã tổ chức nhiều hội thảo khoa học thường niên và có các văn bản xét duyệt các hội thảo hàng năm [H1.05.03.27].

Ngoài ra, Nhà trường còn chú trọng đến chiến lược phát triển đội ngũ để nâng cao chất lượng, đào tạo, nghiên cứu khoa học cũng như quy định cụ thể các hoạt động phục vụ cộng đồng [H1.05.03.28].

Đối với phục vụ cộng đồng, Nhà trường khuyến khích các giảng viên thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học phục vụ sự phát triển kinh tế, xã hội của Hà Tĩnh. Vì vậy, trong những năm gần đây, các đề tài cấp trường, cấp thành phố, cấp tỉnh của giảng viên Trường Đại học Hà Tĩnh luôn được đánh giá cao ở tính thực tiễn [H1.05.03.29].

Bên cạnh đó, các chương trình đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn đã góp phần vào việc thực hiện nâng chuẩn trình độ được đào tạo cũng như bồi dưỡng, cập nhật kiến thức cho giáo viên ở các cơ sở giáo dục công lập theo yêu cầu của UBND tỉnh Hà Tĩnh [H1.05.03.30].

Hằng năm, Công đoàn Trường rà soát các quy định về hoạt động Công đoàn ủng hộ cộng đồng [H1.05.03.31], [H1.05.03.32], [H1.5.03.33]. Đoàn Thanh niên rà soát, cập nhật quy định, kế hoạch hoạt động sinh viên tình nguyện, hiến máu nhân đạo, hỗ trợ xây dựng nông thôn mới...[H1.05.03.34], [H1.05.03.35], [H1.05.03.36].

Trong quá trình triển khai, khi có những khó khăn, vướng mắc, thông qua cuộc họp liên tịch hàng tháng [H1.05.03.37], các cuộc họp chuyên đề hoặc báo cáo tổng kết năm học, các đơn vị trực tiếp thực hiện chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng sẽ có những phản hồi để có sự điều chỉnh kịp thời. Cụ thể như: Phòng Tổ chức-Hành chính [H1.05.03.38], Phòng Đào tạo [H1.05.03.39], Phòng QLKH-ĐN-TT [H1.05.03.40], các Trung tâm [H1.05.03.41], Phòng KT - ĐBCL [H1.05.03.42], [H1.05.03.43], Phòng Thanh tra-Pháp chế [H1.05.03.44], các Khoa, Bộ môn, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Ban thanh tra nhân dân [H1.05.03.45], [H1.05.03.46], [H1.05.03.47].

Bên cạnh việc thực hiện các khảo sát của các bên liên quan [H1.05.03.46], [H1.05.03.47], [H1.05.03.48], [H1.05.03.49], [H1.05.03.50], [H1.05.03.51], Nhà trường còn tổ chức tổng kết năm học, Hội nghị viên chức các năm học để tổng kết, đánh giá các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 5.4. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan***

### ***1. Mô tả***

Trên cơ sở thường xuyên rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ, Trường Đại học Hà Tĩnh đã xây dựng các văn bản nhằm chỉnh sửa, cải tiến, chương trình đào tạo [H1.05.04.01], [H1.05.04.02], [H1.05.04.03]; cải tiến, nâng cao chất lượng sau kiểm định [H1.05.04.04], [H1.05.04.05], [H1.05.04.06]. Việc cải tiến chương trình đào tạo liên thông VLVH có sự rà soát, đánh giá, hài lòng của nhà sử dụng nhân lực [H1.05.04.07].

Lấy người học làm trung tâm, Trường đã lấy ý kiến khảo sát của sinh viên về các chương trình đào tạo, lấy ý kiến sửa sinh viên đánh giá giáo viên [H1.05.04.10]; tổ chức các hội nghị đối thoại giữa sinh viên với Hiệu trưởng [H1.05.04.08], [H1.05.04.09]. Những hoạt động này nhằm nắm bắt thông tin về sự hài lòng của sinh viên để điều chỉnh các chế độ chính sách phù hợp hướng tới sự hài lòng của người học. Bên cạnh đó Trường còn khảo sát tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp và yêu cầu của các nhà tuyển dụng để nắm bắt thông tin phục vụ nhu cầu việc làm của sinh viên [H1.05.04.11].

Hàng năm Trường, các đơn vị trực thuộc tổ chức Hội nghị CBVC để đánh giá những kết quả của năm học trước và thảo luận định hướng các nhiệm vụ trọng tâm của năm học mới. Thông qua hội nghị nhiều ý kiến đóng góp của CBGV đã điều chỉnh các chế độ chính sách đào tạo, NCKH, PVCĐ phù hợp với thực tiễn [H1.05.04.13], [H1.05.04.14], [H1.05.04.15], [H1.05.04.16].

Các đơn vị trực thuộc và Trường có các báo đánh giá theo kì, theo năm [H1.05.04.12], [H1.05.04.17], [H1.05.04.20], [H1.05.04.21]. Đặc biệt có sự điều chỉnh chính sách ưu tiên đối với CBGV có trình độ chuyên môn cao được quy định trong Quy chế chi tiêu nội bộ và văn bản hướng dẫn của tỉnh. Trường đã tăng mức khen thưởng thỏa đáng cho bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài thuộc Scopus, SCI, SSCI từ 12.000.000 - 15.000.000đ/bài. Các giảng viên có học vị tiến sỹ được nhân thêm hệ số 0,2 khi tính giờ lao động [H1.05.04.18], [H1.05.04.19].

Công đoàn Trường hàng năm đã tổ chức quyên góp ủng hộ đồng bào vùng ảnh hưởng của bão lụt; ủng hộ đồng bào miền Nam bị ảnh hưởng do dịch bệnh Covid19, ủng hộ người nghèo, ủng hộ quỹ khuyến học; tổ chức và tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa. Đoàn Thanh niên - Hội SV Trường đã tích cực tổ chức một số chiến dịch tình nguyện quy mô lớn như "Mùa hè xanh", "Mùa xuân tình nguyện", "Hát cho bệnh nhân tôi nghe", "Hiến máu nhân đạo", "Tiếp sức mùa thi"...góp phần phát triển kinh tế xã hội ở địa phương. [H1.05.04.20], [H1.05.04.21].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 5:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Trường Đại học Hà Tĩnh có đầy đủ các văn bản quy định tổ chức, quản lý điều hành và giám sát việc triển khai thực hiện các chính sách về đào tạo, NCKH, PVCĐ. Các quy định, chính sách của Nhà trường được xây dựng dự thảo

để gửi đến các đơn vị góp ý để hoàn thiện văn bản. Trong quá trình thực hiện các văn bản thường xuyên được các đơn vị chức năng giám sát chặt chẽ, các đơn vị chuyên môn chủ động rà soát, bổ sung, điều chỉnh, cập nhật về kế hoạch đào tạo, NCKH, PVCĐ để phù hợp với thực tế của các đơn vị và các văn bản pháp quy của Nhà nước, đồng thời, đáp ứng yêu cầu của các bên liên quan.

- Nhà trường thường xuyên thăm dò, lấy ý kiến của CBGV, SV, nhà tuyển dụng về các chính sách liên quan đến đào tạo, NCKH, PVCĐ. Trường thường xuyên khảo sát ý kiến của SV về chương trình, chất lượng giảng dạy của giáo viên và việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên để điều chỉnh các chính sách cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

- Công đoàn, Đoàn Thanh niên thường xuyên quan tâm, phối hợp tổ chức các hoạt động Đào tạo, NCKH, PVCĐ.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Hội đồng trường chưa được kiện toàn, bổ sung và hoạt động tích cực để hoạch định các chính sách của đơn vị.

- Kế hoạch tập huấn để xây dựng chính sách Đào tạo, NCKH, PVCĐ chưa thường xuyên.

- Việc tham gia của các đơn vị sử dụng lao động vào quá trình xây dựng, rà soát các văn bản liên quan đến đào tạo, NCKH và PVCĐ của Trường còn một số hạn chế do đối tượng học đa dạng.

- Việc cải tiến các chế độ chính sách cho người lao động đã thực hiện nhưng chưa đạt được sự hài lòng của CBGV do nguồn lực hạn chế.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Tiếp tục làm việc với UBND tỉnh để kiện toàn, bổ sung thành viên HĐT	UBND tỉnh, TĐHHT	Từ năm 2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Cần có kế hoạch cụ thể tập huấn đầu năm học để xây dựng chính sách về ĐT, NCKH, PVCĐ	Các phòng: TC-HC, TT-PC, Đào tạo, KT-ĐBCL, QLKH-ĐN-TT, CTCT-HSSV, Đoàn TN, Hội SV	Từ năm 2023	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường lấy ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về	Các phòng: TT-PC, Đào tạo, KT-	Từ năm 2023	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
		chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ.	ĐBCL, QL KH-ĐN-TT, CTCT-HSSV, Đoàn TN, Hội SV		
4	Khắc phục tồn tại 4	Quan tâm nâng cao các chế độ chính sách cho người lao động	Các phòng: KH-TC, Đào tạo, QLKH-ĐN-TT,	Từ năm 2023	
5	Phát huy điểm mạnh 1	Tăng cường khảo sát ý kiến của SV về chương trình, chất lượng giảng dạy của giáo viên và việc làm sau tốt nghiệp của sinh viên để điều chỉnh các chính sách cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn.	Các phòng: TC-HC, TT-PC, KT-ĐBCL, Đào tạo, QLKH-ĐN-TT, CTCT-HSSV, KHTC, Đoàn TN, Hội SV	Từ năm 2023	
6	Phát huy điểm mạnh 2	Nhà trường tiếp tục rà soát, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện chặt chẽ thông qua các đợt đánh giá nội bộ, ĐGN và khảo sát ý kiến các bên liên quan.	Các phòng: TC-HC, TT-PC, KT-ĐBCL, Đào tạo, QL KH-ĐN-TT, CTCT-HSSV, KH-TC, Đoàn TN, Hội SV	Từ năm 2023	

#### **4. Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b>Tiêu chuẩn 5</b>	<b>4,00</b>
Tiêu chí 5.1	4
Tiêu chí 5.2	4
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	4

## Tiêu chuẩn 6. Quản trị nguồn nhân lực

### *Tiêu chí 6.1. Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ*

#### **1. Mô tả**

Việc quy hoạch nguồn nhân lực là nhiệm vụ quan trọng trong quá trình phát triển Nhà trường nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động giảng dạy và NCKH. Quy hoạch nguồn nhân lực được thể hiện rõ trong Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết đại hội đại biểu Đảng bộ Trường và chương trình công tác của Đảng ủy về tăng cường công tác đào tạo và phát triển đội ngũ TĐHHT nhiệm kỳ 2020-2025 [H6.06.01.01]; [H6.06.01.02]; [H6.06.01.03]; [H6.06.01.04]; [H6.06.01.05], và được cụ thể hóa trong Chiến lược phát triển TĐHHT đến 2020 tầm nhìn đến 2030 [H6.06.01.06] và Dự thảo Đề án phát triển Trường giai đoạn 2023-2028, định hướng 2035 [H6.06.01.07].

Thực hiện Đề án củng cố, đổi mới nhà trường giai đoạn 2016-2020, đến năm 2022 chất lượng đội ngũ viên chức của nhà trường đã được nâng lên, tỷ lệ GV đạt chức danh GV chính tăng lên đáng kể tuy nhiên, tỷ lệ GV có trình độ tiến sĩ vẫn còn ít. Chính vì vậy, trên cơ sở đánh giá kết quả thực hiện công tác phát triển đội ngũ viên chức giai đoạn 2016-2020, Nhà trường rà soát, xác định các chỉ tiêu phấn đấu về đội ngũ trong giai đoạn 2022-2030, tuy nhiên, các chỉ tiêu phấn đấu về nhân sự mới chỉ tập trung vào đội ngũ GV.

Trình độ của đội ngũ GV được thể hiện như sau:

**Bảng 6.1.1. Trình độ đội ngũ GV TĐHHT**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0							
2	PGS	1	0,57	1						1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0						
4	Tiến sĩ	34	19,32	20	14		18	11	5	
5	Thạc sĩ	137	77,84	40	97	1	77	47	12	
6	ĐH	4	2,27	2	2		2	1	1	
7	CD	0	0,00							
8	Trung cấp	0	0,00							
9	Trình độ khác	0	0,00							
	<b>Tổng cộng</b>	176	100	63	113	1	97	59	18	1



Tính đến tháng 12/2022, đội ngũ GV của trường là 176 người đã đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Tuy nhiên, số lượng GV cơ hữu đến thời điểm này chưa đảm bảo theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ GD&ĐT.

Từ các văn bản chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng trường, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển trường, trong đó nội dung phát triển nguồn nhân lực là nhiệm vụ trọng tâm, Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản liên quan đến phát triển nguồn nhân lực, chiến lược về nhân sự của trường như: Kế hoạch đào tạo đội ngũ [H6.06.01.08], Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.01.09]; [H6.06.01.10].

Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ đội ngũ CB, GV giai đoạn 2023-2026 đã xác định rõ:

Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ để nâng cao chất lượng đội ngũ GV, CBQL và NV, tạo bước chuyển biến cơ bản trong việc nâng cao chất lượng giáo dục, đào tạo của Tỉnh Hà Tĩnh nói chung và TĐHHT nói riêng trong giai đoạn 2023 - 2026.

Đảm bảo mục tiêu giữ mã ngành đào tạo theo yêu cầu của Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Bộ Giáo dục đào tạo về quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ. Đặc biệt quan tâm xây dựng đội ngũ CBQL để làm nòng cốt trong việc không ngừng nâng cao chất lượng dạy học và quản lý Nhà trường.

Nâng cao trình độ, năng lực giảng dạy, năng lực quản lý, NCKH và các hoạt động khác của GV trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu về trình độ tiêu chuẩn của chức danh nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, trong Quyết định phê duyệt danh mục vị trí việc làm, Khung năng lực từng vị trí việc làm TĐHHT của UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành cũng đã tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng nhu cầu về nguồn nhân lực của đơn vị, xác định tiêu chí và các vị trí công việc nhằm phục vụ cho công tác quy hoạch đội ngũ CBGV, NV [H6.06.01.11].

Trường đã có văn bản đề xuất với UBND tỉnh Hà Tĩnh về danh mục ngành nghề tinh cần đào tạo và hỗ trợ sau tuyển dụng [H6.06.01.12].

Để xây dựng đội ngũ CBQL kè cận có chất lượng, Đảng ủy trường chỉ đạo thực hiện nghiêm túc công tác quy hoạch CB. Công tác quy hoạch viên chức quản lý được giao cho Văn phòng là đầu mối. Căn cứ hướng dẫn của Chính phủ, Tỉnh ủy Hà Tĩnh, Nhà trường đã có những văn bản cụ thể để triển khai công tác quy hoạch viên chức quản lý [H6.06.01.13]; [H6.06.01.14]; [H6.06.01.15]; [H6.06.01.16]. Hàng năm, Nhà trường thực hiện công tác rà soát, bổ sung và xây dựng quy hoạch CB đảm bảo đúng mục đích, yêu cầu, nội dung và quy trình hướng dẫn của cấp trên. Rà soát, đưa ra khỏi danh sách quy hoạch những trường hợp không đạt chuẩn; đồng thời, giới thiệu những CB trẻ có triển vọng phát triển để bổ sung vào danh sách quy hoạch [H6.06.01.17]; [H6.06.01.18]. Kết quả quy hoạch được thông báo đến toàn thể viên chức trong các đơn vị, là cơ sở để đào

tạo, bồi dưỡng CB về chuyên môn nghiệp vụ. Công tác quy hoạch đã đảm bảo tầm nhìn dài hạn, lựa chọn, quy hoạch CB cấp chiến lược theo từng nhiệm kỳ cụ thể, công tác quy hoạch bảo đảm tính “động” và “mở”, tính kế thừa CB trẻ trong quy hoạch CB [H6.06.01.19].

Như vậy, để đảm bảo được đội ngũ và chất lượng nguồn nhân lực, Nhà trường đã xây dựng các chính sách về nhân sự để thực hiện tốt công tác quy hoạch, trong đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc lợi, môi trường làm việc và chính sách thu hút, giữ chân nhân tài. Tuy nhiên, công tác quy hoạch nguồn nhân lực ở TĐHHT chưa quan tâm đến quy hoạch phát triển đội ngũ viên chức là chuyên viên nhằm xây dựng đội ngũ CB tham mưu, phục vụ đủ mạnh đáp ứng yêu cầu sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, còn thiếu các cơ chế để thu hút, giữ chân nhân tài.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 6.2. Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn (bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự) được xác định và được phổ biến***

### **1. Mô tả**

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn là tổng hợp những phẩm chất, kiến thức, trình độ, kỹ năng, hành vi để có thể hoàn thành tốt một công việc cụ thể trong Trường. Muốn tuyển dụng và lựa chọn được nhân lực tốt cần phải xây dựng được hệ thống các tiêu chí phù hợp với vị trí việc làm. Nhận thức sâu sắc vấn đề này, Nhà trường đã xây dựng các văn bản quy định về tiêu chuẩn quy trình, tiêu chí tuyển dụng [H6.06.02.01]; những tiêu chí cơ bản định hướng về đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự như: phẩm chất, trình độ, kinh nghiệm công tác, chức danh nghề nghiệp, năng lực (cốt lõi, chuyên môn, quản lý...) đối với từng đối tượng [H6.06.02.02].

Hệ thống tiêu chí tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm được xây dựng dựa trên các văn bản quy định của chính phủ [H6.06.02.03].

Các văn bản quy định và thông báo về các tiêu chí, quy trình tuyển dụng, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự đều được phổ biến rộng rãi tới các đơn vị và cá nhân trong Trường qua con đường công văn và được chia sẻ trong drive; đồng thời, được thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của Trường (<http://htu.edu.vn>). Riêng Thông báo về tuyển dụng viên chức còn được thông báo rộng rãi trên bảng tin của Nhà trường và được đăng tải trên báo, Đài Phát thanh-Truyền hình tỉnh.

Trong giai đoạn 2018-2022: Nhà trường đã bổ nhiệm 52 CBQL cấp khoa, phòng và tương đương, bao gồm: Trưởng đơn vị 13 (có 06 bổ nhiệm lại), 22 Phó trưởng đơn vị (có 08 bổ nhiệm lại), 20 Trưởng bộ môn (có 10 bổ nhiệm lại), trong số này có 100% nằm trong quy hoạch CBQL của Trường. Nhà trường đã tổ chức các đợt tuyển dụng viên chức năm 2020; kết quả có 9 người được tuyển dụng đặc cách. Bên cạnh việc tuyển dụng, trong những năm gần đây, thực hiện chủ trương

sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn của Tỉnh ủy, số lượng CBGV của Trường đã giảm qua từng năm.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### ***Tiêu chí 6.3. Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm CB, GV, NV khác nhau***

#### **1. Mô tả**

Việc xác định và xây dựng tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm CB, giáo viên, NV khác nhau sẽ tùy thuộc vào phân cấp quản lý quản bộ. Tại TĐHHT, đối với CB lãnh đạo Đảng (BTV, BCH Đảng bộ thuộc thẩm quyền quản lý của BTV Đảng ủy Khối, tiêu chuẩn, năng lực sẽ do Ban Thường vụ Đảng ủy Khối quy định). Trong giới hạn của Tiêu chí 6.3. Phòng TCHC phân tích và minh chứng theo hướng tiêu chuẩn của chính quyền. Theo đó, đối với CB diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý bao gồm các thành viên lãnh đạo Trường: Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng; theo Quy định 11-QĐ/TU, ngày 20/12/2021 của Tỉnh ủy Hà Tĩnh về quy định về phân cấp quản lý CB, bổ nhiệm giới thiệu CB ứng cử thì đây là các chức danh do Ban Tổ chức Tỉnh ủy quyết định phê duyệt quy hoạch CB, UBND tỉnh bổ nhiệm; được xác định điều kiện tiêu chuẩn theo các quy định sau: Luật Giáo dục ĐH ngày 18/6/2020 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ĐH ngày 19/11/2018; Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ĐH; Quy định số 1198-QĐ/TU, ngày 16/12/2019 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tiêu chuẩn chức danh, tiêu chí đánh giá CB thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý và nay được thay thế bằng Quy định 03-QĐ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Danh mục vị trí việc làm, khung năng lực từng vị trí việc làm TĐHHT ban hành kèm theo Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh [H6.06.03.01]. Đối với CB lãnh đạo quản lý thuộc đối tượng diện Ban Thường vụ Đảng ủy Trường quản lý, Trường đã ban hành Quy định về bổ nhiệm CB trưởng, phó đơn vị trực thuộc Trường [H6.06.03.02]. Ngoài ra trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường còn Quy định tiêu chuẩn năng lực của từng nhóm CB lãnh đạo, quản lý, GV và NV của Trường, đã xác định những yêu cầu cụ thể về năng lực cho từng vị trí, chức danh trong bộ máy tổ chức, quản lý của Trường [H6.06.03.03]. Theo Đề án vị trí việc làm của TĐHHT được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt, đã xác định tiêu chuẩn năng lực của đội ngũ CB, GV và NV của Trường, với số vị trí việc làm là... vị trí, được phân theo ... nhóm công việc. Tương ứng với mỗi vị trí việc làm đều có sự mô tả về khối lượng công việc cần thực hiện theo chức năng và quy định khung năng lực cho vị trí đó [H6.06.03.04]. Đối với các đối tượng là GV còn quy định về chế độ làm việc của GV, quy định về thực hiện giờ NCKH, quy định về đào tạo nâng cao trình độ [H6.06.03.05]. Trong công tác tuyển dụng, khi có thông báo tuyển dụng đều xác định rõ vị trí cần tuyển dụng ứng với yêu cầu tiêu chuẩn cụ

thể đáp ứng được yêu cầu vị trí [H6.06.03.06]. Sau khi được tuyển dụng các ứng viên phải cam kết về nghĩa vụ thực hiện đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng, nghiệp vụ [H6.06.03.07]. Hằng năm, Trường đều thực hiện báo cáo số liệu về công tác tổ chức, CB, thực hiện duyệt biên chế quỹ lương qua Sở Nội vụ [H6.06.03.08]. Qua đó xây dựng được hệ thống dữ liệu về đội ngũ, nhằm sàng lọc và có kế hoạch đào tạo phát triển đội ngũ đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ [H6.06.03.09]. Rà soát, bổ sung hồ sơ CB thường xuyên, cập nhật đầy đủ mọi sự thay đổi về lý lịch và hồ sơ liên quan [H6.06.03.10]. Trong thực hiện xây dựng, rà soát, bổ sung quy hoạch CB các giai đoạn, Đảng ủy đã hướng dẫn cụ thể về tiêu chuẩn và triển khai thực hiện nghiêm túc [H6.06.03.11]. Trên cơ sở rà soát sắp xếp tổ chức bộ máy, kết quả quy hoạch CB, Trường đã thực hiện các quy trình bổ nhiệm CB theo đúng quy định [H6.06.03.12].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

***Tiêu chí 6.4. Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB, GV, NV được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó***

### ***1. Mô tả***

Trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 và Đề án phát triển Trường giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến năm 2030, bên cạnh tuyển dụng và tiếp nhận thì đào tạo bồi dưỡng được coi là một trong những giải pháp mũi nhọn, trọng điểm nhất để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của Nhà trường, với những tiêu chí và giải pháp cụ thể [H6.06.04.01].

Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB, GV và NV của Trường đã được xác định trong Đề án phát triển Trường được cụ thể hoá bằng những mục tiêu và giải pháp cụ thể. Phát triển đội ngũ trực tiếp làm công tác giảng dạy, NCKH; phấn đấu đến 2025 có 90% GV bảo đảm đủ các tiêu chuẩn qui định và đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển trường đa ngành, đa lĩnh vực theo định hướng nghiên cứu ứng dụng và đủ điều kiện mở một số mã ngành đào tạo được trình độ thạc sĩ. Phấn đấu đến 2030, mở được một số ngành đào tạo được tiến sĩ và tự đào tạo nhân lực cho Trường. Chiến lược các giai đoạn cũng đề ra giải pháp để đạt mục tiêu trên như xây dựng quy định đào tạo, đề án bồi dưỡng GV, có cơ chế chính sách khuyến khích và bắt buộc CB, GV đi đào tạo, bồi dưỡng [H6.06.04.02]. Ngoài ra, Nghị quyết số 46/2021/NQ-HĐND ngày 16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025 cũng có tác động khuyến khích, thúc đẩy đội ngũ GV TĐHHT đi đào tạo nâng cao trình độ [H6.06.04.03].

TĐHHT còn thể hiện nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ CB, GV, NV trong các văn bản gửi Sở Nội vụ và UBND tỉnh về đề xuất ngành nghề tỉnh cần [H6.06.04.04] và đăng ký Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm [H6.06.04.05].

Bên cạnh mục tiêu đào tạo bồi dưỡng, phát triển đội ngũ về chỉ số Nhà trường đã ban hành Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng giai đoạn 2023-2026, trong đó trọng tâm vào đào tạo GV có trình độ Tiến sĩ, bồi dưỡng tự chủ nghề nghiệp cho GV, bồi dưỡng năng lực QLNN về giáo dục, kỹ năng ứng xử giao tiếp, thực hiện văn hóa công vụ cho chuyên viên, bồi dưỡng chuẩn chức danh nghề nghiệp, chuẩn theo tiêu chí của vị trí việc làm cho CBVC, bồi dưỡng nâng cao trình độ tin học, ngoại ngữ cho CBGV đặc biệt, GV phải dạy được bằng ngoại ngữ [H6.06.04.06]. Ngoài ra, vấn đề đi đào tạo, bồi dưỡng cũng là một nội dung được Nhà trường yêu cầu các đơn vị trực thuộc, đặc biệt là các khoa đưa vào Kế hoạch năm học của từng đơn vị [H6.06.04.07].

Để quản lý công tác đào tạo bồi dưỡng, Nhà trường đã xây dựng Quy định đào tạo bồi dưỡng đối với CB, viên chức, người lao động trong Trường và có sự rà soát sửa đổi bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tiễn trong từng giai đoạn nhằm tạo cơ chế chính sách mở, động viên toàn bộ nguồn nhân lực tham gia quá trình bồi dưỡng và tự bồi dưỡng [H6.06.04.08]. Nhà trường cũng có chính sách thưởng ưu đãi đối với CBVC trúng tuyển và bảo vệ thành công luận án Tiến sĩ, được bổ nhiệm chức danh PGS, GS hoặc tham gia các khóa bồi dưỡng tại nước ngoài đạt kết quả tốt [H6.06.04.09]. Tuy nhiên, do những điều kiện chủ quan về hoàn cảnh gia đình và nguồn kinh phí hỗ trợ chưa cao nên trong những năm qua số lượng GV đi đào tạo tiến sĩ vẫn còn hạn chế.

Đối với lãnh đạo quản lý và diện được quy hoạch vào chức danh lãnh đạo quản lý, Nhà trường tập trung bồi dưỡng đủ chuẩn theo chức danh được bổ nhiệm: LLCT, bồi dưỡng QPAN cho đối tượng 2, đối tượng 3, bồi dưỡng học tập quán triệt các Nghị quyết, chuyên đề, chương trình công tác của Đảng [H6.06.04.10], [H6.06.04.11], [H6.06.04.12].

Đối với GV, năm 2019, Nhà trường đã mở lớp Bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp GV chính. Hầu như toàn bộ GV trong Trường đã tham gia [H6.06.04.12].

Hàng năm, Nhà trường đều có tổng kết đánh giá công tác đào tạo bồi dưỡng và coi đây là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, phân loại CB, công chức, viên chức, người lao động [H6.06.04.13]

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 6.5. Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD***

### **1. Mô tả**

Công tác thi đua khen thưởng được Nhà trường phổ biến rộng rãi thông qua hệ thống văn bản hướng dẫn và triển khai thực hiện chế độ ghi nhận, khen thưởng. Công tác thi đua khen thưởng được giao cho Ban Thi đua - Khen thưởng trường thực hiện gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu

công việc được thực hiện thành công, đồng góp vào mục tiêu chung của Trường [H6.06.05.01], [H6.06.05.02]. Nhà trường có quy trình, tiêu chí rõ ràng để đánh giá hiệu quả công việc của CB, GV, NV căn cứ các quy định pháp luật về đánh giá xếp loại chất lượng viên chức và các văn bản nội bộ của Nhà trường [H6.06.05.03], [H6.06.05.04].

Việc đánh giá hiệu quả công việc của viên chức dựa trên việc đánh giá thi đua khen thưởng hàng tháng [H6.06.05.05], đánh giá xếp loại chất lượng viên chức và bình bầu thi đua khen thưởng cuối mỗi năm học. Thường trực Thi đua - Khen thưởng tham mưu lãnh đạo Nhà trường trong việc rà soát hồ sơ, sắp xếp tiêu chí đánh giá theo quy định và thực hiện các công tác thi đua khen thưởng, Phòng TC-HC là bộ phận tham mưu đánh giá xếp loại chất lượng viên chức cuối năm học [H6.06.05.06].

Việc xếp loại lao động hàng tháng được thực hiện theo Quy chế Thi đua - Khen thưởng, với các mức A, B, C và các tiêu chí rõ ràng về việc thực hiện kết quả công việc về chất lượng, tiến độ, tinh thần trách nhiệm, việc thực hiện các quy định, quy chế và đạo đức nghề nghiệp [H6.06.05.07]. Kết quả xếp loại hàng tháng được sử dụng làm căn cứ để trả các khoản thu nhập tăng thêm, tiền thưởng, bình bầu thi đua [H6.06.05.03].

Nhà trường có các tiêu chí về đạo đức, lối sống, giờ giảng dạy, đổi mới phương pháp giảng dạy, biên soạn sách, giáo trình phục vụ đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tham gia công tác quản lý SV. Ngoài ra, Nhà trường còn có các quy định về việc khen thưởng cho các cá nhân được bổ nhiệm PGS, GVCC; đạt giải trong các cuộc thi văn nghệ, chuyên môn cấp trường trở lên, bảo vệ luận án tiến sĩ, thạc sĩ thành công, chủ nhiệm đề tài NCKH, chủ trì biên soạn tài liệu... [H6.06.05.08], [H6.06.05.09], [H6.06.05.03].

Đối với đánh giá xếp loại chất lượng viên chức: Viên chức làm báo cáo TĐG, mức xếp loại kết quả công tác theo chức trách, nhiệm vụ được giao, đơn vị tổ chức cuộc họp toàn thể viên chức trong đơn vị để nhận xét, đánh giá đối với viên chức. Đồng thời lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của chi ủy nơi viên chức công tác. Nhà trường sẽ xem xét, quyết định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức [H6.06.05.01].

Đối với bình xét danh hiệu thi đua cuối mỗi năm học: Viên chức viết bản TĐG kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học, tự chấm điểm, tự nhận danh hiệu thi đua. Sau đó, bộ môn tổ công tác họp tổng kết đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của cá nhân và bình xét thi đua tại bộ môn, tổ công tác. Đơn vị trực thuộc trường tổ chức Hội nghị tổng kết năm học tại đơn vị tiến hành chấm điểm, bình xét thi đua cho cá nhân. Hội đồng thi đua - Khen thưởng trường họp bình xét duyệt thi đua khen thưởng cho các cá nhân [H6.06.05.01].

Kết quả đánh giá xếp loại viên chức được lấy làm căn cứ cho các quyết định về thi đua, khen thưởng viên chức phải được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên mới đủ điều kiện được bình xét chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, trong năm học 2020-2021, 2021-2022 tất cả các viên chức thuộc diện hoàn thành xuất sắc

nhiệm vụ đều được bình bầu danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở trở lên [H6.06.05.10].

Kết quả thi đua khen thưởng là điều kiện và cơ sở để thực hiện nâng bậc lương trước thời hạn đối với viên chức, mỗi năm có gần 40 viên chức được xét nâng bậc lương trước thời hạn, các thành tích được xét gồm chiến sĩ thi đua các cấp, bằng khen các cấp... [H6.06.05.11], [H6.06.05.12]. Các chính sách này giúp Nhà trường đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó hơn nữa với Nhà trường.

Dữ liệu đánh giá kết quả xếp loại CB, viên chức và thi đua khen thưởng trong 05 năm chu kỳ đánh giá, số lượng CBVC hoàn thành xuất sắc và hoàn thành tốt nhiệm vụ, chiến sĩ thi đua cấp cơ sở rất cao, cụ thể:

**Bảng 6.5.1. Kết quả xếp loại chất lượng viên chức TĐHHT  
Từ 2018 - 2022**

<b>Kết quả xếp loại chất lượng</b>	<b>Năm 2017-2018</b>	<b>Năm 2018-2019</b>	<b>Năm 2019-2020</b>	<b>Năm 2020-2021</b>	<b>Năm 2021-2022</b>
Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	99	96	114	66	63
Hoàn thành tốt nhiệm vụ	301	342	277	377	305
Hoàn thành nhiệm vụ	11	8	8	18	9
Không hoàn thành nhiệm vụ	0	0	2	0	1
Không xét	12	9	5	3	2

**Bảng 6.5.2. Kết quả xếp loại thi đua khen thưởng viên chức TĐHHT từ  
2018 - 2022**

<b>HTKT/DHTĐ</b>	<b>Cá nhân</b>					<b>Tập thể</b>			
	<b>LĐTT</b>	<b>CSTĐCS</b>	<b>CSTĐT</b>	<b>GK</b>	<b>BK</b>	<b>LĐTT</b>	<b>XSCT</b>	<b>GK</b>	<b>BK</b>
<b>Năm học 2017-2018</b>	349	51	01	26	10	27	05	0	01
<b>Năm học 2018-2019</b>	335	46	0	6	09	19	03	0	01
<b>Năm học 2019-2020</b>	351	50	01	20	09	22	01	04	01
<b>Năm học 2020-2021</b>	332	50	0	29	10	23	02	09	01
<b>Năm học 2021-2022</b>	300	39	0	22	10	19	0	0	03

Bên cạnh việc khen thưởng dựa vào hiệu quả công việc xếp loại hàng tháng [H6.06.05.07], Nhà trường còn khen thưởng, khích lệ đối với các trường hợp có thành tích đột xuất, có đóng góp cho nhà trường như giành giải thưởng các cuộc thi uy tín, hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ đột xuất, hoàn thành chương trình học vượt tiến độ, có công trình, bài báo đăng trên tạp chí, tham gia viết sách hay đạt các giải thưởng KHCN...[H6.06.05.07],

Kết quả khen thưởng CB, GV, NV hàng năm, kỳ được nhà Trường công bố rộng rãi thể hiện sự khích lệ, ghi nhận sự đóng góp của CB, GV, NV [H6.06.05.08]. Đối với các trường hợp khen thưởng cấp tỉnh, Bộ, Trung ương [H6.06.05.09] sẽ được Nhà trường vinh danh trong các buổi lễ trang trọng của Trường như Lễ khai giảng, ngày Nhà giáo Việt Nam.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### ***Tiêu chí 6.6. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên***

#### ***1. Mô tả***

Phòng TC-HC, TĐHHT là đơn vị chức năng trực thuộc Trường có trách nhiệm xây dựng, tổ chức triển khai thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình, quy hoạch về nguồn nhân lực. [H6.06.6.01] Việc rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch liên quan đến công tác CB được thực hiện một cách thường xuyên; định kỳ hằng tháng, năm đều có báo cáo triển khai thực hiện [H6.06.6.02] định kỳ hằng quý đều tiến hành họp Hội đồng lương để rà soát các chế độ, chính sách, tiền lương, các vấn đề thay đổi theo văn bản mới [H6.06.6.03] các khoản phụ cấp, phúc lợi, tiền khen thưởng và các chế độ thực hiện theo quy định tại Quy chế chi tiêu nội bộ [H6.06.6.04] định kỳ theo năm học sẽ được rà soát, sửa đổi, bổ sung và thông qua tại Hội nghị viên chức, người lao động [H6.06.6.05] Nhiều quy chế, quy định liên quan đến chế độ chính sách đối với CBVC cũng được Nhà trường rà soát, đánh giá và chỉnh sửa cho phù hợp. Đồng thời kiến nghị lên cấp trên nhiều chế độ, chính sách đãi ngộ cho đội ngũ CB, viên chức Trường được tỉnh phê duyệt [H6.06.6.06].

Thực hiện các nghị quyết, đề án và chủ trương của cấp trên về việc rà soát, sắp xếp tổ chức bộ máy, bố trí vị trí việc làm, năm 2019 TĐHHT đã xây dựng Đề án sắp xếp vị trí việc làm và được UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt theo Quyết định số 1926/QĐ-UBND ngày 22/6/2020 [H6.06.6.07]. Tiếp tục thực hiện các chủ trương về sắp xếp bộ máy theo Nghị định 120/NĐ-CP, ngày 30/3/2021, TĐHHT đã xây dựng Đề án số 01/ĐA-TĐHHT về việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy TĐHHT báo cáo Sở Nội vụ [H6.06.6.08]. Trên cơ sở đó, TĐHHT xây dựng Đề án rà soát đội ngũ, bố trí, sắp xếp theo vị trí việc làm, tinh giản đội ngũ, trước hết là thực hiện cắt giảm hợp đồng lao động chuyên môn [H6.06.6.09] đồng thời xây dựng kế hoạch rà soát sắp xếp đội ngũ CBQL [H6.06.6.10] và xây dựng quy hoạch CB gắn với sắp xếp bộ máy theo đúng quy định đảm bảo tính kế thừa, phát huy được năng lực của đội ngũ CB trẻ. [H6.06.6.11].



Đồng thời với việc rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực, Nhà trường còn ban hành một số văn bản mới phù hợp với điều kiện thực tế của Trường và cập nhật các quy định của cấp trên. [H6.06.6.12] Hệ thống văn bản của Trường được định kỳ rà soát, bổ sung, sửa đổi đáp ứng yêu cầu mới theo chủ trương của cấp trên cũng như phù hợp với tình hình thực tế của Trường [H6.06.6.13].

Như vậy, TĐHHT đã thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách do Nhà nước và Nhà trường quy định đối với viên chức, người lao động, các chế độ, chính sách và vấn đề liên quan đến nhân lực được rà soát thường xuyên.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 6.7. Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD***

#### ***1. Mô tả***

Dựa trên kết quả rà soát về chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực, Trường tiến hành phân tích tình hình nhân sự cụ thể để cải tiến, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới các quy chế, quy định, hướng dẫn nhằm hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCD.

Quy định về tuyển dụng được Nhà trường thường xuyên cập nhật, áp dụng văn bản pháp luật về tuyển dụng, trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch tuyển dụng phù hợp với thực tiễn của Nhà trường. Quy trình xét tuyển được Nhà trường áp dụng từ năm 2010 với các tiêu chí tuyển dụng rõ ràng và ngày một nâng cao đã giúp Nhà trường tuyển dụng được GV với chất lượng tốt hơn [H6.06.07.01], [H6.06.07.02].

Hàng năm, Nhà trường đều có hướng dẫn đánh giá xếp loại chất lượng viên chức và hướng dẫn thi đua, khen thưởng [H6.06.07.03]. Hướng dẫn được bổ sung cập nhật theo hướng cụ thể và thực tế hóa các tiêu chuẩn, tiêu chí xét cho phù hợp với điều kiện và đặc thù công tác của Trường. Trước năm 2020, viên chức thực hiện đánh giá phân loại viên chức theo Nghị định 56/NĐ-CP ngày 9/6/2015 của Chính Phủ, sau năm 2020 viên chức thực hiện đánh giá xếp loại chất lượng viên chức theo quy định tại Nghị định 90/NĐ-CP ngày 13/8/2020 của Chính phủ, kết quả đánh giá phân loại viên chức làm cơ sở xét thi đua. GV muốn được công nhận danh hiệu chiến sĩ thi đua cấp cơ sở, ngoài các tiêu chí phải đạt hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì còn phải có đề tài NCKH được nghiệm thu trong năm. Đối với viên chức công nhận là sáng kiến được quy định và cụ thể hoá thêm qua các năm, nhấn mạnh đến tính sáng tạo, đổi mới của việc thực hiện các nhiệm vụ, quy trình. Qua đó, việc bình xét thi đua khen thưởng mang tính thiết thực, có tác dụng tốt trong việc khuyến khích cá nhân và đơn vị phát huy sáng tạo, đổi mới để hoàn thành tốt nhiệm vụ đào tạo, NCKH và PVCD [H6.06.07.04].

Các quy định về NCKH được Nhà trường thường xuyên xây dựng, bổ sung và cập nhật hàng năm [H6.06.07.05]. Hệ thống các quy định về NCKH bao gồm: Quy định quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ năm, Quy định đạo đức trong

đào tạo và NCKH năm, Quy định về biên soạn, thẩm định và sử dụng giáo trình năm, quy định về hoạt động sở hữu trí tuệ năm, quy định về tổ chức và hoạt động các nhóm nghiên cứu năm. Hiện tại, quy định về quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ đang được phòng Khoa học và Công nghệ nghiên cứu, dự thảo quy định mới cho phù hợp tình hình thực tiễn [H6.06.07.06]. Tuy nhiên, các mục chi tiêu cho hoạt động KHCN được thay thế, bổ sung thường xuyên thông qua quy chế chi tiêu nội bộ. Bên cạnh đó, Quy chế thi đua khen thưởng cũng có quy định khen thưởng trong hoạt động NCKH [H6.06.07.07].

Quy chế chi tiêu nội bộ là văn bản quy định về chế độ, tiền thưởng, chế độ chính sách đối với người lao động. Hàng năm, thông qua Hội nghị viên chức và người lao động, Nhà trường đã lấy ý kiến rộng rãi toàn thể CBVC về quy chế chi tiêu nội bộ. Quy chế ban hành năm 2017, sửa đổi bổ sung năm 2019, 2020 và ban hành mới Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2022 [H6.06.07.08]. Quy chế chi tiêu nội bộ thường xuyên được rà soát bổ sung các chế độ chi cho KHCN, thu nhập tăng thêm, thi đua khen thưởng, chi cho CBGV đi học tập bồi dưỡng, dự hội nghị hội thảo...

Đối với GV, quy định về chế độ làm việc của GV là quy định xuyên suốt điều chỉnh các hoạt động giảng dạy và NCKH. Trong chu kỳ đánh giá, Chế độ làm việc của GV được ban hành thay thế 01 lần. Chế độ làm việc của GV ban hành năm 2019 thực hiện theo quy định tại Thông tư số 47/2014/QĐ-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT Quy định Chế độ làm việc đối với GV, sau đó, để phù hợp với quy định về chế độ làm việc của GV được Bộ GD&ĐT ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ GD&ĐT Quy định chế độ làm việc của GV CSGD ĐH [H6.06.07.09]. Quy định chế độ làm việc của GV quy định chi tiết về cách tính giờ chuyển giảng dạy và NCKH, hệ số tăng cường độ, giảm trừ định mức đối với GV giữ chức vụ quản lý... Quy định mới bổ sung nội dung quy định đối với trợ giảng, điều này rất phù hợp với xu thế chung của các trường ĐH địa phương hiện nay khi nguồn tuyển GV là SV tốt nghiệp loại giỏi, xuất sắc nhưng chưa đủ điều kiện bổ nhiệm chức danh GV theo quy định.

Liên tục rà soát và cải thiện chế độ, chính sách liên quan đến việc nâng cao chất lượng đội ngũ CB, GV, NV đã giúp không ngừng nâng cao chất lượng công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ của viên chức Trường ĐHHT là nền tảng tạo động lực GV tiếp tục làm việc cống hiến.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 6:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- TĐHHT đã thực hiện tốt công tác quản lý nguồn nhân lực. Nhà trường đã xây dựng Đề án phát triển trường, Đề án vị trí việc làm mang tính tổng thể và đồng bộ ở các nhóm và các khâu của công tác CB. Trong Đề án đã quy định cụ

thể về tiêu chuẩn năng lực, trong đó bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm viên chức, của từng vị trí việc làm cụ thể.

- Nhà trường đã ban hành các Quy định về chế độ làm việc của viên chức, Quy chế chi tiêu, Quy định về đào tạo, bồi dưỡng, quy định về bổ nhiệm, quản lý viên chức. Các quy định, quy chế này là các căn cứ để thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm và thực hiện các chính sách về nhân sự, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của Nhà trường.

- Nhà trường có các hướng dẫn cụ thể về đánh giá CB, thi đua khen thưởng, có các hình thức thi đua khen thưởng riêng, phù hợp với pháp luật và thực tiễn tại trường. Từ đó viên chức lập thành tích được ghi nhận động viên kịp thời, khách quan, tạo động lực làm việc cho viên chức và người lao động, góp phần tạo tính hấp dẫn cho môi trường làm việc để thu hút các GV có trình độ cao và năng lực tốt từ các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác.

- Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên và tích cực cải tiến vì vậy số lượng và chất lượng đội ngũ lao động ngày càng phát triển, đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Do Nhà trường chưa có Hội đồng trường nên vẫn chưa ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động.

- Mặc dù các quy định đã được cập nhật, bổ sung thường xuyên nhưng chưa đồng bộ, một số quy định thời gian ban hành đã lâu, có những điểm không phù hợp với tình hình thực tế như quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ.

- Quy định về công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ chuyên viên chưa được xây dựng thành văn bản, quy chế.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Thực hiện quy trình thành lập Hội đồng trường để sớm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động	BGH; Văn phòng Đảng uỷ, Phòng TC-HC	Năm học 2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng và ban hành mới quy định quản lý hoạt động khoa học và công nghệ	Phòng QLKH-ĐN-TT	Từ năm học 2023-2024	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Khắc phục tồn tại 3	Ban hành kế hoạch phát triển đội ngũ viên chức là chuyên viên nhằm xây dựng đội ngũ CB tham mưu, phục vụ đủ mạnh đáp ứng yêu cầu sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi	Phòng TC-HC	Từ năm học 2023-2024	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Rà soát vị trí việc làm của viên chức đảm bảo đúng người, đúng việc, phát huy năng lực của viên chức, đặc biệt là GV	Phòng TC-HC	Các năm tiếp theo	
	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên rà soát và cải tiến các quy định, quy chế cho phù hợp với các quy định pháp luật, phù hợp với thực tiễn của Nhà trường và để thực hiện các giải pháp đột phá chiến lược về nhân sự	Các phòng ban chức năng	Các năm tiếp theo	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục có hướng dẫn cụ thể các chế độ đánh giá CB, thi đua khen thưởng, có các hình thức thi đua khen thưởng riêng, phù hợp với pháp luật và thực tiễn tạo môi trường làm việc hấp dẫn cho CB, GV.	Các phòng ban chức năng	Các năm tiếp theo	
7	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát, cải tiến các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực ĐBCL đội ngũ lao động ngày càng	Lãnh đạo trường Văn phòng Đảng uỷ,	Hằng năm	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		phát triển, đáp ứng tốt công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ.	Phòng TC-HC		

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 6</b>	<b>4,86</b>
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	4
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

#### Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

**Tiêu chí 7.1. Hệ thống lập kế hoạch triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của CSGD để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.**

##### 1. Mô tả

Nhà trường có bộ phận xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính là Phòng KH-TC. Phòng KH-TC có chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp Hiệu trưởng xây dựng và thực hiện kế hoạch về tài chính, quản lý tập trung các nguồn vốn, quỹ, nguồn kinh phí của Nhà trường theo chế độ quy định của Nhà nước, Quyết định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị [H7.07.01.01], theo đó, có ghi cụ thể nhiệm vụ của phòng KH-TC: “Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách Nhà nước giao hàng năm, các nguồn thu từ học phí, lệ phí và các nguồn thu khác, chủ động cân đối giữa các nguồn thu và nhu cầu chi để đảm bảo kinh phí duy trì ổn định toàn bộ các hoạt động của Trường; Thu và quản lý các nguồn thu, thanh toán các khoản chi, kiểm tra, kiểm soát tình hình chấp hành dự toán thu - chi, tình hình thực hiện các chỉ tiêu kinh tế - tài chính và các tiêu chuẩn định mức của Nhà nước cũng như của trường đảm bảo việc quản lý, sử dụng các nguồn kinh phí của trường theo đúng quy định, đúng mục đích và

có hiệu quả”. Phòng KHTC cũng có văn bản phân công nhiệm vụ cụ thể của các viên chức trong Phòng [H7.07.01.02].

Nhà trường ban hành Chiến lược phát triển Trường ĐHHT giai đoạn 2018-2025 và định hướng đến năm 2035 [H7.07.01.03]. Theo đó, nội dung về tài chính đã xác định: “Phấn đấu đến năm 2025 đảm bảo tự chủ 50% và đến năm 2030 tự chủ 100% kinh phí chi thường xuyên”. Ngoài ra, trong các thời điểm tổ chức hội nghị của Nhà trường, Phòng KH-TC cũng tham gia báo cáo tham luận về tài chính như: Chiến lược phát triển nguồn tài chính (giai đoạn 2018-2022); Định hướng tài chính trong hoạt động dịch vụ đào tạo; khai thác nguồn tài chính trong loại hình đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên [H7.07.01.04]. Trên cơ sở chiến lược dài hạn, phòng KH-TC thực hiện cụ thể hóa kế hoạch tài chính ngắn hạn thể hiện thông qua việc xây dựng kế hoạch dự toán ngân sách hằng năm [H7.07.01.05] và được UBND tỉnh Hà Tĩnh Quyết định giao dự toán hằng năm [H7.07.01.06]. Trong giai đoạn 2018-2022, Tổng nguồn kinh phí chi thường xuyên là: 230.466 triệu đồng, bao gồm nguồn dự toán ngân sách được giao là: 136.989 triệu đồng và thực hiện thu từ nguồn thu sự nghiệp là: 93.477 triệu đồng (trong đó thu từ học phí chính quy là: 41.515 triệu đồng; thu từ hoạt động đào tạo dịch vụ là: 51.962 triệu đồng). Cụ thể theo bảng 7.1.1 dưới đây:

**Bảng 7.1.1. Nguồn tài chính giai đoạn 2018-2022**

*ĐVT: Triệu đồng*

<b>TT</b>	<b>Nguồn tài chính</b>	<b>Năm 2018</b>	<b>Năm 2019</b>	<b>Năm 2020</b>	<b>Năm 2021</b>	<b>Năm 2022</b>	<b>Tổng cộng</b>
1	Ngân sách nhà nước cấp	48.079	35.483	55.959	41.055	33.988	214.564
1,1	<i>Chi thường xuyên</i>	28.049	28.349	27.469	25.727	27.395	136.989
1,2	<i>Chi không thường xuyên</i>	20.030	7.134	28.490	15.328	6.593	77.575
2	Nguồn thu sự nghiệp	21.580	17.484	16.199	20.917	17.297	93.477
2,1	<i>Nguồn thu học phí chính quy</i>	5.154	6.044	9.683	9.325	11.309	41.515
2,2	<i>Nguồn thu dịch vụ khác</i>	16.426	11.440	6.516	11.592	5.988	51.962
	<b>Tổng cộng</b>	<b>69.659</b>	<b>52.967</b>	<b>72.158</b>	<b>61.972</b>	<b>51.285</b>	<b>308.041</b>

Nhà trường xây dựng kế hoạch tài chính và thực hiện quản lý tài chính theo các quy định về tài chính của Nhà nước và của tỉnh Hà Tĩnh: Xây dựng kế hoạch ngân sách theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh hằng năm. Trong giai đoạn 2018-2021, Nhà trường thực hiện cơ chế quản lý tài chính theo Nghị định 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006 của Chính phủ; Thông tư số 71/2006/TT-BTC ngày 09/8/2006 của Bộ Tài chính Hướng dẫn thực hiện Nghị định số 43/2006/NĐ-CP, QĐ giao tự chủ [H7.07.01.07]; năm 2022 tự chủ theo NĐ 60-CP thông tư 56/2022/TT-BTC hướng dẫn thực hiện NĐ 60-CP, Quyết định giao tự chủ [H7.07.01.08]. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên, Trường xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ, đồng thời cập nhật điều chỉnh bổ sung [H7.07.01.09], trong đó quy định các nội dung chi

theo chế độ chính sách của Nhà nước và của tỉnh Hà Tĩnh, đồng thời phù hợp khả năng tình hình nguồn tài chính của đơn vị. Các báo cáo quyết toán hằng năm của Nhà trường [H7.07.01.10] được Sở Tài chính Hà Tĩnh thẩm định và phê duyệt [H7.07.01.11], qua đó cho thấy Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và quản lý tài chính theo quy định. Thực hiện báo cáo công khai theo quy định: công khai quyết toán [H7.07.01.12]; ban hành quy trình thu học phí [H7.07.01.13]; Thông báo công khai mức thu học phí hằng năm [H7.07.01.14].

Nghiệp vụ kế toán tài chính của Trường được ứng dụng hệ thống công nghệ thông tin thông qua các phần mềm: phần mềm kế toán hành chính sự nghiệp (Công ty MISA) [H7.07.01.15]. Trong giai đoạn 2018-2022, tổng số nguồn tài chính chi thường xuyên và không thường xuyên của Trường là: 308.041 triệu đồng, trong đó ngân sách nhà nước cấp: 214.564 triệu đồng; nguồn thu sự nghiệp: 93.477 triệu đồng (trong đó thu từ học phí hệ chính quy: 41.515 triệu đồng và thu từ hoạt động dịch vụ đào tạo: 51.962 triệu đồng). Nhà trường đã triển khai thực hiện với tổng số chi là: 271.475 triệu đồng. Trong đó, chi cho con người: 157.788 triệu đồng chiếm tỉ lệ 58,12 %; chi cho hoạt động NCKH: 2.380 triệu đồng chiếm tỉ lệ 0,88 % (trong đó NCKH giảng viên: 1750 triệu đồng và hỗ trợ NCKH trong sinh viên: 630 triệu đồng); chi cho người học (học bổng khuyến khích học tập): 7.311 triệu đồng chiếm tỉ lệ 2,69 %; chi cho hoạt động đoàn thể, hoạt động hành chính, dịch vụ công cộng: 21.044 triệu đồng chiếm tỉ lệ 7,75%; chi cho bồi dưỡng đội ngũ: 1.700 triệu đồng chiếm tỉ lệ 0,63%; chi cho hoạt động đào tạo: 46.919 triệu đồng chiếm tỉ lệ 17,31%; chi cho mua sắm trang thiết bị: 34.271 triệu đồng chiếm tỉ lệ 12,62%. Cụ thể theo Bảng 7.1.2

**Bảng 7.1.2. Nguồn tài chính triển khai giai đoạn 2018 đến 2022**

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Nội dung	2018	2019	2020	2021	2022	Cộng	Tỷ lệ %
1	Tổng thu	69.659	52.967	72.158	61.972	51.285	308.041	
2	Tổng chi	60.946	47.367	66.308	54.086	42.768	271.475	
2,1	Chi cho con người	33.235	31.086	31.567	31.504	30.386	157.778	58,12
2,2	chi cho người học (học bổng)	1.680	1.412	889	1.985	1.345	7.311	2,69
2,3	Chi hoạch động đào tạo	21.079	6.859	8.362	7.561	3.130	46.991	17,31
2,4	Chi NCKH	550	550	450	420	410	2.380	0,88
2,5	Chi đào tạo bồi dưỡng đội ngũ	350	400	300	300	350	1.700	0,63
2,6	Chi đầu tư mua sắm			20.000	10.271	4.000	34.271	12,62
2.6.1	Chi từ nguồn thu			20.000	10.271	4.000	34.271	12,62
2.6.2	Chi từ quỹ PTHĐSN						-	
2,7	Chi dịch vụ công cộng, chi hoạt động khác	4.052	7.060	4.740	2.045	3.147	21.044	7,75
3	Nộp ngân sách	503	455	386	475	365	2.184	

Trên cơ sở báo cáo quyết toán, các kế hoạch tài chính cũng được rà soát, đánh giá cập nhật định kỳ hằng năm thông qua báo cáo tình hình tài chính trong hội nghị viên chức của Nhà trường [H7.07.01.16]. Ngoài ra, qua các hội nghị về hoạt động đào tạo, hoạt động NCKH, sinh hoạt đối thoại với sinh viên [H7.07.01.17], Nhà trường rà soát, định hướng trong kế hoạch tài chính, cân đối lại khả năng nguồn tài chính để kịp thời đáp ứng triển khai các nhu cầu hoạt động thực sự cần thiết, giảm bớt một số nội dung chi chưa thực sự cấp bách trong kế hoạch chiến lược phát triển của Trường nhằm nâng cao hiệu quả trong quản lý và sử dụng nguồn tài chính, thực hiện tốt công tác thực hành tiết kiệm chống lãng phí. Trong giai đoạn 2018-2022, tình hình tuyển sinh gặp nhiều khó khăn, kết quả tuyển sinh đạt thấp so với kế hoạch dự toán được giao dẫn đến nguồn dự toán ngân sách cấp giảm. Nhà trường đã chủ động nắm bắt thông tin nhu cầu xã hội theo từng thời điểm thích hợp và có các giải pháp đúng lúc, kịp thời nhằm tăng cường nguồn thu hoạt động dịch vụ đào tạo thông qua việc triển khai đẩy mạnh tuyển sinh tổ chức đào tạo (ngoài đào tạo chính quy) như: đào tạo liên thông chính quy; liên thông vừa làm vừa học, văn bằng thứ 2. Đồng thời, Nhà trường cũng khai thác tối đa các loại hình bồi dưỡng cấp chứng chỉ như: bồi dưỡng nâng hạng giáo viên; bồi dưỡng cán bộ quản lý giáo dục... [H7.07.01.18].

Ngoài ra, Trường chủ động đề xuất các cấp, các ngành quan tạo điều kiện về cơ chế chính sách các lĩnh vực: đào tạo, NCKH, bộ máy biên chế nhân sự, cơ chế phân bổ định mức chi thường xuyên từ năm 2022, đề án phát triển Trường giai đoạn 2023-2028 tầm nhìn 2035 [H7.07.01.19] tạo thuận lợi cho nhà trường ổn định và có điều kiện để phát triển. Xây dựng kế hoạch kinh phí đầu tư công trung hạn giai đoạn 2020-2025 [H7.07.01.20] để từng bước tăng cường CSVC, trang thiết bị, hoàn thiện thư viện điện tử và các phòng chức năng đảm bảo đồng bộ, nâng chất lượng các giờ học thực hành, phục vụ tốt công tác đào tạo và NCKH, Hợp đồng mua sắm thiết bị [H7.07.01.21]. Góp phần nâng cao kết quả kiểm định chất lượng của cơ sở đào tạo theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành***

### **1. Mô tả**

*Nhà trường có bộ phận xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các bộ phận chủ trì thực hiện công tác CSVC và CSHT được nhà trường giao chủ trì là: Ban Quản lý dự án, phòng Quản trị và phòng Kế hoạch - Tài chính được ban hành*



theo chức năng nhiệm vụ, quy chế tổ chức hoạt động và được giao nhiệm vụ cụ thể [H2.07.02.01].

*Nhà trường có các kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.* Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Hà Tĩnh tới năm 2020 và tầm nhìn đến 2030 và xây dựng chiến lược phát triển Trường Đại học Hà Tĩnh giai đoạn 2023 - 2028 tầm nhìn 2035, trong đó có chiến lược CSVC và nguồn lực tài chính [H2.07.02.02]; Hằng năm có bảng tổng hợp thống kê nhu cầu và kế hoạch về cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo được phê duyệt [H2.07.02.03].

*Cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được đầu tư và bảo trì theo các kế hoạch đã được ban hành.* Trường Đại học Hà Tĩnh có đủ số phòng học, giảng đường lớn, phòng thực hành, thí nghiệm phục vụ cho dạy, học và NCKH đáp ứng yêu cầu của từng ngành đào tạo của nhà trường [H2.07.02.04], [H2.07.02.05]. Sau hơn 65 năm hình thành và phát triển tiền thân là Trường Trung cấp Sư phạm nay là Trường Đại học Hà Tĩnh sở hữu 4 cơ sở với tổng diện tích hơn 90 ha [H2.07.02.06] trong đó chỉ triển khai công tác đào tạo tại 2 cơ sở. Cơ sở Cẩm Vịnh là cơ sở chính đang đào tạo bậc đại học với Nhà Hiệu bộ 15 tầng đã được trang bị cơ sở vật chất khá đồng bộ [H1.07.02.07], có 06 nhà ký túc xá, mỗi nhà 5 tầng, tổng sức chứa 3.000 SV [H2.07.02.08]; 03 nhà giảng đường có khả năng đáp ứng 100 % quy mô học tập và giảng dạy tương đương khoảng 4.500 SV [H2.07.02.09]. Cơ sở Đại Nài với trường TH, THCS & THPT và trường Mầm non IvyHSchool hiện đang đào tạo 1.000 học sinh phổ thông và mầm non. Kết quả thực hiện trung hạn chiến lược phát triển CSVC nêu trên, trong giai đoạn 2018 - 2023 nhà trường thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cải tạo cơ sở vật chất; Thiết bị - Nội thất phục vụ hoạt động nhà hiệu bộ 15 tầng [H2.07.02.07]; thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý đào tạo Trường Đại học Hà Tĩnh [H2.07.02.10]; thiết bị phục vụ giảng dạy theo hợp đồng số 01/2020/ĐHHT-LH ngày 26/11/2020 [H2.07.02.11]; nhà trường còn đầu tư cải tạo chống xuống cấp giảng đường A5, A3, Ký túc xá B3, A1 và A2 [H2.07.02.12]; hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng và đầu tư trang thiết bị đã làm cho nhiều chỉ tiêu quan trọng về cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng được tăng lên đáp ứng yêu cầu về CSVC, CSHT phục vụ cho giáo dục đại học theo chiến lược đề ra. Hằng năm Nhà trường lập và triển khai kế hoạch duy tu, bảo dưỡng, nâng cấp, mở rộng CSVC và CSHT mua sắm trang thiết bị để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H2.07.02.03].

*Các kế hoạch về cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị được thực hiện và được rà soát đánh giá hằng năm.*

Hàng năm có bảng tổng hợp thống kê nhu cầu và kế hoạch về cải tạo, sửa chữa nâng cấp cơ sở vật chất và trang thiết bị phục vụ đào tạo được phê duyệt [H2.07.02.03]. Nhà trường đã thực hiện đầy đủ việc đánh giá hiệu quả của trang thiết bị phục vụ các hoạt động của Trường làm cơ sở để xây dựng kế hoạch khai thác và bổ sung thiết bị. Việc kiểm kê thiết bị tài sản định kỳ và đánh giá lại tài sản hàng năm đã thực hiện đúng quy định [H2.07.02.13].

*Nhà trường có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.* Nhà trường cũng tiến hành khảo sát đánh giá hiệu quả sử dụng CSVC trang thiết bị dạy học và sự hài lòng về CSVC trang thiết bị dạy học đối với CBGV và HSSV trong trường thông qua đánh giá nội bộ (phiếu đánh giá nội bộ) [H2.07.02.14]; Trường ĐHHT có dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Có sổ theo dõi, sổ tài sản, có phần mềm quản lý tài sản trong đó có theo dõi, cập nhập, đánh giá tài sản hàng năm. Sổ nhật ký thực hiện, kiểm tra định kỳ các thiết bị. Kiểm tra, giám sát, nghiệm thu công việc thực hiện các dự án cải tạo sửa chữa, chống xuống cấp CSVC, cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị phục vụ đào tạo, NCKH, phục vụ cộng đồng [H2.07.02.15];

*Nhà trường có cải tiến cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị.* Thực hiện kế hoạch trung hạn chiến lược phát triển CSVC nêu trên, trong giai đoạn 2018-2023 nhà trường thực hiện các dự án đầu tư xây dựng mở rộng CSVC mới [H2.07.02.16]; Các dự án đầu tư xây dựng và đầu tư trang thiết bị đã làm cho nhiều chỉ tiêu quan trọng về CSVC và cơ sở hạ tầng không ngừng được tăng thêm đáp ứng yêu cầu về CSVC giáo dục đại học theo chiến lược, cụ thể triển khai tốt. Các dự án đầu tư xây dựng cải tạo cơ sở vật chất; Thiết bị - Nội thất phục vụ hoạt động Nhà hiệu bộ 15 tầng, thiết bị hạ tầng công nghệ thông tin và phần mềm quản lý đào tạo Trường Đại học Hà Tĩnh, thiết bị phục vụ giảng dạy theo hợp đồng số 01/2020/ĐHHT - LH ngày 26/11/2020 tổng số tiền hơn 57 tỷ đồng;

Công tác cải tiến được thực hiện thường xuyên Phòng Quản trị là đơn vị có chức năng quản lý tổng thể các trang thiết bị của nhà trường, có nhiệm vụ xây dựng, giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, nâng cấp CSVC và cơ sở hạ tầng của Nhà trường, Trung tâm CNTT chịu trách nhiệm về trang thiết bị tin học phục vụ dạy và học. Tại mỗi lớp học đều có thông tin và số điện thoại của tổ kỹ thuật Trung tâm CNTT và phòng Quản trị nên khi có sự cố xảy ra thì tổ kỹ thuật hỗ trợ kịp thời, đảm bảo quá trình dạy và học được diễn ra liên tục [H2.07.02.17]. Có thể nói, các trang thiết bị của Nhà trường được đảm bảo về số lượng và chất lượng, được sử dụng có hiệu quả đáp ứng được yêu cầu cho hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hiện tại, công tác đánh giá chất lượng CSVN, CSHT tại trường được đánh giá theo kênh người sử dụng. Việc này sẽ dần được hiệu chỉnh trong những năm tới. Để nâng cao hiệu quả phục vụ, công tác tự đánh giá sẽ được đi vào thực chất hơn thông qua việc phân công rõ trách nhiệm của các cá nhân, đơn vị có liên quan. Phòng Quản trị, Trung tâm CNTT và Phòng Kế hoạch - Tài chính có trách nhiệm rà soát để điều chỉnh, hợp lý hóa các quy trình các công việc.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành.***

### **1. Mô tả**

Hệ thống công nghệ thông tin (CNTT) và cơ sở hạ tầng (CSHT) trong trường đại học đóng vai trò rất quan trọng đến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH (nghiên cứu khoa học) và phục vụ cộng đồng (PVCD).

Trong những năm qua, Nhà trường đã từng bước thiết lập và vận hành qua các năm các hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Hiện nay, Trường Đại học Hà Tĩnh (ĐHHT) luôn chú trọng đến đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, khai thác hệ thống cơ sở dữ liệu, tài liệu thư viện phục vụ nhu cầu quản lý, giảng dạy, học tập, NCKH và phục vụ cộng đồng của cán bộ, giảng viên và SV. Trường ĐHHT đã thành lập Trung tâm Công nghệ thông tin (trước đó là Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học - Kỹ năng mềm) để giao nhiệm vụ phụ trách công tác Công nghệ thông tin của toàn trường được thể hiện qua chức năng và nhiệm vụ của Trung tâm CNTT, website đơn vị <https://itc.htu.edu.vn> [H3.07.03.01]. Trung tâm CNTT có chức năng tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong việc thực hiện công tác hoạch định, phát triển hệ thống CNTT; quản lý, tư vấn, hỗ trợ vận hành, ứng dụng và phát triển hệ thống CNTT; quản lý cổng thông tin điện tử của trường (website: <https://htu.edu.vn>); tổ chức đào tạo các lớp ngắn hạn về CNTT; tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng CNTT cơ bản.

Trung tâm CNTT của Trường ĐHHT đã lập bảng hệ thống CNTT theo bảng kiểm kê tài sản các đơn vị, thống kê cơ sở vật chất hàng năm [H3.07.03.02], [H3.07.03.03] như sau:

**Bảng 7.3.1. Hệ thống CNTT của Trường ĐHHT**

TT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung
1	Phòng máy chủ [H3.07.03.04]	- Có 05 máy chủ (trong đó có 03 máy chủ có thể ảo hóa) , tủ rack, Switch, Router, firewall, ổ cứng máy chủ, hệ thống điều hòa không khí, thiết bị phòng cháy chữa cháy
2	Phòng thực hành máy tính, Phòng LAB [H3.07.03.05]	- 08 phòng máy tính (02 phòng tại CS Đại Nài, 06 phòng tại CS Cẩm Vịnh) dùng cho thi trắc nghiệm trên máy tính và giảng dạy các môn học và tập huấn - 01 phòng họp trực tuyến
3	Hạ tầng mạng [H3.07.03.06]	- Hệ thống cáp quang nội bộ kết nối các toàn nhà với hơn 6000m - Trang bị hệ thống 260 điểm phát Wifi phủ sóng toàn trường tốc độ cao đáp ứng 2000 SV, cán bộ và giáo viên có thể truy cập đồng thời Internet - Hệ thống 240 camera giám sát nhà 15 tầng, khu giảng đường và KTX - 15 đường truyền Internet
4	Hệ thống bảo mật [H3.07.03.07]	Sử dụng firewall cứng và phần mềm diệt vi rút
5	Quyền truy cập [H3.07.03.08]	- Tài khoản email đối với cán bộ, giáo viên tên miền @htu.edu.vn của Google và @hu.edu.vn của MS Office 365 - Tài khoản email đối với SV, HV tên miền @htu.edu.vn của Google và @hu.edu.vn của MS Office 365
6	Các phần mềm quản lý [H3.07.03.09]	- Cổng thông tin Trường ĐHHT - Trang website về thông tin đào tạo - Trang website về Công nghệ thông tin - Phần mềm Quản lý đào tạo - Edusoft - Phần mềm thi trắc nghiệm trên máy tính

TT	Hạ tầng và dịch vụ CNTT	Nội dung
		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phần mềm kế toán (kế hoạch tài chính)</li> <li>- Phần mềm quản lý văn bản (eOffice)</li> <li>- Phần mềm Elearning (el.htu.edu.vn)</li> <li>- Hệ thống office 365 với tên miền hu.edu.vn</li> <li>- Hệ thống thư điện tử sử dụng hệ thống gmail với tên miền htu.edu.vn</li> <li>- Phần mềm về họp trực tuyến Meet, Teams, Zoom</li> <li>Phần mềm Thư viện</li> <li>- Phần mềm đào tạo trực tuyến, thi trắc nghiệm online và quản lý nhân sự của Trường Đại học Hà Tĩnh (đang xây dựng)</li> </ul>

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin - truyền thông của Trường ĐHTT đến năm 2020, tầm nhìn chiến lược đến năm 2030 [H3.07.03.10]. Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số của Trường ĐHTT đến năm 2025, tầm nhìn chiến lược đến năm 2030 .

Hàng năm, trên cơ sở đề nghị của các đơn vị gửi về và định hướng phát triển của Nhà trường, Trung tâm CNTT lập báo cáo và xây dựng kế hoạch về công tác đầu tư, mua sắm trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực CNTT và được tập hợp trong Kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất hàng năm [H3.07.03.11]. Dựa trên kế hoạch này Nhà trường đã thường xuyên thực hiện các hoạt động đầu tư, nâng cấp thiết bị, phần mềm công nghệ thông tin. Việc đầu tư, mua sắm, nâng cấp các trang thiết bị liên quan đến CNTT đều thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, tất cả đều có hồ sơ cung cấp, lắp đặt hạ tầng và thường xuyên bảo trì, sửa chữa, thay thế [H3.07.03.12].

#### **Hệ thống bảo trì đã được thiết lập và vận hành.**

+ Căn cứ vào nhu cầu và kế hoạch hàng năm của các đơn vị, Trung tâm CNTT và phòng Quản trị phối hợp với các đơn vị trong toàn trường xây dựng kế hoạch và thực hiện lập hồ sơ cung cấp lắp đặt hạ tầng, bảo trì, sửa chữa thay thế [H3.07.03.11]. Nhờ vậy, hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng CNTT được thường xuyên đầu tư cung cấp đáp ứng ngày càng tốt hơn các nhu cầu.

Bên cạnh việc kiểm tra thường xuyên về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị CNTT. Hàng năm, Trung tâm CNTT xây dựng kế hoạch đầu tư, sửa chữa bảo trì, nâng cấp hạ tầng CNTT và trang thiết CNTT [H3.07.03.11].

#### **Hệ thống kiểm tra đã được thiết lập và vận hành:**

Hàng năm, Trung tâm Công nghệ thông tin phối hợp với phòng Quản trị tổ chức kiểm tra toàn bộ các thiết bị CNTT, máy tính, máy chủ, thiết bị mạng, bàn

ghê trang thiết bị phòng máy tính, loa mic hệ thống âm thanh, ánh sáng, điều hòa, máy in, máy phô tô, camera, tai nghe trong các phòng máy tính [H3.07.03.11].

Nhà trường có hệ thống tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ các cán bộ, giảng viên và SV về hệ thống và sự cố [H3.07.03.13].

Quy trình xử lý sự cố được thực hiện theo quy định của nhà trường [H3.07.03.14].

### **Hệ thống nâng cấp các thiết bị CNTT đã được thiết lập và vận hành:**

Dựa vào kết quả đánh giá hệ thống CNTT của SV và các bên liên quan hàng năm, hàng năm Nhà trường đã đầu tư trang thiết bị CNTT và mua sắm máy tính bổ sung cho các phòng học và phòng làm việc.

Trên cơ sở các ý kiến phản hồi, kết quả kiểm tra thường xuyên và định kỳ, Trung tâm CNTT đề xuất việc thực hiện cải tạo, cải tiến hệ thống nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn cho nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD. Bảng thống kê kết quả cải tiến hạ tầng và dịch vụ công nghệ thông tin hàng năm [H7.07.03.15].

Quy trình nâng cấp thiết bị CNTT như sau:

Nhu cầu của các đơn vị sử dụng - Trung tâm CNTT tiếp nhận và tổng hợp, đề xuất trong kế hoạch hoạt động và kế hoạch ngân sách - Ban xét duyệt - Ban Giám hiệu quyết định - Phòng Quản trị phối hợp các đơn vị chức năng thực hiện - Mua sắm đấu thầu - Tổ chức thực hiện [H3.07.03.12].

Để tổ chức và lưu trữ dữ liệu cho các hoạt động quản lý, Nhà trường có một phòng máy chủ [H3.07.03.04] với các thiết bị có cấu hình tương đối mạnh, trong đó có những máy chủ dành riêng cho các hoạt động sao lưu dữ liệu (đặt tại tòa nhà 15 tầng), hoạt động quản lý đào tạo, hoạt động quản lý thư viện... Hệ thống các bộ lưu điện được đầu tư để dự phòng cho các trường hợp xảy ra sự cố.

Bên cạnh đó, để chủ động cho việc quảng bá thông tin trên Internet (địa chỉ <https://htu.edu.vn>), Nhà trường đã thuê máy chủ web (web hosting) tại VNPT có đường truyền Internet tốc độ cao, bảo mật tốt, đáp ứng được nhu cầu truy cập của đông đảo của người dùng [H7.07.03.04], Bên cạnh đó, phòng máy chủ của Nhà trường đã được nâng cấp để có khả năng ảo hóa và đảm bảo các yêu cầu cần thiết của phòng máy chủ để nâng cao chất lượng dịch vụ, giảm chi phí.

Mỗi cán bộ, giảng viên và HV đều được cung cấp một tài khoản cá nhân cho việc truy cập vào cổng thông tin điện tử chính thức của Trường. Nhà trường đã cấp cho mỗi CBVC và SV một tài khoản Email mang tên miền của Trường (...@htu.edu.vn - Gmail; ...@hu.edu.vn - MS Office) để trao đổi thông tin kịp thời. Nét nổi bật trong việc ứng dụng CNTT trong giảng dạy và học tập của Nhà trường là việc ứng dụng hệ thống hỗ trợ giảng dạy và học tập trực tuyến Elearning và hệ thống dạy và học trực tuyến qua MS Teams [H3.07.03.08].

### **CNTT đã đáp ứng được yêu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng:**

Để nhận biết nhu cầu và đánh giá mức độ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng, Trung tâm CNTT thường xuyên phối hợp với Phòng Quản trị, Phòng KT-ĐBCL tiến hành khảo sát về nhu cầu và mức độ hài lòng của người sử dụng trong

Trường, tổ chức lấy ý kiến bằng phương khảo sát online được tiến hành định kỳ hàng năm. Số liệu gần đây cho thấy mức độ hài lòng đối với hoạt động phục vụ của TTCNTT có mức phản hồi ngày càng tốt hơn [H7.07.03.13]

- Nhà trường đã cung cấp đầy đủ hệ thống CNTT phục vụ nhu cầu đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng:

- Cung cấp đủ thư điện tử với 3.500 tài khoản, cho cán bộ, giảng viên và SV toàn trường [H3.07.03.08].

- Cung cấp đủ tài khoản Teams cho cán bộ, giảng viên và SV với 120 nhóm, 3000 tài khoản để dạy và học trực tuyến [H3.07.03.08.1].

- Cung cấp hệ thống Wifi phủ sóng toàn trường, 15 đường truyền 1752 Mbps và 260 bộ phát [H7.07.03.06].

- Cung cấp hệ thống 12 đường Internet phục vụ cán bộ, giảng viên, SV (các phòng học và phòng máy tính) [H7.07.03.06].

- Cung cấp đầy đủ máy tính cho các phòng thực hành [H7.07.03.05].

- Cung cấp hệ thống website, gồm 3 website chính (<https://htu.edu.vn/>; <https://ts.htu.edu.vn/>; <https://thongtindaotao.htu.edu.vn/>) và 24 website các đoàn thể và đơn vị [H3.07.03.16].

- Cung cấp hệ thống phần mềm quản lý phục vụ các hoạt động của nhà trường: Phần mềm Quản lý đào tạo - Edusoft, Phần mềm kế toán (kế hoạch tài chính - Misa), Phần mềm quản lý thư viện - Libol...

Phần mềm Elearning (đang hoàn thiện), Hệ thống office 365 với tên miền [htu.edu.vn](https://htu.edu.vn), Hệ thống, Phần mềm Thư viện số - Tài liệu nội sinh, Phần mềm lịch công tác (Calendar) [H3.07.03.09].

- Cung cấp hệ thống thi trắc nghiệm tiếng Anh trên máy tính phục vụ 5.000 lượt thi mỗi năm, hệ thống thi chứng chỉ ứng dụng CNTT căn bản cho cán bộ, giảng viên và SV và thí sinh ngoài trường [H7.07.03.09].

Với mục tiêu chung là ứng dụng nhanh và hiệu quả công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập, NCKH, phục vụ cộng đồng và hiện đại hóa công tác quản lý của nhà trường đáp ứng yêu cầu của một trường Đại học. Vì vậy, hệ thống CSHT CNTT luôn được lập kế hoạch, bảo trì, nâng cấp thường xuyên và liên tục nhằm đáp ứng ngày một tốt hơn nhu cầu đào tạo, NCKH, PVCD.

Đặc biệt là năm học 2021-2022, Nhà trường đã đầu tư nâng cấp hệ, hạ tầng CNTT, phần mềm Quản lý đào tạo - Edusoft, bao gồm [H3.07.03.06]:

+ Hạ tầng cáp quang kết nối các tòa nhà giảng đường (A1, A3; A5), nhà điều hành (nhà 15 tầng), thư viện và 06 tòa nhà KTX

+ Thiết bị quản lý tập trung camera và wifi

+ Hệ thống cáp tại các nhà giảng đường A1, A3, A5

+ Hệ thống camera giám sát tại giảng đường và KTX

+ Hệ thống wifi tại giảng đường và KTX

+ Hạ tầng cho các phòng tin học

+ Hạ tầng cho các phòng học đa năng

+ Hạ tầng, thiết bị cho phòng học trực tuyến

+ Phần mềm quản lý Đào tạo - Edusoft.net

Trong năm học 2022-2023, Nhà trường tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Kế hoạch chuyển đổi số của Trường ĐHHT đến năm 2025, tầm nhìn chiến lược đến năm 2030. Xây dựng Phần mềm đào tạo trực tuyến, thi trắc nghiệm online và quản lý nhân sự của Trường ĐHHT. Qua đó đẩy nhanh việc chuyển đổi số của Nhà trường.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 7.4. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học thuật như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu trực tuyến, v.v. để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành***

### **1. Mô tả**

Trường ĐHHT đã từng bước thiết lập hệ thống và đầu tư tăng cường các nguồn học liệu của thư viện thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH đáp ứng nhu cầu và yêu cầu đào tạo và phục vụ cộng đồng.

Nhà trường đã giao cho các bộ phận quản trị nguồn lực học tập chủ trì và quản lý: Trung tâm Thông tin - Thư viện, Trung tâm Công nghệ Thông tin và Phòng Quản trị trực thuộc trường, được ban hành theo chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động và chịu trách nhiệm quản lý [H4.07.04.01].

Về thiết bị hỗ trợ giảng dạy và học tập Nhà trường đã giao cho Phòng Quản trị và Trung tâm Công nghệ Thông tin quản lý và phục vụ nhu cầu dạy và học của hoạt động đào tạo. Phòng Quản trị quản lý hệ thống cơ sở vật chất, giảng đường, phòng học phục vụ công tác giảng dạy theo kế hoạch đào tạo và thời khóa biểu đào tạo của Nhà trường. Giảng đường và các phòng học được đầu tư trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy hiện đại như Projector, loa, âm thanh, ánh sáng đáp ứng tiêu chuẩn, yêu cầu dạy và học theo tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 3981:85 [H4.07.04.02]. Trung tâm Công nghệ Thông tin với chức năng, nhiệm vụ quản lý hệ thống các phòng học đa phương tiện, phòng Lab phục vụ nhu cầu dạy và học cũng như theo dõi hoạt động thiết bị hỗ trợ giảng dạy [H4.07.04.03]. Trung tâm Thông tin - Thư viện thực hiện chức năng và nhiệm vụ cung cấp nguồn học liệu, tài nguyên thông tin phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa [H4.07.04.04].

Nhà trường có kế hoạch, chủ trương đầu tư tổng thể các hạng mục của các đơn vị liên quan, trong đó có chủ trương đầu tư, phát triển các nguồn lực học tập để đáp ứng các nhu cầu đào tạo, học tập và nghiên cứu. Xây dựng hệ thống thư viện và xây dựng hệ thống tư liệu giảng dạy và học tập về cơ sở vật chất, trang thiết bị và học liệu đáp ứng các tiêu chuẩn về: Diện tích thư viện, diện tích thư viện/ sinh viên, số đầu sách, số tạp chí, số CSDL online, chi phí mua sách báo, chi phí CSDL online, chi phí thư viện/sinh viên [H4.07.04.05].

Công tác bổ sung tài nguyên thông tin là giáo trình và tài liệu tham khảo để phục vụ người học và đề cương môn học được thực hiện theo tiêu chuẩn ISO



9001:2008. Quy trình bổ sung tài liệu từ cấp Bộ môn - Khoa - Thư viện trình Ban Giám hiệu ký duyệt và căn cứ vào nhu cầu đề xuất bổ sung tài nguyên thông tin từ giảng viên và sinh viên. Hàng năm Trung tâm Thông tin - Thư viện đã xây dựng kế hoạch năm học về hoạt động thư viện và công tác bổ sung tài nguyên thông tin. Tài nguyên thông tin được bổ sung là giáo trình và tài liệu tham khảo bằng nguồn kinh phí của Nhà trường thông qua yêu cầu đề nghị từ giảng viên của các khoa chuyên môn [H4.07.04.06].

Từ năm 2010 nguồn tài liệu giấy của thư viện được quản lý bằng phần mềm Libol 6.0 với 06 phân hệ đảm bảo cho một thư viện điện tử vận hành tốt. Nguồn tài liệu số hiện nay là tài liệu nội sinh của nhà trường bao gồm đề tài NCKH, luận án, luận văn, tạp chí khoa học của Nhà trường được quản lý bằng phần mềm mã nguồn mở DSPACE phục vụ trực tuyến 24/24 [H4.07.04.07]. Tính đến tháng 12 năm 2022, về tài liệu truyền thống, Trung tâm Thông tin - Thư viện có 11.774 tên sách 74.494 bản, 20 loại báo tạp chí, có 700 tài nguyên nội sinh là luận án, luận văn, đề tài nghiên cứu khoa học, tạp chí,... đáp ứng nguồn tài nguyên thông tin cho đào tạo các chuyên ngành của Nhà trường [H4.07.04.08]. Để tăng thêm nguồn tài nguyên thông tin số, Trung tâm Thông tin - Thư viện tham gia dự án thư viện điện tử dùng chung, thuộc dự án “Xây dựng Thư viện điện tử dùng chung cho các CSGD ĐH ở Việt Nam (chuyên sâu khối ngành kinh tế, kinh doanh và quản lý - Thư viện Trường ĐH Kinh tế Quốc dân là đầu mối)” Do ngân hàng thế giới tài trợ [H4.07.04.09]. Ngoài ra, Trung tâm Thông tin - Thư đã sử dụng tài nguyên giáo dục mở của các thư viện số trên thế giới và của Việt Nam qua chuyên mục “Học liệu mở” trên cổng thông tin: <http://lic.htu.edu.vn>. Tài nguyên giáo dục mở trên thế giới: Thư viện số Questia, Thư viện số ĐH Waikato, Thư viện số University Libraries của ĐH Nevada, Reno, Luận văn truy cập mở - Open Access Theses and Dissertations, Tạp chí khoa học của Viện Clute; Tài nguyên giáo dục mở của Việt Nam: Tài liệu số - Book online của Bộ GD&ĐT, Mạng Giáo dục Edunet, Thư viện học liệu mở Việt Nam (VOER), FETP OpenCourseWare - Chương trình giảng dạy kinh tế Fulbright, Tài liệu mở ĐH Quốc gia Hà Nội,... người dùng tin sẽ được tải tài liệu miễn phí của các thư viện số mọi lúc, mọi nơi một cách nhanh chóng và dễ dàng. Hơn nữa, nguồn tài nguyên giáo dục mở của các thư viện số luôn được cập nhật mới liên tục nội dung đa dạng, phong phú phục vụ cho tất cả các lĩnh vực và mã ngành đào tạo của Trường ĐHHT [H4.07.04.10].

Hàng năm nhà trường đã tiến hành đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn tài nguyên thông tin [H4.07.04.11]. Từ năm 2018 - 2022 Nhà trường đã tổ chức đánh giá lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy của tiêu chí tài liệu tham khảo thư viện và sử dụng phương tiện thiết bị dạy học. Năm học 2018 - 2019 người học đánh giá tài liệu tham khảo thư viện, sử dụng phương tiện thiết bị dạy học ở mức độ tốt với thang điểm 3.86 và 3.87. Năm học 2019 - 2020 người học đánh giá tài liệu tham khảo thư viện, sử dụng phương tiện thiết bị dạy học ở mức độ tốt với thang điểm 3.93 và 3.89. Năm học 2020 - 2021 người học đánh giá tài liệu tham khảo thư viện, sử dụng phương tiện thiết bị dạy học ở mức độ tốt với

thang điểm 3.90 và 3.91. Năm học 2021 - 2022 người học đánh giá tài liệu tham khảo thư viện, sử dụng phương tiện thiết bị dạy học ở mức độ tốt với thang điểm 3.92 và 3.92 [H4.07.04.12].

Từ năm học 2017-2018, Trung tâm TT - TV đã tiến hành thăm dò lấy ý kiến của bạn đọc hằng năm bằng phiếu điều tra, các phiếu điều tra đều được tổng hợp kết quả, phân tích kết quả điều tra để có kế hoạch khắc phục nhược điểm, phát huy ưu điểm; số lượng bạn đọc được lấy ý kiến thông qua phiếu điều tra từng năm học khoảng từ 200 - 300 bạn. Kết quả thăm dò lấy ý kiến SV và GV về sự hài lòng, mức độ đáp ứng của thư viện cả về nguồn lực thông tin và công tác phục vụ, phát triển văn hóa đọc, phát triển năng lực thông tin. Năm học 2017-2018, về công tác phục vụ bạn đọc: có 62,5% bạn đọc trả lời nhiệt tình, 14,2% trả lời rất nhiệt tình. Năm học 2018-2019, về mức độ đáp ứng đáp ứng tài liệu cho mượn về nhà của thư viện được đánh giá ở mức độ khá chiếm 53%, mức độ bình thường 35% và mức độ tốt 7,5%. Qua số liệu khảo sát chúng ta thấy hầu hết sinh viên có nhu cầu lớn về sử dụng sách khi tìm kiếm tài liệu tại Thư viện trường chiếm 81%, tài liệu trang website chiếm 60,7%, tài liệu in chiếm 51,8%, tài liệu điện tử chiếm 55,1%. Như vậy, tài liệu là sách vẫn là tài liệu được bạn đọc lựa chọn nhiều nhất. Năm học 2020-2021, khảo sát về năng lực thông tin của người dùng tin có 78% SV hiểu biết về năng lực thông tin, có 46% SV tìm kiếm thông tin đúng và chính xác. Năm học 2021 - 2022, về công tác phục vụ bạn đọc có 91% người sử dụng thư viện đánh giá cán bộ thư viện nhiệt tình và rất nhiệt tình trong phục vụ, và có 9% bạn đọc đánh giá cán bộ thư viện phục vụ chưa nhiệt tình [H4.07.04.13].

Trung tâm Thông tin - Thư viện đã có quy định về thời gian phục vụ liên quan đến hoạt động thư viện. Thư viện mở cửa phục vụ hai buổi mỗi ngày trong năm học. Để tạo điều kiện cho bạn đọc có kỹ năng khai thác và sử dụng hiệu quả Trung tâm đã tổ chức tập huấn kỹ năng sử dụng thư viện cho sinh viên đầu khoá học và tập huấn năng lực thông tin cho sinh viên. Ngoài ra, Trung tâm cũng đã tổ chức các hoạt động thư viện như ngày sách Việt Nam 21/4, Ngày sách và Bản quyền Thế giới 23/4 [H4.07.04.14].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành.***

### ***1. Mô tả***

Đối với yêu cầu về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, Trường Đại học Hà Tĩnh phân công trách nhiệm cho phòng Quản trị. Theo Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc [H7.07.05.01] thì: Phòng Quản trị có nhiệm vụ tham mưu cho Hiệu trưởng về Quy định phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn cứu hộ, bảo vệ, an ninh trật tự. Xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện công tác dự phòng, phòng bệnh theo mùa, đề xuất các biện pháp cụ thể để đảm bảo sức khỏe cho CBGV và HSSV toàn

trường. Tổ chức thực hiện tuyên truyền, phòng dịch bệnh và kế hoạch hoá gia đình; vệ sinh an toàn thực phẩm bếp ăn tập thể; đề xuất các biện pháp cụ thể để đảm bảo sức khoẻ cho CBGV và HSSV toàn trường; trực khám chữa bệnh, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho cán bộ, giảng viên HSSV, tổ chức chuyển bệnh nhân lên tuyến trên khi cần thiết; phối hợp với các đơn vị chức năng hợp đồng với các đơn vị Y tế đủ điều kiện tổ chức khám sức khoẻ định kỳ và khi mới nhập trường, lập và quản lý hồ sơ sức khoẻ cho HSSV. Phối hợp với các đơn vị liên quan tuyên truyền, vận động HSSV tham gia bảo hiểm, cấp phát thẻ BHYT cho HSSV. Quy hoạch cảnh quan môi trường; xây dựng kế hoạch thực hiện vệ sinh môi trường; xây dựng kế hoạch về nguồn nhân lực và kinh phí thực hiện hoạt động vệ sinh môi trường; kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện công tác vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh, cây cảnh. Xây dựng kế hoạch chỉ đạo thực hiện công tác dự phòng, phòng bệnh theo mùa, đề xuất các biện pháp cụ thể để đảm bảo sức khoẻ cho CBGV và HSSV toàn trường. Xây dựng kế hoạch mua sắm, quản lý tài sản y tế, thuốc chữa bệnh.

Về kế hoạch đầu tư về môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt Nhà trường giao cho phòng Quản trị trong đó bộ phận Y tế Môi trường có nhiệm vụ tổ chức, quản lý, chăm sóc cây xanh, vệ sinh môi trường trong khuôn viên nhà trường. Tổ Y tế - Môi trường thuộc phòng Quản trị gồm 03 cán bộ y tế, 10 nhân viên vệ sinh môi trường, 04 phòng với 5 giường bệnh. Hàng năm Tổ Y tế Môi trường đều có Kế hoạch chăm sóc cây xanh, cây cảnh; Kế hoạch lao động vệ sinh môi trường; Kế hoạch trồng cây đầu xuân được CBGV tham gia hưởng ứng tích cực tạo cho khuôn viên Nhà trường sạch đẹp, có nhiều cây xanh. Việc thu gom rác thải được ký hợp đồng với HTX Môi trường xã Cẩm Bình, huyện Cẩm Xuyên để thu gom và đưa về đúng nơi quy định. Công tác ngoại cảnh, vệ sinh giảng đường, Ký túc xá được ký hợp đồng lao động với 08 người để đảm bảo khuôn viên vệ sinh luôn sạch sẽ [H7.07.05.02].

Trong công tác chăm sóc sức khỏe cho người học và CBGV, hàng năm, Nhà trường thông báo kiểm tra sức khỏe cho sinh viên trúng tuyển, lựa chọn đơn vị và ký kết hợp đồng khám sức khỏe cho toàn thể và sinh viên trong toàn trường, 100% cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên đều được Nhà trường mua Bảo hiểm y tế [H7.07.05.03]. Trạm y tế hoạt động từ 6h30 đến 17h30 hàng ngày để tổ chức sơ cấp cứu, điều trị ban đầu cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên trong suốt quá trình học tập, làm việc tại trường. Chất lượng của các đợt khám sức khỏe định kỳ ngày càng nâng cao. Cán bộ, viên chức, giáo viên và sinh viên tham gia khám sức khỏe tại trường ngày càng đông đủ hơn, hàng năm Nhà trường đều có kế hoạch tổ chức các chương trình tuyên truyền, tư vấn, giáo dục giới tính, sống thử, xâm hại tình dục cho sinh viên [H7.07.05.04]. Ngoài ra, Công đoàn Trường còn lên Kế hoạch tổ chức Hội nghị chăm sóc sức khỏe và chăm lo đời sống cho đoàn viên công đoàn Trường, phối hợp với đơn vị chức

năng để tầm soát ung thư cho CBGV là Công đoàn viên của Nhà trường [H7.07.05.05].

Thực hiện các công việc nhằm ứng phó, kiểm soát với các đợt dịch bệnh có thể xảy ra như sốt xuất huyết, dịch tả... trong nhà trường, trạm Y tế thực hiện biện pháp ngăn chặn như phun thuốc diệt muỗi, phát động các chiến dịch tổng vệ sinh công cộng trong khuôn viên nhà trường cũng như trong khu vực xung quanh, tuyên truyền về phòng chống các dịch bệnh; phối hợp và thực hiện kế hoạch của cơ quan y tế cấp trên. Đặc biệt, trong giai đoạn dịch Covid diễn ra, Nhà trường có 02 Ký túc xá được trưng dụng làm khu vực cách ly, các sinh viên, CBGV khi nhiễm bệnh đều được áp dụng các biện pháp sàng lọc đảm bảo an toàn theo quy định [H7.07.05.06]. Bên cạnh đó, thực hiện phối hợp với cơ quan chuyên ngành y tế của thành phố, huyện Cẩm Xuyên, Tổ Y tế của Nhà trường thường xuyên thực hiện công tác giám sát, kiểm tra về vệ sinh an toàn thực phẩm tại căn tin nhà trường [H7.07.05.07].

Trong công tác đảm bảo an toàn trong khuôn viên Trường được chú trọng. Nhà trường đã triển khai khá tốt công tác PCCC. Các nơi làm việc trong khuôn viên trường đều có bình chữa cháy còn hạn sử dụng và có tiêu lệnh dán kèm. Nhà trường đã thành lập Đội PCCC [H7.07.05.08] gồm 60 thành viên, ban hành Nội quy PCCC và CNCH [H7.07.05.09]. Năm 2022 đã mời Công an Tỉnh về tổ chức huấn luyện nghiệp vụ an toàn PCCC cho 60 CBVC và cấp chứng chỉ về PCCC [H7.07.05.10]. Theo quy định, tại tất cả các phòng thí nghiệm, phòng thực hành đều có các Nội quy phòng thí nghiệm; thoáng mát, sạch sẽ. Nhà trường có Quy định về công tác bảo vệ với chức năng và nhiệm vụ được phân công cụ thể. Lực lượng bảo vệ đều được tập huấn và có chứng chỉ nghiệp vụ theo quy định [H7.07.05.11]. Trong các ngày lễ, Tết... Nhà trường lên Kế hoạch trực trực 24/24h đảm bảo an ninh, an toàn trong các dịp nghỉ lễ, Tết [H7.07.05.12]. Ngoài ra, nhà trường còn đầu tư những trang thiết bị hỗ trợ cho công tác bảo vệ, an ninh, trật tự như lắp đặt hệ thống camera tại các khu vực như ở cổng chính, khu nhà học, Ký túc xá... để ghi nhận lại những hoạt động của mọi người khi ra vào trường [H7.07.05.13]. Trong công tác phối hợp, Nhà trường thường xuyên liên hệ với chính quyền, cơ quan Công an địa phương để phối hợp tốt công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực. Trong những năm qua, công tác an ninh trật tự của Nhà trường luôn được Công an Tỉnh đánh giá tốt, Trường học được UBND tỉnh công nhận là trường học an toàn [H7.07.05.14].

Nhà trường có 06 ký túc xá SV với trên 2000 chỗ. Khuôn viên phòng ở sạch sẽ, khu KTX của Lưu học sinh Lào được bố trí riêng, Nhà trường bố trí chỗ sinh hoạt cộng đồng dành cho SV Lào. Ký túc xá đảm bảo điều kiện an toàn, vệ sinh hàng năm được cải tạo sửa chữa theo nguồn vốn dự án [H7.07.05.15].

Hiện nay, Nhà trường chưa có sinh viên khuyết tật. Tuy nhiên, cơ sở học tập mới của trường hiện có đường lên và thang máy hỗ trợ cho người khuyết tật.

Trong 5 năm qua, nhu cầu kinh phí đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn dựa trên dự toán hằng năm là 400.000.000đ/năm (lương theo hợp đồng, dụng

cụ vệ sinh môi trường, chăm sóc cây xanh), chi cho công tác y tế trong 5 năm khoảng 339.000.000 (khám sức khỏe cho sinh viên, mua bổ sung thuốc...), chi cho công tác PCCC, ANTT gần 100.000.000.

Hàng năm, Nhà trường và các phòng chức năng đều có báo cáo về việc đầu tư môi trường cũng như các báo cáo theo dõi, đánh giá hiệu quả đầu tư, cải thiện đối với môi trường, sức khỏe, sự an toàn của HSSV cho Bộ Giáo dục & Đào tạo cũng như các cơ quan chức năng theo quy định [H7.07.05.16].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Nhà trường có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính nhằm phát huy được hiệu quả mọi nguồn lực, chủ động trong thực hiện dự toán thu chi Ngân sách, thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; Nhà trường cũng đã có chiến lược và các giải pháp cụ thể để khai thác và tăng nguồn thu một cách hợp lý, hợp pháp.

- CSVC và cơ sở hạ tầng được liên tục đầu tư, cải tiến hoàn thiện đáp ứng đủ nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đặc biệt quỹ đất của nhà trường với diện tích hơn 90 ha đây là một điểm mạnh nổi bật của nhà trường.

- Có hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được thiết lập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập được vận hành để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Có hệ thống máy chủ, hệ thống mạng tốc độ cao đáp ứng đủ nhu cầu đào tạo và nghiên cứu khoa học của người dạy và người học, có hạ tầng mạng wifi, camera giám sát phủ khắp trường giúp người dạy và người học có thể tra cứu, cập nhật thông tin ở nhà điều hành, khu giảng đường, KTX trong trường.

- Có hệ thống học trực tuyến cho tất cả các môn học.

- Hàng năm đã xây dựng kế hoạch của đơn vị, đã ban hành một số văn bản liên quan đến công tác thông tin - thư viện. Xây dựng tiêu chuẩn ISO 9001-2008 các hoạt động liên quan đến hoạt động thông tin - thư viện.

- Công tác khám sức khỏe, BHYT cho HSSV được thực hiện đầy đủ hàng năm và có sự tham gia của các đơn vị chuyên trách nhờ vậy lĩnh vực này được bảo đảm.

- Sự phối hợp giữa Nhà trường và các đơn vị như Công an huyện, PCCC, an ninh trật tự được bảo đảm. Chính vì vậy mà trong những năm qua Nhà trường không để xảy ra tụ tập đông người, gây rối gây mất trật tự. Trong công tác phòng

chống dịch đã có sự phối hợp chặt chẽ giữa các lực lượng nhờ vậy công tác phòng chống dịch đảm bảo chặt chẽ, an toàn và chắc chắn.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Nhà trường có những giải pháp và kế hoạch tự chủ về tài chính nhằm phát huy được hiệu quả mọi nguồn lực, chủ động trong thực hiện dự toán thu chi Ngân sách, thực hiện nhiệm vụ chính trị được giao; Nhà trường cũng đã có chiến lược và các giải pháp cụ thể để khai thác và tăng nguồn thu một cách hợp lý, hợp pháp.

- Các hoạt động đánh giá hiệu quả hoạt động CSVC trang thiết bị cần được chú trọng và nâng cao kỹ thuật đánh giá hơn nữa.

- Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch chuyển đổi số, chưa hoàn thiện phần mềm để quản lý tập trung người dùng trong toàn trường thông qua đăng nhập tài khoản duy nhất trên hệ thống.

- Nguồn học liệu và cơ sở dữ liệu trực tuyến chưa được bổ sung thường xuyên và hạn chế về kinh phí bổ sung.

- Phần mềm quản lý thư viện điện tử và phần mềm quản lý tài nguyên số nội sinh chưa được nâng cấp và khắc phục

- Công tác khám sức khỏe định kỳ cho CBGV của Nhà trường còn chưa thường xuyên.

- Công tác trực y tế ban đêm ở khu Ký túc xá còn chưa thường xuyên.

## **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Nguồn thu từ hoạt động nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ còn hạn chế; Thu từ học phí chính quy có xu hướng giảm do công tác tuyển sinh gặp nhiều khó khăn.	TĐHHT	Giai đoạn 2023-2028	
2	Khắc phục tồn tại 2	1. Xây dựng công cụ đánh giá hiệu quả hoạt động CSVC trang thiết bị	P. Quản trị, TT CNTT	6/2023 đến 6/2024	
3	Khắc phục tồn tại 3	+ Kế hoạch chuyển đổi số của Trường đại học Hà Tĩnh đến năm 2025, tầm nhìn chiến lược đến năm 2030 + Xây dựng Phần mềm đào tạo trực tuyến, thi trắc	TT CNTT	Từ 2023	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
		nghiệm online và quản lý nhân sự của Trường Đại học Hà Tĩnh			
4	Khắc phục tồn tại 4	Đầu tư mua các nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy và CSDL trực tuyến hàng năng	P. KH-TC, TT TT-TV	Hàng năm, kể từ 2023	
5	Khắc phục tồn tại 5	Đầu tư và nâng cấp hệ thống phần mềm thư viện điện tử và thư viện số	P. KH-TC, TT CNTT, TT TT-TV	Từ năm 2023	
6	Khắc phục tồn tại 6	Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBGV	P. KH-TC Công đoàn	Hàng năm, từ 2023	
7	Khắc phục tồn tại 7	Phân công lịch trực y tế ban đêm tại khu KTX	P. Quản trị	Hàng năm, từ 2023	
8	Phát huy điểm mạnh 1	Xây dựng phương án tự chủ thật khoa học; đưa ra giải pháp thực hiện có hiệu quả	P. KH-TC phối hợp với các đơn vị	2023-2025	
9	Phát huy điểm mạnh 2	Quy hoạch quỹ đất hợp lý, phát huy lợi thế quỹ đất rộng	Ban quản lý dự án	6/2023 đến 6/2028	
10	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục xây dựng kế hoạch năm học và kế hoạch hoạt động của từng hoạt động	TT TT-TV	Hàng năm, từ 2023	
11	Phát huy điểm mạnh 4	Tổ chức các hoạt động thông tin thư viện theo tiêu chuẩn ISO 9001-2008	TT TT-TV	Hàng năm, từ 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
12	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan làm tốt công tác khám sức khỏe	P. KH-TC P. Quản trị	Hàng năm	
13	Phát huy điểm mạnh 6	Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan làm tốt công tác bảo đảm ANTT trong toàn trường	P. Quản trị	Hàng năm	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Mức đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<b>4,20</b>
Tiêu chí 7.1	4
Tiêu chí 7.2	4
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	4
Tiêu chí 7.5	4

### Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

**Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục**

#### 1. Mô tả

Đối ngoại là hoạt động quan trọng nhằm giúp Trường đại học phát triển và khẳng định vị thế thông qua kết nối hợp tác với các đơn vị khác trong và ngoài nước. Trường ĐHHT với sứ mạng là trường đại học trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, thực hiện các nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng cho tỉnh; cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và thực hành nghề nghiệp cho người học, phục vụ cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước; đồng thời, với tầm nhìn phân đầu là trường đại học đa cấp, đa ngành định hướng nghiên cứu, ứng dụng và cung cấp sản phẩm khoa học công nghệ, nguồn nhân lực có kiến thức, năng lực thực hành phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động thực tiễn của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc miền Trung; Trường ĐHHT có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của Nhà trường. Trường ĐHHT có bộ phận chịu trách nhiệm



xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại đúng quy định, thông qua việc phân công giao nhiệm vụ cho các đơn vị Phòng Quản lý khoa học - Đối ngoại - Truyền thông (QLKH-ĐN-TT), Phòng công tác chính trị học sinh sinh viên (CTCT-HSSV), Đoàn TNCSHCM phối hợp xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại kịp thời, đúng quy định [H1.08.01.02].

Nhằm quản lý tốt các hoạt động đối ngoại, Trường ĐHHT đã ban hành văn bản quản lý về hoạt động đối ngoại như: Quy định quản lý các hoạt động hợp tác quốc tế tại Trường ĐHHT; đồng thời thực hiện văn bản của UBND Tỉnh Hà Tĩnh liên quan đến việc quản lý về hoạt động đối ngoại, như: Quy chế phối hợp quản lý các đoàn khách nước ngoài đến thăm, làm việc trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. [H1.08.01.03].

Trường ĐHHT đã ban hành kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới quan hệ đối ngoại bám sát tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của nhà trường.[H1.08.01.04].

Để thực hiện hoạt động đối ngoại đạt hiệu quả cao, Trường ĐHHT đã quy định rõ ràng về cơ chế quản lý, kiểm tra, giám sát và phân cấp giữa các đơn vị trong hoạt động đối ngoại.[H1.08.01.04].

Với mục đích khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ nhân viên của trường học tập nâng cao trình độ, Trường ĐHHT đã ban hành văn bản quản lý cán bộ, giảng viên, nhân viên của nhà trường đi công tác, học tập trong và ngoài nước. Cán bộ giảng viên đi học được hỗ trợ xin học bổng, được hỗ trợ kinh phí từ các chính sách của Trường và Tỉnh, hàng năm thực hiện việc báo cáo tiến độ học tập theo quy định [H1.08.01.05].

Nhằm phổ biến kế hoạch phát triển đối tác, mạng lưới, và quan hệ đối ngoại đến với từng cán bộ giảng viên, người lao động trong trường, Trường ĐHHT thường xuyên đăng tải thông tin hoạt động đối ngoại lên website, facebook, zalo của Trường và các đơn vị liên quan, đồng thời sử dụng email nội bộ (group@htu.edu.vn) để gửi thông tin về các hoạt động đối ngoại đến từng cán bộ, giảng viên trong toàn trường được biết và nắm bắt thông tin [H1.08.01.06].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### ***Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện***

#### ***1. Mô tả***

Trường ĐHHT đã triển khai thực hiện các hoạt động đối ngoại theo kế hoạch được ban hành, gồm kế hoạch đoàn ra đoàn vào, kế hoạch cử giảng viên đi học tập bồi dưỡng [H2.08.02.01].

Đồng thời nhà Trường đã tích cực triển khai thực hiện nội dung các thỏa thuận sau khi ký kết [H2.08.02.02].

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng chú trọng triển khai các hoạt động hợp tác đào tạo, trao đổi học thuật, trao đổi giảng viên, trao đổi người học với các đối tác trong và ngoài nước. Về hợp tác đào tạo, Trường đã phối hợp với các cơ

quan, doanh nghiệp trong việc cử đến thực tập, kiến tập nâng cao năng lực thực tiễn.

Về trao đổi học thuật, Trường phối hợp với các đối tác trong và ngoài nước tổ chức các Hội nghị, hội thảo khoa học. Đồng thời khuyến khích cán bộ giảng viên tham gia các hội nghị, hội thảo, hợp tác viết bài báo khoa học đăng trên các tạp chí có chỉ số ISSN uy tín trong và ngoài nước.

Về trao đổi giảng viên, Trường đã phối hợp với các cơ quan, tổ chức trong việc mời các giáo viên, chuyên gia nước ngoài đến giảng dạy cho sinh viên. Đồng thời cử giảng viên học tập nâng cao trình độ chuyên môn.

Về trao đổi người học, Trường đã cử sinh viên đến các nước học tập ngắn hạn và dài hạn [H2.08.02.03].

Nhà trường chú trọng và đẩy mạnh việc triển khai thực hiện chính sách, chủ trương của nhà trường để phát triển các mạng lưới, mối quan hệ, đối tác trong nước. [H2.08.02.04] [H2.08.02.05].

**Bảng 8.2.1. Bảng tổng hợp các đối tác ngoài nước giai đoạn 2018 - 2022**

Nước	Số lượng đối tác					Tổng cộng
	2018	2019	2020	2021	2022	
Lào	6	3	0	0	0	9
Thái Lan	0	0	0	1	0	1
Đài Loan (Trung Quốc)	4	0	0	0	0	4
Nhật Bản	1	0	0	0	0	1
Hà Lan	0	1	0	0	0	1
Đức	1	0	0	0	0	1
Singapore	0	0	0	0	1	1
Việt Nam	0	0	0	0	1	1

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### **Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát**

#### **1. Mô tả**

Việc rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ trong nước và ngoài nước được Trường ĐHHT chú trọng thực hiện theo định kỳ ngắn hạn, trung hạn và dài hạn. Đối với trong nước, nhà trường hàng năm tiến hành rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới, quan hệ. Từ đó xây dựng phương án củng cố, duy trì và phát triển mở rộng mạng lưới [H3.08.03.01].

Đối với ngoài nước, nhà trường nhà trường hàng năm tiến hành rà soát, đánh giá việc hợp tác với các đối tác, mạng lưới, quan hệ theo định kỳ để có phương án mở rộng hợp tác tốt hơn với các đối tác ngoài nước [H3.08.03.02].

**2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục**

**1. Mô tả**

Sau quá trình tiến hành rà soát, đánh giá, Trường ĐHHT đã không ngừng cải thiện các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của nhà trường. Số lượng về đối tác, mạng lưới và quan hệ trong 5 năm qua không ngừng được cải thiện rõ rệt [H4.08.03.01].

**Bảng 8.4.1. Tổng hợp đoàn ra, đoàn vào giai đoạn 2018 - 2022**

Năm	SL đoàn vào	SL đoàn ra	Tổng cộng
2018	1	5	6
2019	9	3	12
2020	4	0	4
2021	3	0	3
2022	4	1	5

**Bảng 8.4.2. Tổng hợp biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác giai đoạn 2018 - 2022**

Năm	SL Biên bản ghi nhớ, Thỏa thuận hợp tác	Tổng cộng
2018	12	12
2019	4	4
2020	0	0
2021	1	1
2022	2	2

Ngoài ra, Trường ĐHHT còn đẩy mạnh các biện pháp cải thiện các quan hệ hợp tác với cá đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược như: Thường xuyên thông tin hoạt động đối ngoại trên trang thông tin của Trường: facebook, website, zalo; Tăng cường mở rộng quan hệ hợp tác với các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại: biên bản hợp tác, thỏa thuận hợp tác [H4.08.04.02].

**2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Nhà trường đã xây dựng và ban hành chiến lược phát triển Trường, có các văn bản quản lý, thủ tục quy trình triển khai các hoạt động đối ngoại tại Trường Đại học Hà Tĩnh.

- Nhà trường đã phối hợp triển khai thành công các hợp tác trong đào tạo, đào tạo trực tuyến, NCKH với sự tham gia của các đối tác, các trường đại học trong và ngoài nước góp phần nâng cao năng lực đào tạo và NCKH cho CBGV Trường.

- Nhà trường đã không ngừng mở rộng liên hệ và kết nối với các doanh nghiệp, trường học trong và ngoài nước trong việc hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.

- Nhà trường đã thực hiện việc báo cáo tổng kết, đánh giá hằng năm về hoạt động đối ngoại.

- Nhà trường đã tổ chức ký kết các hợp đồng, bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Một số hợp đồng, biên bản, thỏa thuận hợp tác chưa được triển khai hoặc triển khai chưa hiệu quả.

- HTQT trong lĩnh vực NCKH của trường chưa được triển khai đồng bộ mà chỉ tập trung vào một số cán bộ chủ chốt đã từng học tập tại nước ngoài hoặc có trình độ ngoại ngữ thông thạo.

- Nhà trường chưa phối hợp được với nhiều tổ chức ngoài trường tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	- Hàng năm rà soát, đánh giá việc tổ chức triển khai thực hiện các MOU, AOU đã ký kết theo hướng thiết thực, hiệu quả, đôi bên cùng có lợi.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Từ năm học 2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Đẩy mạnh công tác phát triển đối tác, chủ động tìm kiếm và ký kết các MOU với các đối tác có uy tín, phù hợp với định hướng phát triển Nhà trường.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Từ năm học 2023-2024	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng đề án, chương trình NCKH và hợp tác NCKH, tăng cường phát triển giảng dạy, trao đổi giảng viên, sinh viên với các trường trong khu vực Việt Nam và nước ngoài.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Từ năm học 2023-2024	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tiếp tục nâng cao năng lực ngoại ngữ cho CBGV nhà trường nhằm thúc đẩy khả năng làm việc, hợp tác trong NCKH với các đối tác nước ngoài.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Từ năm học 2023-2024	
5	Khắc phục tồn tại 5	Rà soát tổ chức ký kết mới hoặc gia hạn một số hợp đồng, biên bản, thỏa thuận hợp tác.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Từ năm học 2023-2024	
6	Khắc phục tồn tại 6	Cần chủ động, tích cực tìm kiếm và phối hợp với nhiều tổ chức ngoài trường tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Từ năm học 2023-2024	
7	Phát huy điểm mạnh 1	- Tiếp tục xây dựng và ban hành chiến lược phát triển Trường, có các văn bản quản lý, thủ tục quy trình triển khai các hoạt động đối ngoại tại Trường ĐHHT phù hợp với tình hình thực tiễn.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Năm học 2023-2024	
8	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục phối hợp triển khai thành công các hợp tác trong đào tạo, đào tạo trực tuyến, NCKH với sự tham gia của các đối tác, các trường đại học trong và ngoài nước góp phần nâng cao năng lực đào tạo và NCKH cho CBGV Trường.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Năm học 2023-2024	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
9	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục mở rộng liên hệ và kết nối với các doanh nghiệp, trường học trong và ngoài nước trong việc hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Năm học 2023-2024	
10	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục thực hiện việc báo cáo tổng kết, đánh giá hàng năm về hoạt động đối ngoại.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Năm học 2023-2024	
11	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức ký kết các hợp đồng, bản ghi nhớ, thỏa thuận hợp tác với các đối tác.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan.	Năm học 2023-2024	

#### **4. Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 8</i></b>	<b><i>4,75</i></b>
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	4
Tiêu chí 8.4	5

### **Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong**

***Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường đã có đơn vị chuyên trách về hoạt động ĐBCL với tên gọi Phòng Đảm bảo chất lượng với chức năng chính là tham mưu cho BGH trong việc xây dựng các kế hoạch, chương trình, nguồn lực, công cụ thực hiện, kiểm tra, đánh giá... nhằm vận hành hệ thống ĐBCL và tổ chức triển khai các chính sách, chương trình, kế hoạch công tác ĐBCL trong toàn Trường. Đồng thời theo dõi, giám sát, đôn đốc và hỗ trợ các đơn vị trong Trường thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được BGH phê duyệt; hướng dẫn, phối hợp với các khoa trong công

tác đánh giá chất lượng cấp CTĐT và với các phòng chức năng tự đánh giá chất lượng CSGD theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ Giáo dục và đào tạo; tổ chức triển khai khắc phục những hạn chế, cải tiến chất lượng giáo dục sau tự đánh giá [H1.09.01.01], [H1.09.01.02]. Mặt khác, do yêu cầu sắp xếp lại tổ chức nhằm tinh gọn bộ máy, Trường đã tiến hành sáp nhập Phòng Thanh tra - Pháp chế và Phòng ĐBCL, ra Quyết định thành lập Phòng Thanh tra - ĐBCL [H1.09.01.03], đồng thời ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và hoạt động của các đơn vị trực thuộc Trường, trong đó quy định rõ về chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Phòng Thanh tra - ĐBCL [H1.09.01.04].

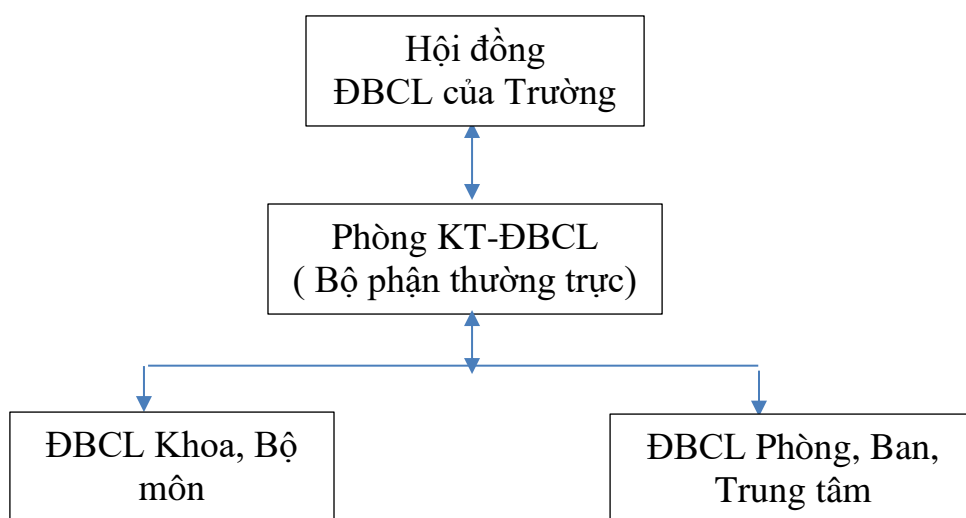
Trong quá trình kiện toàn, sắp xếp lại bộ máy tổ chức để hoạt động hiệu quả hơn, Nhà trường đã chia tách bộ phận Thanh tra và ĐBCL để thành lập Phòng Thanh tra - Pháp chế [H1.09.01.05] và Phòng Khảo thí - ĐBCL [H1.09.01.06].

Tính đến tháng 7 năm 2022, đội ngũ cán bộ chuyên trách về ĐBCL giáo dục có 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách và 05 viên chức thuộc Phòng Khảo thí - ĐBCL, trong đó 01 người có trình độ tiến sĩ, 02 người có trình độ thạc sĩ, 02 người có trình độ cử nhân, là những GV, chuyên viên có kinh nghiệm công tác trong ngành giáo dục, đáp ứng đầy đủ năng lực để triển khai hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ được giao [H1.09.01.07]. Do yêu cầu tinh gọn bộ máy, cắt giảm hợp đồng lao động hiện tại Phòng KT-ĐBCL còn 04 viên chức.

Nhà trường nhận thức rõ hệ thống ĐBCL bên trong là nhân tố quyết định cho thành công của công tác ĐBCL trong Trường. Vì vậy, hệ thống ĐBCL bên trong cần phải được thiết lập và hoạt động có hiệu quả để liên tục theo dõi, đánh giá và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ. Năm 2022, Nhà trường đã ban hành quyết định về việc thành lập Hội đồng ĐBCL để tư vấn cho Hiệu trưởng về các nội dung, kế hoạch và phương pháp thực hiện các hoạt động ĐBCL nhằm đáp ứng tốt các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Nhà trường và đáp ứng tốt nhu cầu các bên liên quan [H1.09.01.08], [H1.09.01.09]. Xây dựng mạng lưới các CBVC các đơn vị làm công tác ĐBCL, đứng đầu là trưởng đơn vị và từ 1-2 CBVC của đơn vị đảm nhiệm [H1.09.01.10]. Đồng thời ban hành quy định, hướng dẫn về hoạt động của mạng lưới ĐBCLGD Trường Đại học Hà Tĩnh để phù hợp với tình hình mới và thực tiễn Nhà trường [H1.09.01.11]. Bên cạnh đó, Nhà trường đã ban hành hệ thống các văn bản quy định, hướng dẫn thực hiện cụ thể, hỗ trợ hiệu quả cho công tác ĐBCL của Trường mà đến nay Nhà trường vẫn đang thực hiện [H1.09.01.12].

Tuy nhiên, đội ngũ phụ trách công tác ĐBCL tại các đơn vị còn thiếu về số lượng, kiêm nhiệm nhiều việc, chưa đầu tư nhiều cho công tác ĐBCL nên hiệu quả hoạt động ĐBCL của các đơn vị chưa được đồng đều.

Cơ cấu hệ thống ĐBCL của Trường được thể hiện như sơ đồ sau:



### Sơ đồ 9.1.1. Cấu trúc hệ thống ĐBCL của Trường

Hằng năm, Phòng KT-ĐBCL chịu trách nhiệm tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch ĐBCL năm học theo hướng dẫn của Cục Quản lý chất lượng có phân công việc theo đơn vị, cá nhân phụ trách và thời gian thực hiện nhằm đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo trong Trường, đáp ứng yêu cầu chuẩn đầu ra (CĐR), yêu cầu của người sử dụng lao động, phát triển hệ thống ĐBCL bên trong, hình thành và phát triển văn hóa chất lượng; đảm bảo các yêu cầu, quy định, tiêu chí kiểm định [H1.09.01.13]. Cuối năm học, Nhà trường thực hiện đánh giá nội bộ tất cả các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch đã đề ra [H1.09.01.14].

Để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ làm công tác ĐBCL, Nhà trường đã thường xuyên cử các cán bộ viên chức tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, hội thảo, hội nghị về công tác KĐCLGD do Bộ GD&ĐT và các Trung tâm kiểm định tổ chức [H1.09.01.15].

Như vậy, trong giai đoạn đánh giá, Trường đã không ngừng hoàn thiện hệ thống ĐBCL bao gồm việc thành lập Hội đồng ĐBCL, mạng lưới ĐBCL thực hiện nhiệm vụ ĐBCL tại các đơn vị.

#### **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD.***

##### **1. Mô tả**

Trường đã xây dựng và ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Đại học Hà Tĩnh tới năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030, trong đó có nêu cụ thể về kế hoạch chiến lược của các hoạt động trong Nhà trường, đặc biệt là công tác ĐBCL [H1.09.02.01]. Để thúc đẩy công tác ĐBCL, năm 2016 trên cơ sở chiến lược phát triển Trường, Phòng KT-ĐBCL đã tổ chức xây dựng và tham mưu Hiệu



trường ban hành Kế hoạch chiến lược ĐBCL giáo dục của trường ĐHHT đến năm 2020, tầm nhìn đến 2030 [H1.09.02.02]. Trong kế hoạch chiến lược ĐBCL bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan như Đoàn thanh niên, Hội sinh viên, người học, và toàn thể CBVC Nhà trường... và có kế hoạch thúc đẩy các nguồn lực cho đào tạo, bồi dưỡng dài hạn và ngắn hạn nhằm duy trì, củng cố và phát triển hệ thống tổ chức ĐBCL, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác ĐBCL.

Hàng năm, trên cơ sở Kế hoạch chiến lược ĐBCL giáo dục của Trường, Phòng KT-ĐBCL đã tham mưu xây dựng kế hoạch ĐBCL theo từng năm học, trong đó có phân công cụ thể nội dung các hoạt động cho từng đơn vị, phân định rõ ràng đơn vị chủ trì và đơn vị phối hợp [H1.09.02.03]. Kế hoạch ĐBCL hằng năm chính là căn cứ để các đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch ĐBCL năm học cho đơn vị mình [H1.09.02.04].

Để hướng dẫn cụ thể cho công tác ĐBCL đến các đơn vị trực thuộc trong Trường, Trường đã ban hành đầy đủ, chi tiết các văn bản Quy định hoạt động ĐBCL bên trong Trường ĐHHT [H1.09.02.05], Quy định về công tác ĐBCL giáo dục [H1.09.02.06], Hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình ISO, trong đó bao gồm: Chính sách chất lượng, Sổ tay chất lượng, mục tiêu chất lượng và các quy trình làm việc [H1.09.02.07]. Đây là các tài liệu mô tả hệ thống Quản lý chất lượng của Trường và hệ thống các văn bản, các quy định, tư liệu để hỗ trợ cho hoạt động ĐBCL giáo dục tại trường ĐHHT mà đến nay Nhà trường vẫn đang duy trì và thực hiện nhằm đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL các hoạt động của Nhà trường.

Các thông tin về ĐBCL được đăng tải, công bố rộng rãi, minh bạch đến các đối tượng có liên quan như GV, NV, nhà quản lý, SV, cựu SV, NTD trên trang thông tin điện tử của Trường và một số thông tin liên quan khác trên trang web của Phòng KT-ĐBCL [H1.09.02.08].

Nhà trường có các chính sách ưu tiên cho các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch chiến lược. Hằng năm, Nhà trường dành kinh phí cho hoạt động ĐBCL bên trong, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ĐBCL cho đội ngũ CB làm công tác ĐBCL thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc của giảng viên và Quy định về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức [H1.09.02.09].

Để nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ làm công tác ĐBCL nhằm thực hiện tốt các nhiệm vụ hoạt động ĐBCL hằng năm, Nhà trường đã thường xuyên cử các cán bộ viên chức tham gia các khoá đào tạo, tập huấn, hội thảo, hội nghị về công tác KĐCLGD do Bộ GD&ĐT và các Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục tổ chức và do Nhà trường tự tổ chức [H1.09.02.10].

Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch ĐBCL Nhà trường có kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan như: Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về HSSV tốt nghiệp [H1.09.02.11], Khảo sát tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp [H1.09.02.12], Khảo sát HSSV sắp tốt nghiệp về chất lượng đào

tạo của khóa học [H1.09.02.13], Khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H1.09.02.14]. Các số liệu khảo sát được thống kê, tổng hợp, phân tích và xử lý và đưa vào báo cáo tổng hợp kết quả điều tra. Thông qua kết quả báo cáo khảo sát giúp Nhà trường, các khoa/bộ môn và các đơn vị liên quan có các biện pháp cụ thể, tích cực để cải tiến phương pháp dạy, điều chỉnh CTĐT, cải tiến các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Thông qua đó, Nhà trường có căn cứ để đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Nhà trường.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện.***

### **1. Mô tả**

Để đảm bảo sự ổn định và phát triển bền vững trong bối cảnh nền giáo dục đang có những chuyển biến mới, Nhà trường đã tiến hành xây dựng và thực hiện theo “Chiến lược phát triển Trường ĐHHT giai đoạn đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030” [H1.09.03.01]. Trên cơ sở đó Nhà trường đã ban hành Kế hoạch chiến lược ĐBCL giáo dục đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trong đó tiếp tục khẳng định các mục tiêu chiến lược phát triển Nhà trường về công tác ĐBCL [H1.09.03.02]. Chiến lược ĐBCL tới năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 bao gồm các nội dung: Tầm nhìn chất lượng, chính sách chất lượng, trách nhiệm chất lượng của các đối tượng trong Trường, mục tiêu tổng quát và mục tiêu cụ thể của Chiến lược ĐBCL và kế hoạch thực hiện chiến lược ĐBCL cho từng năm.

Năm 2018, Trường ĐHHT đã được cấp giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục Trường Đại học, trên cơ sở khuyến nghị của Đoàn đánh giá ngoài và nhằm duy trì và nâng cao chất lượng các hoạt động ĐBCL, phù hợp với kế hoạch chiến lược ĐBCL giáo dục của Nhà trường [H1.09.03.03], Phòng KT-ĐBCL đã tham mưu cho Nhà trường ban hành Kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2019-2021, giai đoạn 2021-2023 [H1.09.03.04].

Để thực hiện được kế hoạch dài hạn, trung hạn, Phòng KT-ĐBCL đã cụ thể hóa, chủ trì tham mưu cho Hiệu trưởng ban hành Kế hoạch ĐBCL theo từng năm học [H1.09.03.05], trong đó đã cụ thể các nội dung hoạt động chính yếu của Trường và mốc thời gian thực hiện cũng như phân công cụ thể đơn vị chủ trì và các đơn vị phối hợp để hoàn thành các nội dung đã đề ra. Kế hoạch ĐBCL hàng năm vạch ra mục đích và yêu cầu rõ ràng gắn với kế hoạch chiến lược về ĐBCL, kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục từng giai đoạn và đưa ra lộ trình gồm các nội dung cho hoạt động ĐBCL cụ thể để đảm bảo tính khả thi. Phòng KT-ĐBCL thường xuyên phối hợp chặt chẽ với các Khoa/Phòng/Ban/Trung tâm để triển khai các hoạt động ĐBCL qua các kế hoạch ĐBCL năm học để các cá nhân và đơn vị trong Trường dễ dàng phối hợp thực hiện và đạt được mục tiêu. Dựa trên cơ sở đó, các đơn vị trực thuộc Trường xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị mình và được Ban giám hiệu Nhà trường phê duyệt [H1.09.03.06].

Các hoạt động thực hiện chiến lược ĐBCL theo kế hoạch được phổ biến, triển khai đến toàn thể CBGV, NV Nhà trường, tạo sự nhận thức sâu rộng, hỗ trợ tích cực việc thực hiện chiến lược ĐBCL đề ra thông qua nhiều hình thức khác nhau như: thông qua trang web của Phòng KT-ĐBCL [H1.09.03.07], tại Hội nghị CBVC đầu năm học [H1.09.03.08], tại các cuộc họp liên tịch để các trường đơn vị nắm rõ, sau đó phổ biến lại cho CB, GV, NV và thực hiện tại đơn vị [H1.09.03.09].

Để triển khai, quán triệt thực hiện các hoạt động ĐBCL theo kế hoạch hằng năm, Phòng KT-ĐBCL xây dựng các kế hoạch chi tiết cho từng hoạt động ĐBCL cụ thể như: tự đánh giá Cơ sở giáo dục [H1.09.03.10], tự đánh giá Chương trình đào tạo [H1.09.03.11], xây dựng Báo cáo giữa kỳ kiểm định chất lượng giáo dục cấp trường [H1.09.03.12]. Định kỳ triển khai khảo sát các bên liên quan như: Khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về HSSV tốt nghiệp [H1.09.03.13], Khảo sát tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp [H1.09.03.14], Khảo sát HSSV sắp tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của khóa học [H1.09.03.15], Khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên [H1.09.03.16]... Tất cả các hoạt động được triển khai thực hiện đều thực hiện theo đúng các quy trình có trong Sổ tay chất lượng nhằm đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược về ĐBCL của Nhà trường [H1.09.03.17].

Cùng với việc đề ra các chiến lược dài hạn, chương trình hành động, phương hướng hoạt động hàng năm và các kế hoạch hàng tháng, Nhà trường rất coi trọng việc kiểm tra giám sát và đánh giá việc thực hiện các kế hoạch. Kết quả hoạt động ĐBCL được đánh giá thường xuyên qua các báo cáo tháng [H1.09.03.18]. Hàng tháng, Nhà trường đều tổ chức họp liên tịch, trong đó đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của tháng trước và đưa ra nội dung, kế hoạch thực hiện của tháng tiếp theo [H1.09.03.09].

Định kỳ cuối năm học, Phòng KT-ĐBCL là đơn vị đầu mối chủ trì xây dựng kế hoạch và kiểm tra việc thực hiện công tác ĐBCL tại các đơn vị [H1.09.03.19]. Thông qua việc kiểm tra nhằm đánh giá việc thực hiện công tác ĐBCL đã đề ra trong kế hoạch năm học tại các đơn vị, đồng thời đưa ra những thuận lợi, khó khăn, những hạn chế, tồn tại, những khuyến nghị để Ban giám hiệu cho ý kiến chỉ đạo giải quyết [H1.09.03.20].

Thông qua báo cáo tổng kết năm học của các đơn vị [H1.09.03.21], báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch ĐBCL hàng năm [H1.09.03.22], Nhà trường đều có đánh giá hiệu quả hoạt động của công tác ĐBCL [H1.09.03.23].

Để thực hiện tốt các kế hoạch ĐBCL đã đề ra, Nhà trường luôn chú trọng đến hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, chuyên môn, nghiệp vụ đẩy mạnh công tác ĐBCL cho CB, GV, NV trong Trường [H1.09.03.24].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

***Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai.***

## **1 . Mô tả**

Đề hướng dẫn thực hiện thống nhất về công tác quản lý, lưu trữ văn bản trong toàn trường, Nhà trường đã ban hành Quy chế công tác Văn thư lưu trữ [H1.09.04.01], trong đó quy định rõ các bước thực hiện từ quy trình soạn thảo, ban hành, quản lý đến công tác lưu trữ toàn bộ hệ thống văn bản của Nhà trường

Hiện tại, toàn bộ thông tin để đánh giá chất lượng giáo dục được Nhà trường tổ chức lưu trữ và quản lý một cách có hệ thống, dễ dàng trích xuất khi cần. Hệ thống các phần mềm lưu trữ được Trường ĐHHT đang sử dụng bao gồm [H1.09.04.02] :

- Phần mềm Quản lý đào tạo Edusoft.net do Phòng Đào tạo phụ trách. Đây là phần mềm quản lý việc đăng ký môn học cho SV, quản lý thi, ...

- Phần mềm Quản lý thư viện và thư viện số do Thư viện phụ trách để quản trị Thư viện truyền thống, quản trị các tài liệu số;

- Phần mềm kế toán Misa do Phòng KH-TC phụ trách.

Các văn bản quản lý, cơ sở dữ liệu về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của trường được lưu trữ có hệ thống, cập nhật và dễ tiếp cận cụ thể như: các văn bản gốc sau khi được phê duyệt đều được quản lý tại Phòng TC-HC và các file số hóa trên ứng dụng Google Drive nên các đơn vị khi cần thiết sử dụng đều có thể dễ dàng tiếp cận [H1.09.04.03]. Bên cạnh đó các khoa, phòng, ban, trung tâm đều có lưu các bản tương ứng với lĩnh vực của đơn vị mình phụ trách. Nhà trường có kho lưu trữ và có một cán bộ chuyên trách thực hiện công tác này [H1.09.04.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng duy trì thực hiện quy trình Quản lý văn bản đến và đi theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 giúp lưu trữ văn bản khoa học, dễ dàng cho việc tra cứu khi sử dụng [H1.09.04.05].

Với nhiệm vụ là đơn vị đầu mối phụ trách công tác ĐBCL của Nhà trường, Phòng KT-ĐBCL thực hiện việc lưu trữ đúng theo quy định của Nhà trường và quy trình riêng của đơn vị. Phòng KT-ĐBCL có cán bộ chuyên trách phụ trách quản lý hệ thống văn bản đi và đến tại đơn vị. Sổ ghi chép theo dõi văn bản đi - đến của Phòng KT-ĐBCL cho thấy các văn bản được lưu trữ có hệ thống theo từng năm, có đầy đủ số ban hành, đầy đủ tên văn bản, ngày ban hành [H1.09.04.06]. Hệ thống bản mềm các văn bản được cập nhật tại các Folder khác nhau, được chia thành các mục văn bản đi, văn bản đến được sắp xếp theo từng năm, do vậy việc truy xuất văn bản khi cần sử dụng rất dễ dàng [H1.09.04.07].

Hàng năm, Phòng ĐBCL tổng hợp và xây dựng các báo cáo tổng kết về công tác ĐBCL [H1.09.04.08], kế hoạch công tác ĐBCL của Trường [H1.09.04.09] để giúp các đơn vị trong Trường tiếp cận và cập nhật thông tin dễ dàng. Ngoài ra, Trường cũng xây dựng sổ tay chất lượng để thuận tiện cho việc tra cứu, hướng dẫn, thực hành hoạt động ĐBCL một cách có hệ thống [H1.09.04.10].

Với mục đích của việc rà soát là “nhằm phát hiện những quy định trái pháp luật, mâu thuẫn chồng chéo, hết hiệu lực của văn bản quản lý nội bộ, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ văn bản quản lý nội bộ...”. Nhà trường định kỳ rà

soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL theo Quy định về xây dựng, ban hành, quản lý các văn bản nội bộ [H1.09.04.11] và được chỉ đạo thực hiện thông qua các cuộc họp rà soát, họp giao ban đào tạo, họp liên tịch [H1.09.04.12]. Theo đó Nhà trường đã ban hành các kế hoạch rà soát; thông báo về việc sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các văn bản quản lý của Trường; Quyết định thành lập các Ban soạn thảo; công văn góp ý các dự thảo Quy định... [H1.09.04.13]. Trong quá trình rà soát, Nhà trường đã ban hành lại một số văn bản, bổ sung một số văn bản mới, xây dựng và cập nhật một số quy trình để đảm bảo phù hợp với những quy định, những hướng dẫn mới, các yêu cầu phát triển, làm căn cứ cho việc đề ra các mục tiêu, kế hoạch, biện pháp cải tiến cho năm học tiếp theo [H1.09.04.14]. Kết quả rà soát được đánh giá thông qua báo cáo kết quả rà soát văn bản quản lý nội bộ [H1.09.04.15].

Việc phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được Nhà trường quan tâm chỉ đạo và được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau như: công bố trên website của Trường, website của các đơn vị để toàn thể CB, GV, NV được biết và thực hiện [H1.09.04.16], gửi bản sao các văn bản qua đường công văn đến các đơn vị, gửi email đến các trưởng bộ phận và được quản lý trên Google Drive [H1.09.04.17]. Đồng thời các văn bản quản lý còn được Nhà trường phổ biến thông qua các cuộc họp liên tịch để các trưởng đơn vị nắm rõ, sau đó phổ biến lại cho CB, GV, NV và thực hiện tại đơn vị [H1.09.04.18], thông qua Tuần sinh hoạt công dân để người học nắm rõ [H1.09.04.19].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

***Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD.***

### ***1. Mô tả***

Chiến lược phát triển Trường Đại học Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 đã xây dựng các chính sách phù hợp để đạt được sứ mạng và mục tiêu đề ra. Đây là cơ sở, căn cứ để các đơn vị xác lập các chỉ số thực hiện và chỉ tiêu phân đầu trong từng năm học để đo lường kết quả công tác ĐBCL [H1.09.05.01]

Chiến lược phát triển Trường Đại học Hà Tĩnh giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030 đã đề ra một hệ thống chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính về các hoạt động như: chiến lược phát triển đào tạo, chiến lược phát triển khoa học công nghệ, chiến lược phát triển đội ngũ và tổ chức bộ máy, chiến lược phát triển cơ sở vật chất, chiến lược phát triển tài chính, chiến lược đảm bảo chất lượng.

Để đạt được các chỉ tiêu phân đầu này, Nhà trường đã cụ thể hóa các chỉ số và chỉ tiêu phân đầu đưa vào trong các kế hoạch trọng tâm và phương hướng năm học và được thông qua trong Hội nghị CBVC, NLD để lấy ý kiến rộng rãi các bên liên quan trước khi phê duyệt và ban hành để triển khai thực hiện [H1.09.05.02]. Trên cơ sở đó, hàng năm Phòng KT-ĐBCL tham mưu cho Nhà trường kế hoạch

công tác ĐBCL qua đó các đơn vị căn cứ để xây dựng kế hoạch và triển khai nhằm đạt được các mục tiêu Đảm bảo chất lượng [H1.09.05.03], [H1.09.05.04].

Việc rà soát, đo lường, đánh giá chủ yếu do các đơn vị chức năng thực hiện đối với lĩnh vực do đơn vị phụ trách trong quá trình xây dựng báo cáo tổng kết, sơ kết, và phương hướng nhiệm vụ hàng năm. Theo đó, để đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL hàng năm, căn cứ định mức khối lượng công việc theo vị trí việc làm, theo chỉ tiêu phấn đấu, kế hoạch hoạt động ngân sách đầu năm của các đơn vị, Nhà trường triển khai đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị, cá nhân. Trên cơ sở các chỉ tiêu phấn đấu chính của Nhà trường, các đơn vị sử dụng sau mỗi học kỳ, năm học, năm tài chính làm công cụ đo lường và đánh giá kết quả công tác ĐBCL của đơn vị. Kết quả đánh giá là cơ sở để bình xét thi đua đối với mỗi đơn vị, cá nhân: báo cáo tổng kết, đánh giá kết quả hoạt động ĐBCL của các đơn vị [H1.09.05.05]; báo cáo tổng kết công tác ĐBCL Trường [H1.09.05.06]; báo cáo sơ kết, tổng kết năm học của Trường [H1.09.05.07] trong đó có đối sánh kết quả đạt được với chỉ tiêu trong kế hoạch.

Như vậy, mặc dù cho đến năm 2022, Nhà trường chưa đưa bộ chỉ số KPIs vào để đánh giá kết quả công tác ĐBCL nhưng các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu đã được xác lập trong chiến lược phát triển trường, chiến lược ĐBCL và được cụ thể hóa trong các báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ năm học và phương hướng năm học mới của Nhà trường. Nhà trường đã sử dụng các chỉ số quy định khối lượng công việc tại đề án vị trí việc làm [H1.09.05.08], Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên [H1.09.05.09], văn bản hướng dẫn về công tác đánh giá, phân loại cán bộ, hướng dẫn bình xét thi đua để đánh giá kết quả công tác ĐBCL [H1.09.05.10].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD***

### ***1. Mô tả***

Đến thời điểm hiện tại, mặc dù Nhà trường chưa xây dựng quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL. Tuy nhiên, quá trình xây dựng kế hoạch các hoạt động hàng năm đều được xem xét, cải tiến cho phù hợp với điều kiện thực tiễn và hướng dẫn các đơn vị thực hiện đảm bảo sự thống nhất trong toàn trường. Việc đánh giá tổng kết thực hiện kế hoạch các hoạt động đáp ứng mục tiêu chiến lược được thực hiện hàng năm từ các đơn vị trong toàn Trường. Vào cuối mỗi năm học, các khoa/bộ môn, các đơn vị chức năng và BGH Nhà trường đều tiến hành tổng kết việc thực hiện kế hoạch, nhiệm vụ trong năm học nhằm đánh giá kết quả đạt được, các mặt tồn tại và phương hướng khắc phục [H1.09.06.01]. Đầu mỗi năm học, Nhà trường tổ chức Hội nghị CBVC để công khai đánh giá tổng kết công tác năm học, tiếp thu ý kiến góp ý của CBVC, xây dựng kế hoạch công tác cho năm học tiếp theo phù hợp với tình hình

thực tiễn [H1.09.06.02]. Bên cạnh đó, Nhà trường cũng định kỳ tổ chức các cuộc đối thoại trực tiếp giữa Hiệu trưởng với SV [H1.09.06.03], đây cũng là một kênh thông tin khá quan trọng mà Nhà trường sử dụng để tham khảo nhằm cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường.

Ngoài ra, nhằm đảm bảo các kế hoạch, các chỉ số và các chỉ tiêu phân đầu đề ra đáp ứng mục tiêu chiến lược, phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn và định hướng phát triển đã đề ra, Nhà trường liên tục hoàn thiện và cải tiến hệ thống ĐBCL bên trong sau mỗi đợt TĐG, ĐGN bởi các tổ chức KĐCL và rà soát thường xuyên của các đơn vị thông qua các cuộc họp giao ban đào tạo [H1.09.06.04], họp liên tịch [H1.09.06.05], báo cáo tháng của các đơn vị [H1.09.06.06].

Hàng tháng, để giám sát và đánh giá hiệu quả việc thực hiện các kế hoạch Nhà trường đã đề ra, trên cơ sở Nghị quyết công tác tháng [H1.09.06.07], Đảng ủy thường xuyên tổ chức họp định kỳ hàng tháng, đánh giá và đôn đốc việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch [H1.09.06.08]. Thông qua các cuộc họp và báo cáo, BGH đưa ra xem xét việc thực hiện các hoạt động của Trường một cách có hệ thống, khắc phục tình trạng rủi ro, những thay đổi có liên quan đến hệ thống ĐBCL, cụ thể là các chỉ tiêu phân đầu chính cần cải tiến nhằm đáp ứng các mục tiêu chiến lược và từ đó đưa ra các đề nghị cải tiến chất lượng.

Hàng năm, Phòng ĐBCL đã tham mưu cho lãnh đạo Nhà trường xây dựng kế hoạch và triển khai các hoạt động khảo sát các bên liên quan trong quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL như: khảo sát lấy ý kiến người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên theo từng học kỳ [H1.09.06.09]; khảo sát ý kiến của SV sắp tốt nghiệp về chất lượng của khoá học [H1.09.06.10]; khảo sát lấy ý kiến phản hồi của nhà sử dụng lao động về HSSV tốt nghiệp [H1.09.06.11]; khảo sát tình hình việc làm của HSSV tốt nghiệp [H1.09.06.12]. Các số liệu khảo sát được thống kê, tổng hợp, phân tích và xử lý và đưa vào báo cáo tổng hợp kết quả điều tra. Thông qua báo cáo khảo sát, Phòng ĐBCL đưa ra các đề xuất, kiến nghị để giúp Nhà trường, các khoa/bộ môn và các đơn vị liên quan có các biện pháp cụ thể, tích cực để cải tiến phương pháp dạy, điều chỉnh CTĐT, cải tiến các hoạt động hỗ trợ đào tạo cho người học nhằm nâng cao chất lượng đào tạo của Nhà trường. Kết quả khảo sát được sử dụng làm cơ sở để Nhà trường xây dựng kế hoạch và thực hiện cải tiến nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Sau khi đạt giấy chứng nhận kiến định chất lượng CSGD năm 2018, Nhà trường đã triển khai tổng rà soát, đánh giá các lĩnh vực hoạt động và xây dựng kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục giai đoạn 2019-2021 [H1.09.06.13], giai đoạn 2021-2023 [H1.09.06.14], nhằm thực hiện cải tiến theo khuyến nghị của Hội đồng kiểm định chất lượng giáo dục [H1.09.06.16]. Trên cơ sở kết quả thực hiện kế hoạch cải tiến nâng cao chất lượng giáo dục sau 5 năm của chu kỳ đánh giá, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục lần thứ 4 [H1.09.06.16]. Đây là bước tiếp theo để Nhà trường tiếp tục rà soát, cải tiến các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính để đáp ứng với các mục tiêu chiến lược và ĐBCL trong giai đoạn tới [H1.09.06.17].

Theo đó, hoạt động ĐBCL ngày càng được chú trọng và hoàn thiện cả về văn bản và đội ngũ. Cụ thể những năm qua Nhà trường đã ban hành một số văn bản như: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, Quy định hoạt động ĐBCL bên trong Trường ĐHHT, Quy định về công tác ĐBCL giáo dục, Quyết định thành lập Hội đồng ĐBCL, Quyết định thành lập mạng lưới ĐBCLGD... [H1.09.06.018] .

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Nhà trường đã thành lập mạng lưới ĐBCL bao gồm: Hội đồng ĐBCL, đơn vị chuyên trách về ĐBCL là Phòng KT-ĐBCL, mạng lưới các CBVC tại các đơn vị làm công tác ĐBCL đứng đầu là Trưởng đơn vị và từ 1-2 CBVC của đơn vị đảm nhiệm;

- Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo mô hình ISO 9001:2008;

- Đã ban hành hệ thống các văn bản quy định về ĐBCL;

- Nhà trường đã xây dựng kế hoạch chiến lược ĐBCLGD làm kim chỉ nam cho tất cả các hoạt động của nhà trường. Trên cơ sở kế hoạch chiến lược, Nhà trường đã xây dựng và triển khai các kế hoạch thực hiện các hoạt động ĐBCL đảm bảo đáp ứng các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

- Trường có chiến lược và các kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và dài hạn phù hợp với định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường.

- Nhà trường đã ban hành hệ thống văn bản phục vụ công tác tổ chức quản lý các hoạt động trong toàn Trường và hệ thống văn bản này được áp dụng hiệu quả trong quá trình thực hiện. Nhà trường rất quan tâm đến việc triển khai rà soát, cập nhật văn bản quản lý nội bộ, trong đó có các văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.

- Kế hoạch chiến lược về ĐBCL của Nhà trường được cụ thể hóa bằng các kế hoạch hành động của các đơn vị liên quan một cách chi tiết, khả thi và được thực hiện nghiêm túc;

- Nhà trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục lần thứ 4 . Đây là bước tiếp theo để Nhà trường tiếp tục rà soát, cải tiến các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đáp ứng với các mục tiêu chiến lược và ĐBCL trong giai đoạn tới.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Số lượng CB được đào tạo bài bản về công tác ĐBCL và KĐCL còn hạn chế.

- Việc lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan về công tác ĐBCL chưa mở rộng nhiều đến đối tượng bên ngoài trường.

- Chưa có các chính sách ưu tiên cụ thể cho người tham gia hoạt động ĐBCL tại các đơn vị trực thuộc;



- Hệ thống Quản lý chất lượng ISO 9001: 2008 được ban hành từ năm 2015 đến nay Nhà trường chỉ mới xây dựng được kế hoạch rà soát, cải tiến, bổ sung;
- Chưa ban hành bộ chỉ số KPIs đánh giá, cho điểm công tác lĩnh vực ĐBCL của các đơn vị trong toàn trường để làm công cụ để đánh giá kết quả thực hiện công tác ĐBCL;
- Chưa xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch năm học để đặt ra các chỉ tiêu phấn đấu chính trong năm học nhằm đạt mục tiêu chiến lược về công tác ĐBCL;
- Chưa xây dựng quy trình lập kế hoạch các hoạt động.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Tạo điều kiện và hỗ trợ tối đa cho đội ngũ cán bộ tham gia các khóa đào tạo, bồi dưỡng về công tác ĐBCL và KĐCL	P.TC-HC; P. KT-ĐBCL	Từ năm học 2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường khảo sát các bên liên quan	P. KT-ĐBCL, các đơn vị liên quan	Từ năm học 2023-2024	
3	Khắc phục tồn tại 3	Cần ban hành một số chính sách ưu tiên cụ thể cho người tham gia công tác ĐBCL tại các đơn vị	P.TC-HC, Phòng KH-TC	Từ năm học 2023-2024	
4	Khắc phục tồn tại 4	Cần thực hiện rà soát, cải tiến, bổ sung và ban hành lại Quy trình ISO 9001:2008 cho phù hợp với thực tiễn theo kế hoạch đã đề ra	P. TC-HC; Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2023-2024	
5	Khắc phục tồn tại 5	Ban hành bộ chỉ số KPIs đánh giá, cho điểm công tác lĩnh vực ĐBCL của các đơn vị	P. TC-HC, P. KT-ĐBCL	Từ năm học 2024-2025	
6	Khắc phục tồn tại 6	Hàng năm nhà trường cần xây dựng mục tiêu chất lượng và kế hoạch năm học để đặt ra các chỉ tiêu phấn đấu chính trong năm học	P. TC-HC	Hàng năm (Từ năm học 2023-2024)	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
7	Khắc phục tồn tại 7	nhằm đạt mục tiêu chiến lược về công tác ĐBCL. Xây dựng quy trình lập kế hoạch các hoạt động, bộ chỉ số KPIs cho các hoạt động ĐBCL của Nhà trường	P. KT-ĐBCL; Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2024-2025	
8	Phát huy điểm mạnh 1	- Tiếp tục rà soát, điều chỉnh kế hoạch chiến lược cho phù hợp với thực tiễn; - Bám sát kế hoạch chiến lược để xây dựng và triển khai kế hoạch hoạt động ĐBCL đáp ứng mục tiêu chiến lược.	P. KT-ĐBCL; P. TC-HC	Hàng năm (Từ năm học 2023-2024)	
9	Phát huy điểm mạnh 2	Định kỳ thực hiện rà soát các hoạt động ĐBCL của Nhà trường có phù hợp với chiến lược, định hướng phát triển và sứ mạng của Nhà trường	P. KT-ĐBCL; P. TC-HC	Từ năm học 2023-2024	
10	Phát huy điểm mạnh 3	Xây dựng hệ thống lưu trữ, chia sẻ thông tin nội bộ trực tuyến trong toàn Trường. Tạo điều kiện để các đơn vị có thể sử dụng, tham khảo dữ liệu của nhau, có thể kiểm tra chéo lẫn nhau.	Các đơn vị trực thuộc	Từ năm học 2023-2024	
11	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát, cải tiến các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính để đáp ứng với các mục tiêu chiến lược và ĐBCL trong giai đoạn tới.	P. KT-ĐBCL; Các đơn vị liên quan	Từ năm học 2023-2024	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 9</b>	<b>4,67</b>
Tiêu chí 9.1	5

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	4
Tiêu chí 9.6	4

## **Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài**

***Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập.***

### ***1. Mô tả***

Kế hoạch chiến lược phát triển của Trường Đại học Hà Tĩnh đã thể hiện rõ: việc tự đánh giá (TĐG) và đánh giá ngoài (ĐGN) Trường cũng như TĐG và ĐGN chương trình đào tạo (CTĐT) là 1 nội dung ưu tiên trong lộ trình phát triển của Trường (trang 43 - Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT đến năm 2000, tầm nhìn đến năm 2030) [H1.10.01.01].

Từ năm 2008 đến năm 2017 Trường đã xây dựng kế hoạch TĐG và tổ chức thực hiện TĐG Trường 3 lần: i/ lần 1 vào năm 2008, Trường TĐG giai đoạn (2007 -2008) [H1.10.01.02]. Đây là lần đầu tiên trường tổ chức TĐG sau khi có văn bản hướng dẫn TĐG của Bộ GD&ĐT ban hành. Do Trường được thành lập từ năm 2007 nên lần TĐG này chu kỳ đánh giá chỉ 2 năm (từ 2007-2008); ii/ lần 2 vào năm 2014, Trường TĐG giai đoạn (2009 - 2014) với chu kỳ 5 năm [H1.10.01.02]; iii/ lần 3 vào năm 2016, Trường TĐG giai đoạn (2012 - 2017) chu kỳ 5 năm [H1.10.01.02].

Năm 2016, Trường đã chuẩn bị tốt các công việc để tổ chức ĐGN Trường [H1.10.01.05]. Trường đã xây dựng và ban hành kế hoạch ĐGN, đã ký hợp đồng với Trung tâm KĐCLGD thuộc ĐHQG HN và tiến hành ĐGN, giai đoạn (2012 – 2017) [H1.10.01.03].

Từ 06/2018 - 06/2023 là thời kỳ Trường được Trung tâm KĐCLGD ĐHQGHN công nhận là cơ sở giáo dục đại học đạt yêu cầu kiểm định [H1.10.01.10]. Đây cũng là thời kỳ Trường tiến hành triển khai thực hiện các kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại, hạn chế đã được chỉ ra trong báo cáo đánh giá ngoài trước đó. Trong thời kỳ này Trường đã chủ động xây dựng và triển khai các kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục (kế hoạch trung hạn) cho giai đoạn 2018 - 2023 và hàng năm Trường đều có các kế hoạch Bảo đảm chất lượng giáo dục (kế hoạch ngắn hạn) [H1.10.01.09].

Năm 2019 Trường đã xây dựng kế hoạch TĐG CTĐT lần 1 và tiến hành tự đánh giá hoàn thành CTĐT 5 ngành: Kế toán, Ngôn ngữ Anh, Giáo dục Chính trị, Giáo dục Mầm non và Công nghệ thông tin giai đoạn 2014 - 2019 [H1.10.01.02]

Năm 2022 Trường đã xây dựng kế hoạch TĐG Trường lần 4 (giai đoạn 2017 -2022); cụ thể: i/ Trường đã ban hành Quyết định thành lập Hội đồng TĐG Trường giai đoạn 2017 -2022 [H1.10.01.06]; ban hành Kế hoạch TĐG Trường giai đoạn

2017 -2022 [H1.10.01.02]; ii/ Để triển khai công tác TĐG Trường giai đoạn 2017 - 2022, Trường đã có các bước chuẩn bị khá kỹ lưỡng như: tổ chức các cuộc họp của BGH với bộ phận chức năng về ĐBCL (Phòng KT-ĐBCL) để bàn về kế hoạch, chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho việc TĐG [H1.10.01.04]; tiến hành phổ biến Kế hoạch TĐG Trường cho toàn thể CBGV, HSSV của Trường và các bên liên quan [H1.10.01.04]...; tổ chức tập huấn công tác ĐBCL cho Hội đồng Tự đánh giá, Ban thư ký, các nhóm chuyên trách, lãnh đạo các đơn vị, cán bộ thực hiện công tác ĐBCL của các đơn vị [H1.10.01.07]...

Từ hồ sơ minh chứng cho thấy rằng: công tác TĐG và ĐGN Trường cũng như TĐG và ĐGN các CTĐT của Trường đã được xác định rõ trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030. Từ năm 2008 đến năm 2022 Trường đã xây dựng kế hoạch và triển khai công tác TĐG Trường được 3 lần vào các năm 2008, 2014, 2016; tổ chức ĐGN Trường 1 lần (năm 2017); tổ chức TĐG CTĐT 1 lần (năm 2019) đối với 5 CTĐT. Năm 2022 Trường tiếp tục triển khai công tác TĐG Trường lần 4 (giai đoạn 2017-2022). Để triển khai công tác TĐG Trường giai đoạn 2017 – 2022, Trường đã có các hoạt động: i/ Thành lập Hội đồng TĐG, ban hành Kế hoạch TĐG...theo đúng quy định của Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT; ii/ Tổ chức các cuộc họp giữa BGH với các đơn vị chức năng; giữa Hội đồng TĐG với Ban thư ký, các nhóm chuyên trách ... chuẩn bị cho việc TĐG; iii/ Tổ chức tập huấn cho Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các đối tượng liên quan; iv/ Phổ biến Kế hoạch TĐG cho các bên liên quan của Trường; v/ Phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận và các cá nhân liên quan để thực hiện việc TĐG....Như vậy Kế hoạch TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN của Trường đã được thiết lập.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

***Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.***

### ***1. Mô tả***

- Trong các năm 2008, 2014, 2016 Trường đã xây dựng kế hoạch TĐG Trường và đã tổ chức TĐG hoàn thành 3 lần [H1.10.02.01]. Năm 2017 Trường đã ký hợp đồng với Trung tâm KĐCL ĐHQGHN triển khai ĐGN Trường [H1.10.02.01] và đã được Trung tâm KĐCL ĐHQGHN cấp chứng chỉ CSGD đạt chất lượng kiểm định giai đoạn 2012 - 2017 [H1.10.02.06]. Năm 2019 Trường đã xây dựng Kế hoạch TĐG CTĐT [H1.10.02.01] và hoàn thành công tác TĐG CTĐT đối với 5 CTĐT [H1.10.02.07]. Năm 2022 Trường xây dựng kế hoạch TĐG Trường lần 4, giai đoạn 2017 - 2022 [H1.10.02.01]. Từ những minh chứng trên cho thấy rằng: từ khi thành lập (2007) đến nay (2023), Trường đã triển khai TĐG Trường 4 lần (2008, 2014, 2016, 2022), TĐG CTĐT 1 lần (2019) đối với 5 CTĐT, ĐGN Trường 1 lần (2017). Tất cả các lần TĐG và ĐGN đều được thực hiện đúng với quy định hiện hành về kiểm định chất lượng của Bộ GD&ĐT. Như

vậy có thể khẳng định: Trường đã thực hiện công tác tự đánh giá theo đúng quy định hiện hành; được đánh giá ngoài 1 lần trong chu kỳ đánh giá.

- Căn cứ các quyết định thành lập và danh sách thành viên Hội đồng TĐG Trường các năm 2016, 2022 [H1.10.02.02]; TĐG CTĐT năm 2019 [H1.10.02.07] cho thấy: Hội đồng TĐG Trường năm 2016 có 3 thành viên đã có chứng chỉ kiểm định viên và 3 thành viên có chứng nhận đã qua các lớp tập huấn nghiệp vụ kiểm định và BĐCLGD [H1.10.02.03]; Hội đồng TĐG Trường năm 2022 có 1 tiến sỹ chuyên ngành “Đo lường và đánh giá trong giáo dục” [H1.10.02.03], 2 thành viên đã có chứng chỉ kiểm định viên, có 3 thành viên có chứng nhận đã qua các lớp tập huấn nghiệp vụ kiểm định và BĐCLGD [H1.10.02.03]. Các thành viên của Hội đồng TĐG đều được tập huấn nghiệp vụ kiểm định CLGD [H1.10.02.08].

Căn cứ Quyết định thành lập và danh sách thành viên Hội đồng ĐGN Trường năm 2017 [H1.10.02.04], các thành viên của Đoàn ĐGN gồm: GS Bành Tiến Long - Trưởng đoàn, Nguyễn Thị Thu Hương - Thư ký, Bùi Duy Cam – UV thường trực, Nguyễn Thị Hương - thành viên, Trần Trung - thành viên, Trần Hữu Lượng - Thành viên; 100% các thành viên của Đoàn ĐGN đều có chứng chỉ KĐV [H1.10.02.07].

Như vậy, trong mỗi lần TĐG hoặc ĐGN, Trường đều có ít nhất 3 cán bộ có chứng chỉ/chứng nhận đào tạo kiểm định viên KĐCLGD, có ít nhất 1 cán bộ có thể kiểm định viên KĐCLGD. Tất cả các cán bộ tham gia trong hội đồng tự đánh giá Trường và TĐG CTĐT của Trường đã từng được tham dự các khóa tập huấn về ĐBCL, KĐCLGD.

Từ các nội dung trên cho phép khẳng định rằng: i/ việc TĐG và ĐGN của Trường từ năm 2008 đến nay (2022) luôn được thực hiện định kỳ; ii/ việc TĐG và ĐGN được thực hiện bởi các cán bộ và các chuyên gia độc lập đã được đào tạo.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### ***Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát***

Nội dung các báo cáo TĐG Trường trong các năm 2017, 2022; TĐG 5 CTĐT của Trường năm 2019 cho thấy: mỗi tiêu chí đều được phân tích và chỉ rõ những điểm mạnh, những tồn tại, hạn chế, yếu kém và nguyên nhân từ đó làm nổi bật mặt mạnh cũng như những mặt còn tồn tại trong từng lĩnh vực trong hoạt động của Trường [H1.10.03.01]. Dựa trên các phân tích đánh giá, các khuyến nghị trong các báo cáo TĐG, Trường đã ban hành nhiều kế hoạch, giải pháp để khắc phục những tồn tại được phát hiện qua quá trình tự đánh giá nhằm hoàn thiện và nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động của Trường [H1.10.03.04]. Sau khi ban hành các kế hoạch, Trường đã nghiêm túc triển khai thực hiện. Định kỳ theo nội dung đã được quy định trong các kế hoạch, Trường đều tổ chức sơ kết, tổng kết và có các báo cáo đánh giá kết quả cải tiến chất lượng sau khi triển khai các kế hoạch hành động khắc phục tồn tại sau tự đánh giá [H1.10.03.05].

Đặc biệt sau khi có kết quả ĐGN, căn cứ vào các khuyến nghị đã được chỉ ra trong báo cáo ĐGN của Hội đồng ĐGN [H1.10.03.02] và các khuyến nghị tại Nghị quyết của Hội đồng KĐCLGD Trung tâm KĐCLGD ĐHQGHN [H1.10.03.03], Trường đã tiến hành phân công cụ thể cho từng bộ phận chuyên môn tổ chức phân tích, đánh giá tìm nguyên nhân của các mặt mạnh, mặt hạn chế từ đó làm căn cứ ban hành các Kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục các giai đoạn: 2019 - 2021, 2021 - 2023 [H1.10.03.04]. Các Kế hoạch này được Trường nghiêm túc triển khai thực hiện. Sau khi thực hiện hoàn thành Trường đều có các báo cáo tổng kết việc thực hiện kế hoạch [H1.10.03.05].

Trường cũng đã tổ chức các cuộc họp, chia sẻ những kinh nghiệm được đúc kết giữa các đơn vị trong trường với nhau qua quá trình thực hiện công tác TĐG và ĐGN [H1.10.03.06] để các đơn vị thống nhất trong nhận thức, có kế hoạch phối hợp tốt hơn cho hoạt động TĐG, ĐGN những lần sau cũng như phối hợp thực hiện tốt hơn các nhiệm vụ nâng cao chất lượng giáo dục (CLGD) của Trường.

Từ các kết quả phân tích trên cho thấy rằng: các phát hiện và kết quả của việc TĐG và ĐGN Trường đều đã được rà soát.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### ***Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của Trường***

#### **1. Mô tả**

Để thực hiện tốt công tác kiểm định, Trường đã xây dựng và ban hành các quy trình TĐG Trường, TĐG CTĐT của Trường, chuẩn bị ĐGN Trường và chuẩn bị ĐGN CTĐT của Trường. Các quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN của Trường được ban hành lần đầu vào năm 2014 [H1.10.03.04].

Sau mỗi lần TĐG và ĐGN, Trường đã tổ chức các cuộc họp rà soát lại quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN [H1.10.03.01]. Sau khi được rà soát, trên cơ sở các ý kiến đóng góp, Trường đã tiến hành bổ sung, sửa đổi các quy trình TĐG và chuẩn bị ĐGN của Trường. Từ năm 2014 đến nay, Trường đã tiến hành rà soát 2 lần. Sau mỗi lần rà soát đều có tiến hành cải tiến sửa đổi [H1.10.03.04].

Để cải tiến các quy trình TĐG, chuẩn bị ĐGN, Trường đã giao cho các tổ chức (phòng, khoa, trung tâm) và cá nhân có liên quan tiến hành rà soát [H1.10.03.01]. Các ý kiến đóng góp cho sửa đổi các quy trình đều được tập hợp thành văn bản [H1.10.03.02] để gửi về cho bộ phận chịu trách nhiệm soạn thảo. Sau khi tổng hợp đầy đủ ý kiến của các tổ chức, cá nhân; bộ phận chịu trách nhiệm soạn thảo tiến hành sửa đổi các quy trình. Các quy trình sau khi sửa đổi (bản dự thảo) được trình lên Hội đồng sửa đổi quy trình do Hiệu trưởng quyết định thành lập để thảo luận và quyết định đưa ra bản cuối cùng (bản chính thức) trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.10.03.05]

Sau khi có các quy trình được sửa đổi, Trường cũng đã tổ chức các cuộc họp để phổ biến rộng rãi cho CBVC trong Trường. Trường cũng tổ chức các cuộc họp chia sẻ những kinh nghiệm được đúc kết giữa các đơn vị trong trường với

nhau qua quá trình thực hiện công tác kiểm định để các đơn vị thống nhất trong nhận thức, có sự phối hợp tốt hơn cho trong việc thực hiện các nhiệm vụ nâng cao CLGD của Trường [H1.10.03.04] .

Từ các kết quả phân tích trên cho thấy rằng: quy trình TĐG và quy trình chuẩn bị ĐGN đã được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của Trường.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Theo Giấy chứng nhận kiểm định đạt chất lượng CSGD đã được cấp thì đến tháng 6/2023 Trường mới hết thời hạn được công nhận là CSGD đạt chất lượng kiểm định. Tuy vậy ngay từ năm 2022 Trường đã tiến hành TĐG để làm cơ sở cho việc ĐGN Trường lần 2. Như vậy có thể khẳng định rằng: Trường đã chủ động trong công tác TĐG và chuẩn bị tốt cho việc TĐG Trường. Điểm mạnh của Trường là: đã chủ động trong việc triển khai công tác công tác TĐG Trường để đảm bảo việc TĐG cũng như ĐGN Trường được thực hiện liên tục theo đúng chu trình 5 năm đã được quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, ngày 19/5/2017 của Bộ GD&ĐT.

- Trong thời gian 16 năm kể từ ngày thành lập (2007 – 2022), Trường đã tổ chức TĐG Trường 4 lần vào các năm 2008, 2014, 2016 và 2022. Năm 2008, Trường TĐG Trường giai đoạn 2007-2008. Đây là lần đầu tiên Trường TĐG chưa đủ 1 chu kỳ 5 năm vì Trường mới thành lập. Các lần TĐG Trường vào các năm 2014, 2016, 2022 Trường TĐG Trường các giai đoạn 2009 - 2014, 2012 - 2017 và 2017 -2022, đều đủ chu kỳ 5 năm, phù hợp với quy định về chu kỳ TĐG của Bộ GD&ĐT. Như vậy có thể thấy rằng: điểm mạnh của Trường là đã thiết lập 1 cơ chế chủ động trong việc TĐG Trường theo định kỳ với chu kỳ 5 năm/lần; Trường TĐG liên tục không bỏ trống 1 năm nào kể từ ngày thành lập.

- Để tổ chức TĐG Trường, TĐG CTĐT, Trường đã chủ động đào tạo đội ngũ cán bộ để có đủ số tối thiểu (3 người) cán bộ có chuyên môn có trình độ về KĐCLGD tham gia vào việc TĐG Trường, TĐG CTĐT. Đây cũng là 1 điểm mạnh của Trường, giúp Trường luôn chủ động về chuyên môn trong việc tổ chức TĐG.

- Sau khi có kết quả TĐG, ĐGN, Trường đã triển khai ngay công tác rà soát. Trong quá trình rà soát, mỗi tiêu chí đều được phân tích cụ thể để tìm ra nguyên nhân của điểm mạnh, điểm tồn tại, hạn chế và đề ra các giải pháp phát huy điểm mạnh, khắc phục tồn tại, hạn chế. Trường cũng đã đưa ra nhiều giải pháp phù hợp, có các kế hoạch phân công cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân thực hiện. Như vậy, điểm mạnh của Trường là: đã thực hiện công tác rà soát sau TĐG và ĐGN khá kịp thời và cụ thể.

- Từ năm 2014 đến 2022, Trường đã tiến hành rà soát các quy trình TĐG, quy trình chuẩn bị ĐGN 2 lần; đảm bảo ít nhất 5 năm các quy trình được rà soát 1 lần. Việc thực hiện rà soát, sửa đổi đã huy động được sự đóng góp ý kiến của

đồng đảo cán bộ, viên chức trong Trường. Chính vì thế nên các quy trình TĐG, quy trình chuẩn bị ĐGN của Trường luôn được cải tiến kịp thời, phù hợp với các quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT và tình hình thực tế của Trường.

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Theo yêu cầu được hướng dẫn bởi thông tư 12/2017/TT-BGDĐT “Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học” của Bộ Giáo dục và Đào tạo, công tác xây dựng Kế hoạch TĐG của Trường vẫn còn 1 số tồn tại như: i/ Trường chưa đưa nội dung chuẩn bị cho ĐGN sau khi có kết quả TĐG (giai đoạn 2017 - 2022) vào kế hoạch do vậy mà chưa triển khai được các công tác chuẩn bị cho ĐGN Trường lần 2; ii/ Một số nội dung trong Kế hoạch TĐG Trường giai đoạn 2017 – 2022 còn chưa cụ thể; việc bố trí thời gian cho 1 số hoạt động như: thảo luận góp ý cho dự thảo báo cáo đánh giá các tiêu chí còn quá ít vv.. Do vậy trong quá trình thực hiện Kế hoạch TĐG, nhiều nội dung không thể triển khai đúng tiến độ.

- Công tác TĐG CTĐT của Trường mới chỉ thực hiện 1 lần vào năm 2019 đối với 5 CTTĐT chính quy. Hiện nay Trường còn 18 CTĐT chính quy chưa được TĐG. Tuy vậy Trường vẫn chưa thiết lập và chủ động đưa ra lộ trình cụ thể cho việc TĐG cũng như ĐGN các CTĐT. Đây là tồn tại mà Trường cần phải khắc phục để có sự chủ động trong việc bố trí nguồn lực (con người, tài chính...) cũng như thời gian để tiến hành TĐG và ĐGN các CTĐT trong thời gian tới.

- Trong các lần TĐG của Trường, số cán bộ có chứng chỉ về KĐCLGD vẫn còn chưa nhiều, chỉ mới đạt số lượng mức tối thiểu. Đây cũng là 1 hạn chế mà Trường cần có kế hoạch khắc phục nhằm tạo nên 1 đội ngũ cán bộ đồng đảo có nghiệp vụ KĐCLGD để nâng cao chất lượng công tác TĐG cũng như các hoạt động BĐCL của Trường

- Dù Trường đã thực hiện công tác rà soát khá cụ thể, chi tiết và bài bản nhưng kết quả phân tích chỉ ra nguyên nhân các mặt mạnh, mặt hạn chế còn chưa cao. Đặc biệt việc chỉ ra nguyên nhân của các hạn chế, khuyến điểm của nhiều tiêu chí còn thiếu tính cụ thể do vậy dẫn đến chất lượng các kế hoạch cải tiến còn chưa cao. Điều này đã làm hạn chế đến tính hiệu quả của các giải pháp đã được đưa vào các kế hoạch cải tiến chất lượng của Trường. Nguyên nhân của tồn tại này là do phần lớn đội ngũ cán bộ trong Trường chưa được đào tạo chuyên môn về công tác ĐBCL nên chưa có nghiệp vụ để thực hiện các phân tích chuyên sâu. Đây chính là điểm tồn tại cơ bản mà Trường cần sớm khắc phục ngay trong thời gian tới

- Trường đã ban hành Hệ thống quản lý chất lượng (ISO 9001:2008) và đã có 1 số quy trình TĐG được đưa vào ISO nhưng vẫn còn 1 số quy trình chưa đưa vào ISO. Trường nên sớm đưa các quy trình đã ban hành vào Hệ thống quản lý chất lượng của Trường để quản lý và thực hiện 1 cách đồng bộ

- Trong quá trình rà soát, cải tiến các quy trình, Trường chưa tham khảo ý kiến các chuyên gia. Các lần rà soát sau Trường nên tham khảo ý kiến chuyên gia để nâng cao chất lượng các quy trình sau cải tiến

## **3. Kế hoạch cải tiến:**



<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
01	Khắc phục tồn tại 1	Cần tổ chức hội nghị rút kinh nghiệm các nội dung: - đưa công tác chuẩn bị ĐGN vào để thực hiện ngay sau khi TĐG Trường xong; - Chỉ ra các nguyên nhân cụ thể và có các giải pháp để việc xây dựng kế hoạch TĐG những lần sau sát thực tiễn, để thực hiện hơn	Phòng KT - ĐBCL (chủ trì) và các phòng chức năng (phối hợp).	Năm học 2023-2024	Triển khai hội nghị ngay khi kết thúc công tác TĐG
02	Khắc phục tồn tại 2	XD kế hoạch đào tạo nghiệp vụ KĐ cho đội ngũ cán bộ	Phòng TC-HC	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
03	Khắc phục tồn tại 3	- XD kế hoạch TĐG CTĐT cho các chuyên ngành còn lại - XD kế hoạch để ĐGN Trường lần 2, chuẩn bị ĐGN 1 số CTĐT	Phòng KT - ĐBCL	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
		Cần xây dựng kế hoạch đào tạo nghiệp vụ KĐCL cho đội ngũ CB, GV	Phòng TC-HC chủ trì; Phòng KT - ĐBCL phối hợp	Từ năm học 2023-2024 trở đi	
04	Khắc phục tồn tại 4	- Sớm đưa các quy trình TĐG, chuẩn bị TĐG vào ISO - Tham khảo ý kiến chuyên gia khi cải tiến các quy trình	Phòng KT - ĐBCL	Từ năm học 2023-2024	
05	Phát huy điểm mạnh 1	Chủ động hơn nữa trong việc thực hiện công tác TĐG và ĐGN Trường cũng như TĐG và ĐGN các CTĐT của Trường: đưa nội dung này vào các Kế hoạch năm học ngay từ đầu mỗi chu kỳ TĐG	Phòng KT - ĐBCL	Năm học 2023-2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
06	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục duy trì việc TĐG theo định kỳ bằng việc cụ thể hoá công tác TĐG vào kế hoạch hoạt động hàng năm	Phòng KT - ĐBCL	Năm học 2023-2024	
07	Phát huy điểm mạnh 3	Hàng năm tiếp tục đưa nội dung rà soát các tiêu chí, tiêu chuẩn vào kế hoạch năm học của Trường	Phòng KT - ĐBCL	Từ năm học 2023-2024	
08	Phát huy điểm mạnh 4	Chủ động XD kế hoạch rà soát, cải tiến các quy trình TĐG, chuẩn bị ĐGN trong các năm học tới	Phòng KT - ĐBCL	Từ năm học 2023-2024 trở đi	

#### 4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 10</b>	<b>4,75</b>
Tiêu chí 10.1	5
Tiêu chí 10.2	5
Tiêu chí 10.3	5
Tiêu chí 10.4	4

#### Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

**Tiêu chí 11.01. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập.**

##### 1. Mô tả

Nhận thức rõ vai trò, tầm quan trọng của thông tin ĐBCL trong việc phục vụ và hỗ trợ các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng nên hàng năm Trường đều ban hành các kế hoạch thu thập, lưu trữ tài liệu, thông tin về ĐBCL bên trong của Trường. Các kế hoạch đều thể hiện cụ thể: nội dung thông tin cần thu thập, nơi cung cấp, nơi tiếp nhận, thời gian cung cấp, quy trình xử lý thông tin, cách thức lưu trữ...[H1.11.01.01]. Nhờ có các kế hoạch nên hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Trường hàng năm đều được thu thập khá kịp thời, đầy đủ và có chất lượng. Tất cả các thông tin từ các bên liên quan (người học; giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên phục vụ; người sử dụng lao động ; cơ

quan quản lý; chuyên gia..) đều được thu thập, xử lý để phục vụ cho các hoạt động (đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng) của Trường [H1.11.01.04], [H1.11.01.05].

Trong nội dung các kế hoạch thu thập, lưu trữ tài liệu, thông tin, việc phân công trách nhiệm cho bộ phận đầu mối, các bộ phận phối hợp, hỗ trợ trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong Trường được dựa trên chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị chuyên môn. Trong đó những thông tin thuộc đơn vị chức năng nào thì đơn vị đó chịu trách nhiệm thu thập, xử lý. Các đơn vị phối hợp có nhiệm vụ hỗ trợ để truyền tải, lưu trữ, bảo quản thông tin.....[H1.11.01.04], [H1.11.01.05]

Để thực hiện tốt việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Trường đã ban hành các quy định về hệ thống bộ máy ĐBCL bên trong [H1.11.01.07]. Để ban hành các quy định về hệ thống bộ máy ĐBCL bên trong, Trường đã tổ chức nhiều cuộc họp thảo luận trong Trường, tham khảo các phương thức tổ chức của các đơn vị, tham khảo ý kiến của các chuyên gia...[H1.11.01.02]

Đặc biệt, để nâng cao chất lượng, đảm bảo tính chính xác, kịp thời trong xử lý, cung cấp thông tin, Trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong Trường [H1.11.01.06].

Từ các phân tích trên cho thấy: hàng năm Trường đều ban hành các kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong và triển khai thực hiện nghiêm túc. Như vậy có thể khẳng định: Trường đã thiết lập kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong (bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng)

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn.***

### **1. Mô tả**

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được vận hành bởi 1 bộ máy từ cấp lãnh đạo cao nhất đến cấp cơ sở; được điều hành bởi Hội đồng ĐBCL bên trong [H1.11.02.01]. Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong được xây dựng trên nền tảng áp dụng công nghệ thông tin [H1.11.02.01]. Hàng năm Trường đã vận hành bộ máy ĐBCL để lập, tổ chức thực hiện các kế hoạch thu thập thông tin ĐBCL bên trong [H1.11.02.02]. Các thông tin thu thập, sau khi được xử lý (phân tích, đánh giá...), là cơ sở để lãnh đạo đưa ra các quyết định trong thực hiện các nhiệm vụ của Trường. Các thông tin này cũng là căn cứ để Trường thực hiện trách nhiệm giải trình theo quy định của pháp luật [H1.11.02.05].

Các thông tin do hệ thống thu thập là cơ sở dữ liệu ban đầu. Từ cơ sở dữ liệu ban đầu này, Trường tổ chức phân tích, đánh giá, phân loại thành các dữ liệu

thứ cấp, có phân biệt mức độ quan trọng (mật, tối mật..). Để đảm bảo tính chính xác, khách quan của thông tin, Trường đã ban hành nhiều quy định, hướng dẫn về tổ chức phân tích thông tin [H1.11.02.04]. Thông tin sau khi được xử lý (phân tích, đánh giá, phân loại...) được đưa vào sử dụng cho từng lĩnh vực; được lưu trữ và bảo mật theo đúng các quy định về hướng dẫn về xử lý, lưu trữ [H1.11.02.04] cũng như các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn thông tin của Trường [H1.11.02.03].

Cơ sở dữ liệu (CSDL) về hệ thống thông tin ĐBCL bên trong (bao gồm cả sơ cấp và thứ cấp) được lưu trữ 1 cách có hệ thống theo các quy định về lưu trữ và bảo mật của Trường; sẵn sàng trích xuất cho các bên sử dụng theo đúng quy định khi cần [H1.11.02.04]

Các chính sách, thủ tục bảo mật và an toàn đối với hệ thống thông tin về ĐBCL bên trong được thông báo cho tất cả các cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường và các bên liên quan khác (nhà cung cấp, đối tác,...) biết để tuân thủ trong khi thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng, hợp tác [H1.11.02.06].

Như vậy có thể thấy rằng: thông tin về ĐBCL bên trong của Trường được thu thập, xử lý có tính thống nhất, khách quan, chính xác; luôn sẵn có để cung cấp kịp thời, phục vụ cho các hoạt động của các bên liên quan; được lưu trữ, bảo mật an toàn.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

***Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.***

### ***1. Mô tả***

Để nâng cao chất lượng công tác quản lý thông tin cũng như chất lượng thông tin, hàng năm Trường đã ban hành các kế hoạch tổ chức rà soát, bổ sung, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H1.11.03.01]; kế hoạch bổ sung, điều chỉnh số lượng, chất lượng, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.[H1.11.03.01]. Trường cũng ban hành các quy định, hướng dẫn, phân công nhiệm vụ thực hiện rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong; các quy định, hướng dẫn đảm bảo số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin [H1.11.03.02]

Căn cứ vào các kế hoạch ban hành, Trường đã tiến hành phân công cán bộ triển khai rà soát. Trong quá trình rà soát, Trường tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, giảng viên và các bên liên quan để bổ sung, điều chỉnh. Các ý kiến đóng góp đều được ghi chép tổng hợp thành các biên bản[H1.11.03.03].

Trên cơ sở kết quả rà soát, các ý kiến đóng góp, Trường tiến hành xử lý và bổ sung, cải tiến, điều chỉnh hệ thống quản lý; tăng cường chất lượng, số lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin. Chính nhờ hoạt động rà soát được thực hiện hàng năm nên chất lượng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như số lượng, chất lượng thông tin ĐBCL bên trong của Trường

không ngừng được cải tiến; sự thống nhất, tính bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin của trường cũng ngày càng cao [H1.11.03.04].

Sau khi rà soát Trường đều có các báo cáo tổng kết về việc thực hiện kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin, hệ thống dữ liệu thông tin ĐBCL bên trong [H1.11.03.03].

Như vậy, hàng năm Trường đã thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong; rà soát để bổ sung số lượng, nâng cao chất lượng dữ liệu và thông tin; tăng cường sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

***Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.***

### ***1. Mô tả***

Hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường bao gồm: bộ máy vận hành, chính sách, quy định, quy trình vận hành cơ sở dữ liệu và thông tin nhằm phục vụ cho các hoạt động ĐBCL của Trường. Nội dung các báo cáo tổng kết hoạt động của Trường cho thấy: định kỳ, Trường đã tiến hành rà soát, điều chỉnh, cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong [H1.11.04.01]. Việc rà soát được thực hiện trên cơ sở phân tích, đánh giá tính phù hợp, hiệu quả của các bộ phận cấu thành nên hệ thống; quá trình rà soát (phân tích, đánh giá), điều chỉnh, cải tiến đều có tham khảo góp ý của các bên liên quan [H1.11.04.01]

Sau rà soát, bộ máy vận hành được kiện toàn; các chính sách, quy định, quy trình quản lý thông tin ĐBCL bên trong của Trường được bổ sung, sửa đổi cho phù hợp với điều kiện cụ thể của Trường trong từng giai đoạn [H1.11.04.02]

Cơ sở dữ liệu và thông tin của Trường về ĐBCL bên trong sau khi được xử lý (bao gồm cả phân tích kết quả đánh giá) được Trường sử dụng để hỗ trợ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H1.11.04.03], [H1.11.04.04].

Từ những phân tích trên cho thấy: Trường đã triển khai việc cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong để hỗ trợ cho các hoạt động của Trường

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

Căn cứ vào nội dung các kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL hàng năm của Trường cho thấy: Trường đã quan tâm toàn diện đến việc quản lý thông tin; tất cả thông tin từ các nguồn (người học; giảng viên, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên phục vụ; người sử dụng lao động ; cơ quan quản lý; chuyên gia..) đều được Trường đưa vào kế hoạch để thu thập, xử lý nhằm mục tiêu phục vụ cho các hoạt động (đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng) của Trường. Mỗi đối tượng (nguồn)

cung cấp thông tin đều được trường xây dựng kế hoạch để thu thập, xử lý riêng. Sự chuyên biệt trong việc xây dựng kế hoạch để quản lý thông tin theo đối tượng đã giúp Trường có nhiều thuận lợi trong việc bố trí nguồn lực (bố trí con người, kinh phí vv..) để thực hiện (thu thập, xử lý, lưu trữ..). Đây chính là điểm mạnh mà Trường nên tiếp tục duy trì

Các quy định, hướng dẫn về thu thập, xử lý (phân tích, đánh giá, phân loại, tổng hợp vv..), bảo quản, lưu trữ vv... thông tin ĐBCL của Trường cho thấy: Trường đã ưu tiên việc ứng dụng CNTT vào công tác quản lý thông tin. Các khâu trong hoạt động quản lý thông tin (thu thập, xử lý, bảo quản...) đều từng bước được ứng dụng CNTT để nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác quản lý thông tin ĐBCL của Trường. Đây chính là điểm mạnh của Trường trong hoạt động quản lý thông tin ĐBCL

Việc rà soát định kỳ hàng năm đối với hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như rà soát dữ liệu và thông tin; sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin được Trường thực hiện 1 cách khoa học: tuân tự từ khâu xây dựng kế hoạch - triển khai thực hiện kế hoạch - tổng kết. Trong quá trình rà soát được thực hiện theo các quy định, hướng dẫn về: phân công trách nhiệm cho mỗi tổ chức cá nhân đảm nhận các công việc cụ thể; lấy ý kiến đóng góp của các bên..vv.

Dựa vào kết quả cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình sau cải tiến cho thấy: chất lượng các quy định, quy trình sau khi được cải tiến ngày càng mang tính cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của Trường; các chính sách ngày càng hoàn thiện hơn (phù hợp hơn với từng vị trí việc làm, mức độ đáp ứng công việc...)

## **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

Từ nội dung các kế hoạch thu thập thông tin được thiết lập cho thấy: việc thu thập thông tin đối với các đối tượng bên ngoài trường như các cơ quan quản lý, chuyên gia, người sử dụng lao động số lượng còn chưa nhiều. Đặc biệt là kế hoạch thu thập thông tin từ các cơ quan quản lý và các doanh nghiệp (người sử dụng lao động) còn quá ít về số lượng đơn vị thu thập; nội dung thu thập thông tin còn phiến diện. Đây chính là điểm tồn tại cơ bản mà Trường cần khắc phục trong công tác xây dựng các kế hoạch thu thập thông tin ĐBCL để làm tiền đề cho việc thu thập thông tin có kết quả cao hơn.

Tuy đã ứng dụng CNTT nhưng khâu bảo quản, lưu trữ thông tin vẫn còn bộc lộ 1 số tồn tại: i/việc lưu trữ còn chưa thực sự khoa học nên quá trình trích xuất thông tin khi cần sử dụng còn chưa thực sự tiện lợi, việc tra cứu thông tin còn nhiều vướng mắc; ii/ mức độ bảo mật thông tin còn chưa cao

Từ kết quả thực hiện rà soát cho thấy: i/ Trường đang chủ yếu tập trung thực hiện rà soát vào 1 số dữ liệu của các hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực đào tạo; các lĩnh vực khác như nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng đang ít được quan tâm; ii/ việc rà soát để nâng cao tính bảo mật cho 1 số lĩnh vực thuộc bản quyền, sở hữu trí tuệ của Trường còn chưa được quan tâm đúng mức.

Kế hoạch cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong; các chính sách, quy trình quản lý thông tin ĐBCL cho thấy còn bộc lộ 1 số tồn tại cần khắc phục như: i/ số lần rà soát để cải tiến hệ thống còn ít, chưa mang tính thường xuyên; ii/ chính sách khuyến khích bộ máy còn chưa đủ mạnh để động viên đội ngũ thực hiện nhiệm vụ; iii/ các quy định, quy trình còn chưa bao quát hết đối tượng điều chỉnh (cơ sở dữ liệu và thông tin)

### 3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
01	Khắc phục tồn tại 1	- Tăng số lượng các đơn vị đầu mỗi cần thu thập thông tin - Tăng nội dung thông tin cần thu thập/đơn vị đầu mỗi	Các phòng, khoa, trung tâm	Năm học 2023-2024 trở đi	
02	Khắc phục tồn tại 2	Cần sửa đổi quy định về lưu trữ để thuận tiện cho việc trích xuất, tra cứu và nâng cao tính bảo mật thông tin	Phòng TCHC và TT CNTT đồng chủ trì, các đơn vị phối hợp	Năm học 2023-2024	
03	Khắc phục tồn tại 3	- Cần thực hiện việc rà soát một cách đồng đều tất cả các lĩnh vực; - Tăng cường công tác rà soát bảo mật trong lĩnh vực bảo vệ bản quyền, sở hữu trí tuệ.	Các phòng. Khoa, trung tâm	Năm học 2023-2024	
04	Khắc phục tồn tại 4	- Cần đưa hoạt động rà soát, cải tiến cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong vào kế hoạch hoạt động hàng năm - Ban hành các chính sách, quy định, quy trình phù hợp, có tác động khuyến khích mạnh, phạm vi điều chỉnh bao quát hơn	Phòng KT - ĐBCL chủ trì; các đơn vị phối hợp	Bắt đầu từ năm học 2023-2024	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
05	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục duy trì việc XD kế hoạch chuyên biệt để thu thập thông tin; thống nhất mẫu KH cho từng loại đối tượng	Phòng KT - ĐBCL chủ trì; các đơn vị phối hợp	Năm học 2023-2024	
06	Phát huy điểm mạnh 2	Nâng cấp mức độ ứng dụng tin học vào công tác thu thập, xử lý và bảo quản thông tin	Trung tâm CNTT chủ trì, các đơn vị phối hợp	Năm học 2023-2024	
07	Phát huy điểm mạnh 3	Nên ban hành quy trình và tục duy trì việc rà soát theo quy trình.	Phòng TC-HC	Năm học 2023-2024	
08	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục cải tiến nâng cao chất lượng các quy trình, quy định theo hướng chuẩn hoá: quy trình hoá các quy định	Phòng KT - ĐBCL chủ trì; các đơn vị phối hợp	Bắt đầu từ năm học 2023-2024	

#### **4. Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 11</i></b>	<b>4,75</b>
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	5
Tiêu chí 11.4	4

#### **Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng**

***Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của cơ sở giáo dục bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng***

##### **1. Mô tả**

Nâng cao chất lượng là một hoạt động có tính chiến lược và có kế hoạch liên tục của Trường ĐHHT. Kế hoạch nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện thông qua các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và



nguồn lực để thực hiện tốt nhất các hoạt động.

*\Trước hết*, Trường ĐHHT xác định nâng cao chất lượng là trách nhiệm của mỗi cán bộ, nhân viên, là nhiệm vụ của BGH, của các đơn vị, phòng chức năng trong Nhà trường. Nâng cao chất lượng được coi là hoạt động sống còn có ý nghĩa quyết định đối với sự phát triển nên nhiệm vụ này đã được xác định và đưa vào trong tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Nhà Trường [H1.12.01.01] [H1.12.01.02].

*Thứ hai*, Trường ĐHHT đã ban hành và thực hiện các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ [H1.12.01.04] [H1.12.01.05]

*Về chính sách*: Để có căn cứ cho việc hoạch định các kế hoạch nâng cao chất lượng, Trường ĐHHT đã sớm ban hành Chính sách chất lượng. Chính sách chất lượng của Trường có nhiều nội dung đề cập đến việc đảm bảo và nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ [H1.12.01.06].

Chính sách chất lượng của Trường ĐHHT luôn luôn thể hiện:

- Coi người học là trung tâm, lấy GV làm động lực trong hoạt động đào tạo và NCKH;

- Thường xuyên đánh giá, đổi mới CTĐT, nội dung giáo trình, bài giảng áp dụng PPGD tích cực nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực NCKH của người học; [H1.12.01.16]

- Chú trọng xây dựng đội ngũ GV, cán bộ hành chính và cán bộ quản lý có đủ trình độ, phẩm chất và năng lực để đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội; [H1.12.01.17]

- Đảm bảo đủ phòng học, trang thiết bị, giáo trình, bài giảng; bổ sung và cập nhật thường xuyên nguồn học liệu để giảng dạy, học tập và NCKH đạt chất lượng cao;

- Luôn luôn quan tâm và tạo môi trường thuận lợi để người học tự do phát triển năng lực sáng tạo của mình;

- Định kỳ xem xét, cải tiến phương thức quản lý nhằm nâng cao chất lượng các lĩnh vực hoạt động của Trường.

*Về hệ thống*:

Để đảm bảo sự ổn định và ngày càng hoàn thiện của Hệ thống ĐBCL, Trường ĐHHT đã thành lập Hội đồng ĐBCL, HĐKH&ĐT nhằm tham mưu cho BGH trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cao chất lượng về đào tạo, NCKH và PVCĐ [H1.12.01.11], [H1.12.01.12].

Tại các Khoa/Viện/Bộ môn cũng thành lập các HĐKH&ĐT, phân công đội ngũ làm công tác ĐBCL nhằm thực hiện tốt các hoạt động ĐBCL của Khoa và Nhà trường trong thời gian tới [H1.12.01.13], [H1.12.01.14].

- *Về nguồn lực*:

Để đảm bảo kế hoạch nâng cao chất lượng được thực hiện hiệu quả nhất,

Trường ĐHHT đã đảm bảo các nguồn lực cần thiết cho công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ (bao gồm nguồn nhân lực, CSVC, trang thiết bị). Hiện nay, tổng số nhân sự chuyên trách của các đơn vị liên quan trực tiếp đến công tác đào tạo, NCKH và PVCĐ của Phòng Đào tạo, Phòng QLKH-ĐN-TT, Phòng CTCT-HSSV, Phòng KT-ĐBCL và các Khoa/Bộ môn [H1.12.01.09], [H1.12.01.10].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### ***Tiêu chí 12.2. Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập***

#### **1. Mô tả**

Chất lượng tất cả hoạt động trong Trường Đại học Hà Tĩnh ngày càng được nâng cao là nhờ Nhà trường đã thiết lập các quy trình và tiêu chí lựa chọn đối tác hợp tác rõ ràng và nhờ các đơn vị luôn sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để đưa ra các biện pháp, kế hoạch và cải tiến mọi hoạt động của đơn vị mình [H2.12.02.01]. Các hoạt động đối ngoại của nhà trường đang được lồng ghép và các hoạt động của đơn vị có liên quan như các Khoa, phòng CTCT-HSSV, phòng QLKH-ĐN-TT, phòng Đào tạo. Các tiêu chí lựa chọn đối tác để so chuẩn, đối sánh tập trung vào các khía cạnh: Quy định của pháp luật, chiến lược phát triển của Trường, quy mô, lĩnh vực hoạt động, tính khả thi và khả năng hợp tác, nguồn lực và sự tương đồng với tầm nhìn, sứ mạng của Trường [H2.12.02.02].

Với các tiêu chí này, các đối tác liên kết, hợp tác với Trường được chọn lọc một cách cẩn thận để ĐBCL hợp tác, và mối quan hệ hợp tác cũng được đánh giá định kỳ nhằm để đưa ra được hướng phát triển đối với đối tác trong tương lai, phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Nhà trường [H2.12.02.07]. Hàng năm, nhà trường thực hiện tổ chức sơ kết, đánh giá công tác các hoạt động của các đơn vị vào cuối năm học và đưa ra kế hoạch điều chỉnh kịp thời cho năm tới.

Nhà trường tuân theo và sử dụng các tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng theo các quy định hiện hành [H2.12.02.04], [H2.12.02.06]. Ngoài ra, để các hoạt động so chuẩn, đối sánh chất lượng có hiệu quả, Nhà trường đã ban hành các quy định cụ thể về tiêu chí xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng trên các lĩnh vực đào tạo, NCKH và PVCĐ [H2.12.02.03]. Trường thực hiện quy định của UBND tỉnh Hà Tĩnh về quản lý hoạt động hợp tác phát triển làm căn cứ cho các hoạt động lựa chọn đối tác, quản lý đoàn ra đoàn vào tại trường [H2.12.02.01], [H2.12.02.02].

Nội dung so chuẩn, đối sánh nhằm vào một trong các mục tiêu sau: (1) Hiểu rõ hiện trạng của chính mình; (2) Xác định khoảng cách giữa mình và các chuẩn mực khách quan bên ngoài mà mình muốn đạt; (3) Học hỏi những phương pháp thực hành tốt nhất từ bên ngoài để triển khai tại đơn vị. Nội dung tiêu chí so chuẩn, đối sánh với các đối tác của Trường được ghi nhận cụ thể tại các văn bản của Trường [H2.12.02.04], [H2.12.02.05], [H2.12.02.06].

Bên cạnh đó, khi xây dựng các CTĐT, Nhà trường phải đối sánh với khung CTĐT của các trường đại học trong nước, trong khu vực thậm chí là các trường tiên tiến trên thế giới. Các quy định về xây dựng CDR, các hướng dẫn triển khai thực hiện. [H2.12.02.06].

Đối với lĩnh vực NCKH, Nhà trường cũng có những quy định cụ thể để làm căn cứ đánh giá, đối sánh với các đơn vị, cá nhân, các đối tác tham gia vào hoạt động NCKH tại Trường [H2.12.02.08], [H2.12.02.09], [H2.12.02.10], [H2.12.02.11].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới sáng tạo.***

#### ***1. Mô tả***

Việc so chuẩn và đối sánh chất lượng được nhà trường triển khai thực hiện nhằm tăng cường chất lượng các hoạt động, đồng thời nhằm khuyến khích sự đổi mới sáng tạo của cán bộ, GV, nhân viên của Nhà trường.

Hàng năm, Nhà trường dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng của Bộ GD&ĐT, của ĐHHT để tự đối sánh, tự so chuẩn để từ đó đưa ra những nhận định về những điểm mạnh, điểm tồn tại chung của hệ thống, đưa ra các kế hoạch cải tiến, xác định những thực tiễn tốt [H3.12.03.01] và rút ra những bài học kinh nghiệm để giúp Trường nâng cao chất lượng và vị thế trong hệ thống GDĐH [H3.12.03.02].

Kết quả tự đánh giá được Trường xem xét, nghiên cứu dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD để báo cáo về thực trạng chất lượng giáo dục, hiệu quả các hoạt động đào tạo NCKH, nhân lực, CSVC và các vấn đề liên quan để từ đó tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt được hiệu quả trong quá trình đào tạo [H3.12.01.03]. [H3.12.01.04].

Đối với các đơn vị đào tạo, khi tiến hành đánh giá chất lượng thường tiến hành đối sánh nội bộ một số hoạt động chính sau: Đối sánh trong quản trị (đối sánh KPIs các mặt hoạt động của năm trước và năm sau); Đối sánh trong tuyển sinh, Đối sánh CTĐT của một số trường trong nước và quốc tế; Đối sánh kết quả đạt được với CDR (tỷ lệ SV lên lớp/thôi học, tốt nghiệp hàng năm; Thời gian tốt nghiệp trung bình; Tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp); Đối sánh mức độ hài lòng của các bên liên quan [H3.12.03.13].

Các quy định, quy trình về so chuẩn và đối sánh chất lượng, tăng cường các điều kiện ĐBCL khi mở mới các CTĐT [H2.12.02.06] và phải được thực hiện trên cơ sở các kết quả khảo sát các bên liên quan. Với quy định như trên nên trong những năm gần đây, các CTĐT mới được mở đã có nhiều cải tiến về số lượng, chất lượng các CDR, nội dung và hình thức [H3.12.03.11]. [H3.12.03.15]

Trong hoạt động NCKH, kết quả đối sánh cũng được sử dụng để BGH

thực hiện các chính sách thúc đẩy công bố, NCKH của đội ngũ GV.

Các quy định, quy trình và kết quả về so chuẩn, đối sánh chất lượng là một căn cứ quan trọng để Trường ĐHHT có chính sách, biện pháp thúc đẩy đổi mới, sáng tạo trên tất cả các lĩnh vực đào tạo, NCKH và PVCĐ. Cụ thể:[H3.12.03.14].

- Trong lĩnh vực NCKH: Thực hiện các chính sách cải cách thủ tục hành chính trong tuyển chọn, nghiệm thu, thanh quyết toán đề tài NCKH các cấp [H3.12.03.10]; thực hiện hỗ trợ GV công bố quốc tế ; khuyến khích và hỗ trợ các đơn vị xây dựng đề án công bố quốc tế [H3.12.03.16]; khuyến khích các nghiên cứu chính sách và PVCĐ; [H3.12.03.17]

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### ***Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát***

#### **1. Mô tả**

Trong chu kỳ kiểm định chất lượng giáo dục tại Trường ĐHHT đã ít nhất hai lần thực hiện rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh kiểm định chất lượng giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo [H4.12.04.01]. Cụ thể, vào năm 2018 và năm 2021 Nhà trường đã cụ thể hoá thực hiện điều chỉnh và ban hành mới quy định đánh giá chất lượng giáo dục, trong đó có những quy định mới về lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh chất lượng [H4.12.04.02].

Vào tháng 12 năm 2020, Nhà trường cũng tiến hành tự đánh giá và hoàn thiện Báo cáo Tự đánh giá giữa chu kỳ cấp cơ sở giáo dục. Quá trình này cũng được các đơn vị trong trường sử dụng các thông tin so chuẩn để đánh giá và làm cơ sở cho hoạt động nâng cao chất lượng của Nhà trường, khuyến khích sự đổi mới sáng tạo từ các cán bộ, nhân viên, chuyên viên và giảng viên trong toàn trường [H4.12.04.03].

Trong công tác đào tạo, để cụ thể hoá các quy định và tiêu chuẩn đảm bảo chất lượng của Trường ĐHHT, Phòng Đào tạo luôn bám sát vào các mục tiêu và kế hoạch đã đề ra và có sự đối chiếu so sánh với thực tiễn phát triển chiến lược, đặc biệt là quá trình triển khai CTĐT phù hợp với thực tiễn khách quan của Trường ĐHHT [H4.12.04.04].

Trong công tác NCKH, thực hiện các kế hoạch và hướng dẫn đảm bảo chất lượng giáo dục của Trường ĐHHT, Phòng QLKH-ĐN-TT đã điều chỉnh các chỉ tiêu, tiêu chuẩn trong NCKH để phù hợp với thực tiễn của các từng GV trong hoạt động giảng dạy và nghiên cứu khoa học, đặc biệt là trong công bố quốc tế để phù hợp với định hướng phát triển của Trường ĐHHT [H4.12.04.05].

Hàng năm, các thông tin so chuẩn và đối sánh trong tất cả các hoạt động: tuyển sinh, đào tạo, khoa học, đảm bảo chất lượng, kế hoạch - tài chính, công tác

sinh viên... luôn được các đơn vị chức năng rà soát để xem quy trình, tiêu chí có tốt hay chưa, còn điều gì cần thay đổi để điều chỉnh, cải tiến kịp thời. Tất cả được thể hiện qua các báo cáo tổng kết của các đơn vị cũng như các kết luận của tại các cuộc họp giao ban tháng, quý và các báo cáo tổng kết năm học của Trường ĐHHT [H4.12.04.06], đồng thời, các CTĐT được so sánh và đối chiếu với chuẩn đầu ra với các ngành đào tạo tương ứng để đáp ứng nhu cầu đào tạo nhân lực cho xã hội [H4.12.04.07].

Trong năm 2020, Nhà trường đã yêu cầu tất cả các đơn vị chức năng rà soát các hiệu lực của các văn bản về đảm bảo chất lượng để có sự điều chỉnh, bổ sung [H4.12.04.08].

Trường ĐHHT trong quá trình thực hiện các chức năng, nhiệm vụ và mục tiêu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đều có tham chiếu các tiêu chí đối sánh của cơ sở giáo dục khác khi lựa chọn, xác định thang đo chuẩn. Danh sách các cơ sở giáo dục khác được sử dụng để đối sánh, so chuẩn như bản minh chứng [H4.12.04.03], [H4.12.04.07].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.***

### **1. Mô tả**

Quy trình lựa chọn, đánh giá sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được Trường ĐHHT cải tiến để liên tục nhằm mục tiêu đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và PVCĐ. Cụ thể, Nhà trường dưới sự chỉ đạo của Ban Giám hiệu phân công trách nhiệm quy trình xem xét giao nhiệm vụ cho cán bộ quản lý, giao nhiệm vụ quản lý cho viên chức có chức năng tương ứng với hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ làm đầu mối thực hiện, lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để tiến hành cải tiến, nâng cao chất lượng [H5.12.05.01].

Nhà trường thông qua nội dung các báo cáo tổng kết năm học và phương hướng của Nhà trường, các cuộc họp giao ban đào tạo và chuyên đề với các đơn vị cũng có nội dung yêu cầu xem xét, điều chỉnh các quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và PVCĐ [H5.12.05.02]. Đặc biệt, trong các Hội nghị cán bộ viên chức hằng năm [H5.12.05.03] và nội dung giao ban đào tạo [H5.12.05.04], báo cáo tổng kết công tác đảm bảo chất lượng [H5.12.05.05], hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo [H5.12.05.06], báo cáo công tác nghiên cứu khoa học [H5.12.05.07], công tác đảm bảo tài chính tại Trường ĐHHT [H5.12.05.08] được tổ chức hàng năm, các nội dung kết luận quan trọng về cải tiến các quy trình trong việc lựa chọn, sử dụng thông tin so chuẩn, đối sánh ở

các mảng công tác cũng đã được chia sẻ, phân tích, đề xuất, ban hành các kết luận và triển khai điều chỉnh hàng năm nhằm nâng cao và hoàn thiện tự đánh giá chất lượng giáo dục Trường ĐHHT [H5.12.05.09].

Tại các Hội nghị Cán bộ công nhân viên chức hàng năm và tổng kết năm học của Trường ĐHHT quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng cũng được xem xét, đánh giá, tổng kết, chia sẻ kinh nghiệm và đưa vào kế hoạch triển khai và thực hiện trong các đơn vị, vì vậy, mà Trường ĐHHT đã được chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục trường Đại học, đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục ngày 30/06/2018 [H5.12.05.10].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 12:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Việc ban hành các quy định, kế hoạch, các báo cáo tổng kết được thực hiện đúng theo các quy định về đảm bảo chất lượng của Bộ giáo dục và đào tạo. Đã thiết lập được các tiêu chí lựa chọn đối tác để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

- Các tiêu chí lựa chọn thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập.

- Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động của Nhà trường được thiết lập.

- Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL nhằm khuyến khích đổi mới, sáng tạo

- Có tham chiếu các tiêu chí đối sánh của cơ sở giáo dục khác khi lựa chọn, xác định thang đo chuẩn.

- Thực hiện rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh.

- Thiết lập được quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Tạo được quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

#### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Việc tiếp cận, thu thập thông tin so chuẩn và đối sánh với các đối tác bên ngoài trường chưa được triển khai đầy đủ và có hệ thống.

- Các văn bản, quy trình, hướng dẫn về đối sánh, so chuẩn cho từng lĩnh vực đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng để các đơn vị triển khai thực hiện được dễ dàng và thường xuyên cần có hệ thống quy trình rõ ràng hơn và khoa học hơn

### 3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần tiếp cận, thu thập thông tin so chuẩn và đối sánh với các đối tác bên ngoài trường chưa được triển khai đầy đủ và có hệ thống.	Phòng KT-ĐBCL và các đơn vị	Từ năm 2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Nhà trường cần có hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh hệ thống đảm bảo chất lượng cho từng đơn vị trong trường	TĐHHT và các Đơn vị trực thuộc	Từ năm 2023	
3	Phát huy điểm mạnh	Các văn bản, quy trình, hướng dẫn về đối sánh, so chuẩn cho từng lĩnh vực đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng để các đơn vị triển khai thực hiện được dễ dàng và thường xuyên cần có hệ thống quy trình rõ ràng hơn và khoa học hơn.	TĐHHT và các Đơn vị trực thuộc	Từ năm 2023	

### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 12</b>	<b>4,25</b>
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	4
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	4

### Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

**Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các CTĐT khác nhau của CSGD**

## **1. Mô tả**

Hàng năm, Trường Địa học Hà Tĩnh đã triển khai nhiều chính sách, kế hoạch và kênh truyền thông tuyển sinh khác nhau.

Căn cứ Quy chế tuyển sinh, Kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT, nhà trường xây dựng Đề án tuyển sinh, Kế hoạch tuyển sinh... [H1.13.01.01], Trên cơ sở lấy ý kiến đại diện các thành viên Hội đồng tuyển sinh [H1.13.01.02], Nhà trường xây dựng Đề án tuyển sinh thể hiện rõ ràng chính sách tuyển sinh của trường, công bố công khai các chính sách tuyển sinh như tổ hợp xét tuyển, chỉ tiêu, quy định xét tuyển thẳng,... với các loại hình thức đào tạo như chính quy, liên thông, vừa làm vừa học. Nhà trường có chính sách ưu tiên riêng với học sinh giỏi quốc gia, học sinh giỏi tỉnh/thành phố, học sinh các trường THPT chuyên, học sinh có chứng chỉ quốc tế,... [H1.13.01.03]. Để cung cấp thông tin tuyển sinh, từ năm 2018 trở lại đây, được trường thông báo công khai trong Đề án tuyển sinh của trường và trong thông báo tuyển sinh hàng năm [H1.13.01.04].

Để công tác tuyển sinh được triển khai đúng thời hạn, Nhà Trường xây dựng Kế hoạch tuyển sinh chi tiết trong đó ghi rõ mốc thời gian thực hiện, phân công cụ thể nhiệm vụ cho từng đơn vị đầu mối trong trường [H1.13.01.05].

Cùng với kế hoạch chung, Nhà trường cũng xây dựng kế hoạch truyền thông tuyển sinh hàng năm với những hoạt động cụ thể kèm phân công thực hiện cho các đơn vị và dự trù kinh phí cho các hoạt động này. Nhà trường có kế hoạch sử dụng nhiều hình thức truyền thông tuyển sinh khác nhau: tham gia chương trình Hướng nghiệp - Tuyển sinh do Tạp chí giáo dục thành phố Hồ Chí Minh tổ chức; Thành lập các nhóm cán bộ, giảng viên về các Trường THPT để giới thiệu và tư vấn cho học sinh [H1.13.01.06];

Thiết kế và in ấn các tờ rơi quảng bá thông tin tuyển sinh, cầm nang giới thiệu ngành học; Quảng bá tuyển sinh trên đài truyền hình, đài phát thanh, báo,...; Xây dựng Cổng thông tin tuyển sinh riêng tại địa chỉ: <https://ts.htu.edu.vn/> và fanpage tư vấn tuyển sinh tại địa chỉ <https://www.facebook.com/ts.htu.edu.vn/> [H1.13.01.07].

Kết thúc năm tuyển sinh, việc phân tích số liệu tuyển sinh như chỉ số trúng tuyển theo ngành, hiệu quả các kênh truyền thông luôn được đưa vào báo cáo tổng kết tuyển sinh để làm căn cứ cho thực hiện và triển khai các kế hoạch năm tiếp theo [H1.13.01.08].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### ***Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi CTĐT.***

#### **1. Mô tả**

Hàng năm, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh của Trường để thực hiện các kế hoạch, nội dung, quy trình tuyển sinh [H1.13.02.01]. Căn cứ vào chỉ tiêu đã được phê duyệt, Hội đồng tuyển sinh trao đổi thống nhất tiêu chí, số lượng



SV của từng ngành, CTĐT theo từng phương thức xét tuyển, hình thức thi/xét tuyển và tổ hợp xét tuyển cho từng CTĐT [H1.13.02.02].

Chỉ tiêu tuyển sinh của các ngành đào tạo được Nhà trường xác định căn cứ theo quy định của Bộ GD&ĐT, kết hợp với các tiêu chí như số lượng SV tuyển được của năm liền trước, quy mô sinh viên, đội ngũ GV, CSVC đáp ứng nhu cầu học tập và nghiên cứu, xu hướng lựa chọn ngành nghề của thí sinh và khảo sát tình hình việc làm của SV sau khi tốt nghiệp [H1.13.02.03].

Việc xét tuyển chủ yếu bằng 2 phương thức, xét kết quả thi tốt nghiệp THPT và xét kết quả học tập THPT (học bạ). Xét tuyển thí sinh có kết quả thi tốt nghiệp THPT và xét kết quả học tập THPT đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo từng tổ hợp xét tuyển của Trường; Đối với các CTĐT có yêu cầu cao về khả năng ngoại ngữ của người học, Trường đã điều chỉnh tổ hợp xét tuyển theo hướng chỉ xét tuyển kết quả ở các tổ hợp xét tuyển có ngoại ngữ [H02.13.02.04]; Điểm trúng tuyển trung bình của thí sinh qua các năm cho thấy mức điểm của Trường thường cao hơn so với mức điểm sàn xét tuyển công bố của trường và tăng dần theo năm [H1.13.02.05].

**Bảng 13.2. Thống kê điểm trúng tuyển TB của các thí sinh**

Năm tuyển sinh	2018	2019	2020	2021	2022
Điểm trúng tuyển TB của các thí sinh	20.3	21.69	22.47	23.4	24.44

Tiêu chí tuyển đối với SV nước ngoài đến học tập theo từng bậc học (đại học và ngắn hạn), dựa vào kết quả học tập và trình độ Tiếng Việt theo hướng dẫn tiếp nhận người nước ngoài vào học của Bộ GD&ĐT và của trường [H1.13.02.06].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh được sử dụng để phân tích nhằm mục đích đánh giá phân tích tính hợp lý. Những thông tin về xu hướng chọn ngành, thông tin thí sinh nhập học cũng được phân tích nhằm định hướng cho các năm tuyển sinh sau. Các bất cập khác trong quy trình, hình thức tuyển sinh cũng được thảo luận trong Hội nghị tổng kết tuyển sinh [H1.13.02.07].

Các tiêu chí tuyển sinh được điều chỉnh và quyết định bởi HĐTS hàng năm nhằm mục đích tuyển được các thí sinh có chất lượng và phù hợp với yêu cầu đặc thù của từng ngành đào tạo. Căn cứ vào ý kiến phân tích, đánh giá của các chuyên gia, hội đồng tuyển sinh đã đưa ra các tiêu chí và phương thức tuyển sinh cho đợt tuyển sinh tiếp theo [H1.13.02.08].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### **Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học**

#### **1. Mô tả**

Việc tuyển sinh được thực hiện theo các Quy chế tuyển sinh, Kế hoạch tuyển sinh hàng năm của Bộ GD&ĐT, Đề án tuyển sinh của trường và Kế hoạch

tuyển sinh của trường [H1.13.03.01]. Quy trình giám sát công tác tuyển sinh được thiết lập và thực hiện chặt chẽ theo quy trình thanh tra, kiểm tra của Trường [H1.13.03.02]. Hàng năm, Trường thành lập Đoàn thanh tra tuyển sinh để thanh tra, kiểm tra các khâu trong quy trình tuyển sinh nhập học của Trường [H1.13.03.03], ngoài Đoàn thanh tra tuyển sinh còn có sự giám sát của Hội đồng tuyển sinh, Phòng thanh tra - pháp chế và các đơn vị tham gia công tác tuyển sinh.

Mỗi kỳ tuyển sinh, Trường đều có kế hoạch thanh tra toàn diện trong công tác tuyển sinh [H1.13.03.04]. Ở các kỳ thi tuyển sinh trong các buổi thi, làm phách, nhập điểm, kiểm tra điểm đều được kiểm soát nghiêm ngặt của của Hội đồng tuyển sinh, Đoàn Thanh tra tuyển sinh và Phòng thanh tra - pháp chế [H1.13.03.05]. Ngoài ra, kết quả tuyển sinh được cập nhật và đăng tải trên website của Trường nhằm tăng cường việc giám sát của cộng đồng [H1.13.03.06].

Về công tác nhập học, Phòng Đào tạo là đơn vị chủ trì và phối hợp với các đơn vị liên quan gồm phòng CTCT-HSSV, phòng Kế hoạch - Tài chính, phòng Tổ chức - Hành chính hợp, Đoàn Thanh niên - Hội SV và các đơn vị liên quan để vừa làm các thủ tục nhập học cho tân SV, vừa giám sát việc thực hiện trong từng khâu nhập học; Nhà trường phát giấy báo nhập học cho thí sinh trúng tuyển, thông báo quy trình làm thủ tục nhập học, quy định về hồ sơ và điều kiện nhập học (ghi rõ thứ tự từng bước trong nhập học và các yêu cầu về hồ sơ và các loại giấy tờ cần nộp, các loại phí cần phải đóng, địa điểm và thời gian nhập học,...) [H1.13.03.07].

Các CSDL về tuyển sinh và nhập học, kết quả tuyển sinh và nhập học hàng năm của các ngành được lưu trữ cẩn thận giúp cho việc thanh tra, kiểm tra sau này được thuận tiện [H1.13.03.08].

Hàng năm, để nâng cao hơn nữa công tác giám sát tuyển sinh nói chung và tổ chức nhập học, Nhà trường đã tiến hành hợp để đánh giá về các hoạt động tuyển sinh, tổ chức nhập học đã triển khai [H1.13.03.09].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường triển khai các biện pháp giám sát khác nhau nhằm đảm bảo việc thực hiện tuyển sinh và nhập học theo đúng quy chế, quy định và hướng dẫn của Bộ GD-ĐT. Trước mỗi kỳ thi tuyển sinh Nhà trường đều thành lập Hội đồng tuyển sinh và Đoàn Thanh tra hoạt động độc lập với Hội đồng Tuyển sinh [H1.13.04.01]. Đoàn Thanh tra có nhiệm vụ: thanh tra, kiểm tra, giám sát chặt chẽ, nghiêm túc theo đúng quy định của Trường trong tất cả các khâu của công tác tuyển sinh, nhập học để kịp thời phát hiện những sai sót, vi phạm và đề xuất các hình thức xử lý theo đúng quy định [H1.13.04.02].

Giám sát các điều kiện tuyển sinh của Trường được thực hiện thông qua việc trao đổi ý kiến giữa các thành viên của Hội đồng tuyển sinh về xây dựng Báo

cáo đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, Đề án tuyển sinh hàng năm [H1.13.04.03], nhờ việc thực hiện giám sát và rà soát trong quá trình xây dựng Báo cáo đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, Đề án tuyển sinh nên Trường đã có những điều chỉnh kịp thời một số nội dung đáp ứng yêu cầu xét tuyển; Ngoài ra, Trường gửi Báo cáo đăng ký chỉ tiêu tuyển sinh, Đề án tuyển sinh về Bộ GD&ĐT và đưa lên cổng thông tin điện tử của trường để cơ quan cấp trên và xã hội kiểm tra, giám sát [H1.13.04.04].

Nhà trường cũng đã triển khai nhiều biện pháp giám sát trong công tác tuyển sinh và nhập học; Hồ sơ đăng ký dự thi, xét tuyển của thí sinh, Hội đồng tuyển sinh phối hợp với Đoàn Thanh tra tuyển sinh tiến hành rà soát hồ sơ theo các tiêu chí đã đề ra (đã được ghi trong thông báo tuyển sinh) để loại hồ sơ những thí sinh không đáp ứng yêu cầu; Đoàn Thanh tra có trách nhiệm: Thanh tra, kiểm tra, giám sát các đợt thi tuyển sinh Đại học do nhà trường tổ chức tại các cơ sở của trường; Kiểm tra hồ sơ xét tuyển của thí sinh trúng tuyển theo hình thức xét tuyển trong kỳ thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng chính quy; Kiểm tra hồ sơ nhập học của thí sinh trúng tuyển nhập học trong các kỳ thi tuyển sinh Đại học, Cao đẳng chính quy [H1.13.04.05]. Trong tất cả các công đoạn tổ chức thi để đảm bảo nghiêm túc, công bằng, Trường ban hành những quy định về tổ chức thi rất cụ thể để cả thí sinh, cán bộ thực hiện và cán bộ thanh tra bám sát các quy định này để kiểm tra, giám sát các hoạt động trong công tác tổ chức thi, xét tuyển [H1.13.04.06].

Việc nhập học của các thí sinh được theo dõi và giám sát thông qua các Kế hoạch và hướng dẫn cụ thể với sự phối hợp thực hiện của các đơn vị chức năng trong toàn trường. Phòng Đào tạo chủ trì và phối hợp với phòng CTCT-HSSV, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Tổ chức - Hành chính, Phòng Thanh tra tổ chức thực hiện và giám sát trong quá trình SV làm thủ tục nhập học; Sau khi kết thúc nhập học, Phòng Thanh tra kết hợp với phòng CTCT-HSSV tổ chức kiểm tra lại tất cả các hồ sơ của sinh viên đã nhập học [H1.13.04.07].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, Nhà trường đều có báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh, báo cáo đưa ra những số liệu theo các tiêu chí khác nhau: thống kê số lượng nguyện vọng đăng ký xét tuyển, thống kê thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm, tổng hợp số liệu thí sinh nhập học thực tế theo trình độ đào tạo và phương thức xét tuyển hàng năm,... trên cơ sở đó đánh giá, phân tích kết quả giám sát công tác tuyển sinh và nhập học hàng năm để xây dựng kế hoạch, các chỉ số trong công tác tuyển sinh cho năm sau [H1.13.04.08].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả.***

### **1. Mô tả**

Công tác tuyển sinh và tình hình nhập học của thí sinh hàng năm là bài toán khó đối với nhiều trường đại học hiện nay nhất là các trường địa phương. Vì vậy, nhằm đảm bảo Trường tuyển đúng và đủ chỉ tiêu đề ra, tuyển được người học có chất lượng, phù hợp với ngành đào tạo, Trường không ngừng cải tiến quy trình tuyển sinh và nhập học, cải tiến phương thức tuyển, tiêu chí tuyển, cải tiến công tác truyền thông, ... Sau mỗi kỳ tuyển sinh, dựa trên các kết quả tổng kết về công tác tuyển sinh, số lượng thí sinh nhập học, Hội đồng tuyển sinh sẽ tổ chức họp phân tích, nhận định tình hình tuyển sinh của Trường và trên cả nước, phân tích xu hướng, cơ hội và thách thức để tìm ra những điểm đạt và chưa đạt theo mục tiêu đã đề ra, rút kinh nghiệm để cải tiến các tiêu chí tuyển, vùng tuyển, công tác truyền thông, ... [H1.13.05.01]. Trên cơ sở này xây dựng Đề án tuyển sinh cho khóa mới hoàn chỉnh hơn, nhằm đạt kết quả tuyển sinh tốt nhất, đúng và đủ chỉ tiêu tuyển sinh được duyệt [H1.13.05.02];

Công tác tuyên truyền luôn được Trường quan tâm và có các giải pháp cải tiến nhằm kịp thời đưa thông tin tới gần nhất với thí sinh: Trong năm 2022 trường đã tham gia các đợt tư vấn tuyển sinh hướng nghiệp do Tạp chí giáo dục thành phố Hồ Chí Minh tổ chức tại các địa phương; Hàng năm có thay đổi cách thức tổ chức tư vấn tại các trường phổ thông như thành lập các đoàn theo khoa nhưng từ năm 2021 đến nay trường đã thành lập Ban tuyển sinh và ban này trực tiếp đến các trường phổ thông để quảng bá; Các thông tin về tuyển sinh đưa lên các phương tiện thông tin đại chúng, cổng thông tin điện tử, fanpage, biên tập và công bố những câu hỏi thường gặp được thay đổi theo các năm nhằm giúp thí sinh hiểu rõ hơn về quy trình tuyển sinh cũng như những thông tin về ngành nghề, chỉ tiêu và cơ hội việc làm của từng ngành [H1.13.05.03].

Dựa vào Quy chế tuyển sinh của BGD&ĐT và tình hình thực tế, Trường luôn cập nhật, điều chỉnh các nội dung trong công tác tuyển sinh để kịp thời đáp ứng nguyện vọng của thí sinh. Căn cứ vào báo cáo tổng kết những tồn tại, thuận lợi và khó khăn, Đề án tuyển sinh hàng năm của Trường được điều chỉnh tổ hợp các môn xét tuyển đối với một số ngành ngoài sư phạm nhằm tuyển được nhiều thí sinh hơn như đưa tổ hợp C20 vào xét tuyển, đối với ngành Giáo dục tiểu học từ tuyển sinh năm 2022 trường điều chỉnh tất cả các tổ hợp đều có môn Văn và Toán nhằm nâng cao chất lượng tuyển đầu vào; Bổ sung phương thức xét tuyển và chính sách xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho thí sinh có cơ hội vào đại học mà vẫn đảm bảo chất lượng đầu vào [H1.13.05.04].

Trong công tác nhập học, Trường cũng đã có nhiều cải tiến để mang lại hiệu quả tối ưu và phù hợp theo từng thời điểm, từng hoàn cảnh. Thời gian qua, việc ứng dụng CNTT hỗ trợ quá trình nhập học đã có những kết quả khả quan, xây dựng kế hoạch nhập học cụ thể chi tiết, có sự chuẩn bị cẩn thận chu đáo;

Hướng dẫn và hỗ trợ thí sinh nhập học với đội ngũ đoàn viên thanh niên tình nguyện được tập huấn kỹ càng và ngày càng chuyên nghiệp [H1.13.05.05].

Hàng năm, Nhà trường tổ chức lấy ý kiến đại diện các đơn vị, SV năm thứ nhất nhằm xây dựng các biện pháp cải tiến, đổi mới công tác tuyển sinh và nhập học của Nhà trường [H1.13.05.06].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đề án tuyển sinh rõ ràng đúng quy định nhằm đưa ra tiêu chí để lựa chọn NH có chất lượng cho mỗi CTĐT và dễ dàng thực hiện trong quá trình tổ chức tuyển sinh.

- Việc tổ chức họp, trao đổi thống nhất tiêu chí, số lượng SV của từng ngành, CTĐT theo từng phương thức xét tuyển, hình thức thi/xét tuyển và tổ hợp xét tuyển cho từng CTĐT được thực hiện nghiêm túc.

- Các CSDL về tuyển sinh và nhập học, kết quả tuyển sinh và nhập học hàng năm của các ngành được lưu trữ cẩn thận giúp cho việc thanh tra, kiểm tra sau này được thuận tiện.

- Tổng hợp đầy đủ kết quả tuyển sinh, nhập học giúp cho việc đánh giá công tác tuyển sinh và nhập học chính xác.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Kinh phí đầu tư cho hoạt động tuyển sinh hàng năm, nhất là hoạt động tư vấn và quảng bá tuyển sinh còn hạn chế.

- Việc phân tích dữ liệu, đánh giá kết quả tuyển sinh và nhập học hàng năm để phục vụ cho công tác tuyển sinh còn hạn chế.

- Việc ứng dụng CNTT vào phân tích kết quả tuyển sinh còn chưa đồng bộ, một số nội dung công việc còn thực hiện thủ công.

- Các văn bản thể hiện việc giám sát công tác tuyển sinh, nhập học chưa đầy đủ.

#### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng kinh phí đầu tư cho hoạt động tuyển sinh hàng năm.	Phòng KH-TC, Hiệu trưởng.	Từ năm 2023	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
2	Khắc phục tồn tại 2	Cần phân tích, đánh giá tất cả các dữ liệu tuyển sinh, nhập học nhằm nâng cao hiệu quả công tác tuyển sinh và nhập học.	Hội đồng tuyển sinh, Ban tuyển sinh	Từ năm 2023	
3	Khắc phục tồn tại 3	Ứng dụng CNTT vào phân tích kết quả tuyển sinh, nhập học.	Hội đồng tuyển sinh, Ban tuyển sinh	Từ năm 2023	
4	Khắc phục tồn tại 4	Cần lưu trữ đầy đủ các văn bản thể hiện việc giám sát công tác tuyển sinh, nhập học.	Phòng TT-PC	Từ năm 2023	
5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục làm tốt công tác tuyển sinh, xây dựng kế hoạch tuyển sinh, đề án tuyển sinh rõ ràng đúng quy định và tổng hợp kết quả tuyển sinh đầy đủ, chính xác	Hội đồng tuyển sinh, Ban tuyển sinh	Từ năm 2023	

#### **4. Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 13</i></b>	<b><i>4,40</i></b>
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	4
Tiêu chí 13.4	4
Tiêu chí 13.5	4

#### **Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học**

***Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình dạy học cho tất cả các***

## ***chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan***

### ***1. Mô tả***

Dựa trên các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT [H1.14.01.01], của Trường [H1.14.01.02], Nhà trường đã xây dựng, cập nhật và điều chỉnh các CTĐT [H1.14.01.03].

Nhà trường đã có quy định, hướng dẫn và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng đơn vị liên quan, cụ thể: Đối với việc xây dựng ngành/CTĐT mới, Phòng Đào tạo là đầu mối hướng dẫn, giám sát và đôn đốc các đơn vị đào tạo tổ chức thực hiện như: Trình BGH phê duyệt kế hoạch/Thành lập Ban xây dựng đề án/Tiếp nhận hồ sơ/Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định/Hoàn thiện hồ sơ trình Nhà trường thẩm định và ban hành. Các đơn vị đào tạo lập kế hoạch/Đề xuất nhân sự của Ban xây dựng đề án/ Nhân sự tham gia Hội đồng thẩm định/ Tổ chức xây dựng đề án theo quy định của Bộ GD&ĐT và hướng dẫn của Trường; Đối với việc cập nhật, điều chỉnh CTĐT, Phòng Đào tạo có nhiệm vụ: Trình BGH phê duyệt kế hoạch/Tiếp nhận hồ sơ trình BGH thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức họp Hội đồng thẩm định/ Hoàn thiện hồ sơ và ban hành. Các Khoa đào tạo có nhiệm vụ lập kế hoạch điều chỉnh/Đề xuất nhân sự tham gia Hội đồng thẩm định/Tổ chức triển khai điều chỉnh theo quy định và hướng dẫn của Trường [H1.14.01.14].

Công tác xây dựng, điều chỉnh các CTĐT đại học của Trường được thực hiện theo quy trình sau: Căn cứ biên bản thông qua của Hội đồng KH&ĐT và đề xuất của khoa đào tạo [H1.14.01.10], các Khoa sẽ thành lập Hội đồng nghiệm thu và tổ chức thẩm định ở cấp Khoa [H1.14.01.07]. Sau khi tổ chức nghiệm thu, thẩm định, các khoa đào tạo sẽ cập nhật, điều chỉnh, hoàn thiện hồ sơ gửi lên Trường, tùy thuộc vào mức độ cải tiến, Nhà trường ban hành Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định cấp trường (nếu cần thiết) và tổ chức thẩm định, ban hành CTĐT.

Việc xây dựng, rà soát, thẩm định đề cương các học phần được thực hiện theo các hướng dẫn của Trường Đại học Hà Tĩnh [H1.14.01.04], [H1.14.01.05]. Khi tổ chức biên soạn, điều chỉnh ĐCHP, Nhà trường đã có văn bản phân công, hướng dẫn cụ thể cho các khoa đào tạo triển khai thực hiện. Việc xây dựng và điều chỉnh ĐCHP được thực hiện gồm các bước: Xây dựng/điều chỉnh đề cương - Hợp góp ý của Bộ môn - Thông qua Hội đồng KH&ĐT cấp Khoa - Nghiệm thu cấp trường - Chỉnh sửa, thông qua và ban hành [H1.14.01.08], [H1.14.01.09], [H1.14.01.10], [H1.14.01.11].

Bản mô tả các CTĐT đã nhận được các ý kiến đóng góp của các bên liên quan [H1.14.01.06] và việc thực hiện đổi mới các PPGD, kiểm tra đánh giá để đáp ứng CDR của CTĐT đã được thực hiện thường xuyên và hiệu quả [H1.14.01.12], [H1.14.01.15].

Khi tổ chức xây dựng và thực hiện CTDH của các CTĐT đại học, các khoa đào tạo tổ chức khảo sát nhu cầu xã hội, điều tra lấy ý kiến đóng góp, phản hồi của các bên liên quan theo quy định. Đối tượng khảo sát gồm các nhà quản lí, nhà khoa học, chuyên gia, cơ sở tuyển dụng SV tốt nghiệp, GV, SV và CSV... Việc tổ chức khảo sát bằng hình thức phát phiếu khảo sát trực tiếp hoặc lấy phiếu khảo sát online qua đường link [H1.14.01.05], [H1.14.01.13].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan.***

### **1. Mô tả**

Trong 5 năm qua, Nhà trường đã và đang tổ chức đào tạo 23 CTĐT chuẩn. Việc xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR của CTĐT và các học phần được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường [H1.14.02.01], [H1.14.02.03]. Năm 2016, Nhà trường đã phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị/ cá nhân xây dựng CDR và điều chỉnh CTĐT [H1.14.01.03], [H1.14.02.04].

Năm 2018, Nhà trường tổ chức điều chỉnh CTĐT khối ngành sư phạm theo hướng gia tăng thực hành, thực tập [H1.14.02.05]. Năm 2019, Nhà trường tổ chức điều chỉnh CTĐT đại học theo văn bản Hướng dẫn thực hiện chương trình, giáo trình các môn Lý luận chính trị của Bộ GD&ĐT [H1.14.02.02]. Năm 2021, Nhà trường tiếp tục tổ chức điều chỉnh CTĐT theo Hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và theo kế hoạch của Trường [H1.14.02.05]. Để hướng dẫn, phân công trách nhiệm cho các đơn vị đào tạo triển khai, Nhà trường đã ban hành các văn bản hướng dẫn để thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các CTĐT đại học [H1.14.02.05]. Sau đó tổ chức nghiệm thu và ban hành các CTĐT [H1.14.02.07], [H1.14.01.03].

Trong quá trình rà soát CDR, điều chỉnh CTĐT, ĐCHP, các khoa đào tạo đã tổ chức họp lấy ý kiến đóng góp [H1.14.02.08], trình thông qua Hội đồng KH&ĐT Khoa, bản CTĐT sau khi chỉnh sửa sẽ nộp về Trường (qua phòng Đào tạo) để tổ chức thẩm định. Sau khi nhận hồ sơ của các khoa đào tạo gửi, phòng Đào tạo đề xuất danh sách Hội đồng và tổ chức thẩm định. Các đơn vị đào tạo chỉnh sửa nội dung theo góp ý của các thành viên Hội đồng, hoàn thiện hồ sơ để trình Hiệu trưởng ký ban hành [H1.14.02.06], [H1.14.02.07].

CTĐT của Nhà trường được thiết kế hướng tới đáp ứng CDR với các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức của người học, công việc mà người học có thể đảm nhận được sau khi tốt nghiệp và các yêu cầu đặc thù khác đối với ngành học, được công khai với xã hội và người học. Từng học phần của CTĐT cũng đều hướng tới đáp ứng CDR đó. CDR phải đáp ứng yêu cầu theo



Khung trình độ quốc gia Việt Nam. CĐR phải được xác định rõ ràng và phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của nhà trường; CĐR bao trùm được các CĐR chuyên ngành liên quan tới kiến thức và các kỹ năng chuyên ngành; CĐR phản ánh rõ ràng các yêu cầu của các bên liên quan.

CĐR của các học phần cũng được rà soát, điều chỉnh phù hợp với CĐR chung của CTĐT và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan [H1.14.01.09], [H1.14.02.11].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của chương trình đào tạo và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên chuẩn đầu ra.***

### **1. Mô tả**

Hiện nay, Nhà trường có 23 CTĐT chuẩn trình độ đại học. Sau khi Hiệu trưởng ký quyết định ban hành CTĐT và ĐCHP, áp dụng giảng dạy trong toàn trường [H1.14.01.03], [H1.14.01.11]. Các ĐCHP xây dựng thể hiện rõ các nội dung: số lượng tín chỉ, học phần tiên quyết (nếu có), đặc điểm học phần (bắt buộc hay tự chọn), giới thiệu mục tiêu và CĐR học phần, mô tả học phần, tài liệu phục vụ học phần, cách thức đánh giá, kế hoạch đánh giá, tiêu chí đánh giá và các quy định về học phần.

Các khoa xây dựng kế hoạch giảng dạy theo tiến trình cả khoá học và được ban hành kèm theo CTĐT [H1.14.03.03]. Nhà trường ban hành kế hoạch đào tạo theo từng năm học [H1.14.03.05]. Căn cứ kế hoạch năm học, trước mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo xây dựng thời khóa biểu cho học kỳ căn cứ tiến trình đào tạo đã ban hành và theo đề xuất cụ thể của đơn vị theo học kỳ. Phòng Đào tạo tổ chức đăng ký học phần và triển khai giảng dạy toàn trường [H1.14.03.04].

Tất cả các CTĐT, kế hoạch đào tạo năm học đều được Nhà trường giới thiệu phổ biến đến người học trong tuần sinh hoạt công dân [H1.14.03.07], được giới thiệu ở buổi gặp gỡ tân SV của khoa, trường [H1.14.03.07], đăng tải trên website và phần mềm quản lý đào tạo của Nhà trường (Portal SV), (<https://thongtindaotao.htu.edu.vn>; <https://daotao.htu.edu.vn/>) [H1.14.03.02], giúp SV tiện theo dõi và lập kế hoạch học tập và làm việc của mình trong kỳ, trong năm học đó. Ngoài ra, đối với tân SV, khi đến nhập học sẽ được cán bộ nhập học phát thời khóa biểu và hướng dẫn chi tiết lịch học tập của kỳ đầu tiên [H1.14.03.07]. Đồng thời, tân SV còn được tập huấn đăng ký học phần nhằm nắm bắt cụ thể về CTĐT, cách thức đăng ký học phần [H1.14.03.04].

Vào đầu học kỳ các khoa/bộ môn được phân cấp quản lý các học phần tiến hành phân công giảng dạy, sau đó phòng Đào tạo xây dựng thời khóa biểu [H1.14.03.04]. Tất cả các hoạt động giảng dạy của GV được theo dõi thông qua hệ thống phần mềm quản lý đào tạo [H1.14.03.06], qua Phòng Đào tạo và cán bộ

trợ lý đào tạo của các khoa/bộ môn quản lý học phần; qua kiểm tra của cán bộ phòng Thanh tra - Pháp chế và đơn vị quản lý học phần [H1.14.01.17], [H1.14.03.09], qua hợp đồng giảng dạy đối với GV thỉnh giảng [H1.14.03.10].

Các hoạt động đào tạo, giảng dạy và kết quả học tập của người học được quản lý trên phần mềm Edusoft, SV có thể đăng nhập vào cổng thông tin SV: <https://thongtindaotao.htu.edu.vn> để theo dõi tiến trình đào tạo, kết quả học tập của mình xuyên suốt từ khi nhập học cho đến khi tốt nghiệp ra trường [H1.14.03.06]. Tất cả các hoạt động dạy và học tập của Nhà trường đều được triển khai theo kế hoạch, hướng tới đạt CĐR như cam kết.

Kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các học phần dựa trên Quyết định ban hành CTĐT đại học, được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CĐR [H1.14.01.03], [H1.14.03.05]. Giáo trình giảng dạy được cụ thể hóa trong đề cương của từng học phần và được Hội đồng thẩm định thông qua, được Hiệu trưởng ký Quyết định ban hành [H1.14.03.01].

ĐCHP của các CTĐT sau khi được nghiệm thu và chỉnh sửa, phòng Đào tạo tham mưu Quyết định trình Hiệu trưởng để ký ban hành. ĐCHP được GV giới thiệu, phổ biến đến SV vào buổi đầu của môn học [H1.14.03.02].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### ***Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát chương trình dạy học được thực hiện***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường đã tổ chức rà soát quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học [H1.14.04.03], [H1.14.04.07]. Năm 2018 Nhà trường đã rà soát, đổi mới CTĐT của khối ngành sư phạm. Các CTĐT đã được điều chỉnh, cụ thể là: Mục tiêu của CTĐT; CĐR của CTĐT (kiến thức, kỹ năng, phẩm chất đạo đức); Cấu trúc CTĐT (học phần mới, học phần điều chỉnh, học phần hủy bỏ và số TC điều chỉnh...). Ví dụ: ngành Giáo dục Tiểu học CTĐT năm 2018 đã điều chỉnh CĐR của CTĐT. Bên cạnh đó, sự điều chỉnh này cũng nhận được sự đồng thuận của tất cả các bên liên quan (cựu người học, người học, GV, NTD) [H1.14.02.08], [H1.14.04.06].

Bên cạnh cấu trúc CTĐT, lịch trình giảng dạy, nội dung PPGD và kiểm tra đánh giá trong CTDH của các CTĐT cụ thể cũng được rà soát, điều chỉnh để đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan [H1.14.04.02], [H1.14.04.04]. Các PPGD, kiểm tra đánh giá và tăng tính thực hành, thực tiễn trong các học phần cũng được rà soát và điều chỉnh [H1.14.04.01], [H1.14.02.10], [H1.14.04.06].

Ngoài việc thường xuyên rà soát, đánh giá và đổi mới CTĐT, đổi mới hoạt động giảng dạy và kiểm tra đánh giá [H1.14.04.03], Nhà trường cũng xác định việc triển khai tự đánh giá chất lượng các CTĐT là cần thiết và quan trọng, qua đó sẽ là cơ sở để cải tiến liên tục chất lượng giáo dục. Năm 2019, để thực hiện tự

đánh giá chất lượng giáo dục các CTĐT, Nhà trường phối hợp với các khoa đào tạo đã triển khai tự đánh giá 05 CTĐT [H1.14.04.08]. Đây là những hoạt động rà soát CTĐT để đáp ứng CĐR và nâng cao chất lượng đào tạo.

Nhà trường đã xây dựng văn bản dự thảo đề hướng dẫn chi tiết các khoa đào tạo xây dựng và định kỳ rà soát bản mô tả CTĐT/bản mô tả CTDH qua các lần điều chỉnh dựa trên ý kiến góp ý của các bên liên quan.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và chương trình dạy học được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.***

### **1. Mô tả**

Nhà trường thường xuyên cập nhật, điều chỉnh các yêu cầu về tổ chức, quản lý đào tạo và các hoạt động giảng dạy, kiểm tra đánh giá để đảm bảo sự phù hợp với yêu cầu thực tiễn và nhu cầu của các bên liên quan [H1.14.04.04], [H1.14.04.07], [H1.14.05.03].

Định kỳ hàng năm, Nhà trường có thực hiện khảo sát đánh giá chất lượng thông qua phản hồi của các bên liên quan [H1.14.05.01]; Lấy ý kiến phản hồi của người học về học phần (chương trình dạy - học, hoạt động kiểm tra đánh giá, ĐCHP và các yếu tố ĐBCL tổ chức thực hiện học phần...)[H1.14.05.02]; Lấy ý kiến phản hồi về chất lượng các hoạt động hỗ trợ người học [H1.14.05.04]; Lấy ý kiến khảo sát của cựu sinh viên về chất lượng đào tạo của Nhà trường [H1.14.05.05]. Việc thực hiện khảo sát hàng năm là cơ sở để Nhà trường cải tiến và nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng CTDH nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội và yêu cầu của các bên liên quan.

Phòng Khảo thí - ĐBCL đã khảo sát lấy ý kiến phản hồi về nội dung học phần; Hoạt động giảng dạy; Hoạt động kiểm tra đánh giá ... [H1.14.05.02] và thực hiện bằng hình thức khảo sát qua phần mềm quản lý đào tạo (EDUSOFT). Hầu hết SV hài lòng về nội dung các học phần, mục tiêu của học phần đóng góp vào CĐR của chương trình, CĐR của chính học phần đó.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 14:**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định và ban hành cho các CTĐT, ĐCHP được thực hiện đúng theo các quy định hiện hành.
- Hoạt động tổ chức giảng dạy và học tập của Trường được triển khai đảm bảo hướng tới đạt được mục tiêu và CĐR của CTĐT.

- Việc thực hiện lấy ý kiến phản hồi của người học về hoạt động giảng dạy; hoạt động kiểm tra đánh giá; CSVC phục vụ giảng dạy được Nhà trường thực hiện thường xuyên.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Văn bản quy định, hướng dẫn, phân công về xây dựng, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành CTĐT còn thiếu tính hệ thống, chưa được cụ thể hóa và thiếu tính đồng bộ.

- Nhà trường có hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các đơn vị liên quan trong quá trình xây dựng, rà soát và điều chỉnh CDR cho CTĐT cũng như các học phần.

- Kế hoạch và phương pháp lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan của một số đơn vị vẫn chưa được thực hiện đầy đủ.

- Hoạt động khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CDR chưa được thực hiện đồng bộ và mang tính hệ thống

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Rà soát, ban hành các văn bản quy định, hướng dẫn một cách đồng bộ	P. Đào tạo và các đơn vị liên quan	Từ năm 2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Hoàn thiện quy trình thiết kế, đánh giá chương trình dạy học, có hướng dẫn, phân công trách nhiệm cụ thể cho các bên liên quan	P. Đào tạo và các đơn vị liên quan	Từ năm 2023	
3	Khắc phục tồn tại 3	Triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan một cách có hệ thống	Các khoa	Từ năm 2023	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tăng cường triển khai và thực hiện có hiệu quả khảo sát về nhu cầu của thị trường lao động liên quan đến CDR	Các khoa	Từ năm 2023	
5	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục thực hiện việc rà soát, thẩm định và ban hành CTĐT, ĐCHP. Duy trì hoạt động tổ chức giảng dạy và học tập của	P. Đào tạo và các khoa	Từ năm 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		Trường đề đảm bảo hướng tới đạt được mục tiêu và CDR của CTĐT. Đẩy mạnh việc lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để cải tiến CTĐT			

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 14</b>	<b>4,25</b>
Tiêu chí 14.1	5
Tiêu chí 14.2	4
Tiêu chí 14.3	4
Tiêu chí 14.4	4
Tiêu chí 14.5	4

#### Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

**Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra**

##### 1. Mô tả

Trường Đại học Hà Tĩnh trong giai đoạn 2017 - 2022 cho đến nay, Nhà trường hướng đến sứ mạng là “cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và thực hành nghề nghiệp cho người học, phục vụ cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước”.

Với triết lý và sứ mệnh là đi đầu trong đào tạo nguồn nhân lực có kiến thức thực tiễn và năng lực thực hành phù hợp, giá trị cốt lõi và triết lý hành động của Nhà trường là “Kiến thức - Kỹ năng - Tự chủ - Trách nhiệm - Hợp tác” [H1.15.01.01]. Đây là “kim chỉ nam” cho các quyết định của lãnh đạo, là định hướng chiến lược cho mọi hoạt động dạy và học của cán bộ, giáo viên, sinh viên trong toàn Trường. Điều này đã được thể hiện rõ trong “Đề án phát triển Trường Đại học Hà Tĩnh giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030” [H1.15.01.02]. Căn cứ vào triết lý giáo dục, sứ mạng và tầm nhìn đã được xác định, trong thời gian qua, Trường ĐHTT đã có nhiều nỗ lực đổi mới CTĐT, triển khai áp dụng khung chương trình vào thực tiễn các ngành cụ thể với phương thức tổ chức đào tạo tiên tiến nhằm tạo nên sự liên thông, liên kết cao giữa các cấp học

và ngành học; phát huy năng lực, tinh thần chủ động, sáng tạo của người học; tập trung đội ngũ chuyên gia giỏi đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, trình độ cao. [H1.15.01.03].

Trường ĐHHT hiện tại đang đào tạo 23 mã ngành đại học, gồm 4 khối ngành: Khối ngành Sư phạm (8 ngành), Khối ngành Kinh tế, Chính trị - Luật (8 ngành), Khối ngành Kỹ thuật và Nông nghiệp (5 ngành), khối ngành Ngoại ngữ (2 ngành). Mục tiêu chuẩn đầu ra đã được xác định rõ ràng, kết lợp chương trình đào tạo đã được xây dựng theo định hướng CDIO thực học, thực làm, giảm lý thuyết, tăng thời lượng thực hành, thực tập, rèn luyện nghiệp vụ; đảm bảo tính liên thông giữa các khối ngành, ngành và bậc đào tạo đã đáp ứng yêu cầu về chuẩn kiến thức, kỹ năng của trình độ đại học và cơ bản đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động. Các CTĐT đều được xây dựng CDR phù hợp với chiến lược phát triển Nhà trường và triết lý giáo dục đang thực hiện [H1.15.01.04].

Các hoạt động đào tạo của Nhà trường đều được thực hiện trên cơ sở kế hoạch thời gian đào tạo của Nhà trường [H1.15.01.05], nhằm hướng tới mục tiêu chung của ma trận CDR các CTĐT đều được xây dựng phù hợp với triết lý giáo dục và chiến lược phát triển của Trường ĐHHT [H1.15.01.06] và CDR của từng môn học, mỗi học phần đều quy định và hướng dẫn cụ thể về việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học, điều này được thể hiện rõ trong đề cương chi tiết của học phần. Mặt khác, các phương pháp cơ bản cho hoạt động dạy và học của từng học phần sau khi được thống nhất giữa các giảng viên trong bộ môn sẽ được thể hiện trong đề cương chi tiết của từng học phần theo đặc trưng của học phần và của CTĐT tương ứng [H1.15.01.07], [H1.15.01.08].

Hàng năm Phòng Đào tạo luôn tham mưu cho Nhà trường cải tiến CTĐT và chuẩn đầu ra các CTĐT đều được cập nhật, xây dựng và cải tiến phù hợp với thực tiễn giáo dục và yêu cầu nguồn nhân lực của các tổ chức và doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh [H1.15.01.09]. Các hoạt động đổi mới phương pháp giảng dạy, bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm cho giảng viên và sinh viên được Nhà trường chú trọng triển khai, nghiêm túc thực hiện có hiệu quả theo kế hoạch hàng năm [H1.15.01.10]. Trong xu hướng chuyển đổi số Trường ĐHHT luôn tích cực ứng dụng các phương tiện CNTT vào công tác giảng dạy, quản lý và đánh giá đạt được những chuyển biến đáng ghi nhận [H1.15.01.11]. Từ đó việc xác định, lựa chọn các hoạt động giảng dạy và học tập cũng như phân công trách nhiệm trong việc xác định, lựa chọn, triển khai GV đảm nhận từng học phần phù hợp chuyên môn công tác đảm bảo đạt được CDR của CTĐT, theo định hướng triết lý giáo dục, nội quy quy chế làm việc của giảng viên và chiến lược phát triển của Trường ĐHHT [H1.15.01.12], [H1.15.01.13].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

***Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm***

***1. Mô tả***

Căn cứ chiến lược phát triển Trường ĐHHT giai đoạn 2020 - 2025, định hướng đến năm 2030, cải cách bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu quả phù hợp với chủ trương của tỉnh Hà Tĩnh và chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022 - 2025 [H2.15.02.01], căn cứ vào chế độ làm việc của giảng viên được quy định chi tiết trong Trường ĐHHT [H2.15.02.02], năm 2018 Nhà trường đã xây dựng Đề án sắp xếp, tinh gọn bộ máy, rà soát chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, thực hiện giải thể, sáp nhập các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng để cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn, hoạt động có hiệu quả. Hiện nay, Trường còn 22 đơn vị trực thuộc, gồm 08 Phòng, 01 Ban, 01 Viện, 01 Trung tâm; 07 Khoa, 02 Bộ môn trực thuộc và 02 Trường trực thuộc.

Căn cứ các quy định chung của Nhà nước, đồng thời với mục tiêu thu hút, khuyến khích, tôn vinh và đãi ngộ các cán bộ giảng viên tham gia giảng dạy, nghiên cứu, cũng như tổ chức đào tạo, bồi dưỡng thường xuyên đội ngũ công chức, viên chức và người lao động theo chức danh và quy hoạch; nâng cao tính chuyên nghiệp, trách nhiệm thi hành công vụ, Trường ĐHHT đã ban hành nhiều chính sách cụ thể nhằm thực hiện mục tiêu nêu trên. Việc thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ được áp dụng theo quy định của Nhà nước và các bản quy định của Trường [H2.15.02.03], [H2.15.02.04], [H2.15.02.05].

Trường Đại học Hà Tĩnh có 360 cán bộ giảng viên và nhân viên, trong đó biên chế là 234 (65%), hợp đồng là 126 (35%); Khối Đại học: 317, gồm 191 giảng viên (chiếm 61%) và 125 (39%) nhân viên hành chính; Khối Phổ thông: 25 giáo viên và nhân viên; Khối Mầm non: 18 giáo viên và nhân viên. Trong đó, trình độ chuyên môn đội ngũ giảng viên đại học: 01 Phó giáo sư (0,53%), 30 tiến sĩ (15,87%), 23 Nghiên cứu sinh, 145 thạc sĩ (76,72%), 13 Đại học (6,88%). Công tác phát triển và đào tạo đội ngũ cán bộ được nhà trường chú trọng đầu tư. Đội ngũ này hoàn toàn có đủ khả năng đảm nhận những nhiệm vụ đào tạo, khoa học và những yêu cầu đặt ra của xã hội. Sự phát triển về số lượng, trình độ khoa học của đội ngũ cán bộ, cùng với sự mở rộng về quy mô đào tạo các ngành, chuyên ngành của trường là cơ sở, điều kiện và động lực có ý nghĩa quyết định tính bền vững cho sự phát triển khoa học, đào tạo của Nhà trường đáp ứng nguồn nhân lực cho xã hội.

Từ năm 2017 đến năm nay, Nhà trường đã cử đi đào tạo được 33 cán bộ theo học chương trình TS (trong đó có 12 cán bộ học TS ở nước ngoài), 24 cán bộ theo học chương trình ThS (trong đó có 4 cán bộ học ThS ở nước ngoài). Sự phát triển về đội ngũ GV như trên là do Trường ĐHHT đã xây dựng và áp dụng

quy định tuyển dụng rõ ràng. Các kế hoạch, tiêu chuẩn và nội dung tuyển dụng được xây dựng hàng năm, từng đợt tuyển dụng được công khai trên trang website của nhà trường, các trang thông tin tuyển dụng công bố rộng rãi [H2.15.02.06]. Đồng thời, việc ký kết hợp đồng lao động tuân thủ pháp luật của Nhà nước, đáp ứng nhu cầu phục vụ tốt nhất cho chiến lược phát triển đội ngũ của Nhà trường đặc biệt là đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các khoa và đội ngũ GV, Ban Giám hiệu luôn trực tiếp gặp gỡ, trao đổi, thuyết phục để mời được những cán bộ, GV có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm thực tế trong quản lý và đào tạo về làm tại Trường ĐHHT [H2.15.02.07]. Những cán bộ, GV có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm quản lý sẽ được bổ nhiệm giữ các chức vụ lãnh đạo chủ chốt trong các đơn vị đào tạo như Phòng - Ban - Trung tâm, góp phần phát triển hiệu quả bộ máy của Trường ĐHHT theo hướng tinh gọn và hiệu quả, phù hợp với đề án vị trí việc làm theo từng giai đoạn [H2.15.02.08].

Việc phân công giảng viên giảng dạy hàng năm diễn ra theo quy trình như sau: đầu mỗi năm học, Phòng Đào tạo căn cứ CTĐT lập ra kế hoạch phân công giảng dạy năm học, gửi kế hoạch đào tạo năm học mới đến các đơn vị đào tạo, các đơn vị đào tạo căn cứ kế hoạch đào tạo đã được phê duyệt dự kiến kế hoạch giảng dạy cho từng học kỳ cho các ngành và các lớp cụ thể, phản hồi về Phòng Đào tạo [H2.15.02.09]. Các Khoa, Bộ môn căn cứ đội ngũ giảng viên của đơn vị tiến hành phân công giảng dạy dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm của giảng viên giảng dạy đúng chuyên ngành được đào tạo, đúng bằng cấp quy định [H2.15.02.10]. Từ đó, Phòng Đào tạo triển khai ứng dụng Hệ thống quản lý đào tạo của Nhà trường, xây dựng thời khóa biểu cho từng giảng viên, các lớp học và từng khóa riêng biệt và chuyển trực tiếp cho Khoa, Bộ môn đào tạo quản lý và triển khai thực hiện trong từng Học kỳ của năm học [H2.15.02.11].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

***Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra***

### ***1. Mô tả***

Quá trình học tập không chỉ diễn ra trên ghế Nhà trường, mà sinh viên đều luôn phải có ý thức học tập, tích lũy thêm kiến thức và kỹ năng, thích ứng với yêu cầu công việc và xã hội, đó chính là quá trình học tập suốt đời. Để hỗ trợ SV có ý thức và điều kiện thực hiện việc học tập suốt đời, trường ĐHHT đã tạo ra môi trường học tập đa dạng, phong phú cho SV. Hàng năm, căn cứ vào CTĐT [H3.15.03.01], Nhà trường chủ động xây dựng kế hoạch thời gian đào tạo năm học [H3.15.03.02] và thời khóa biểu theo từng học kỳ [H3.15.03.03] cụ thể cho từng ngành, từng khóa, từng lớp để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, nghiên cứu. Trong thời đại chuyển đổi số, ngoài việc học tập trực tiếp tại giảng đường, Trường ĐHHT luôn tập huấn cho GV, còn SV được hỗ trợ học tập trực tuyến qua



các ứng dụng phần mềm hỗ trợ như Google Class, Google Meet [H3.15.03.04], đồng thời, dưới sự hỗ trợ tích cực, hiện đại của trang thiết bị công nghệ giảng dạy và học tập được Nhà trường đầu tư hàng năm như: Phòng thực hành CNTT; Phòng thực hành thông tin - thư viện, máy chiếu, hệ thống loa hiện đại, Camera giám sát... [H3.15.03.05]; Đặc biệt, sinh viên còn được thực tập và làm việc ở môi trường thực tế thông qua mạng lưới các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài do các đơn vị đào tạo của Trường ĐHHT kết nối và hợp tác trong nhiều năm qua.

Trong quá trình xây dựng CTĐT CDIO Nhà trường tập trung giành riêng cho 01 năm thực tập theo ba hình thức lựa chọn: (1) Thực tập 1 năm tại cơ sở thực tập; (2) Học nghề 1 năm tại trường nghề; (3) Chương trình học thuật với 6 học phần chuyên sâu [H3.15.03.06]. Chương trình thực tập tốt nghiệp 01 năm được triển khai hiệu quả và thiết thực, kết nối các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và cộng đồng là một trong những nội dung trọng tâm được các đã được các đơn vị đào tạo của Trường ĐHHT đặc biệt chú trọng [H3.15.03.07], các khoá đào tạo kỹ năng ngắn hạn, bồi dưỡng nghiệp vụ luôn được sự hưởng ứng nhiệt tình của sinh viên và cán bộ giảng viên của Nhà trường [H3.15.03.08].

Trường cũng tạo điều kiện về chủ trương, CSVC cho các câu lạc bộ SV, các hoạt động tình nguyện vì cộng đồng để SV được trải nghiệm và học thêm những kỹ năng sống, học cách ứng xử, quan tâm tới người dân hoàn cảnh khó khăn nói riêng hay cộng đồng nói chung. Từ những kế hoạch đó tổng kết rút kinh nghiệm và vun đắp cho SV tâm hồn hướng thiện, có ý thức học tập để có đủ kiến thức và kỹ năng làm nhiều điều tốt đẹp cho bản thân, gia đình và xã hội. Căn cứ lịch trình đào tạo năm học và kế hoạch đào tạo từng học kỳ, các đơn vị đào tạo tổ chức các hoạt động học tập đa dạng cho SV như: Bài tập lớn cuối kỳ; Bài tập thực hành truyền thông, du lịch, tâm lý, thông tin - thư viện; Bài tập thực hành tại khách sạn, các địa điểm du lịch trong lĩnh vực du lịch; Các buổi nói chuyện chuyên đề (talk series) do các chuyên gia đến từ các cơ quan tổ chức, doanh nghiệp, các chuyên gia nước ngoài trực tiếp đến Nhà trường trao đổi với SV, các chương trình thiện nguyện, các hoạt động vì cộng đồng...[H3.15.03.09].

Ngoài ra, Nhà trường còn khuyến khích và tạo điều kiện cho SV các khóa được tham dự các hội thảo chuyên môn do Nhà trường và các Khoa tổ chức, những SV yêu thích sáng tạo khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học được khuyến khích tham gia từ cấp đơn vị đào tạo đến cấp Nhà trường, những đề tài đạt giải cao được gửi đi dự thi cấp Tỉnh. Trong số đó có những đề tài được ứng dụng vào thực tiễn cao, là nguồn cảm hứng cho sáng tạo và khởi nghiệp [H3.15.03.10].

Nhà trường không ngừng đầu tư trang thiết bị, CSVC để đảm bảo quá trình học tập, thực hành thí nghiệm cho SV, các giảng đường đều được trang bị máy chiếu, hệ thống âm thanh phục vụ giảng dạy. Ngoài hình thức giảng dạy truyền thống trên lớp, Trường ĐHHT đang tiến hành tổ chức các chương trình đào tạo

cho học viên theo hình thức áp dụng những PPGD hiện đại, tích nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng công cuộc chuyển đổi số, để SV có thể học và tham khảo kiến thức từ xa, học bất cứ thời gian nào, nhà trường đang triển khai thí điểm hệ thống phần mềm giảng dạy trực tuyến, đào tạo từ xa đáp ứng đầy đủ các tính năng giảng dạy kết hợp (Google Class, Google Meet...) để giảng dạy và học tập ngày càng đa dạng đáp ứng yêu cầu đào tạo cho tất cả ngành học [H3.15.03.11].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### ***Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng***

#### **1. Mô tả**

Quá trình giám sát hoạt động giảng dạy và học tập trong Trường ĐHHT được thể hiện dưới nhiều hình thức, được các đơn vị đào tạo trực tiếp phụ trách, phòng chuyên môn triển khai cụ thể như sau: Việc lên lớp giảng dạy của GV và học tập của SV được quy định quản lý, giám sát bởi cán bộ quản lý các lớp học phần, cố vấn học tập, giáo viên chủ nhiệm và cán bộ của Phòng Đào tạo, ban chủ nhiệm các Khoa, Bộ môn các hoạt động kiểm tra, giám sát được ghi chép đầy đủ [H4.15.04.01]. GV phải lên lớp đúng theo thời khóa biểu, đúng giờ quy định, việc GV vắng mặt, đến lớp muộn về sớm, thái độ làm việc chưa nghiêm túc trong quá trình giảng dạy được ghi chép vào sổ của Ban theo dõi nề nếp và gửi về lãnh đạo Nhà trường cũng như các đơn vị đào tạo để kịp thời điều chỉnh và nhắc nhở. Trong năm học, mỗi học kì dưới sự giám sát của Ban chủ nhiệm khoa, Bộ môn luôn bám sát, cập nhật và theo dõi sát sao tiến độ giảng dạy của giảng viên và sinh viên thực hiện các học phần [H4.15.04.02]. Sinh viên bỏ học không có lý do, đi muộn, về sớm được GV kiểm soát chặt chẽ, số lượng SV nghỉ quá thời gian quy định bị giảng viên cấm thi và danh sách này được GV gửi về Khoa, Bộ môn và Phòng Khảo thí - ĐBCL. Ngoài giám sát hoạt động dạy và học trên giảng đường, trong kế hoạch thời gian đào tạo mỗi học kì có tuần đọc sách, ôn và thi giữa kì [H4.15.04.03], giảng viên và sinh viên thực hiện nghiêm túc có báo cáo thực hiện tuần lễ đọc sách, sinh viên tự học tập, nghiên cứu, khuyến khích và tìm kiếm trong hệ thống thư viện của Nhà trường, cán bộ thư viện cũng giám sát việc mượn và tài tài liệu của GV, SV trong Nhà trường thông quan hệ thống phần mềm hiện đại [H4.15.04.04].

Việc đánh giá GV được thực hiện thông qua 2 kênh: sinh viên đánh giá từng học kì và đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị đào tạo. Sau mỗi học kì, Trường ĐHHT luôn chủ động việc lấy ý kiến đánh giá 100% GV từ phiếu khảo sát ý kiến người học được giao cho Phòng Khảo thí - ĐBCL chủ trì đầu mỗi thực hiện vào cuối mỗi kì khi kết thúc học phần [H4.15.04.05]. Kết quả đánh giá GV trên phiếu khảo sát trong mỗi học kì được thực hiện một cách khác quan thông qua các phần mềm hỗ trợ như hệ thống quản lý đào tạo, hệ thống công nghệ thông

tin của Nhà trường [H4.15.04.06] là một phần căn cứ quan trọng để đánh giá, xếp loại GV khi kết thúc năm học [H4.15.04.07].

Trường ĐHHT luôn ứng dụng triệt để chuyển đổi số, hệ thống đào tạo vào quản lý hoạt động giảng dạy và đánh giá sinh viên. Trong hoạt động giảng dạy giảng viên trực tiếp lên hệ thống xem thời khóa biểu giảng dạy, sử dụng danh sách điểm danh, sổ điểm điện vào điểm, đánh giá sinh viên giữa học kì và cuối mỗi kì đều được thực hiện trực tiếp trên hệ thống quản lý đào tạo (edusoft.net) của Nhà trường [H4.15.04.08]. Kết thúc năm học Phòng Đào tạo chủ trì phối hợp với các đơn vị chức năng tiến hành xét tốt nghiệp và cấp bằng cho các sinh viên năm cuối được thực hiện theo đúng trình tự, nội quy quy định của Nhà trường về đào tạo, kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên được thực hiện đầy đủ, khoa học và chính xác, được thể hiện rõ ràng trong báo cáo tổng kết năm học và kết quả rèn luyện của các Khoa đào tạo [H4.15.04.09].

Sau khi SV tốt nghiệp, Nhà trường luôn giữ mối liên hệ và tiến hành trao đổi, phản hồi về chất lượng đào tạo, tình hình việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp, những kết quả đó là bằng chứng thiết thực để Trường ĐHHT tổng kết kinh nghiệm, rút ra những bài học trong việc tổ chức đào tạo, cải tiến chương trình đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội [H4.15.04.10].

Hàng năm Trường ĐHHT cũng tiến hành rà soát tổng kết rút kinh nghiệm khảo sát, đánh giá chất lượng dạy và học về CTĐT, đề cương chi tiết, hình thức thi/kiểm tra, các phương pháp dạy học hiện đại [H4.15.04.11], ứng dụng công nghệ thông tin trong đánh giá người học [H4.15.04.12]. Từ kết quả khảo sát của SV, các đơn vị đào tạo và GV Nhà trường phát huy ưu điểm, hạn chế khuyết điểm để cải tiến phương pháp kiểm tra - đánh giá. Đồng thời, có báo cáo tổng kết từ kết quả khảo sát SV đánh giá GV tham gia giảng dạy từ Phòng Khảo thí - ĐBCL, các đơn vị đào tạo sẽ trao đổi với các GV, rút kinh nghiệm về nội dung của phương pháp giảng dạy, các hình thức kiểm tra - đánh giá.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời***

### ***1. Mô tả***

Triết lý giáo dục của Trường ĐHHT giúp người học tiếp cận nhiều lĩnh vực học thuật và nhiều chiến lược học tập, bên cạnh chương trình học chuyên sâu để SV có thể thích ứng nhanh với những thay đổi của môi trường xã hội, Trường ĐHHT luôn rà soát nội hàm của triết lý giáo dục phù hợp với từng thời kỳ để thay đổi chiến lược phát triển Nhà trường trong từng giai đoạn [H5.15.05.01]. Đối với từng giai đoạn thì mục tiêu chiến lược đào tạo thay đổi linh hoạt để phù hợp với nhu cầu của người học và đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao của các tổ chức và doanh nghiệp trong tỉnh và cả nước. Hàng năm, các đơn vị đào tạo

tiên hành rà soát CTĐT, đối chiếu học phần để có những điều chỉnh, cập nhật phù hợp với CDR và triết lý giáo dục. Trường ĐHHT luôn tập trung việc dạy và học được cải tiến liên tục, tiến hành rà soát và thay đổi CDR các chương trình đào tạo cho phù hợp quá trình phát triển của xã hội và mục tiêu đào tạo qua các giai đoạn [H5.15.05.02].

Để đáp ứng các mục tiêu đào tạo từng thời kỳ cũng như nâng cao chất lượng dạy và học, hàng năm căn cứ kết quả khảo sát ý kiến từ GV, SV các đơn vị đào tạo tiến hành điều chỉnh các hoạt động dạy và học, thay đổi hình thức kiểm tra - đánh giá ở các học phần nếu thấy cần thiết [H5.15.05.03, H5.15.05.4]. Trường ĐHHT đặc biệt chú trọng đào tạo kỹ năng giao tiếp, thực hành nghề nghiệp cho sinh viên, các chủ đề môn học tiên quyết của chuẩn đầu ra trước khi tốt nghiệp như các học phần: phát triển kỹ năng, tin học ứng dụng, tiếng Anh 2 [H5.15.05.05]. Thêm vào đó, Trung tâm CNTT tổ chức thi và cấp chứng chỉ tin học theo các thông tư, nghị định mới của Nhà nước..... giúp cho SV tự tin trong việc thể hiện bản thân, làm việc nhóm, xử lý các tình huống để dễ dàng thích ứng với công việc, đáp ứng các tiêu chuẩn của các tổ chức và doanh nghiệp [H5.15.05.06]. Ngoài ra, kỳ thực tập cuối khóa cũng được các đơn vị đào tạo cải tiến, giúp người học sớm thích nghi được với công việc mới sau khi ra trường cũng như đáp ứng được với nhiều loại hình tổ chức công việc trong tương lai.

Nhà trường đã thành lập các Ban đề án, tổ chuyên môn về việc hoàn thiện và cải tiến chiến lược phát triển Trường ĐHHT theo các giai đoạn khác nhau, nhằm tối đa hoá các nguồn lực, phù hợp và tương xứng với sự phát triển chung của tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2020 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, tổ chức thảo luận nhóm, lấy ý kiến khảo sát, tổng kết mức độ hài lòng của các bên liên quan về triết lý giáo dục đã được xây dựng và cải tiến liên tục ở Trường ĐHHT [H5.15.05.07]. Bên cạnh đó, các đơn vị đào tạo cũng tích cực góp ý về chiến lược đào tạo, về đổi mới phương pháp giảng dạy, định hướng điều chỉnh các hoạt động phù hợp với triết lý giáo dục nhằm đạt được CDR, đặc biệt nhà trường luôn tìm hướng đào tạo mới như đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa [H5.15.05.08].

Nhà trường thông qua các cuộc Hội nghị giao ban đào tạo, để các đơn vị đào tạo trình bày kế hoạch, góp ý kiến phản hồi về kết quả đạt được, những tồn tại của công tác đào tạo hàng quý về hoạt động giảng dạy, tuyển sinh, tổ chức đào tạo, khảo thí và cấp phát văn bằng chứng chỉ [H5.15.05.09], các kết quả lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên trong các học kì của từng năm học như là một kênh thông tin quan trọng để cải tiến, nâng cao chất lượng của hoạt động giảng dạy và học tập, nâng cao chất lượng đội ngũ [H5.15.05.10]. Từ những kết quả khảo sát và báo cáo tình hình việc làm của sinh viên hàng năm, kết quả lấy ký kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của giảng viên, cán bộ hỗ trợ phục vụ công tác đào tạo, các tổ chức, nhà tuyển dụng lao động về mức độ hài lòng chất lượng giáo dục được Nhà trường tổng kết

đúc rút những kinh nghiệm quý báu để nâng cao chất lượng đội ngũ, nâng cao chất lượng đào tạo phù hợp với triết lý giáo dục đã đề ra, điều này luôn được thể hiện trong các báo cáo tổng kết năm học của Trường ĐHHT [H5.15.05.11].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 15:**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Trường ĐHHT có tuyên bố về triết lý giáo dục; Chiến lược phát triển Nhà trường đã bám sát triết lý giáo dục; CDR của CTĐT được xây dựng phù hợp với mục tiêu, sứ mạng cũng như chiến lược phát triển đến năm 2020, tầm nhìn 2030.

- Nhà trường có chính sách xây dựng được nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, giàu kinh nghiệm.

- Nhà trường đã tạo được môi trường học tập đa dạng; trang bị đầy đủ thiết bị học tập hiện đại giúp SV phát triển được kiến thức, kỹ năng cũng như phục vụ việc học tập suốt đời.

- GV cơ hữu của nhà trường được đánh giá hàng năm theo các phương thức: tự đánh giá, đánh giá của đồng nghiệp và đánh giá của người học.

- Nhà trường thực hiện việc rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH để có điều chỉnh kịp thời.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Chưa có chiến lược đồng bộ và giải pháp hiệu quả để thu hút và tuyển chọn được những giảng viên giỏi về công tác tại Trường.

- Chưa triển khai xây dựng được hệ thống bài giảng điện phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT để thúc đẩy hoạt động học tập suốt đời.

- Chưa triển khai đồng bộ hoạt động cải tiến lý giáo dục để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.

- Nhà trường chưa có báo cáo so sánh kết quả khảo sát người học qua các năm học; chưa ban hành kế hoạch điều chỉnh, cải tiến phương pháp đánh giá người học mà vẫn đang thực hiện theo quy trình cố định.

#### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	- Xây dựng kế hoạch và các giải pháp đồng bộ nhằm thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao.	P.TC-HC, P. Đào tạo và các đơn vị liên quan	Từ năm 2023	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
2	Khắc phục tồn tại 2	- Xây dựng kế hoạch và có chính sách đầu tư xây dựng bài giảng điện tử phù hợp với chuẩn đầu ra của học phần và CTĐT.	P. Đào tạo, Các khoa chuyên môn	Từ năm 2023	
3	Khắc phục tồn tại 3	Xây dựng kế hoạch định kỳ rà soát, đánh giá, cải tiến triết lý giáo dục để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời.	Phòng TC-HC, Phòng Đào tạo và các đơn vị	Từ năm 2023	
4	Kế hoạch phát huy điểm mạnh 1	Nâng cao hiệu quả hoạt động dạy và học gắn với Triết lý giáo dục, Chiến lược phát triển Nhà trường đến năm 2025, tầm nhìn 2030 nhằm đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo chất lượng đào tạo.	Phòng Đào tạo và các đơn vị	Từ năm 2023	
5	Kế hoạch phát huy điểm mạnh 2	Có các chính sách đãi ngộ và phát huy hiệu quả nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao, giàu kinh nghiệm nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học.	P. TC-HC, P. Đào tạo và các đơn vị	Từ năm 2023	
6	Kế hoạch phát huy điểm mạnh 3	Xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất trang thiết bị nhằm tạo dựng môi trường học tập tích cực, đa dạng giúp SV phát triển được kiến thức, kỹ năng cũng như phục vụ việc học tập suốt đời.	P. Quản trị, P. Đào tạo và các đơn vị	Từ năm 2023	
7	Kế hoạch phát huy điểm mạnh 4	Phát huy vai trò của GV và người học trong hoạt động tự đánh giá, đánh giữa các GV và đánh giá của người học với GV.	P. Đào tạo và các đơn vị	Từ năm 2023	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b><i>Tiêu chuẩn 15</i></b>	<b>4,60</b>
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	5
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	4
Tiêu chí 15.5	4

#### **Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học**

##### ***Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập***

###### **1. Mô tả**

Đánh giá người học là một khâu quan trọng trong hoạt động đào tạo của Nhà trường, vì vậy tất cả các hoạt động đánh giá người học tại Nhà trường đều được lập kế hoạch và lựa chọn các hình thức đánh giá đều được quy định trong ĐCHP và được công bố trong Portal SV (<https://thongtindaotao.htu.edu.vn>; <https://daotao.htu.edu.vn/>) [H1.16.01.02]. Đồng thời, GV trong buổi học đầu tiên có trách nhiệm công bố về cách thức kiểm tra - đánh giá học phần của người học [H1.16.01.01].

Việc đánh giá người học được Nhà trường thực hiện trong suốt quá trình đào tạo, từ khâu tuyển sinh đầu vào, quá trình học tập các học phần, kết thúc học phần cho đến đánh giá đầu ra của một khóa học. Căn cứ Quy chế đào tạo đại học [H1.16.01.01], Nhà trường đã triển khai xây dựng ĐCHP để lựa chọn hình thức đánh giá người học trong quá trình học tập phù hợp với mục tiêu và quá trình đào tạo. Trên cơ sở ĐCHP đã được Nhà trường ban hành về công tác kiểm tra đánh giá kết quả người học và căn cứ trên các điều kiện thực tiễn của từng học kỳ, các khoa/bộ môn đã lựa chọn các loại hình đánh giá quá trình học tập của người học phù hợp đối với mỗi học phần/môn học, các loại hình được lựa chọn thông qua Bộ môn quản lý học phần [H1.16.01.12]. Các loại hình đánh giá sau khi được thống nhất lựa chọn đã được thể hiện trong trong lịch thi kết thúc học phần [H1.16.01.09]. Tại các cuộc họp giao ban đào tạo hàng tháng, Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng thông báo cho các Khoa/Bộ môn rà soát ngân hàng đề thi và Phòng Đào tạo thông báo cho các Khoa, Bộ môn rà soát tiến độ giảng dạy, đề xuất thay đổi hình thức thi (nếu có) trước khi xây dựng lịch thi học kỳ. Phòng Đào tạo có gửi lịch thi dự thảo để các Khoa/Bộ môn và SV phản hồi trước khi ban hành lịch thi chính thức [H1.16.01.09].

Nhà trường đánh giá người học tại các Quy định đánh giá kết quả học tập của người học được ban hành ở Quy chế Đào tạo đại học [H1.16.01.01], Quy

định Phân cấp quản lý và Quy trình hoạt động ở Trường ĐHHT [H1.16.01.08], Quy định về tổ chức đánh giá thi học phần [H1.16.01.13].

Bên cạnh đó, trách nhiệm của các đơn vị trong quá trình đánh giá người học được phân công cụ thể như sau: Phòng Đào tạo là đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng lịch thi, tổ chức thi [H1.16.01.03]; Khoa chuyên môn chịu trách nhiệm xây dựng đề thi, cử cán bộ coi thi, chấm thi các học phần do đơn vị quản lý; cán bộ coi thi chịu trách nhiệm coi thi theo đúng quy định [H1.16.01.14]. Khi tổ chức bảo vệ khóa luận tốt nghiệp cho SV, các đơn vị chịu trách nhiệm ban hành các quyết định thành lập hội đồng và phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên theo Hội đồng [H1.16.01.15]. Ngoài ra việc đánh giá điểm rèn luyện của SV mỗi kỳ học do cán bộ lớp và quản sinh Khoa chịu trách nhiệm thực hiện [H1.16.01.06], [H1.16.01.07], [H1.16.01.10].

Kế hoạch đánh giá người học được thể hiện trong kế hoạch giảng dạy và học tập năm học của Nhà trường [H1.16.01.16], trong lịch thi giữa kỳ và kết thúc học kỳ [H1.16.01.09] và được thông báo đến SV ngay từ đầu năm học, kỳ học thông qua sổ tay SV [H1.16.01.17], qua Portal SV: (<https://thongtindaotao.htu.edu.vn>), (<https://daotao.htu.edu.vn/>) [H1.16.01.02], được giới thiệu phổ biến đến người học trong tuần sinh hoạt công dân [H1.16.01.18] hoặc thông báo cho SV qua cố vấn học tập các khoa.

Trong quá trình học tập tại Nhà trường, kiến thức của người học được đánh giá toàn diện thông qua hệ thống các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, các bài tập lớn, đề án môn học, dự án với nhiều hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, thuyết trình, vấn đáp [H1.16.01.12], [H1.16.01.11]. Hình thức, tiêu chí và nội dung đánh giá mỗi học phần được thể hiện rõ trong ĐCHP và được phổ biến tới người học với nhiều hình thức khác nhau ngay khi bắt đầu năm học thông qua giới thiệu ở tuần sinh hoạt công dân đầu khóa, qua buổi gặp gỡ tân SV của khoa [H1.16.01.18], trong buổi học đầu tiên của mỗi học phần [H1.16.01.12], Portal SV [H1.16.01.19]. Kết quả đánh giá của mỗi học phần bao gồm điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Tỷ lệ giữa hai đầu điểm thay đổi tùy theo đặc thù học phần và được thể hiện trong ĐCHP [H1.16.01.12]. Điểm đánh giá học phần (gọi là điểm học phần) bao gồm: điểm đánh giá bộ phận (trung bình của các điểm kiểm tra đánh giá thường xuyên, giữa kỳ) và điểm thi kết thúc học phần, trong đó, điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc và có trọng số không dưới 50% điểm của học phần [H1.16.01.03], [H1.16.01.04]. Kiểm tra đánh giá thường xuyên là hoạt động của GV sử dụng các kỹ thuật đánh giá khác nhau trong các hình thức dạy học nhằm kiểm tra việc nắm vững kiến thức và rèn luyện kỹ năng đã được xác định trong mục tiêu của học phần, đồng thời qua đó có được những thông tin phản hồi giúp GV, SV điều chỉnh cách dạy, cách học, thay đổi phương pháp dạy và học cho phù hợp. Kiểm tra đánh giá giữa kỳ là hoạt động của GV vào những thời điểm đã được quy định trong ĐCHP [H1.16.01.12]. Bài thi kết thúc học phần có thể thực hiện đánh giá mức độ đạt mục tiêu học phần ở giai đoạn



tương ứng của SV bằng hình thức thi tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, làm bài tập lớn hoặc kết hợp các hình thức trên [H1.16.01.12]. Hình thức kiểm tra đánh giá học phần, trọng số của các điểm kiểm tra đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được quy định trong ĐCHP. Nội dung kiểm tra đánh giá phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong ĐCHP [H1.16.01.12]. Đáp án và thang điểm chấm điểm bộ phận, chấm bài thi kết thúc học phần phải được biên soạn cùng với đề kiểm tra đánh giá, đề thi [H1.16.01.09]. Trường đơn vị đào tạo quy định việc sử dụng đề kiểm tra, đề thi do GV đề xuất hoặc lấy từ ngân hàng câu hỏi [H1.16.01.09]. Điểm đánh giá học phần/môn học được thể hiện trong Quy định đào tạo đại học chính quy theo học chế tín chỉ tại Đại học Hà Tĩnh [H1.16.01.01].

Mỗi hình thức đánh giá đều có tiêu chí (hình thức, nội dung, mục đích, ý nghĩa và hiệu quả mang lại) và nội dung phù hợp với yêu cầu của môn học (mục tiêu của môn học được quy định trong ĐCHP). Các tiêu chí đánh giá, nội dung đánh giá của mỗi phương pháp/loại hình đánh giá được lựa chọn trên cơ sở các ý kiến thảo luận của tổ xây dựng, rà soát và cập nhật CTĐT và hội đồng thẩm định CTĐT, ĐCHP sau rà soát [H1.16.01.12].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

***Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra***

### **1. Mô tả**

Các CĐR của CTĐT được xây dựng và rà soát theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Trường ĐHHT [H1.16.02.01]. Căn cứ trên CĐR các Khoa/Bộ môn tiến hành xây dựng CĐR của từng học phần. Dựa trên CĐR của từng học phần, của CTĐT các khoa/Bộ môn xây dựng và lựa chọn các phương pháp đánh giá người học phù hợp để đạt được CĐR [H1.16.01.12]. Đánh giá người học là một trong những hoạt động quan trọng của hoạt động đào tạo do đó, căn cứ theo Quy chế đào tạo đại học [H1.16.01.01], Quy định phân cấp quản lý và quy trình hoạt động ở Trường ĐHHT [H1.16.01.08], Quy định về nhập điểm kết thúc học phần theo từng học kỳ [H1.16.01.13], Quy trình ISO về quản lý thi hết học phần trong đào tạo chính quy [H1.16.01.09], việc đánh giá người học được triển khai thành 04 mảng nội dung chính như sau:

(1) Điểm đánh giá bộ phận: Đánh giá SV thông qua học phần là nhiệm vụ của GV từng môn học và GV là người chịu trách nhiệm về kết quả học tập của SV trước bộ môn, khoa và Nhà trường. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận. Điểm đánh giá bộ phận bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập; điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận; điểm đánh giá phần thực hành; điểm chuyên cần. Giáo viên bộ môn là người thực hiện đánh giá bộ phận, thời điểm đánh giá, hình thức đánh giá và các tiêu chí đánh giá được

quy định chi tiết trong ĐCHP. Điểm đánh giá bộ phận được giáo viên công bố cho SV ở buổi học cuối cùng trước khi kết thúc học phần/môn học [H1.16.01.01].

(2) Thi kết thúc học phần: Căn cứ vào Lịch trình đào tạo năm học [H1.16.01.16], tại các cuộc họp giao ban đào tạo hàng tháng, Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng thông báo cho các Khoa/Bộ môn rà soát ngân hàng đề thi và Phòng Đào tạo thông báo cho các Khoa, Bộ môn rà soát tiến độ giảng dạy, đề xuất thay đổi hình thức thi (nếu có), trong đó có lưu ý phải đạt CDR của học phần đã được xác định trong đề cương môn học trước khi xây dựng lịch thi học kỳ. Phòng Đào tạo có gửi lịch thi dự thảo để các Khoa/Bộ môn, GV và SV phản hồi trước khi ban hành lịch thi chính thức. Trường hợp không có phản hồi của người học về việc không đúng hình thức thi so với ĐCHP đã được công khai thì Nhà trường tổ chức cho SV thi đúng theo quy định hiện hành. Căn cứ trên lịch thi đã xây dựng, Phòng Đào tạo tiến hành tổ chức thi [H1.16.01.09]. Có rất nhiều hình thức đánh giá kết thúc học phần/môn học khác nhau được Nhà trường lựa chọn để đánh giá quá trình học tập của người học, các phương pháp đánh giá kiến thức, kỹ năng, thái độ của người học đạt được CDR được áp dụng như: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, hoặc kết hợp các hình thức nói trên tùy theo tính đặc thù của từng học phần và được giáo viên linh động đề xuất thay đổi khi cần thiết [H1.16.02.03].

Kết quả chung của học phần được tính căn cứ vào điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50% theo Quy chế Đào tạo đại học [H1.16.01.01]. Sau khi thi, bài thi được rọc phách, chấm bởi hai cán bộ chấm thi độc lập, lên điểm, ghép phách. Cán bộ Phòng Đào tạo và trợ lý đào tạo của Khoa/Bộ môn sẽ chịu trách nhiệm nhập điểm vào phần mềm nhập điểm online [H1.16.01.02]. Hệ thống bài thi được lưu trữ tại văn phòng Khoa, bảng điểm bản cứng được lưu trữ tại phòng Đào tạo [H1.16.02.04]. SV có thể theo dõi kết quả trực tiếp trên cổng thông tin đào tạo SV (<https://thongtindaotao.htu.edu.vn>) [H1.16.01.19].

(3) Đánh giá đầu ra khóa học: thực tập tốt nghiệp và thi tốt nghiệp hoặc đồ án, khóa luận tốt nghiệp.

+ Thực tập tốt nghiệp: là một trong những học phần quan trọng nhằm giúp cho người học áp dụng những kiến thức đã được trang bị ở trường vào thực tế, thông qua đó nâng cao trình độ chuyên môn cũng như kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và thái độ trách nhiệm đối với công việc. Thực tập tốt nghiệp là điều kiện cần để SV có thể thực hiện tiếp đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp để hoàn thành khóa học.

Tùy theo chương trình đào tạo mỗi chuyên ngành, sinh viên có thể đăng ký thực tập 01 năm hoặc thực tập tốt nghiệp. Thời gian thực tập tốt nghiệp là 8 tuần đến 10 tuần. Theo kế hoạch đào tạo, các khoa gửi nội dung, kế hoạch thực tập,

danh sách sinh viên thực tập và cử giảng viên hướng dẫn gửi phòng Đào tạo, Hiệu trưởng ký Quyết định;

Điểm đánh giá học phần thực tập tốt nghiệp được chấm theo thang điểm 10 (trừ các ngành đào tạo giáo viên có quy định riêng) bao gồm: điểm ý thức, thái độ của sinh viên trong quá trình thực tập có trọng số 40% (Điểm đánh giá của cơ quan thực tập có trọng số 20% và điểm đánh giá của giảng viên hướng dẫn có trọng số 20%); điểm chấm báo cáo thực tập tốt nghiệp có trọng số 60%;

Đối với thực tập 01 năm được đánh giá thông qua 03 báo cáo thực tập của sinh viên tương đương 03 học phần, mỗi học phần 9 tín chỉ (thực tập 1, thực tập 2 và thực tập tốt nghiệp). Đối với sinh viên thực tập trong nước có thêm điểm đánh giá của cơ quan thực tập đối với việc thực hiện nền nếp, kỷ luật, ý thức thái độ và năng lực làm việc của sinh viên trong quá trình thực tập. [H1.16.01.11]

+ Thi tốt nghiệp hoặc làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp:

Đầu học kỳ năm học cuối khóa, sinh viên được đăng ký làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Điều kiện để sinh viên có thể đăng ký làm đồ án hoặc khóa luận tốt nghiệp, đối với làm khóa luận tốt nghiệp điểm TBC tích lũy phải đạt từ 2.5 trở lên theo thang điểm 4, đối với làm đồ án tốt nghiệp điểm TBC tích lũy phải đạt từ 2.0 trở lên theo thang điểm 4. Sinh viên không được giao làm khóa luận tốt nghiệp phải đăng ký học một số học phần chuyên môn thay thế để tích lũy đủ số tín chỉ quy định cho chương trình. Sinh viên được tạo điều kiện thuận lợi để làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Đối với một số ngành đào tạo đòi hỏi phải dành nhiều thời gian cho thí nghiệm hoặc khảo sát để sinh viên hoàn thành đồ án, khóa luận tốt nghiệp, Trường có thể bố trí thời gian làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp kết hợp với thời gian thực tập chuyên môn cuối khóa. Hiệu trưởng quyết định danh sách giảng viên chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp. Sinh viên có khóa luận tốt nghiệp bị điểm F phải đăng ký làm lại hoặc đăng ký học thêm một số học phần chuyên môn để thay thế với số tín chỉ tương đương trong chương trình.

Trách nhiệm và quyền hạn của sinh viên thực tập, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp; trách nhiệm của giảng viên được phân công hướng dẫn sinh viên thực tập, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp và trách nhiệm của khoa, bộ môn, phòng Đào tạo và các đơn vị liên quan được thực hiện theo các quy định về nội dung, hình thức thực tập, làm đồ án, khóa luận tốt nghiệp của Hiệu trưởng. [H1.16.02.05]. SV xem kết quả thi tốt nghiệp hoặc khóa luận tốt nghiệp trên Portal SV (<https://thongtindaotao.htu.edu.vn>). [H1.16.01.19].

+ Điểm rèn luyện của SV: được thực hiện theo hướng dẫn đánh giá điểm rèn luyện ban hành tại số 02/QĐ-TĐHHT của Hiệu trưởng Trường ĐHHHT ngày 3/1/2017 [H1.16.01.07], theo đó: SV tiến hành tự đánh giá theo hướng dẫn, sau đó cán bộ lớp đánh giá điểm rèn luyện của từng thành viên trong lớp dựa theo sự đóng góp của từng thành viên vào các hoạt động phong trào, hoạt động đoàn thể, tuân thủ các nội quy, quy chế, quy định của Nhà trường, của pháp luật.... Cán bộ

phụ trách công tác quản sinh tiến hành đánh giá kết quả rèn luyện của từng thành viên trong lớp, kết quả sau đó được công bố công khai trước lớp, được tổng hợp, bàn giao về phòng Công tác Chính trị HS SV, được nhập lên hệ thống phần mềm đào tạo [H1.16.01.02].

(4) Đánh giá toàn khóa học: Căn cứ trên kết quả tích lũy các học phần của SV và đảm bảo các điều kiện về CĐR, Phòng Đào tạo xét điều kiện tốt nghiệp, trình Hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp phê duyệt [H1.16.01.08]. Quá trình xét và công nhận tốt nghiệp cho người học được thực hiện thông qua hội đồng xét và công nhận tốt nghiệp. Kết quả xét công nhận tốt nghiệp của người học được Hội đồng trình Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp để được cấp phôi bằng [H1.16.02.09]. Kết quả tốt nghiệp của người học được thông báo qua Khoa phụ trách để thông báo cho người học, qua công thông tin đào tạo [H1.16.01.02] và được tổ chức Lễ phát bằng cho SV đối với đợt tốt nghiệp chính. SV phải ký nhận bằng tại sổ lưu của Phòng Đào tạo [H1.16.02.10].

Nhà trường đã sử dụng nhiều phương pháp đánh giá khác nhau để đánh giá xuyên suốt quá trình học tập của người học từ khi vào trường đến khi tốt nghiệp phù hợp với CĐR. Cụ thể: kiến thức của người học được đánh giá toàn diện thông qua các hệ thống bài kiểm tra điều kiện, bài thi giữa kỳ, cuối kỳ với nhiều hình thức thi trắc nghiệm, tự luận, thuyết trình, vấn đáp...; các bài kiểm tra tự luận, thực hành, bài tập lớn [H1.16.01.01], [H1.16.02.02], [H1.16.02.03]. Tùy vào đặc trưng của từng học phần bộ môn/khoa lựa chọn phương pháp đánh giá tương thích để đạt được CĐR. Ví dụ: Học phần Triết học Mác - Lê nin, Chủ nghĩa xã hội khoa học hiện đang tổ chức thi tự luận và dự kiến trong thời gian tới các học phần này cũng chuyển sang hình thức thi trắc nghiệm như Tư tưởng Hồ Chí Minh, Lịch sử Đảng CSVN. Điều này giúp SV nắm vững được các kiến thức cơ bản và giảm bớt căng thẳng, áp lực đối với các học phần có tính trừu tượng cao như các môn Lý luận chính trị. Đối với ngành học cần tính thực hành cao như học phần “Phương tiện dạy học và ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tiểu học” thì được tổ chức thi thực hành trên máy tính vào dịp thi cuối kỳ [H1.16.02.02], [H1.16.02.03].

Trong giai đoạn 2018-2023, Nhà trường luôn thực hiện đúng và công khai các hình thức thi, kết quả thi đến SV [H1.16.01.19]. Hàng năm, Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch khảo sát hoạt động dạy học và thực hiện khảo sát, trong đó có nội dung khảo sát về kiểm tra đánh giá, trên cơ sở kết quả khảo sát với tỉ lệ cao của số người học hài lòng về phương pháp kiểm tra đánh giá và đo lường được mức độ đạt CĐR [H1.16.02.11]. Đồng thời, thông qua các diễn đàn trao đổi SV, báo cáo tổng kết của các Khoa cũng thể hiện sự hài lòng về phương pháp kiểm tra đánh giá [H1.16.02.12].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt chuẩn đầu ra***

***1. Mô tả***

Thực hiện Lịch trình năm học [H1.16.03.01], các đơn vị chuyên môn trong trường tiến hành việc rà soát kế hoạch đào tạo hoặc kế hoạch thi học kỳ.

Phòng Đào tạo tiến hành phân tích phổ điểm [H1.16.03.10], đồng thời kết hợp với kết quả khảo sát ý kiến của GV và SV về các phương pháp kiểm tra đánh giá người học để từ đó có kiến nghị đối với Khoa/Bộ môn, yêu cầu các Khoa/Bộ môn, GV thay đổi, điều chỉnh các phương pháp kiểm tra đánh giá sao cho phù hợp (nếu có).

Từ năm 2018 đến nay, Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra đánh giá kết quả người học ở tất cả các CTĐT trong và ngoài sư phạm [H1.16.03.03]. Trong quá trình tổ chức giảng dạy và học tập, giáo viên có thể đề xuất điều chỉnh thay đổi hình thức, phương pháp đánh giá, trọng số đánh giá điểm quá trình và điểm thi cuối kỳ tùy thuộc vào kỹ năng, thái độ của người học và đảm bảo sự công bằng, đảm bảo tính linh hoạt, tự chủ trong đào tạo theo học chế tín chỉ [H1.16.01.03].

Để đánh giá tính phù hợp và chính xác đối với mỗi loại hình kiểm tra đánh giá, Nhà trường đã thực hiện khảo sát khi kết thúc học kỳ, năm học. Việc khảo sát người học được thực hiện thông qua khảo sát trên máy vi tính với mẫu phiếu riêng [H1.16.02.11]. Các kết quả khảo sát đã được tổng hợp, phân tích, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, thay đổi các phương pháp kiểm tra đánh giá người học cho kỳ kiểm tra đánh giá tiếp theo [H1.16.02.11]. Dựa trên kết quả phân tích các phương pháp kiểm tra đánh giá, các đơn vị tiến hành rà soát và điều chỉnh các phương pháp đánh giá người học cho từng kỳ thi chẳng hạn như: Học phần “giáo dục hành vi văn hóa cho trẻ mầm non” chuyển từ hình thức thi Tự luận không sử dụng tài liệu sang hình thức thi vấn đáp, học phần “Kế toán công ty” từ hình thức thi Tự luận không được sử dụng tài liệu sang hình thức tự luận được sử dụng tài liệu [H1.16.03.09]. Nếu SV chưa hài lòng với kết quả thi kiểm tra có thể làm đơn phúc tra và các trường hợp khiếu nại đều được xử lý kịp thời để đảm bảo tính khách quan và sự công bằng cho SV [H1.16.03.05].

Việc công bố kết quả đánh giá người học tại Nhà trường được thực hiện theo đúng Quy định tổ chức thi kết thúc học phần tại Trường ĐHHHT được ban hành theo Quyết định số 324/QĐ-TĐHHHT, ngày 6/6/2018 của Hiệu trưởng Trường ĐHHHT [H1.16.1.9].

Ngoài ra, để đảm bảo tính linh hoạt trong việc thực hiện chương trình cho người học, Nhà trường điều chỉnh kế hoạch đào tạo và hình thức dạy học, thi trực tuyến cho SV, để phù hợp với bối cảnh khách quan như ảnh hưởng của dịch bệnh [H1.16.03.02], [H1.16.03.04].

Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá đều đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt CĐR của CTĐT [H1.16.03.08].

Kết quả khảo sát người học cho thấy đa số ý kiến đồng ý với các phương pháp đánh giá hiện có tại Nhà trường, và các phương pháp này phù hợp với đề cương môn học, phù hợp với kiến thức và CTĐT của ngành. SV rất đồng ý về việc kết quả đánh giá được công bố kịp thời [H1.16.03.06], [H1.16.03.07]. Từ kết quả trên cho thấy các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được Nhà trường rà soát, thực hiện đúng như công khai ban đầu, đảm bảo độ chính xác, độ tin cậy và công bằng hướng tới đạt CĐR.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 16.4. Các loại hình và phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác tin cậy và hướng tới đạt chuẩn đầu ra***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường thực hiện về việc sử dụng các kết quả rà soát, khảo sát ý kiến của các bên liên quan về kiểm tra đánh giá kết quả của người học để tiến hành cải tiến các loại hình, phương pháp kiểm tra đánh giá người học [H1.16.04.01], [H1.16.04.06], [H1.16.04.07]. Trên cơ sở đó, Phòng Đào tạo hướng dẫn và yêu cầu các Khoa triển khai đến BM, GV thực hiện việc cải tiến [H1.16.04.02]. Khoa tiến hành họp và triển khai đến BM, GV. Căn cứ ý kiến đề xuất của BM, GV, Khoa tổng hợp gửi Phòng. Trên cơ sở đó, Phòng ĐT tiến hành điều chỉnh, cải tiến phương pháp đánh giá kết quả người học để đảm bảo độ chính xác, độ tin cậy và đạt CĐR. Trong giai đoạn năm 2018-2023, Nhà trường đã điều chỉnh, cải tiến phương pháp kiểm tra đánh giá người học qua các năm 2020, 2022 [H1.16.04.03]. Kết quả khảo sát thể hiện các phương pháp, loại hình kiểm tra đánh giá là phù hợp, độ tin cậy và độ chính xác được đảm bảo và đạt được CĐR.

Trên cơ sở tầm nhìn, sứ mệnh, mục tiêu đào tạo và thực hiện chỉ đạo của Ban giám hiệu về rà soát CTĐT, ĐCHP; các công văn thay đổi hình thức thi cho phù hợp với mục tiêu đào tạo của Nhà trường, có một số học phần được chuyển đổi từ hình thức thi viết sang thi trắc nghiệm; học phần chuyển từ thi viết sang hình thức thi vấn đáp hoặc cùng là hình thức thi tự luận nhưng chuyển từ hình thức thi không sử dụng tài liệu sang hình thức có sử dụng tài liệu. [H1.16.03.09].

Quy trình xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp kiểm tra, đánh giá đã được Nhà trường đặc biệt quan tâm. Theo đó việc xây dựng và đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của phương pháp kiểm tra, đánh giá được thực hiện như sau: (1): Thống kê các phương pháp đánh giá đã được sử dụng tại Nhà trường theo chu kỳ rà soát CTĐT; (2): Thống kê phổ điểm và lấy ý kiến phản hồi của SV về phương pháp kiểm tra, đánh giá, tham khảo ý kiến của chuyên gia; đối chiếu với mục tiêu môn học/học phần; (3): Quyết định lựa chọn phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp. Các phương pháp kiểm tra, đánh giá sau khi được

lựa chọn được điều chỉnh vào ĐCHP (nếu có) và được công bố lại trên cổng thông tin đào tạo của SV (<https://thongtindaotao.htu.edu.vn>).

Tất cả các phương pháp đánh giá người học được Nhà trường thực hiện công khai, minh bạch đúng theo kế hoạch đã đề ra [H1.16.01.12], [H1.16.01.09]. Tất cả hoạt động đánh giá người học được giám sát bởi chính người học thông qua các ý kiến đóng góp phản hồi trực tiếp, qua email/ facebook của Khoa/ Phòng Đào tạo, hoặc thông qua các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Nhà trường với SV hoặc SV có thể tìm hiểu về các quy định về kiểm tra - đánh giá được miêu tả chi tiết qua Sổ tay SV qua các năm [H1.16.04.04]. Bên cạnh đó, Nhà trường xác định việc giải quyết khiếu nại của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập phải được chú trọng quan tâm. Trong giai đoạn từ năm 2018-2023, các trường hợp SV đề nghị xem xét về kết quả kiểm tra đánh giá đều được Nhà trường giải quyết và thông báo kịp thời đến SV, không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của SV về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập. Tất cả các trường hợp của SV khi có ý kiến khiếu nại/phản ánh về kết quả học tập đều được giải quyết minh bạch và các em hài lòng với kết quả giải quyết của Nhà trường [H1.16.03.05].

Khi kết thúc học kỳ, năm học Phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng thực hiện khảo sát lấy ý kiến người học, thông qua đó để đánh giá độ tin cậy và độ chính xác của các loại hình phương pháp đánh giá (nếu có) [H1.16.02.11], [H1.16.03.06], [H1.16.03.07]. Kết quả phân tích, đánh giá cho thấy hầu hết các phương pháp đánh giá hiện có tại nhà trường có độ tin cậy và độ chính xác cao. Kết quả này đã được đối sánh giữa các năm từ 2018 - 2023, cho thấy việc rà soát, thay đổi hình thức đánh giá đáp ứng được mục tiêu rà soát đề ra: đánh giá toàn diện chất lượng đào tạo, tăng độ tin cậy, độ chính xác của các phương pháp đánh giá.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 16:**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Nhà trường có quy trình thiết lập hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập;
- Có quy định, hướng dẫn, kế hoạch đánh giá người học; có phân công trách nhiệm cụ thể;
- Có các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá phù hợp trong quá trình học tập đối với từng môn học/học phần trong chương trình dạy học;
- Thực hiện quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả người học để đạt được CDR và được công bố công khai, rộng rãi đến các bên liên quan;
- Thực hiện nhiều phương pháp kiểm tra đánh giá phù hợp để đạt được CDR;
- Các phương pháp kiểm tra đánh giá NH đo lường được mức độ đạt CDR.

- Nhà trường thực hiện việc rà soát, đánh giá các phương pháp kiểm tra, đánh giá NH để có điều chỉnh kịp thời;

- Thực hiện nghiên cứu, phân tích kết quả kiểm tra, đánh giá NH, sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn NH định kỳ bằng các công cụ hiện đại, hiệu quả;

- Các hình thức, nội dung và tiêu chí đánh giá; kết quả đánh giá cũng như kết quả phúc tra, khiếu nại của người học được công bố công khai, kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau;

- Các loại hình đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CDR;

- Các phương pháp đánh giá NH được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được CDR.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Việc đánh giá phản hồi từ phía SV về công tác kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên;

- Công tác rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo, trong đó có các tiêu chí, nội dung đánh giá người học chưa đầy đủ;

- Nhà trường chưa tiến hành cập nhật quy định về kiểm tra và thi kết thúc học phần;

- Công tác tiến hành phân tích phổ điểm thi học kỳ triển khai còn chậm so với kế hoạch;

- Nhà trường chưa có báo cáo so sánh kết quả khảo sát người học qua các năm học; chưa ban hành kế hoạch điều chỉnh, cải tiến phương pháp đánh giá người học mà vẫn đang thực hiện theo quy trình cố định.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Việc đánh giá phản hồi từ phía SV về công tác kiểm tra đánh giá chưa được thực hiện thường xuyên.	P. Đào tạo và KT-ĐBCL	Từ năm 2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Công tác rà soát, cập nhật Chương trình đào tạo, trong đó có các tiêu chí, nội dung đánh giá người học chưa đầy đủ.	P. Đào tạo, Các khoa	Từ năm 2023	



<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
3	Phát huy điểm mạnh 1	Nhà trường thực hiện đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá phù hợp với CDR của học phần.	P. Đào tạo, các khoa	Từ năm 2023	
4	Phát huy điểm mạnh 2	Các hình thức, nội dung và tiêu chí đánh giá; kết quả đánh giá cũng như kết quả phúc tra, khiếu nại của người học được công bố công khai, kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau.	P. Đào tạo, các khoa	Từ năm 2023	
5	Phát huy điểm mạnh 3	Quy trình đánh giá kết quả học tập của người học được quán triệt đầy đủ đến tất cả GV, hình thức thi đối với các học phần được xác định từ đầu mỗi học kỳ và được phổ biến đầy đủ cho SV được biết.	Các khoa	Từ năm 2023	

#### **4. Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 16</i></b>	<b>4,25</b>
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	4
Tiêu chí 16.3	4
Tiêu chí 16.4	4

#### **Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học**

***Tiêu chí 17.1. Có Kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH***

##### **1. Mô tả**

Việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được Nhà trường triển khai hiệu quả như: ban hành các quy chế, quy

định, văn bản về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH; các kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị cá nhân trong việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH; hệ thống giám sát NH (phần mềm quản lý, CSDL đánh giá tiến trình học tập, kết quả học tập và nghiên cứu của NH, thanh tra đào tạo...; bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ CB, NV hỗ trợ; đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ [H1.17.01.01], [H1.17.01.02], [H1.17.01.03], [H1.17.01.04].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan.***

### ***1. Mô tả***

Ngoài việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được Nhà trường triển khai hiệu quả, Nhà trường luôn chú trọng đến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan như: Nhà trường thành lập đơn vị chịu trách nhiệm tư vấn, dịch vụ hỗ trợ học tập cho NH; có đội ngũ CB, NV hỗ trợ có đủ trình độ tư vấn, hỗ trợ NH; triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH; các hoạt động giám sát tiến trình học tập và hiệu quả học tập của NH và triển khai khảo sát NH về hiệu quả của các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát [H2.17.02.01], [H2.17.02.02], [H2.17.02.03], [H2.17.02.04].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được rà soát.***

### ***1. Mô tả***

Sau khi triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH, Nhà trường đã triển khai rà soát, đánh giá các hoạt động trên như: thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát; Thực hiện rà soát, đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát NH và có kế hoạch cải tiến chất lượng sau rà soát [H3.17.03.01], [H3.17.03.02].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.***

### ***1. Mô tả***

Nhà trường luôn nỗ lực cải thiện chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH thông qua các hành động khắc phục, cải tiến trên cơ sở rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH. Tất cả viên chức của Trường đều có trách nhiệm cùng

tham gia vào việc phát hiện các điểm không phù hợp, các điểm bất hợp lý trong hệ thống hành chính, trong triển khai công việc, để từ đó có biện pháp khắc phục, cải tiến nâng cao chất lượng phục vụ, nhằm đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan. Cụ thể như: có các chỉ số cải thiện về chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH; có các chỉ số cải thiện về phần mềm quản lý NH, CSDL về kết quả đánh giá NH, hệ thống cố vấn học tập; có ít nhất 75% số NH, cựu NH (được khảo sát) hài lòng về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ, hệ thống giám sát NH [H1.17.04.01], [H1.17.04.02], [H1.17.04.03].

**2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:**

**1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Đảng ủy, BGH nhà trường luôn dành sự quan tâm đến NH; các hoạt động hỗ trợ NH luôn được các tổ chức đoàn thể triển khai với nhiều hoạt động phong phú, đa dạng;

- Các đơn vị và cá nhân phục vụ và hỗ trợ NH luôn được thành lập và bổ sung; hoạt động hỗ trợ NH của các tổ chức đoàn thể luôn được cải tiến, đổi mới và đa dạng hơn;

- Công tác khen thưởng đối với các tập thể và cá nhân trong công tác phục vụ và hỗ trợ NH được thực hiện hàng năm;

- Công tác cải tiến CTĐT, hệ thống phần mềm và CNTT được đầu tư nâng cấp ngày càng hiện đại

**2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Hệ thống các đơn vị phục vụ, hỗ trợ NH có nhiều sự thay đổi về cơ cấu và đội ngũ;

**3. Kế hoạch cải tiến:**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Ổn định bộ máy và cơ cấu nhân sự các đơn vị phục vụ và hỗ trợ NH	BGH, Phòng TC-HC;	Từ 2023	
2	Phát huy điểm mạnh 1	Đảng ủy, BHC tiếp tục quan tâm chỉ đạo sát sao	BCH Đảng ủy, BHC	Từ 2023 trở đi	
3	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục tổ chức nhiều hoạt động phong phú, đa dạng	Các đơn vị Phòng, Ban, các khoa, các tổ chức đoàn thể	Từ 2023 trở đi	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục thành lập và hoàn thiện các đơn vị và cá nhân phục vụ và hỗ trợ NH	BGH	Từ 2023	
5	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục triển khai có hiệu quả việc họp rà soát đánh giá công tác phục vụ và hỗ trợ NH	Nhà trường; Các đơn vị; Các khoa	Từ 2023	
6	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục cải tiến chất lượng đào tạo, nâng cao hệ thống CNTT	BGH	Từ 2023	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 17</b>	<b>4,00</b>
Tiêu chí 17.1	4
Tiêu chí 17.2	4
Tiêu chí 17.3	4
Tiêu chí 17.4	4

### Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

**Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu.**

#### 1. Mô tả

Nhà trường thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu. *Cụ thể:*

Trường ĐHHT thành lập Hội đồng KH&ĐT Trường [H1.18.01.01]. Hội đồng KH&ĐT Trường có cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ và các các hoạt động được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng KH&ĐT Trường [H1.18.01.02]. Điều 4 Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng KH&ĐT Trường ghi rõ, Hội đồng có nhiệm vụ “Đánh giá chất lượng đào tạo, NCKH, đánh giá giảng viên, chất lượng Tạp chí Khoa học của Trường”.

Nhà trường phân công 01 đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác KH&CN của Trường ĐHHT và quản lý Phòng Quản lý KH-ĐN-TT [H1.18.01.03].

Phòng Quản lý KH-ĐN-TT là đơn vị chuyên môn quản lý hoạt động KH&CN của Nhà trường. Phòng được thành lập theo Quyết định số 500/QĐ-TĐHHHT ngày 31 tháng 8 năm 2020 [H1.18.01.04]. Phòng có chức năng tham mưu và giúp việc cho Hiệu trưởng trong thực hiện công tác quản lý hoạt động KH&CN của Trường ĐHHT [H1.18.01.05]. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, Trưởng Phòng Quản lý KH-ĐN-TT phân công nhân sự cụ thể thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu của giảng viên, sinh viên toàn trường [H1.18.01.06]. Phòng Quản lý KH-ĐN-TT thực hiện công tác quản lý hoạt động KH&CN nói chung, công tác giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu nói riêng của Trường theo quy định tại Quy định Quản lý hoạt động KH&CN của Trường ĐHHT [H1.18.01.07] và các quy định liên quan khác [H1.18.01.08].

Các khoa chuyên môn có Hội đồng KH&ĐT Khoa để chỉ đạo và triển khai thực hiện các hoạt động nói chung trong đó có hoạt động KH&CN [H1.18.01.09]. Giúp việc cho Trưởng khoa có nhân sự phụ trách công tác NCKH. Cán bộ phụ trách công tác NCKH của Khoa có nhiệm vụ theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của giảng viên, sinh viên; thống kê, tổng kết hoạt động NCKH của giảng viên và sinh viên hàng năm [H1.18.01.10]. [H1.18.01.11].

Hệ thống nói trên được xác định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHT [H1.18.01.12].

*Nhà trường đã thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát chất lượng cán bộ nghiên cứu. Cụ thể:*

Nhà trường có các tiêu chí đánh giá số lượng, chất lượng NCKH; có bộ phận theo dõi, giám sát, đánh giá về chất lượng các NCKH.

Tiêu chí đánh giá số lượng nghiên cứu khoa học được thể hiện thông qua định mức NCKH hàng năm được quy định tại Quy định Chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHHT [H1.18.01.13]. Điều 4 và Điều 7 của Quy định ghi rõ khối lượng hoạt động NCKH của giảng viên “*Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học*”. Theo đó, mỗi năm, giảng viên phải thực hiện đề tài NCKH, viết giáo trình, tài liệu giảng dạy, viết bài báo đăng tạp chí khoa học có chỉ số, kỷ yếu hội nghị, hội thảo khoa học ... Các hoạt động NCKH của giảng viên được quy đổi ra giờ NCKH để đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm. Ngoài ra tiêu chí đánh giá số lượng nghiên cứu khoa học còn được thể hiện trong Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của Nhà trường [H1.18.01.14]

Việc đánh giá chất lượng các nghiên cứu khoa học của Nhà trường tuân thủ theo quy định tại Quy định Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHHT [H1.18.01.07]. Quy định quản lý hoạt động KH&CN của Trường ĐHHT quy định rõ quy trình đăng ký xét duyệt danh mục; quy trình thẩm định thuyết minh; quy trình thẩm định đề tài. Trong đó, các tiêu chí xét duyệt, thẩm định được quy định chặt chẽ. Có Hội đồng xét duyệt danh mục đề tài [H1.18.01.15]; Hội đồng xét duyệt Thuyết minh [H1.18.01.16]; Hội đồng thẩm định đề tài

[H1.18.01.17]. Thành phần Hội đồng là các nhà khoa học chuyên môn có uy tín, các nhà quản lý đại diện cho cơ quan chủ quản và đơn vị tổ chức ứng dụng kết quả đề tài. Việc tổ chức các Hội đồng được tiến hành công khai [H1.18.01.18]; việc xét duyệt, thẩm định đề tài đúng quy trình, quy định đảm bảo khách quan, công bằng. Chất lượng đề tài được đánh giá thông qua các phiếu đánh giá, nhận xét, chấm điểm, biên bản nghiệm thu đề tài [H1.18.01.19].

Để đánh giá chất lượng các công bố quốc tế và trong nước, Nhà trường sử dụng danh mục Scopus, Q1, Q2 ... theo hệ thống Scimago và danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước. Kết quả được cập nhật vào CSDL của Nhà trường [H1.18.01.20]. Đối với công bố trên Tạp chí Khoa học Trường ĐHHT, bài báo được thực hiện phản biện theo đúng quy trình, quy định, đảm bảo chất lượng bài báo đáp ứng yêu cầu Quy chế hoạt động của Tạp chí Khoa học Trường ĐHHT [H1.18.01.21].

Nhà trường có bộ phận theo dõi, giám sát, đánh giá về chất lượng các NCKH. Cụ thể, ở cấp Trường có Phòng Quản lý KH-ĐN-TT là đơn vị tham mưu xây dựng, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện và theo dõi, rà soát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm của Nhà trường [H1.18.01.05]. Phòng có 01 Trưởng phòng phụ trách chung; 01 Phó trưởng Phòng và 01 nhân viên trực tiếp theo dõi, giám sát, đánh giá về chất lượng NCKH trong toàn trường [H1.18.01.06]. Ở cấp Khoa, Bộ môn có Hội đồng Khoa học và Đào tạo các Khoa, Bộ môn [H1.18.01.09], nhân sự phụ trách hoạt động NCKH, trợ lý NCKH của đơn vị [H1.18.01.10]. Quy định Chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHHT nêu rõ trách nhiệm của các Khoa, Bộ môn có trách nhiệm trong “*Kiểm tra, rà soát, đối chiếu việc thực hiện nhiệm vụ của giảng viên với khối lượng thực hiện nhiệm vụ giảng dạy, nghiên cứu khoa học, hoạt động chuyên môn và các nhiệm vụ khác*” [H1.18.01.13]. Kết quả theo dõi, giám sát, tổng hợp, đánh giá hoạt động NCKH của giảng viên [H1.18.01.22], [H1.18.01.23] là cơ sở để Nhà trường đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện chất lượng hoạt động NCKH phù hợp với sứ mạng nghiên cứu và phát triển của Trường đồng thời là một trong những tiêu chí để Nhà trường thực hiện đánh giá, xếp loại viên chức; bình xét danh hiệu thi đua và khen thưởng hàng năm [H1.18.01.24], [H1.18.01.25] góp phần nâng cao chất lượng nghiên cứu của Nhà trường.

*Nhà trường thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các nguồn lực nghiên cứu. Cụ thể:*

*Về nguồn lực tài chính:* Phòng Kế hoạch - Tài chính là đơn vị chủ trì thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát nguồn lực tài chính cho hoạt động Khoa học và Công nghệ của Nhà trường [H1.18.01.05]

Hàng năm, các đơn vị đề xuất thực hiện nhiệm vụ KH&CN [H1.18.01.10]; Phòng Quản lý KH-ĐN-TT căn cứ các nhiệm vụ được xét duyệt, tổng hợp, lập danh sách [H1.18.01.06]. Phòng KH-TC lập dự toán trình UBND tỉnh phê duyệt, cấp kinh phí hoạt động [H1.18.01.26]

Việc giám sát và rà soát nguồn lực tài chính cho nghiên cứu khoa học do Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì và được thực hiện theo quy định tại Quy chế Chi tiêu nội bộ của Trường ĐHHT [H1.18.01.27] và Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN [H1.18.01.28] và Nghị Quyết 46/2021/NQ-HĐND [H1.18.01.29]

Cụ thể: Kinh phí cấp cho việc thực hiện các đề tài NCKH cấp cơ sở, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy; tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học; hoạt động NCKH của sinh viên; thưởng vượt giờ NCKH, thưởng cho cá nhân có bài báo khoa học được đăng ở tạp chí quốc tế có chỉ số Scopus, Web of Science, ISI, SCI; kinh phí cử cán bộ tham dự các hoạt động hội thảo, hội nghị về KH&CN được thực hiện theo Quy chế Chi tiêu nội bộ của Nhà trường [H1.18.01.30].

Kinh phí cho thực hiện các đề tài, dự án NCKH và chuyển giao công nghệ cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp Tỉnh được thực hiện theo Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN và theo từng Hợp đồng cụ thể [H1.18.01.31].

Việc rà soát, đánh giá việc sử dụng nguồn kinh phí cấp cho hoạt động KH&CN của Nhà trường do Phòng Kế hoạch - Tài chính thực hiện thông qua các hoạt động kiểm tra, rà soát từng hồ sơ thanh toán nhiệm vụ KH&CN trong thực hiện nhiệm vụ thường xuyên của Phòng KH-TC. Cuối mỗi năm học, trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá việc sử dụng nguồn kinh phí cấp cho các hoạt động trong đó có kinh phí cấp cho hoạt động KH&CN, Phòng KH-TC điều chỉnh kế hoạch năm tiếp theo nhằm đảm bảo việc sử dụng ngân sách cho hoạt động KH&CN đúng mục đích, đúng quy định [H1.18.01.32].

*Về nhân lực KH&CN:* Việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát đội ngũ cán bộ nghiên cứu do Phòng Tổ chức - Hành chính chủ trì phối hợp với Phòng Quản lý KH-ĐN-TT, các khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan thực hiện [H1.18.01.05], [H1.18.01.13].

Chiến lược về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, giảng viên của nhà trường được đề cập trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT [H1.18.01.33] và Kế hoạch chiến lược phát triển KH&CN Trường ĐHHT [H1.18.01.34].

Trong những năm qua, để nâng cao chất lượng đội ngũ, BGH và các phòng chức năng đã đưa ra nhiều giải pháp cụ thể để đốc thúc cán bộ, giảng viên đi học nâng cao trình độ chuyên môn, tăng cường chất lượng đội ngũ nghiên cứu chuyên sâu của Nhà trường [H1.18.01.35]. Trường cũng đã tham mưu với UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, tạo hành lang pháp lý để Trường đẩy mạnh công tác xây dựng đội ngũ, có điều kiện mở rộng liên kết đào tạo với các trường đại học lớn, mời các nhà khoa học về giúp đỡ, bồi dưỡng nhân lực cho Trường ... [H1.18.01.29], [H1.18.01.36]. Để nâng cao chất lượng các nghiên cứu, Nhà trường đã thành lập được các nhóm nghiên cứu về các lĩnh vực khác nhau để thực hiện nhiệm vụ KH&CN mũi nhọn [H1.18.01.37].

Chất lượng đội ngũ cán bộ nghiên cứu được rà soát, đánh giá thông qua việc hoàn thành thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cụ thể. Hàng năm, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy và nghiên cứu

khoa học của giảng viên [H1.18.01.22], công việc này do Phòng Quản lý KH-ĐN-TT chủ trì, phối hợp với các Khoa chuyên môn và toàn thể giảng viên thực hiện - đây là tiêu chí quan trọng để đánh giá, xếp loại viên chức và bình xét danh hiệu thi đua đối với cán bộ, giảng viên toàn trường [H1.18.01.24], [H1.18.01.25].

*Về CSVC phục vụ nghiên cứu:* Việc chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát CSVC phục vụ đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường do Phòng Quản trị, Trung tâm Thông tin - Thư viện và các đơn vị liên quan thực hiện [H1.18.01.05].

Chiến lược về xây dựng và phát triển CSVC của Nhà trường được đề cập trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT [H1.18.01.33] và Kế hoạch chiến lược phát triển KH&CN Trường ĐHHT [H1.18.01.34].

Trong những năm qua, CSVC của Nhà trường không ngừng được đầu tư, xây dựng, nâng cấp. Hiện trường đang điều hành, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở chính tại xã Cẩm Vịnh để phục vụ công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của Nhà trường, với Nhà Hiệu bộ 15 tầng đã được trang bị CSVC khá đồng bộ; 03 nhà giảng đường; Trung tâm Thông tin Thư viện có tổng diện tích sử dụng 1.000m<sup>2</sup> gồm tầng 1 và tầng 2 khu nhà hành chính với hệ thống thư viện điện tử, và máy tính nối mạng internet. Hệ thống các kho tài liệu, với 11.352 đầu sách, hơn 72.486 cuốn; Hệ thống cơ sở dữ liệu bài giảng điện tử; Hệ thống mạng thông tin nội bộ được kết nối để truy cập, khai thác và sử dụng các nguồn thông tin qua mạng internet [H1.18.01.38].

Trường có Trại thực nghiệm nông nghiệp là nơi tổ chức các hoạt động thực nghiệm và nghiên cứu khoa học cho cán bộ, giảng viên và học sinh sinh viên ngành Nông nghiệp và là nơi triển khai các ứng dụng và chuyển giao thành tựu KH&CN tiên tiến cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài Trường [H1.18.01.39]. Tuy nhiên, các Phòng thí nghiệm, thực hành gắn với từng chuyên ngành đào tạo, lĩnh vực nghiên cứu còn thiếu.

*Nhà trường thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động liên quan đến nghiên cứu. Cụ thể:*

Các hoạt động liên quan đến nghiên cứu tại Trường ĐHHT gồm có: hoạt động tổ chức hội nghị hội thảo khoa học, khen thưởng và xử lý vi phạm trong thực hiện nghiên cứu khoa học.

Kế hoạch tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học được đề xuất trong Kế hoạch năm học hàng năm của các đơn vị và được Hiệu trưởng phê duyệt, tổ chức thực hiện [H1.18.01.06], [H1.18.01.10].

Phòng Quản lý KH-ĐN-TT là đơn vị đầu mối tham mưu, chủ trì, phối hợp, đôn đốc, giám sát, rà soát việc tổ chức các hội nghị, hội thảo khoa học trong toàn trường. Quy định quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHHT, Điều 11, khoản 2 và 11 quy định “*Phòng QLKH-ĐN-TT là đơn vị chủ trì tham mưu tổ chức, quản lý, phối hợp để thực hiện hội nghị, hội thảo cấp trường trở lên; chỉ đạo, đôn đốc, giám sát, phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo cấp Khoa, Bộ môn*



*trực thuộc Trường” và “Quy trình tổ chức Hội nghị/Hội thảo được thực hiện theo ISO của Trường” [H1.18.01.40]*

Nhà trường tạo điều kiện và khuyến khích cán bộ, giảng viên viết bài tham dự hội nghị, hội thảo khoa học chuyên ngành trong và ngoài nước.

Cán bộ, giảng viên được cấp kinh phí tham dự hội nghị, hội thảo khi có bài đăng ký yêu kèm theo quyết định cử cán bộ/giảng viên tham dự của Nhà trường. Phòng TC-HC tham mưu ban hành quyết định cử cán bộ/giảng viên tham dự hội nghị, hội thảo. Phòng KH-TC thực hiện thanh toán chế độ theo quy định [H1.18.01.27]. Trường hợp không có bài viết, căn cứ quy mô và tính chất hội nghị, hội thảo, Hiệu trưởng sẽ xem xét, quyết định việc tham dự hội nghị, hội thảo của cán bộ, giảng viên.

Việc giám sát, rà soát kinh phí tổ chức hội nghị, hội thảo do Phòng Kế hoạch - Tài chính chủ trì, phối hợp với các tập thể và cá nhân liên quan thực hiện [H1.18.01.41].

Về khen thưởng và xử lý vi phạm trong nghiên cứu khoa học được quy định tại Điều 27, 28 của Quy định Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Nhà trường [H1.18.01.07]. Trong đó, nội dung quy định ghi rõ “*Cá nhân, tập thể có thành tích cao trong hoạt động KH&CN sẽ được Hiệu trưởng biểu dương, khen thưởng*”. Mức thưởng được quy định rõ trong Quy chế chi tiêu nội bộ của Nhà trường. Các hình thức xử lý vi phạm cũng được quy định cụ thể, chi tiết:

1. *Các cá nhân không hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm NCKH trong năm học sẽ không được xét danh hiệu thi đua từ LĐTT trở lên của năm đó và bị xếp loại lao động ở mức Không hoàn thành nhiệm vụ;*

2. *Đối với Chủ nhiệm đề tài NCKH các cấp thuộc Trường trực tiếp quản lý nếu không hoàn thành nhiệm vụ được giao theo Thuyết minh đề tài sẽ bị xử lý theo hình thức thanh lý và bồi hoàn kinh phí được cấp từ ngân sách Nhà nước, đồng thời không được đăng ký làm chủ nhiệm đề tài trong 2 năm tiếp theo.*

3. *Cán bộ giảng viên không hoàn thành nhiệm vụ và trách nhiệm hướng dẫn sinh viên, học viên NCKH sẽ không được phân công nhiệm vụ mới về đào tạo, hướng dẫn luận văn tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học và sinh viên NCKH.*

4. *Các tập thể, cá nhân vi phạm các quy định này, tùy tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.*

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 7/7**

***Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục***

### **1. Mô tả**

Nhà trường có chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của Trường.

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường đến năm 2020, tầm nhìn 2030 nêu rõ “*Tăng quy mô và đa dạng hóa các nguồn lực tài chính. Chủ động tranh thủ nguồn kinh phí từ Ngân sách Nhà nước; Xây dựng cơ chế khuyến khích các đơn vị đào tạo chủ động tìm kiếm các hợp tác trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; Khuyến khích các đơn vị và cá nhân trong toàn trường chủ động hợp tác quốc tế, khai thác và tìm kiếm các dự án, nguồn lực tài chính từ nước ngoài; Tranh thủ sự đóng góp của các cựu sinh viên ...*” [H2.18.02.01]. Kế hoạch chiến lược phát triển khoa học và công nghệ của Trường ĐHHT đến năm 2025, tầm nhìn 2030, phần mục tiêu ghi rõ “*Tăng cường hợp tác với các đơn vị, cơ quan, ban ngành liên quan trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học nhằm tăng số lượng, chất lượng các công trình nghiên cứu khoa học, đề tài, dự án góp phần tăng nguồn thu cho Nhà trường*” [H2.18.02.02].

Để đạt được các mục tiêu chiến lược, Nhà trường đã triển khai nhiều hoạt động, cụ thể:

Thành lập các nhóm nghiên cứu về các lĩnh vực khác nhau để thực hiện nhiệm vụ KH&CN cụ thể. Trong đó, đáng chú ý là các nghiên cứu mũi nhọn là các đề tài cấp nhà nước, bộ, tỉnh. Trong giai đoạn từ tháng 7/2018 đến tháng 3/2023, các nhóm nghiên cứu đã thực hiện thành công 07 đề tài cấp bộ, 06 đề tài cấp tỉnh với tổng kinh phí cấp để triển khai thực hiện các đề tài gần 5.5 tỷ đồng [H2.18.02.03], [H2.18.02.04], [H2.18.02.05].

Triển khai các hoạt động KH&CN cấp cơ sở theo kế hoạch đã đề ra các năm. Cụ thể: thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở, biên soạn giáo trình, tài liệu giảng dạy, tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học, hoạt động NCKH của sinh viên... Trong giai đoạn từ tháng 7/2018 đến tháng 3/2023, có 101 đề tài NCKH, giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo; 23 hội nghị, hội thảo khoa học các cấp, 31 hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học được triển khai thực hiện và tổ chức [H2.18.02.06], [H2.18.02.07], với tổng kinh phí là 6.876.495 triệu đồng từ nguồn ngân sách tỉnh cấp cho hoạt động KH&CN.

Việc tổ chức hoạt động NCKH của sinh viên hàng năm, ngoài sử dụng kinh phí Trường cấp theo quy định, Nhà trường còn huy động nguồn tài trợ của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hỗ trợ để tổ chức các hoạt động cũng như trao giải thưởng cho sinh viên [H2.18.02.08].

Để thu hút cán bộ, giảng viên, người học tham gia vào các hoạt động nghiên cứu, Trường ĐHHT có chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, giảng viên có thành tích xuất sắc trong hoạt động KH&CN. Cụ thể, chính sách thưởng cho cá nhân có bài báo khoa học được đăng ở tạp chí quốc tế có chỉ số ISC, SCI, SCOPUS; hỗ trợ đối với đội ngũ cán bộ giảng viên có học hàm, học vị là Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ có thành tích trong nghiên cứu khoa học; hỗ trợ cán bộ, giảng viên thực hiện đề tài và có thừa giờ NCKH [H2.18.02.09], [H2.18.02.10], [H2.18.02.11]. Ngoài ra, Nhà trường còn tham mưu HĐND, UBND tỉnh Hà Tĩnh ban hành cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của tỉnh Hà Tĩnh nói chung và Trường ĐHHT nói riêng. Chính sách hỗ trợ của Trường và

của Tỉnh đã góp phần động viên, khích lệ các cán bộ giảng viên của Nhà trường trong nghiên cứu khoa học nói chung và gia tăng các công bố bằng Tiếng Anh trên các tạp chí quốc tế uy tín nói riêng. Từ năm tháng 8/1017 đến nay, tổng số công bố trên các tạp chí khoa học của cán bộ, giảng viên là 887, trong đó có 125 bài công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục và 762 bài đăng trên các tạp chí khoa học, khoa học chuyên ngành có chỉ số ISSN [H2.18.02.12], [H2.18.02.13]

Trường ĐHHT cũng đã triển khai hợp tác với các cơ quan, đơn vị ngoài trường để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN, cụ thể: hợp tác với Bộ LĐT&XH, Bộ Tài Nguyên & Môi trường, Sở LĐT&XH Nghệ An, Sở LĐT&XH Hà Tĩnh, Sở LĐT&XH Quảng Bình, Sở LĐT&XH Quảng Trị, Sở LĐT&XH Thừa Thiên Huế trong thực hiện đề tài cấp Bộ *Giải quyết việc làm cho người dân các xã ven biển các tỉnh miền trung bị ảnh hưởng bởi sự cố môi trường biển*; hợp tác với Trường ĐH Vinh trong thực hiện đề tài cấp Bộ *Điều khiển phi tuyến Kerr của khí nguyên tử Rb dựa trên hiệu ứng trong suốt cảm ứng điện từ, định hướng ứng dụng trong quang học phi tuyến ngưỡng thấp*; hợp tác với Trường ĐH Hồng Đức, Trường ĐH Vinh, Trường ĐH Quảng Bình, Trường ĐH Đà Nẵng, Sở Ngoại vụ Hà Tĩnh trong thực hiện đề tài cấp Bộ *Nâng cao chất lượng đào tạo lưu học sinh Lào ở các trường đại học Việt Nam*; hợp tác với Sở KH&CN thực hiện trong thực hiện đề tài cấp tỉnh *Phát triển du lịch cộng đồng tại Hà Tĩnh ...* [H1.18.02.14], và nhiều hợp tác với các đối tác khác không chỉ trong thực hiện các đề tài mà còn trong các hoạt động khác như tổ chức hội nghị, hội thảo khoa học KH&CN, tìm kiếm ý tưởng khởi nghiệp sáng tạo trong cán bộ giảng viên và sinh viên, các hoạt động Hội đồng đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH... [H1.18.02.15].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7**

### ***Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu***

#### ***1. Mô tả***

Các chỉ số đánh giá về số lượng nghiên cứu khoa học được xác định trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường [H3.18.03.01], Kế hoạch chiến lược phát triển khoa học và công nghệ Trường ĐHHT [H3.18.03.02], Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHHT [H3.18.02.03] và Kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm của Nhà trường [H3.18.03.04]. Cụ thể:

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT đề ra mục tiêu “*Phấn đấu hàng năm có 01 đề tài cấp nhà nước hoặc 01 đề tài cấp bộ, 02 đề tài cấp tỉnh, đạt tỷ lệ 10 giảng viên/1 đề tài/năm, 100% đề tài nghiệm thu được ứng dụng thực tế vào giảng dạy; số lượng bài báo đăng các tạp chí có chỉ số khoa học đạt tỷ lệ 01 giảng viên/ 1 bài báo/ 1 năm*” [H3.18.03.01]

Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ Trường ĐHHT đến năm 2025 tầm nhìn năm 2030 định hướng mục tiêu hoạt động KHCN “*Hàng năm, có khoảng 15-20 bài công bố trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/*

*SCOPUS và các tạp chí quốc tế khác; có từ 03-05 đề tài cấp Bộ và cấp Tỉnh; tổ chức được 02-03 hội thảo khoa học quốc tế; xuất bản được 15-20 giáo trình và sách chuyên khảo” [H3.18.03.02]*

Định mức nghiên cứu khoa học mà giảng viên phải hoàn thành được quy định trong Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHHT [H3.18.03.03]. Trong đó ghi rõ *Giảng viên phải dành ít nhất 1/3 tổng quỹ thời gian làm việc trong năm học (tương đương 586 giờ hành chính) để làm nhiệm vụ nghiên cứu khoa học*”, theo đó giảng viên từ đầu năm học sẽ đăng ký khối lượng nghiên cứu khoa học theo 03 mức 200, 260, 330 giờ. Mỗi năm, giảng viên có thể lựa chọn đăng ký thực hiện đề tài NCKH, viết giáo trình, tài liệu giảng dạy, hoặc có ít nhất 01 bài báo đăng tạp chí khoa học có chỉ số ... Các hoạt động NCKH của giảng viên được quy đổi ra giờ NCKH để đánh giá việc hoàn thành nhiệm vụ NCKH trong năm.

Số lượng nghiên cứu khoa học còn được thể hiện trong Kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ hàng năm của Nhà trường [H3.18.03.04]. Đầu năm học, căn cứ định hướng hoạt động KH&CN của Nhà trường, các đơn vị triển khai cho giảng viên đăng ký nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, Phòng Quản lý KH-ĐN-TT xây dựng Kế hoạch hoạt động KH&CN năm học mới - trong đó xác định rõ số lượng các nhiệm vụ NCKH trong năm.

Cuối mỗi năm học, Nhà trường tổ chức tổng hợp, rà soát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ nghiên cứu khoa học của giảng viên. Kết quả tổng hợp là cơ sở để Nhà trường đánh giá, đúc rút kinh nghiệm và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới, đồng thời là cơ sở để Nhà trường để đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, người lao động và bình xét danh hiệu thi đua hàng năm [H3.18.03.05], [H3.18.03.06], [H3.18.03.07], [H3.18.03.08].

Nhà trường sử dụng các tiêu chí đánh giá chất lượng nghiên cứu theo quy định tại Quy định quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHHT, hệ thống Scimago, Danh mục tạp chí thuộc Hội đồng Giáo sư Nhà nước và Quy chế hoạt động của Tạp chí Khoa học Trường ĐHHT. Cụ thể:

Nhà trường ban hành Quy định quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHHT [H3.18.03.09], trong đó các quy trình từ đăng ký nhiệm vụ; xây dựng, thẩm định Thuyết minh; triển khai nghiên cứu đến tổ chức đánh giá, nghiệm thu các đề tài NCKH cấp cơ sở, giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo được quy định với các tiêu chí rõ ràng, chặt chẽ. Căn cứ tiêu chí, các Hội đồng chuyên môn thực hiện việc đánh giá, xác định danh mục; thẩm định Thuyết minh; nghiệm thu đề tài, sách tham khảo, sách chuyên khảo thông qua hệ thống các phiếu nhận xét, chấm điểm một cách khách quan, công bằng, đảm bảo chất lượng các công trình nghiên cứu [H3.18.03.10].

Để đánh giá chất lượng các công bố quốc tế và trong nước, Nhà trường sử dụng hệ thống danh mục Scopus, Q1, Q2 ... theo hệ thống Scimago và danh mục tạp chí khoa học được tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước. Kết quả được cập nhật vào CSDL của Nhà trường [H3.18.03.11]. Đối với công bố trên Tạp chí Khoa học Trường ĐHHT, bài báo được thực hiện phản biện, biên tập và gửi đăng

theo đúng quy trình, quy định, đảm bảo chất lượng bài báo đáp ứng yêu cầu theo Quy chế hoạt động của Tạp chí Khoa học Trường ĐHHT [H3.18.03.12].

Định kỳ, Nhà trường tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng hoạt động KH&CN làm căn cứ đề xuất, điều chỉnh các kế hoạch KH&CN cho từng giai đoạn. Cụ thể, năm 2020, Nhà trường ban hành Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHHT đến năm 2025, tầm nhìn năm 2030 thay thế cho bản Kế hoạch chiến lược ban hành năm 2016. Trong đó, Nhà trường thực hiện điều chỉnh một số định hướng, mục tiêu và các giải pháp cụ thể để đạt được các mục tiêu đã đề ra phù hợp hơn [H3.18.03.13].

Cuối mỗi năm học, Nhà trường tổ chức tổng hợp, đánh giá hoạt động KH&CN của năm. Trên cơ sở đánh giá những ưu điểm, tồn tại, hạn chế để rút ra nguyên nhân và bài học kinh nghiệm cho việc xây dựng Kế hoạch hoạt động KH&CN năm học tiếp theo [H3.18.03.06].

Ngoài ra, để tăng cường hiệu quả công tác quản lý và chất lượng các nghiên cứu, Nhà trường đã tiến hành rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung, cập nhật các quy định quản lý liên quan đến hoạt động quản lý hoạt động KH&CN của Nhà trường. Cụ thể, năm 2022, Nhà trường đã thực hiện rà soát, đánh giá, điều chỉnh, bổ sung một số nội dung trong Quy định quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHHT. Trong đó, tách và xây dựng quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên và quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy thành các quy định riêng; bổ sung hệ thống phụ lục vào Quy định (phiếu đăng ký nhiệm vụ; mẫu thuyết minh đề tài; phiếu đánh giá xác định danh mục; phiếu đánh giá thuyết minh; quy định quy cách trình bày báo cáo đề tài; đơn xin gia hạn, thay đổi thành viên, điều chỉnh thuyết minh đề tài; các mẫu phiếu đánh giá, nhận xét, chấm điểm ...) [H3.18.03.09].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường luôn quan tâm đến cải tiến công tác quản lý nghiên cứu để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát kiến khoa học.

Định kỳ và thường xuyên, Nhà trường thực hiện việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế liên quan đến quản lý hoạt động KH&CN.

Việc xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định quy chế được triển khai theo định kỳ hoặc thường xuyên khi xuất hiện sự cần thiết phải xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định, quy chế và được thực hiện theo quy trình: Phòng Quản lý KH-ĐN-TT thực hiện rà soát, đánh giá sự cần thiết phải xây dựng, sửa đổi, bổ sung quy định, quy chế; tham mưu cho BGH về sự cần thiết phải xây dựng, sửa đổi, bổ sung các quy định, quy chế; thành lập Ban soạn thảo; soạn thảo quy định, quy chế; gửi

bản dự thảo quy định, quy chế xin ý kiến góp ý của các đơn vị, cá nhân liên quan; ban hành quy định, quy chế.

Cụ thể:

Năm 2020, trên cơ sở khuyến nghị của Đoàn Đánh giá ngoài đối với Trường ĐHHT tại Công văn số 203/KĐCL-ĐG&CNCLGD của Trung tâm Kiểm định chất lượng Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội, Nhà trường đã tiến hành điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển Khoa học và Công nghệ của Trường ĐHHT. Trong đó, Nhà trường đã điều chỉnh Kế hoạch chiến lược phát triển KH&CN phù hợp, gắn kết với các yêu cầu về đặc thù phát triển KT-XH cả tỉnh Hà Tĩnh, khu vực Bắc miền Trung; bám sát vào chiến lược phát triển Trường theo sứ mạng, mục tiêu đã xác định; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cụ thể cho từng năm; có kế hoạch chiến lược nâng cao chất lượng NCKH và gia tăng các bài báo; có chính sách khuyến khích để tăng mạnh mẽ các công bố khoa học đặc biệt là các công bố trên các tạp chí quốc tế ...[H4.18.04.01], [H4.18.04.02].

Năm 2022, trên cơ sở rà soát, đánh giá các nội dung của Quy định quản lý hoạt động KH&CN của Trường ĐHHT, Phòng Quản lý KH-ĐN-TT đã đề xuất BGH về việc sửa đổi, bổ sung Quy định với các nội dung như: bổ sung vào Quy định hệ thống các Phụ lục hướng dẫn cụ thể, chi tiết các quy trình đăng ký, thực hiện nhiệm vụ KH&CN; tách Quy định về quản lý hoạt động biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy và Quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên thành các quy định riêng; sửa đổi một số nội dung liên quan đến quy trình đăng ký, thực hiện, đánh giá, nghiệm thu đề tài NCKH ... [H4.18.04.03], [H4.18.04.04].

Trên cơ sở hướng dẫn của Thông tư 35/2021/TT-BGDĐT và tiếp thu ý kiến của Đoàn kiểm tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại Biên bản kiểm tra Chuyên đề về đào tạo cử nhân Luật tại Trường ĐHHT ngày 24/10/2022, Nhà trường đã xây dựng Quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy. Quy định quy định rõ yêu cầu, các điều kiện biên soạn, biên soạn lại, lựa chọn giáo trình, tài liệu giảng dạy của Trường ĐHHT; trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của chủ biên/ đồng chủ biên và các thành viên; các quy trình đăng ký, biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt, sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy được cụ thể hóa thông qua hệ thống biểu mẫu là các Phụ lục ...[H4.18.04.05], [H4.18.04.06].

Căn cứ Thông tư số 26/2021/TT-BGDĐT quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên trong cơ sở giáo dục đại học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nhà trường cũng đã xây dựng và ban hành Quy định áp dụng trong toàn trường từ ngày 30/12/2022. Đây là cơ sở pháp lý cho việc triển khai hoạt động NCKH của sinh viên, đẩy mạnh hoạt động NCKH sinh viên toàn trường. Quy định quy định rõ mục tiêu, yêu cầu, các nội dung của hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng như các quy trình về đăng ký, xét duyệt, thực hiện, đánh

giá đề tài NCKH của sinh viên được quy định và hướng dẫn cụ thể, chi tiết thông qua các hệ thống Phụ lục... Quy định cũng quy định rõ chính sách khen thưởng cho thành tích NCKH của sinh viên như cấp giấy khen và giấy chứng nhận sinh viên NCKH, cộng thêm điểm thưởng vào điểm TBC tích lũy kết quả học tập của học kỳ, xem xét đề xuất đề tài dự thi các cấp cao hơn [H4.18.04.07], [H4.18.04.08];

Ngoài ra, trong các buổi nghiệm thu đề tài, họp góp ý Quy định chế độ làm việc của giảng viên Trường ĐHHT cũng như trong quá trình thực hiện công tác chuyên môn, Phòng Quản lý KH-ĐN-TT cũng nhận được nhiều ý kiến phản hồi, đóng góp của các bên liên quan cho công tác quản lý cũng như các quy định, quy trình, biểu mẫu ... Một số ý kiến được Phòng Quản lý KH-ĐN-TT tiếp thu và điều chỉnh kịp thời [H4.18.04.09].

Để gia tăng số lượng, chất lượng các công bố và đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm, trong năm học 2021-2022, 2022-2023, Hiệu trưởng yêu cầu các Khoa phải đảm bảo số lượng 10% giảng viên của khoa có đề tài NCKH; đề tài NCKH do các các tiến sĩ làm chủ nhiệm phải có bài báo đăng trên các Tạp chí chuyên ngành thuộc danh mục tạp chí khoa học được tính điểm tại thời điểm công bố của hội đồng giáo sư Nhà nước; đối với sáng kiến của cán bộ khối hành chính, phải có công bố trên các tạp chí hoặc ấn phẩm thông tin và phải đánh giá được hiệu quả sáng kiến [H4.18.04.10].

Nhà trường cũng đã thực hiện khảo sát ở một số hoạt động liên quan đến KH-CN. Cụ thể là khảo sát ý kiến đánh giá của cán bộ, giảng viên, sinh viên về việc tổ chức Hội thảo khoa học cấp tỉnh *Nền kinh tế số và sự tác động đến đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu kinh tế - xã hội địa phương*; Hội thảo khoa học cấp Trường *Nâng cao chất lượng đào tạo các ngành sư phạm trong bối cảnh hiện nay*; Hội thảo khoa học quốc tế *Giảng dạy Tiếng Anh trong thời đại số hóa (English language teaching in the age of digitalisation)*; Hội nghị Sinh viên nghiên cứu khoa học lần thứ 12 - năm 2022, 13 - năm 2023; về Quy định Quản lý hoạt động Khoa học và Công nghệ, Quy định về biên soạn, lựa chọn, thẩm định, duyệt và sử dụng giáo trình, tài liệu giảng dạy, Quy định về quản lý hoạt động NCKH của sinh viên Trường ĐHHT. Các ý kiến đều đánh giá tốt về quy trình tổ chức, chất lượng và hiệu quả của việc tổ chức các hội nghị, hội thảo của Trường cũng như tính khoa học, rõ ràng, minh bạch, phù hợp, cập nhật của các quy định, quy chế [H4.18.04.11]; [H4.18.04.12];

Bên cạnh đó, kết quả tổng hợp, đánh giá kết quả hoạt động NCKH cuối mỗi năm học là cơ sở để Nhà trường đánh giá, đúc rút kinh nghiệm và đề xuất phương hướng, nhiệm vụ cho năm học mới; đồng thời, đây cũng là căn cứ để Nhà trường đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức, người lao động và bình xét danh hiệu thi đua hàng năm, nhằm tạo động lực cho cán bộ, giảng viên trong thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ NCKH, góp phần nâng cao chất lượng NCKH của Nhà trường

[H4.18.04.13], [H4.18.04.14], [H4.18.04.15], [H4.18.04.16], [H4.18.04.17], [H4.18.04.18].

Với những nỗ lực, cố gắng của cả tập thể và từng cá nhân, từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022, tập thể Phòng Quản lý Khoa học (từ năm 2020 là Phòng Quản lý KH-ĐN-TT) đều được nhận danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc, Tập thể lao động tiên tiến trở lên; các cán bộ viên chức của Phòng đều được nhận danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở, Lao động tiên tiến trở lên [H4.18.04.19].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 6/7***

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Có hệ thống cơ cấu nhân sự điều hành, quản lý hoạt động KH&CN toàn trường một cách nhịp nhàng, hiệu quả;

- Các văn bản quản lý thường xuyên được đánh giá, rà soát, bổ sung, cập nhật thường xuyên;

- Nhà trường đã xây dựng và ban hành chiến lược phát triển Trường, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ; các quy định, quy chế liên quan đến công tác quản lý hoạt động KH&CN;

- Tỉnh Hà Tĩnh và Nhà trường có cơ chế khuyến khích CBGV trong nghiên cứu khoa học;

- Trường hợp tác với nhiều đối tác trong thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cụ thể;

- Trường đã thành lập được các nhóm nghiên cứu thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cụ thể;

- Trường có Tạp chí Khoa học hoạt động hiệu quả và theo đúng tôn chỉ, mục đích.

- Nhà trường đã thực hiện đánh giá, báo cáo tổng kết nhiệm vụ KH&CN hàng năm, trên cơ sở phân tích những ưu điểm, hạn chế của từng năm, tìm ra nguyên nhân để từ đó định hướng cho hoạt động KH&CN năm tiếp theo.

#### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Số lượng đề tài NCKH cấp cao của CBGV và HSSV còn hạn chế;

- Số lượng các công bố quốc tế còn hạn chế;

- Nguồn thu từ hoạt động KH&CN còn hạn chế;

- Kinh phí cho hoạt động KH&CN khó khăn;

- Nhà trường chưa tổ chức xây dựng được Bộ chỉ số KPS;

- Nhân sự quản lý hoạt động KH&CN của Phòng Quản lý KH-ĐN-TT thiếu.

#### ***3. Kế hoạch cải tiến:***



<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị, cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Số lượng đề tài NCKH cấp cao của CBGV và HSSV còn hạn chế	P.QLKH-ĐN-TT Các Khoa/ BM	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
2	Khắc phục tồn tại 2	Số lượng các công bố quốc tế còn hạn chế.	P.QLKH-ĐN-TT Các Khoa/ BM	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
3	Khắc phục tồn tại 3	Nguồn thu từ hoạt động KH&CN còn hạn chế.	P.QLKH-ĐN-TT Các Khoa/ BM	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
5	Khắc phục tồn tại 4	Nhà trường chưa tổ chức xây dựng được Bộ chỉ số KPS.	P. TC-HC P.QLKH-ĐN-TT	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
6	Khắc phục tồn tại 5	Nhân sự quản lý hoạt động KH&CN của Phòng Quản lý KH-ĐN-TT thiếu.	P. TC-HC P.QLKH-ĐN-TT	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
7	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống cơ cấu nhân sự điều hành, quản lý hoạt động KH&CN toàn trường một cách nhịp nhàng, hiệu quả.	P. TC-HC P.QLKH-ĐN-TT	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
8	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục cập nhật, bổ sung kịp thời, thường xuyên các văn bản quản lý lĩnh vực KH&CN.	P.QLKH-ĐN-TT	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị, cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
9	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục tăng cường hoạt động hợp tác với các đối tác trong lĩnh vực hoạt động KH&CN.	P.QLKH-ĐN-TT Các Khoa/ BM Các đơn vị liên quan	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
10	Phát huy điểm mạnh	Có giải pháp để tiếp tục thành lập cũng như tăng cường năng lực nghiên cứu các nhóm nghiên cứu chuyên sâu	P.QLKH-ĐN-TT Các Khoa/ BM	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
11	Phát huy điểm mạnh	Có các giải pháp để đưa hoạt động Tạp chí Khoa học ngày càng hiệu quả hơn.	P.QLKH-ĐN-TT	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	
12	Phát huy điểm mạnh	Làm tốt công tác đánh giá, tổng kết hoạt động KH&CN hàng năm, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN năm tiếp theo.	P.QLKH-ĐN-TT Các Khoa/ BM	Năm học 2023-2024 và các năm tiếp theo	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 18</b>	<b>5,50</b>
Tiêu chí 18.1	7
Tiêu chí 18.2	5
Tiêu chí 18.3	4
Tiêu chí 18.4	6

#### Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

**Tiêu chí 19.1. Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu**

##### 1. Mô tả

Trường Đại học Hà Tĩnh (ĐHHT) đã thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu, giao đơn vị đầu mối thực hiện ghi nhận và hỗ trợ các thủ tục để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Cụ thể, đã ban hành Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Hà Tĩnh (năm 2019) và Quy chế Quản trị Tài sản trí tuệ của Trường Đại học Hà Tĩnh (năm 2022). Trong đó, việc quản lý về hoạt động sở hữu trí tuệ và tài sản trí tuệ được giao cho Phòng Quản lý Khoa học (QLKH) nay là phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông (QLKH-ĐN-TT) đảm nhận [H1.19.01.01]. Mặt khác, tại Quy định về Quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường Đại học Hà Tĩnh cũng xác định công tác hoạt động KH&CN và quản lý thông tin KH&CN nói chung và sở hữu trí tuệ nói riêng do Phòng QLKH-ĐN-TT thực hiện [H1.19.01.02]. Phòng QLKH-ĐN-TT được thành lập năm 2020 trên cơ sở sát nhập phòng QLKH và phòng Quan hệ đối ngoại và Truyền thông. Hằng năm, phòng QLKH-ĐN-TT đã phân công một nhân viên phụ trách các công tác liên quan đến việc quản lý, theo dõi và báo cáo việc thi hành các chức năng về quản lý sở hữu trí tuệ của Nhà trường [H1.19.01.03]; [H1.19.01.04].

Trong Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Hà Tĩnh (năm 2019) và Quy chế Quản trị Tài sản trí tuệ của Trường Đại học Hà Tĩnh (năm 2022) [H1.19.01.01] cũng như trong Quy định về Quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường Đại học Hà Tĩnh [H1.19.01.02] và Quy định về đạo đức trong giảng dạy và NCKH của CBGV Trường ĐHHT [H1.19.01.05] đã quy định rõ về việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế. Các nội dung này còn được quy định trong Quy định về tổ chức và hoạt động Tạp chí Khoa học Trường ĐHHT [H1.19.01.06].

Để hỗ trợ các tổ chức, cá nhân trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài NCKH Nhà trường đã quy định cụ thể Quy chế Chi tiêu nội bộ. Cụ thể, Quy chế chi tiêu nội bộ, tại điều 18, Nhà trường có chính sách về việc hỗ trợ kinh phí cho việc thực hiện đề tài các cấp; biên soạn và xuất bản các sách, giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo; cho các tác giả có bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI, SCI, SCIE; cho SV thực hiện NCKH, đề tài dự án xuất sắc (được hội đồng trường thông qua) [H1.19.01.07]. Hằng năm, Phòng QLKH-ĐN-TT cũng căn cứ kết quả hoạt động NCKH của giảng viên để tham mưu tờ trình cho Nhà trường trình UBND tỉnh thực hiện chế độ theo Nghị quyết số 46 của HĐND tỉnh (Nghị quyết của HĐND tỉnh Hà Tĩnh quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025) [H1.19.01.08].

Việc khai thác, thương mại hóa tài sản trí tuệ (thử nghiệm, sản xuất thử, thương mại/ phi thương mại và hướng dẫn trích dẫn) được Nhà trường thực hiện theo Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Hà Tĩnh (năm 2019) và Quy chế Quản trị Tài sản trí tuệ của Trường Đại học Hà Tĩnh (năm 2022). Cụ thể gồm các hình thức khai thác, quy định công bố, quyền và nghĩa vụ về khai thác tài sản trí tuệ của CBGV, nhân viên; các quy định về chuyển giao tài sản trí

tuệ; hoạt động xúc tiến thương mại các tài sản trí tuệ; khai thác và phân bổ lợi ích, lợi nhuận, hướng dẫn đăng ký sở hữu trí tuệ và hướng dẫn trích dẫn tài liệu tham khảo, sao chép,.. [H1.19.01.01].

Nhà trường đã xây dựng hệ thống quản lý quy trình công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả nghiên cứu của viên chức, người học của Nhà trường trên cơ sở phân cấp quản lý, các sản phẩm NCKH sẽ được theo dõi, lưu trữ cấp trường hoặc tại đơn vị thực hiện. Phòng QLKH-ĐN-TT phối hợp với Phòng Đào tạo và khoa chuyên môn nghiên cứu, tổ chức quy trình thực hiện, đánh giá đề án hoặc khóa luận tốt nghiệp cho người học. Thư viện tổ chức xử lý, sắp xếp, lưu trữ, bảo quản, quản lý tài liệu [H1.19.01.01]. Tạp chí khoa học quản lý tài sản và tài liệu của Tạp chí theo phân cấp của Nhà trường [H1.19.01.06]. Các báo cáo toàn văn, báo cáo tóm tắt kết quả nghiên cứu của đề tài KH&CN cấp trường được đánh giá, nghiệm thu xếp loại đạt trở lên đều được lưu giữ tại Phòng QLKH-ĐN-TT và Trung tâm Thông tin – Thư viện. Hằng năm, Phòng QLKH-ĐN-TT lập báo cáo tổng kết hoạt động NCKH, đánh giá toàn diện hoạt động NCKH và SHTT của Trường. Kèm theo báo cáo là danh mục các công trình, đề tài, bài báo của CBGV và SV. [H1.19.01.09]. Phòng QLKH-ĐN-TT là những nơi theo dõi, lưu trữ sản phẩm của sáng kiến kinh nghiệm, sản phẩm nghiên cứu cấp trường, các kỹ yếu khoa học cấp Trường, hội thảo quốc gia, hội thảo quốc tế, tạp chí khoa học, sách, giáo trình [H1.19.01.10].

Mặc dù các văn bản quy định, chính sách hỗ trợ về SHTT của Trường ĐHHT được bổ sung, điều chỉnh và hoàn thiện phù hợp với các hoạt động của Nhà trường nhưng chưa thu hút được sự quan tâm tìm hiểu và thực hiện tích cực từ GV, viên chức về việc đăng ký SHTT cho các sản phẩm, công trình nghiên cứu do mình tạo ra.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

### ***Tiêu chí 19.2. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ triển khai***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường đã đảm bảo các tài sản trí tuệ được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định của pháp luật và quy trình, thủ tục đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ của Trường trong Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Hà Tĩnh (năm 2019) và Quy chế Quản trị Tài sản trí tuệ của Trường Đại học Hà Tĩnh (năm 2022) [H2.19.02.01] cũng như trong Quy định Quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường ĐHHT [H2.19.02.02]. Việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác lợi ích từ tài sản trí tuệ được thực hiện dưới sự hướng dẫn và quản lý của phòng QLKH-ĐN-TT. Nhà trường đã hoàn thành việc đăng ký quyền sở hữu trí tuệ với Cục Sở hữu trí tuệ cho Logo của Trường, với giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 234139 cấp theo Quyết định số 79236/QĐ-SHTT ngày 20/10/2019 của Cục trưởng Cục Sở hữu trí tuệ [H2.19.02.03]. Cục sở hữu trí tuệ cũng đã cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu nhận số 416314, cấp theo Quyết định số 25239/QĐ-SHTT ngày 30/3/2022, cho nhãn hiệu Gạo hữu cơ [H2.19.02.03].

Trường ĐHHT giao cho phòng QLKH-ĐN-TT phối hợp với các đơn vị thuộc Trường có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ cho GV và SV của Trường thực hiện các quy định về quyền sở hữu trí tuệ như: đăng ký bảo hộ, công nhận sản phẩm khoa học công nghệ, khiếu nại hoặc khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, ... Phòng QLKH-ĐN-TT là đơn vị chuyên trách quản lý sở hữu trí tuệ của Nhà trường, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn các đơn vị thực hiện. Khi có khiếu nại, khởi kiện về hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, Nhà trường giao cho Phòng QLKH-ĐN-TT tổ chức hòa giải các tranh chấp về sở hữu trí tuệ. Trong trường hợp hòa giải không thành, bộ phận chuyên trách quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ đề xuất cho Hiệu trưởng hướng dẫn xử lý theo quy định của pháp luật [H2.19.02.04].

Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ tại Trường Đại học Hà Tĩnh (năm 2019), Quy chế Quản trị Tài sản trí tuệ của Trường Đại học Hà Tĩnh (năm 2022) [H2.19.02.01] và Quy định Quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường ĐHHT [H2.19.02.02], hằng năm, Phòng QLKH-ĐN-TT chủ trì việc thống kê các hoạt động NCKH của giảng viên và SV [H2.19.02.05]. Phòng QLKH-ĐB-TT chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ đề tài NCKH các cấp, bài báo đăng tạp chí/hội nghị/hội thảo trong và ngoài nước, các dự án, hợp đồng chuyển giao, biên bản ghi nhớ về NCKH của SV và GV. Các khoa, trung tâm chịu trách nhiệm lưu giữ hồ sơ tài sản trí tuệ của GV và SV do đơn vị mình quản lý gồm các đề tài nghiên cứu, bài báo khoa học, các khóa luận tốt nghiệp, tập bài giảng, đề cương chi tiết,.... Thư viện lưu trữ bản in và file mềm các tài sản trí tuệ gồm: sách, giáo trình, tài liệu tham khảo, báo cáo đề tài nghiên cứu cấp Trường của GV và SV, luận văn, luận án, khóa luận tốt nghiệp,... Phòng Tạp chí Khoa học lưu trữ các ấn phẩm đăng tải trên Tạp chí Khoa học Trường ĐHHT. Theo đó, các danh mục thống kê về số tiết thực hiện nhiệm vụ NCKH của cán bộ, GV NCKH của GV (đề tài NCKH các cấp, bài báo đăng trên tạp chí, hội thảo khoa học trong nước và nước ngoài), danh mục NCKH của SV, danh mục khóa luận tốt nghiệp của SV, danh mục các bài báo đăng trên Tạp chí khoa học Trường ĐHHT, danh mục luận văn và luận án của GV, danh mục sách và giáo trình đã xuất bản được cập nhật từng năm [H2.19.02.06]; [H2.19.02.07]. Một số tài sản trí tuệ của trường đã triển khai chuyển giao thương mại/ phi thương mại như Từ điển Việt - Lào, Trang điện tử, Giống lúa gạo hữu cơ Trường ĐHHT, ... [H2.19.02.08].

Công tác rà soát phát hiện các hành vi vi phạm tài sản trí tuệ được Nhà trường thực hiện theo quy trình cụ thể tuân theo các quy định hiện hành của Nhà trường. Việc triển khai Quy định về đạo đức trong giảng dạy và NCKH của CBGV Trường ĐHHT [H2.19.02.09] đảm bảo CBGV của Trường không vi phạm Luật Sở hữu Trí tuệ và các quy định khác về sở hữu trí tuệ của Trường.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện**

### **1. Mô tả**

Nhà trường đã triển khai hệ thống rà soát quản lý và kiểm soát công tác quản lý tài sản trí tuệ bằng các kế hoạch rà soát và tổng hợp, đánh giá kết quả rà soát. Trong giai đoạn 2018 đến nay, đã triển khai 2 đợt rà soát vào năm 2020 và năm 2023. Trong đó, mục tiêu chủ yếu là đánh giá hiện trạng hoạt động sở hữu trí tuệ và công tác quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ; trên cơ sở kết quả rà soát, có kế hoạch cải tiến công tác quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ nhằm nâng cao chất lượng quản lý hoạt động sở hữu trí tuệ và thực hiện tốt các quy định của Nhà nước về sở hữu trí tuệ [H3.19.03.01]. Sau khi triển khai rà soát, Phòng QLKH-ĐN-TT chủ trì xây dựng các báo cáo kết quả về đề xuất các giải pháp cải tiến cho các năm tiếp theo [H3.19.03.02].

Đầu các năm học, Nhà trường giao cho Phòng QLKH-HTQT tiến hành lập kế hoạch triển khai các hoạt động KHCN của Toàn trường. Vào cuối năm học, Phòng QLKH-ĐN-TT tiến hành tổng kết, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ của Nhà trường qua báo cáo kết quả thực hiện công tác sở hữu trí tuệ hằng năm. Qua việc tổng kết các công tác đã thực hiện, kiểm tra và rà soát tiến độ thực hiện, đánh giá các điểm mạnh và điểm hạn chế của công tác, Phòng QLKH-ĐN-TT sẽ đề xuất các biện pháp khắc phục, sửa đổi, cải tiến những bất cập, từ đó đề ra phương hướng hoạt động phù hợp cho năm học tiếp theo, đặt xuất các mục tiêu về công tác quản lý tài sản trí tuệ nhằm đảm bảo công tác quản lý sở hữu trí tuệ và tài sản trí tuệ phù hợp với sự phát triển của Nhà trường và xã hội [H3.19.03.03].

Theo thống kê từ năm 2017-2021, Trường ĐHHT đã có nhiều tài sản trí tuệ bao gồm một số loại hình đã được nghiệm thu, đánh giá, lưu trữ, như: 368 đề tài, dự án các cấp, trong đó có 7 đề tài, dự án khoa học cấp Bộ, 6 Đề tài, dự án cấp tỉnh, 101 đề tài, dự án cấp cơ sở và 254 đề tài NCKH của sinh viên; công bố được 121 bài báo quốc tế, trong đó có 91 bài báo quốc tế thuộc danh mục cơ sở dữ liệu Scopus, Web of Science, ISI, SCI và 30 bài báo quốc tế khác; 316 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước; 21 sách, giáo trình và tài liệu tham khảo đã xuất bản [H3.19.03.04].

Các tài sản trí tuệ qua quá trình thống kê, rà soát được Nhà trường ghi nhận và cập nhật vào danh mục tài sản trí tuệ của Nhà trường làm cơ sở cho GV, SV Nhà trường tra cứu, sử dụng và Nhà trường quản lý tốt hơn. Tuy nhiên quy trình và hiệu quả công tác rà soát còn thực hiện chưa đồng bộ từ các đơn vị do thiếu nhân lực ở cơ sở được bồi dưỡng, đào tạo các kỹ năng và các kiến thức về sở hữu trí tuệ, tra cứu thông tin và bản quyền về sở hữu trí tuệ. Số lượng các tài sản trí tuệ được đăng ký bảo hộ sở hữu trí tuệ còn rất hạn chế.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, CB nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng***

#### ***1. Mô tả***

Các công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ Nhà trường, GV và các lợi ích cộng đồng luôn được Nhà trường đạt hiệu quả, bước đầu thu nhận

được sự hài lòng từ các bên liên quan. Cứ 2 năm 1 lần, sau khi rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ, Nhà trường đã tiến hành các điều chỉnh cần thiết, kịp thời về định hướng phát triển và kế hoạch KHCN, thực hiện kế hoạch công nghệ, quản lý hoạt động KHCN, khen thưởng và xử lý vi phạm nhằm đáp ứng tốt hơn trong công việc bảo hộ Nhà trường, GV và các lợi ích cộng đồng. Việc cải tiến công tác quản lý sở hữu trí tuệ được tiến hành hằng năm theo sự thống nhất giữa Nhà trường và Phòng QLKH-HTQT được thể hiện qua kế hoạch cải tiến chất lượng công tác quản lý tài sản trí tuệ sau khi được tổng kết đánh giá [H4.19.04.01].

Để có cơ sở cho việc cải tiến quản lý tài sản trí tuệ, hằng năm Phòng QLKH-HTQT chủ động thực hiện công tác khảo sát lấy kiến về quản lý sở hữu trí tuệ trường ĐHHT [H4.19.04.02]. Nhờ những biện pháp cải tiến tích cực của Nhà trường mà công tác quản lý sở hữu trí tuệ dần dần mang lại hiệu quả, nhận được sự hài lòng tăng dần qua các năm thực hiện. Năm 2017-2018, mức độ hài lòng trung bình về công tác quản lý sở hữu trí tuệ, hỗ trợ quyền bảo hộ tài sản trí tuệ Trường ĐHHT, quản lý sở hữu trí tuệ ngân hàng câu hỏi thi và Logo Trường ĐHHT của GV, viên chức là 78%. Mức độ hài lòng trung bình về công tác quản lý sở hữu trí tuệ, hỗ trợ quyền bảo hộ tài sản trí tuệ Trường ĐHHT, quản lý sở hữu trí tuệ ngân hàng câu hỏi thi và Logo Trường ĐHHT của GV, viên chức và SV qua các năm khảo sát lần lượt là: Năm 2018-2019 là 75.3%; Năm 2019-2020 là 75.25%; Năm 2020-2021 là 75.6%; Năm 2021-2022 là 75.8% [H4.19.04.03]. Dựa trên báo cáo về kết quả khảo sát, Phòng QLKH-HTQT sẽ tiến hành ghi nhận các ý kiến đóng góp, đánh giá tình hình hoạt động sở hữu trí tuệ trong Nhà trường đang thực hiện, qua đó, cung cấp thông tin, đề xuất để lãnh đạo Nhà trường có chính sách cải tiến hoạt động quản lý tài sản trí tuệ phù hợp và hiệu quả.

Các công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ Nhà trường, GV và các lợi ích cộng đồng luôn được Nhà trường đạt hiệu quả, bước đầu thu nhận được sự hài lòng từ các bên liên quan. Mỗi năm, sau khi rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ, Nhà trường đã tiến hành các điều chỉnh cần thiết, kịp thời về định hướng phát triển và kế hoạch KHCN, thực hiện kế hoạch công nghệ, quản lý hoạt động KHCN, khen thưởng và xử lý vi phạm nhằm đáp ứng tốt hơn trong công việc bảo hộ Nhà trường, GV và các lợi ích cộng đồng.

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Bước đầu đã xây dựng các văn bản quy định về sở hữu trí tuệ của Nhà trường. Đây là chính là công cụ quan trọng để quản trị các tài sản trí tuệ của giảng viên và SV của Trường ĐH Hà Tĩnh.
- Trường đã có các chính sách khuyến khích CB, GV, HSSV tham gia các hoạt động NCKH, như khen thưởng, đánh giá xếp loại viên chức hằng năm.
- Hệ thống khai báo, đăng ký, lưu trữ các tài sản trí tuệ đã được ghi nhận và từng bước xây dựng; Đã xây dựng hệ thống dữ liệu tài sản trí tuệ của CBGV và

SV Nhà trường; đã cập nhật thông kê các sản phẩm trí tuệ hằng năm cho cả CBGV và HSSV.

- Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến theo đúng quy trình hằng năm và theo chu kỳ. Qua khảo sát, có trên 75% số người trả lời khảo sát hài lòng về công tác quản lý tài sản trí tuệ.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Mức độ hoàn thiện của hệ thống chưa cao; chưa có nhiều tài sản trí tuệ đăng hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu trí tuệ.

- Việc triển khai hệ thống rà soát công tác quản lý đã được thực hiện khá thường xuyên, tuy nhiên Trường chưa triển khai phần mềm đánh giá trực tuyến việc xâm phạm, vi phạm bản quyền nên việc phát hiện sai phạm về xâm phạm tài sản trí tuệ chưa cao. Chưa có nguồn thu từ khai thác thương mại tài sản trí tuệ.

### **3. Kế hoạch cải tiến :**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (Bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Áp dụng công nghệ thông tin trong rà soát, đánh giá công tác quản lý tài sản trí tuệ.	P. QLKH-ĐN-TT	9/2023-6/2025	Cập nhật
2	Khắc phục tồn tại 2	Cần có chính sách riêng để thúc đẩy thương mại hóa tài sản trí tuệ	P. QLKH-ĐN-TT	11/2023-6/2025	Ban hành KH cụ thể
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục phổ biến các văn bản quy định về sở hữu trí tuệ, quản lý tài sản trí tuệ; kịp thời cập nhật bổ sung phù hợp với các văn bản cấp trên và tình hình thực tiễn.	P. QLKH-ĐN-TT	9/2023-6/2025	



<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (Bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục thực hiện chính sách khuyến khích CB, GV tham gia các hoạt động NCKH nhằm gia tăng số lượng và chất lượng tài sản trí tuệ.	P. QLKH-ĐN-TT ; P. KH-TC	9/2023-6/2025	Phù hợp quy định ngành tài chính và chính sách của tỉnh
5	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục tổng hợp thống kê danh mục sản phẩm trí tuệ hàng năm của Nhà trường	P. QLKH-ĐN-TT	9/2023-6/2025	
6	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục thực hiện công tác cải tiến, nâng cao chất lượng quản lý tài sản trí tuệ	P. QLKH-ĐN-TT	9/2023-6/2025	Báo cáo hàng năm

#### **4. Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 19</i></b>	<b>4,25</b>
Tiêu chí 19.1	5
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4

#### **Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH**

***Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu***

##### ***1. Mô tả***

Mục tiêu chiến lược của Trường ĐHHT là trở thành một cơ sở giáo dục ĐH đa cấp, đa ngành theo định hướng ứng dụng đạt chuẩn quốc gia đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực chất lượng, trình độ cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh và đất nước. Nhà trường đã xây dựng quy định về thiết lập các mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu trong Chiến

lược phát triển Trường ĐHHT tới năm 2020, tầm nhìn tới 2030, thực hiện dựa theo Quy định về quản lý hoạt động KHCN Trường ĐHHT và Quy định quản lý các hoạt động HTQT tại Trường ĐHHT được biên soạn dựa theo Quy định Quy định HTQT tại tỉnh Hà Tĩnh. [H1.20.01.01], [H1.20.01.02].

Căn cứ theo kế hoạch dài hạn, trung hạn và ngắn hạn được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT đến năm 2020, tầm nhìn 2030, Kế hoạch chiến lược phát triển KHCN của Trường ĐHHT đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030, Kế hoạch Hợp tác Hoạt động KH&CN hàng năm, Nhà trường Có chiến lược phát triển hợp tác, đối tác; các kế hoạch dài hạn, ngắn hạn được xây dựng dựa trên chiến lược phát triển và phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn của Trường. [H1.20.01.03], [H1.20.01.04], [H1.20.01.05].

Để đạt được các mục tiêu phát triển hợp tác, đối tác theo kế hoạch dài hạn, ngắn hạn, Nhà trường đã có các quy định, hướng dẫn, phổ biến thực hiện; có phân công trách nhiệm cụ thể cho các bộ phận, cá nhân, có kết nối giữa các bộ phận đầu mối và các khoa, phòng trong việc quản lý công tác phát triển hợp tác và đối tác. Nhà trường phân công 01 Phó Hiệu trưởng phụ trách công tác hợp tác liên kết khoa học với các đơn vị trong và ngoài nước. Nhà trường có quy định, kế hoạch, hướng dẫn phổ biến thực hiện cụ thể cho từng bộ phận, cá nhân, có kết nối giữa các đầu mối, các Khoa, Phòng trong việc thực hiện và quản lý công tác phát triển hợp tác hoạt động KHCN. Hệ thống này được thể hiện qua Quy định quản lý các hoạt động HTQT tại Trường ĐHHT, Quy định về quản lý hoạt động KHCN Trường ĐHHT, Quyết định Phân công nhiệm vụ của BGH, Quyết định về việc sắp xếp, điều chỉnh bộ máy và quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Trường: quy định chức năng nhiệm vụ của Phòng QLKH-ĐN-TT, làm rõ các trách nhiệm liên quan trong việc quản lý, phát triển hợp tác trong nghiên cứu. [H1.20.01.06], [H1.20.01.07], [H1.20.01.08], [H1.20.01.09].

Nhà trường có các chỉ số xác định cụ thể các mục tiêu đối tác hợp tác cần xây dựng và phát triển trong các kế hoạch hằng năm và mục tiêu chất lượng hằng năm của đơn vị. Các chỉ số, định hướng này cơ bản phù hợp với sứ mạng và định hướng phát triển của Nhà trường, điều này được thể hiện thông qua Kế hoạch chiến lược phát triển KHCN của Trường ĐHHT đến năm 2025, tầm nhìn đến 2030 và Kế hoạch Hợp tác Hoạt động KH&CN hàng năm của Nhà trường [H1.20.01.10], [H1.20.01.11].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường triển khai các hoạt động theo chiến lược phát triển, kế hoạch hợp tác, phát triển đối tác để đạt được các KPIs cụ thể thông qua Kế hoạch Hợp tác Hoạt động KH&CN hàng năm, Thông báo thực hiện nhiệm vụ KH&CN và HTQT hàng năm trên cơ sở chiến lược và kế hoạch dài hạn, trung hạn đã đề ra ở trên. Trên cơ sở các kế hoạch trên, Nhà trường triển khai Thông báo đăng ký nhiệm vụ KH&CN của Sở Khoa học và Công nghệ xuống các đơn vị và cá nhân trong Trường, tổ chức xét duyệt đề xuất và duyệt thuyết minh đề tài NCKH cấp cơ sở, giáo trình, tài liệu học tập, ra Thông báo tổ chức Hội thảo, thành lập Ban Tổ chức/ Ban Nội dung để đảm bảo hội thảo, hội nghị được tổ chức đúng theo quy định. [H2.20.02.01], [H2.20.02.02], [H2.20.02.03], [H2.20.02.04], [H2.20.02.05].

Trên cơ sở tầm nhìn và sứ mạng được thể hiện trong Kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT “Cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, NCKH và công nghệ nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và thực hành nghề nghiệp cho người học, phục vụ cộng đồng và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của địa phương và cả nước”, Trường đã lựa chọn các đối tác và hợp tác NCKH phù hợp đồng thời thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu theo các hình thức đa dạng, cách thức phù hợp để phấn đấu “là trường ĐH đa cấp, đa ngành định hướng thực hành, cung cấp nguồn nhân lực có kiến thức thực tiễn và năng lực thực hành phù hợp với yêu cầu sử dụng lao động của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực Bắc miền Trung”. Báo cáo Tổng kết Hợp tác Hoạt động KH&CN hàng năm cũng đã cho thấy sự đa dạng và gia tăng của các đối tác [H2.20.02.06], [H2.20.02.07].

Thông qua việc tổ chức các đoàn ra, đón các đoàn vào; thông qua việc kết nối và ký các Biên bản ghi nhớ hợp tác; thông qua các hoạt động hợp tác NCKH như thực hiện đề tài, dự án kết hợp với các đối tác bên ngoài như Sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh, Tổ chức Hà Lan, Viện Lập pháp, Đoàn Đại biểu quốc hội Hà Tĩnh, các trường ĐH khác trong nước; các hội nghị hội thảo phối hợp với các đơn vị liên kết như UBND tỉnh Hà Tĩnh, Trường ĐH Nakhon Phanom (Thái Lan), Văn phòng tiếng Anh khu vực - Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam..., các bài báo quốc tế viết chung với các nhà khoa học trong và ngoài nước, Trường ĐHHT đã thúc đẩy các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu theo các hình thức đa dạng, cách thức phù hợp [H2.20.02.08], [H2.20.02.09], [H2.20.02.10].

Để thực hiện được các KPIs đã đề ra, để xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và các đối tác, Trường ĐHHT đã đầu tư thích hợp để phát triển các mục tiêu trên bằng hỗ trợ Kinh phí cho hội thảo quốc tế, chi khen thưởng bài báo ISI/Scopus, chi thực hiện đề tài thông qua Quy chế chi tiêu nội bộ thực hiện trên cơ sở Thông tư 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN của Bộ Tài chính - Bộ Khoa học và Công nghệ ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, Nghị quyết 72/2017/NQ-HĐND ngày 13/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh, Nghị quyết 46/2021/NQ-HĐND ngày

16/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Tĩnh Quy định một số chính sách khuyến khích phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2022-2025; Phát triển nhân lực bằng Kế hoạch và Quyết định cử Giảng viên đi đào tạo nâng cao trình độ hàng năm và đầu tư Hệ thống cơ sở vật chất phục vụ NCKH cho CB, GV Nhà trường [H2.20.02.11], [H2.20.02.12], [H2.20.02.13].

Với sự hỗ trợ về tài lực, nhân lực và vật lực, các quan hệ hợp tác và có các hợp tác nghiên cứu đã được thúc đẩy và đem lại hiệu quả về NCKH. Số lượng đề tài NCKH cấp Tỉnh, cấp Bộ, cấp cơ sở tăng hơn so với giai đoạn trước, số lượng bài báo đăng các tạp chí có chỉ số ISSN, số lượng bài báo quốc tế và số lượng hội thảo cùng phối hợp tổ chức đã tăng hơn so với giai đoạn 2013-2018. Đặc biệt trong giai đoạn 2018-2023, số Hội thảo, hội nghị phối hợp với các đơn vị trong và ngoài nước, qua hình thức trực tiếp và trực tuyến cũng tăng hơn. Đây thể hiện cho sự nỗ lực không ngừng nghỉ của Nhà trường và bản thân CB, GV trong Trường. Điều này được thể hiện qua Báo cáo tổng kết hoạt động hợp tác NCKH hàng năm và Danh mục hoạt động hợp tác NCKH [H2.20.02.14], [H2.20.02.15].

Trong giai đoạn tự đánh giá 2018-2022, với sự quan tâm của Đảng ủy, BGH Nhà trường, sự nỗ lực hết mình của CB, GV và SV toàn trường, Trường đã tổ chức được 13 hội thảo khoa học, seminar trên cơ sở hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước như UBND tỉnh Hà Tĩnh, Sở Khoa học và Công nghệ Hà Tĩnh, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội Hà Tĩnh, Viện Nghiên cứu lập pháp, Văn phòng Tiếng Anh khu vực - Đại sứ quán Hoa Kỳ tại Việt Nam, các Trường ĐH Vinh, FPT..., Viện toán học Việt Nam, Sở Ngoại vụ Hà Tĩnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Tĩnh...[H2.20.02.16].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện***

#### ***1. Mô tả***

Để đảm bảo việc hợp tác thực hiện NCKH đảm bảo số lượng và chất lượng cũng như đảm bảo KPIs đã đề ra, Nhà trường có Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được xây dựng thông qua các quy định, văn bản được ban hành để điều hành rà soát tính hiệu quả của các hoạt động này Quy định về quản lý hoạt động KHCN Trường ĐHTT, Quyết định về việc phân công công tác của BGH Quyết định về việc sắp xếp, điều chỉnh bộ máy và quy định chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc nêu rõ vai trò của BGH, các đơn vị tham mưu và các khoa/bộ môn đào tạo [H3.20.03.01], [H3.20.03.02], [H3.20.03.03].

Để đảm bảo tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện, Nhà trường đã tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể làm căn cứ để điều chỉnh các hoạt động và xây dựng các đối tác chiến lược thông qua Kế hoạch rà soát, đánh giá hiệu quả các quan hệ hợp tác và đối tác giai đoạn 2018-2022 và có Báo cáo

kết quả rà soát đánh giá các quan hệ hợp tác và đối tác giai đoạn 2018-2022. [H3.20.03.04], [H3.20.03.05]

Không chỉ đã tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác và đối tác, của các đối tác cụ thể, Trường ĐHHT còn có Kế hoạch rà soát, đánh giá hiệu quả từ hoạt động hợp tác giai đoạn 2018-2022 và Báo cáo kết quả rà soát đánh giá hiệu quả từ hoạt động hợp tác giữa giai đoạn 2018-2022 nhằm Rà soát, đánh giá tính hiệu quả và nguồn lực mang lại từ các hoạt động hợp tác (trong đào tạo, trong NCKH) và từ các đối tác trong chu kỳ đánh giá, [H3.20.03.06], [H3.20.03.07].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### ***Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu***

#### **1. Mô tả**

Hàng năm, Nhà trường tổng kết, rà soát, đánh giá hiệu quả của các hoạt động hợp tác trong NCKH được thực hiện qua Báo cáo Tổng kết Hợp tác Hoạt động KH&CN hàng năm. Từ việc rà soát các hoạt động NCKH đã triển khai với đối tác, Nhà trường xác định được các điểm còn tồn tại trong quá trình thực hiện đề tài và đưa ra các giải pháp phù hợp để khắc phục. Với kết quả đánh giá, Nhà trường xây dựng kế hoạch rà soát, điều chỉnh hoạt động KH&CN nhằm gia tăng các mối quan hệ hợp tác. Trên cơ sở kết quả rà soát, đánh giá các sản phẩm của NCKH, Nhà trường thực hiện cải thiện các mối quan hệ trong NCKH, lựa chọn lại các đối tác sau rà soát để đạt được hiệu quả từ những hoạt động hợp tác, phát triển đối tác thông qua Kế hoạch cải tiến mối quan hệ trong NCKH và Báo cáo kết quả cải tiến mối quan hệ trong NCKH. Trong chu kỳ đánh giá, hoạt động hợp tác và đối tác NCKH của Nhà trường được mở rộng và đạt những thành quả nhất định. Số lượng các dự án, hội nghị hội thảo hợp tác với đối tác được triển khai mặc dù còn hạn chế. Nhà trường đã đa dạng hóa các đối tác trong NCKH, bao gồm các địa phương trong và ngoài tỉnh, cơ sở, ban, ngành trong tỉnh, các trường ĐH, các viện nghiên cứu và các doanh nghiệp [H4.20.04.01], [H4.20.04.02].

Trong giai đoạn tự đánh giá 2018-2022, thông qua Báo cáo Tổng kết Hợp tác Hoạt động KH&CN hàng năm và Danh mục các đối tác hợp tác NCKH đã cho thấy sự gia tăng được các mối quan hệ hợp tác và đối tác của Nhà trường. Trong giai đoạn 2018-2022, số lượng đối tác trong hợp tác công bố quốc tế gia tăng với chất lượng tốt lên, có thêm các đối tác phù hợp với mục tiêu phát triển của Nhà trường. Các đối tác được Nhà trường lựa chọn đảm bảo tính pháp lý theo quy định, đủ điều kiện về năng lực về lĩnh vực hợp tác [H4.20.04.03], [H4.20.04.04].

Với mục tiêu nghiên cứu là Nâng cao năng lực, uy tín khoa học của Nhà trường, góp phần thúc đẩy hợp tác với các trường ĐH, các cơ sở KH&CN, các

đơn vị, doanh nghiệp trong và ngoài nước; Các đối tác được xác định dựa trên nguyên tắc: có thể mạnh về cùng lĩnh vực chuyên môn, quan tâm đến cùng vấn đề nghiên cứu, có năng lực và nguồn lực phù hợp, và ưu tiên những đối tác đã ký kết thỏa thuận hợp tác, các kết quả của các hoạt động phát triển hợp tác và đối tác của Nhà trường đã phần nào đáp ứng được mục tiêu đã đề ra. Báo cáo Tổng kết Hợp tác Hoạt động KH&CN hàng năm thể hiện rõ số lượng các hoạt động NCKH cũng như các đối tác được triển khai hàng năm [H4.20.04.05].

Nhà trường có các hoạt động hợp tác và đối tác của làm gia tăng các nguồn lực cho Trường bằng việc mời các nhà khoa học có trình độ cao từ các đơn vị khác và các CB quản lý thuộc các Bộ và địa phương tham gia đánh giá và cố vấn cho các đề tài, dự án nghiên cứu trọng điểm nhằm đảm bảo nội dung và kết quả nghiên cứu đi đúng hướng. Các hoạt động hợp tác và phát triển đối tác NCKH của Nhà trường đem lại hiệu quả không chỉ về tài chính mà còn phát triển nhân lực trong chất lượng và số lượng. Việc cử CBGV đi đào tạo ThS, TS, tham dự hội thảo giúp nâng cao trình độ năng lực nói chung và năng lực NCKH cho GV của Trường nói riêng. Các hoạt động hợp tác và đối tác của Trường ĐHHT làm gia tăng các nguồn lực cho Trường, ngoài ra các kết quả nghiên cứu còn được áp dụng vào giảng dạy. Trường đã ký hợp đồng, thỏa thuận hợp tác và biên bản ghi nhớ với các doanh nghiệp để đưa SV đi trải nghiệm và thực tập. Nhà trường đặc biệt quan tâm khuyến khích việc hợp tác với các doanh nghiệp trong lĩnh vực đưa SV đi thực tập và thực tập sinh. Thông qua các hoạt động hợp tác và đối tác, SV Nhà trường có cơ hội tiếp xúc với điều kiện làm việc thực tế, được củng cố kiến thức, nâng cao các kỹ năng mềm và GV được nâng cao kiến thức thực tiễn trong giảng dạy và nghiên cứu [H4.20.04.06], [H4.20.04.07], [H4.20.04.08], [H4.20.04.09], [H4.20.04.10].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

Nhà trường có quy chế, quy định về quản lý các công trình hợp tác nghiên cứu. Nhờ đó, các mục tiêu NCKH hàng năm cơ bản đã đạt được;

Nhà trường có sự tích cực đầu tư để thúc đẩy mở rộng mạng lưới đối tác NCKH. Ngoài ra, Nhà trường có những chính sách khuyến khích CBGV tham gia các diễn đàn và sân chơi khoa học để học tập và nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đồng thời để tìm kiếm và xây dựng các mối quan hệ hợp tác cấp trường;

Các đề tài, dự án, chương trình hợp tác nghiên cứu của Nhà trường được theo dõi, rà soát định kỳ;

Sự tham gia của các nhà khoa học có uy tín và trình độ cao từ các đơn vị khác trong nhiều đề tài, dự án của Nhà trường được đẩy mạnh;

Nhiều đơn vị trong trường chủ động tìm kiếm đối tác để hợp tác trong nghiên cứu.

## **2. Tóm tắt điểm tồn tại:**

Các chỉ số liên quan đến hoạt động hợp tác nghiên cứu có nhưng chưa được xây dựng một cách có hệ thống

Một số sản phẩm NCKH chưa được chuyển giao đến doanh nghiệp. Quan hệ hợp tác nghiên cứu giữa Nhà trường với các doanh nghiệp chưa mạnh

Nhà trường chưa có các dự án NCKH hợp tác với chuyên gia người nước ngoài hoặc có nguồn tài trợ nước ngoài;

Một số các mối quan hệ hợp tác nghiên cứu vẫn chưa được khai thác triệt để.

## **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện ( bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng KH thúc đẩy và mở rộng hợp tác với các doanh nghiệp cả chiều rộng và chiều sâu, đặc biệt là trong chuyển giao các sản phẩm KHCN của Nhà trường	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan	Năm học 2023 - 2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Chủ động tìm kiếm đối tác nước ngoài cùng hợp tác thực hiện các đề tài dự án, chủ động đề xuất hướng phối hợp nghiên cứu	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan	Năm học 2023 - 2024	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tích cực củng cố mối quan hệ và xây dựng các đề án nghiên cứu chung với các đối tác đã ký kết MOU về NCKH mà chưa được thực hiện hiệu quả	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan	Năm học 2023 - 2024	
	Phát huy	- Tiếp tục xây dựng và ban hành chiến lược phát triển	Phòng QLKH-ĐN-TT;	Năm học 2023 - 2024	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện ( bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
	điểm mạnh 1	<p>Trường, có các văn bản quản lý, quy trình triển khai các hoạt động hợp tác trong nghiên cứu khoa học tại Trường ĐHHT phù hợp với khả năng và tình hình thực tiễn.</p> <p>- Tiếp tục phối hợp triển khai các hợp tác trong NCKH với sự tham gia của các đối tác, các trường đại học trong và ngoài nước góp phần nâng cao năng lực NCKH cho CBGV Nhà trường.</p>	các đơn vị liên quan		
	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục mở rộng liên hệ và kết nối với các doanh nghiệp, trường học trong và ngoài nước trong việc hợp tác đào tạo, nghiên cứu khoa học.	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan	Năm học 2023 - 2024	
	Phát huy điểm mạnh 3	<p>- Tiếp tục thực hiện việc báo cáo tổng kết, đánh giá hằng năm về hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học.</p> <p>- Tiếp tục đẩy mạnh việc tổ chức ký kết các hợp đồng, MOU.</p>	Phòng QLKH-ĐN-TT; các đơn vị liên quan	Năm học 2023 - 2024	

**4. Mức đánh giá:**



<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 20</i></b>	<b><i>4,00</i></b>
Tiêu chí 20.1	4
Tiêu chí 20.2	4
Tiêu chí 20.3	4
Tiêu chí 20.4	4

## **Tiêu chuẩn 21. Kết nối và PVCĐ**

***Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của cơ sở giáo dục.***

### ***1. Mô tả***

Hoạt động kết nối và PVCĐ được Trường ĐHHT khẳng định trong tầm nhìn, sứ mạng của Trường giai đoạn 2016-2025, tầm nhìn đến năm 2030 [H1.21.01.01]. Với Sứ mệnh: Tiên phong trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và nghề nghiệp tối đa cho người học và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của toàn xã hội; Tầm nhìn: Trường ĐHHT phấn đấu trở thành trung tâm đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao, trung tâm NCKH và chuyển giao tri thức khoa học, công nghệ, trung tâm giao lưu văn hóa và thúc đẩy hợp tác quốc tế, hữu nghị giữa các dân tộc trên toàn thế giới của tỉnh Hà Tĩnh, khu vực miền Trung, cả nước, trong khu vực và trên phạm vi quốc tế. Trong Đề án phát triển Nhà trường giao đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030 cũng đã thể hiện rõ ở tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi trong việc kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ [H1.21.01.02]. Trong các chiến lược phát triển, Nhà trường cũng đã xác định các chính sách kết nối và PVCĐ như: gắn kết đào tạo, bồi dưỡng với đáp ứng nhu cầu xã hội; chú trọng công tác NCKH theo định hướng ứng dụng, góp phần phục vụ phát triển KTXH của tỉnh Hà Tĩnh và khu vực; đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học sau khi tốt nghiệp đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động trong xu thế toàn cầu hóa và hội nhập ... [H1.21.01.03].

Trong các chương trình hành động của Đảng bộ Trường thực hiện Nghị quyết của Đại hội, hoạt động kết nối và PVCĐ đã được xác định bằng chính sách xây dựng và phát triển Nhà trường theo định hướng: "...chú trọng đào tạo nhân lực trình độ cao; trước mắt đầu tư nâng cao chất lượng đào tạo ĐH, mở thêm một số chuyên ngành mới đáp ứng nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực cho tỉnh"; "Nâng cao chất lượng và số lượng các đề tài nghiên cứu, chú trọng nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất" [H1.21.01.04]. Hoạt động kết nối và PVCĐ cũng được thể hiện trong báo cáo Hiệu trưởng tại các Hội nghị CBVC năm học [H1.21.01.05]

Trong chương trình hành động của Đoàn Trường nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội cũng nêu rõ nhiệm vụ trọng tâm của ĐTN là đồng hành cùng thanh niên trong lập thân, lập nghiệp, trong đó, chú trọng tổ chức: "Tuyên dương thường niên các danh hiệu "Nhà giáo trẻ tiêu biểu", "SV 5 tốt", "HS 3 tốt", "HS 3 rèn luyện" các cấp và các giải pháp kết nối phát huy các gương điển hình sau tuyên

ương”; Đồng hành với thanh niên trong phát triển kỹ năng xã hội; Chú trọng tổ chức các phong trào hành động cách mạng phát huy vai trò xung kích, tình nguyện, sáng tạo của thanh niên trong bảo vệ tổ quốc”. [H1.21.01.06]. Các hoạt động kết nối và PVCD mang màu sắc của ĐTN và HSV cũng được quy định rõ trong chức năng nhiệm vụ của ĐTN, HSV [H1.21.01.07];

Nhà trường đã ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc, trong đó có quy định về nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị chức năng chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD [H1.21.01.08]. Vào đầu năm học tất cả các đơn vị trực thuộc đều phải xây dựng Kế hoạch năm học, trong đó gắn với việc triển khai các nhiệm vụ kết nối và PVCD của Nhà trường như là một nhiệm vụ rất quan trọng [H1.21.01.09]; tổ chức đoàn thể cũng đã bám sát kế hoạch trong năm để triển khai các hoạt động tốt [H1.21.01.10].

Nhằm quản lý tốt người học và nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội. Nhà trường đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quản lý như: Các Quy chế đào tạo, đề án tuyển sinh [H1.21.01.11]; Quy định quản lý hoạt động KHCCN và Kế hoạch chiến lược phát triển KHCCN từng giai đoạn [H1.21.01.12]; Quy chế quản lý người học [H1.21.01.13]. Nhà trường xây dựng kế hoạch ký kết các biên bản hợp tác với nhiều công ty [H1.21.01.14] với phương châm kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD, Nhà trường đã thành lập Tổ giúp việc thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới để triển khai cụ thể [H1.21.01.15].

Trên cơ sở quy định về chức năng, nhiệm vụ, tình hình nhân sự, các đơn vị chức năng trực thuộc và các tổ chức, đoàn thể của Trường ĐHHT đều có phân công nhiệm vụ cho thành viên của đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch kết nối, cung cấp các dịch vụ PVCD theo đúng nhiệm vụ được giao. Bên cạnh đó, trong mỗi kế hoạch, các đơn vị, tổ chức, đoàn thể đều có phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng cá nhân cụ thể..

Các nội dung kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường đều được cập nhật các bài viết, hình ảnh, video clip trên các trang website, facebook của các đơn vị, nhà trường và tổ chức đoàn thể [H1.21.01.16].

Nhà trường nhận được các ý kiến phản hồi của CBVC và các bên liên quan [H1.21.01.17].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và PVCD được thực hiện.***

### ***1. Mô tả***

Để thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Nhà trường trong việc kết nối và PVCD, hàng năm, các đơn vị liên quan đều triển khai thực hiện các hoạt động của mình theo kế hoạch được xây dựng và đã mang lại nhiều kết quả tốt.

- Đối với công tác kết nối và PVCĐ trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng: Căn cứ vào Kế hoạch năm học Phòng Đào tạo, Trung tâm Đào tạo BDTX, Trung tâm CNTT [H2.21.02.01]; Trường đã hoàn thiện hồ sơ, ký kết các hợp đồng về liên kết đào tạo. Từ năm 2018 đến năm 2022, Nhà trường đã Liên kết với các Trường ĐH lớn đào tạo được 352 thạc sĩ phục vụ cho các lĩnh vực của tỉnh [H2.21.02.03] [H2.21.02.07]; ký kết các biên bản ghi nhớ hợp tác đào tạo với các trường, các doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm tổ chức cho SV tham gia học tập hoặc đi thực tập hưởng lương [H2.21.02.04], [H2.21.02.08]

Tiến hành giảng dạy, đào tạo, tư vấn doanh nghiệp, tổ chức, cộng đồng như mở các lớp đào tạo, bồi dưỡng nhằm phục vụ nhu cầu học tập, nâng cao chất lượng đội ngũ cho các đơn vị, địa phương trong, ngoài tỉnh cũng như nước bạn Lào; [H2.21.02.02][H2.21.02.03]; mở được hơn 157 lớp bồi dưỡng cho CBVC, công chức của tỉnh với 4271 học viên được cấp chứng chỉ các loại [H2.21.02.05] [H2.21.02.07]; đào tạo được 519 LHS Lào [H2.21.02.06] [H2.21.02.07].

- Đối với hoạt động NCKH và chuyển giao công nghệ: Đầu năm học, phòng QLKH-ĐN-TT tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động và căn cứ vào đó để triển khai các hoạt động cộng đồng. Trường đã tổ chức nghiên cứu và chuyển giao kết quả nghiên cứu của các đề tài, dự án phục vụ cho sự phát triển của cộng đồng và xã hội, cụ thể từ năm 2018 đến năm 2022 cán bộ GV của Trường đã thực hiện NCKH cũng như tham gia hợp tác NCKH với các đơn vị bên ngoài, tham gia các dự án NCKH cấp Bộ (7 đề tài), cấp tỉnh (6 đề tài và 2 dự án), đề tài cấp cơ sở (49 đề tài); Kết nối và tổ chức các hội nghị, hội thảo, tọa đàm khoa học về các lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Nhà trường, đăng bài trên các tạp chí trong nước và quốc tế (437 bài đăng tạp chí khoa học trong nước); 139 bài đăng tại Hội thảo trong nước và 65 bài đăng ở Hội thảo quốc tế [H2.21.02.09];

- Về các hoạt động kết nối và PVCĐ trong lĩnh vực hỗ trợ người học: Trường ĐHHT rất quan tâm đến việc hỗ trợ người học tiếp cận và khai thác các nguồn lực về học liệu, nguồn lực tài chính, học bổng SV và ứng dụng CNTT... phục vụ cho việc học tập được hiệu quả [H2.21.02.10]; đã kết nối với mạng lưới nhà tuyển dụng, phối hợp tổ chức hội nghị giới thiệu việc làm, định hướng nghề nghiệp và cung cấp thông tin phù hợp về người học cho nhà tuyển dụng thông qua ngày hội việc làm, thường xuyên tổ chức cho SV tham quan, thực tập tại các doanh nghiệp, thực hiện các hoạt động kết nối, hỗ trợ đào tạo nhân lực cho các doanh nghiệp đạt nhiều kết quả tốt (fomosa Đài Loan, VNPT...) [H2.21.02.11]; Nhà trường cũng rất quan tâm và phát triển mảng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo cho SV bằng việc xây dựng nhiều kế hoạch triển khai. Trường đã thành lập CLB khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn nhằm trang bị những kiến thức cho SV đồng thời hằng năm đều có nhiều công trình tham gia Hội thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh Hà Tĩnh đạt giải. Mỗi giai đoạn đều có tổng kết báo cáo [H2.21.02.12]; các hoạt động của SV được triển khai theo kế hoạch hàng năm đầy đủ với nhiều nội dung hướng về việc kết nối và cung cấp dịch vụ cộng đồng và tổng kết đánh giá cuối mỗi năm học [H2.21.02.13].

- Về kết nối PVCD trong lĩnh vực tư vấn, khuyến nghị chính sách:

Nhà trường tham gia vào các hoạt động tham mưu, tư vấn chính sách cho các cơ quan Trung ương và địa phương thông qua việc tham dự các chương trình, đề án, hội nghị, hội thảo do các cơ quan trung ương hay địa phương chủ trì. Xây dựng chuyên đề và tổ chức các hoạt động tư vấn về chuyên môn, nghiệp vụ cho các tổ chức, doanh nghiệp và các bên liên quan.

Tham gia tư vấn hoạt động xây dựng, triển khai chính sách, mô hình kinh tế và các kế hoạch, chiến lược phát triển KTXH của địa phương, bộ ngành [H2.21.02.14].

- Về Kết nối và PVCD trong các hoạt động tình nguyện và từ thiện:

Đây là hoạt động nổi bật của Trường ĐHHT. Hằng năm, ĐTN và HSV Trường đều xây dựng kế hoạch tổng thể cho các hoạt động kết nối và PVCD [H2.21.02.15], từ đó tiến hành tổ chức thực hiện các hoạt động rất hiệu quả, cụ thể như: Chiến dịch Tình nguyện hè, Đông ấm biên cương, Mùa xuân tình nguyện [H3.21.02.16]; Chương trình giờ trái đất và hoạt động môi trường [H3.21.02.17]; Các hoạt động hiến máu tình nguyện [H3.21.02.18], kết quả từ năm 2018 đến 2022 đã thu được 1.160 đơn vị máu do CBVC, SV tham gia hiến máu, đồng thời trao tặng hàng trăm suất quà cùng hàng loạt các phần việc việc ý nghĩa tại các địa bàn vùng sâu vùng xa, hoàn cảnh khó khăn; Ban điều phối Nông thôn mới của Trường đã phối hợp với các địa phương (xã, thôn) hỗ trợ thực hiện chương trình xây dựng Nông thôn mới [H3.21.02.19]; số liệu được thể hiện đầy đủ trong các báo cáo năm học của ĐTN và Báo cáo của HSV [H3.21.02.20]; Công đoàn trường đã vận động trao tặng, quyên góp ủng hộ quỹ vaccine COVID-19 với số tiền hàng trăm triệu đồng và trao nhiều phần quà cho nạn nhân bị COVID-19, vận động hơn 100 CBVC hiến máu nhân đạo, trao gần trăm triệu tiền ủng hộ nạn nhân bị lũ lụt theo Báo cáo Tổng kết hoạt động Công đoàn [H3.21.02.21].

Trong thực tiễn triển khai, các nội dung về kết nối và PVCD được lồng ghép vào các bài giảng SHCD, nội dung trao đổi tại các cuộc họp giao ban và qua các buổi làm việc giữa các đơn vị với lãnh đạo Nhà trường hoặc các đơn vị chức năng [H3.21.02.22].

Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và PVCD được thực hiện đều được cập nhật các bài viết, hình ảnh, video clip trên các trang Website, facebook của các đơn vị, nhà trường và tổ chức đoàn thể [H3.21.02.23].

Các quy định quản lý và hướng dẫn thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của Trường được ban hành, tổ chức thực hiện đều dựa trên các văn bản chỉ đạo của các cấp có thẩm quyền, do đó đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, có đầy đủ mục đích, yêu cầu, nội dung thực hiện, thời gian, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các bên liên quan, phân bổ kinh phí và hướng dẫn tổ chức thực hiện. [H3.21.02.24], hàng tháng nhà trường đã tiến hành rà soát kiểm tra, đánh giá kết quả hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD một cách nghiêm túc và ra thông báo liên tịch và tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm để có thể điều chỉnh, bổ sung kịp thời nhằm đảm bảo các quy định, hướng dẫn về hoạt

động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường tuân thủ đúng quy định của pháp luật . [H3.21.02.25]. Cuối mỗi hoạt động hoặc mỗi kỳ, Nhà Trường đều tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của cán bộ GV, các doanh nghiệp, SV và cựu SV về các chính sách và hướng dẫn cho việc kết nối và PVCĐ được thực hiện để có dữ liệu tổng kết, rút kinh nghiệm và có những kiến nghị, đề xuất kịp thời [H3.21.02.26].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### ***Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.***

#### **1. Mô tả**

- Hiện nay, Trường đã triển khai được hệ thống đo lường việc kết nối và PVCĐ:

Từ năm 2014 Nhà trường đã ban hành Quy định về hoạt động đảm bảo chất lượng bên trong Trường ĐH Hà Tĩnh, tiếp đến hàng năm đều ban hành Kế hoạch công tác đảm bảo chất lượng và kiểm tra [H4.21.03.01]. Nhà trường đã ban hành văn bản hướng dẫn kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên và tập thể cán bộ lãnh đạo, quản lý [H4.21.03.02]; văn bản quy định đánh giá, xếp loại chất lượng viên chức, người lao động [H4.21.03.03] để đo lường hoạt động của cán bộ nhân viên, GV và các tập thể trong nhà Trường, trong đó có hoạt động kết nối và PVCĐ.

Đối với SV, trong nội dung đánh giá rèn luyện của SV và khung thang điểm, có nội dung đánh giá ý thức công dân trong quan hệ với cộng đồng chiếm 25/100 điểm [H4.21.03.04]; ĐTN - HSV trường cũng ban hành các tiêu chí, tiêu chuẩn làm cơ sở đo lường, đánh giá và giám sát các hoạt động cộng đồng của SV nhằm xếp loại, khen thưởng hàng năm [H4.21.03.05].

- Hồ sơ thực hiện từng hoạt động PVCĐ được xây dựng khoa học, đầy đủ các nội dung: kế hoạch; các bên tham gia; các đóng góp cho xã hội; các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động dịch vụ và chuyên giao, các đơn vị đều có tổ chức sơ kết, tổng kết và có báo cáo về số lượng các bên tham gia, người tham gia, những đóng góp cụ thể cho xã hội về số lượng công trình/ số tiền. Kết quả đo lường việc kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ được thể hiện thông qua hệ thống báo cáo như: Báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường [H4.21.03.06]; Báo cáo công tác HSSV [H4.21.03.07]; Báo cáo cụ thể theo từng kế hoạch như Báo cáo kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới [H4.21.03.08]; Báo cáo các điều kiện để thực hiện lộ trình đào tạo nâng trình độ chuẩn cho giáo viên Mầm non, Tiểu học, THCS [H4.21.03.09]; Báo cáo khảo sát tình hình SV tốt nghiệp ra trường có việc làm với các thông tin như tỷ lệ % SV có việc làm đúng ngành đào tạo, tỷ lệ % SV có việc làm không liên quan đến ngành đào tạo, tỷ lệ SV làm việc trong cơ quan nhà nước, tỷ lệ % SV tự tạo việc làm [H4.21.03.10]; Bên cạnh đó thông qua hệ thống báo cáo của các tổ chức đoàn thể như Báo cáo Tổng kết hoạt động Công đoàn năm học [H4.21.03.11]; Báo cáo hoạt động ĐTN và Công tác HSV năm học

[H4.21.03.12]; Hồ sơ phê duyệt kinh phí đầu tư của Nhà trường cho các hoạt động của nhà trường được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ trường và kế hoạch các đơn vị được hiệu trưởng phê duyệt từ đầu năm học [H4.21.03.13][H1.21.01.09]. Nguồn kinh phí từ các hoạt động cung cấp dịch vụ và kết nối cộng đồng được thể hiện [H4.21.03.14].

- Nhà Trường thường xuyên thực hiện giám sát việc triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ nhằm đảm bảo các hoạt động diễn ra hiệu quả. Nhà trường có phân công cụ thể cho các thành viên (Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng) tham gia sinh hoạt đảng, công đoàn, phụ trách theo dõi hoạt động của các đơn vị trực thuộc qua đó có thể giám sát quá trình thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị được phân công, trong đó có hoạt động kết nối và PVCĐ [H4.21.03.15]. Việc thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ của đơn vị, cá nhân cũng được giám sát của các các bên liên quan khác như: Công đoàn, Đoàn trường, Phòng Công tác Chính trị - HSSV, các phòng ban liên quan và các khoa chuyên môn, đặc biệt là Ban Thanh tra nhân dân của Trường [H4.21.03.16]

Các thông tin đều được công khai trên các trang Website và facebook của Trường, đơn vị và tổ chức Đoàn - Hội [H4.21.03.17]; Cuối mỗi kỳ hoạt động, Trường tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của CBVC, DN, SV, cựu SV và các bên liên quan về triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và PVCĐ [H6.21.03.18] nhằm đánh giá hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ để tăng trách nhiệm đối với xã hội.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.***

### **1. Mô tả**

Để thực hiện sứ mạng và tầm nhìn của Nhà trường cũng như đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan, Nhà Trường rất chú trọng đến chất lượng của các hoạt động. Sau mỗi năm, Trường đều thực hiện bổ sung, cải tiến, hoàn thiện các hoạt động cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được thể hiện trong các kế hoạch của các đơn vị chức năng [H5.21.04.01], tổ chức đoàn thể [H5.21.04.02] [H5.21.04.03] cũng như trong chiến lược phát triển trường [H5.21.04.04].

Hàng tháng Hiệu trưởng chủ trì tổ chức cuộc họp Liên tịch gồm các trưởng đơn vị, trưởng các tổ chức đoàn thể nhằm đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ trong tháng theo kế hoạch, phân tích những tồn tại và đề ra các giải pháp để hoàn thành trong tháng tới, đồng thời xếp loại các cá nhân, tổ chức [H5.21.04.05]

Trên cơ sở tổng hợp đánh giá tổng quát các hoạt động của nhà trường, nêu lên những điều mạnh, điểm yếu, những tồn tại khó khăn khi thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ, từ đó đề xuất các giải pháp cụ thể, làm cơ sở điều chỉnh nội dung, hình thức tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ cho phù hợp, nhằm cải tiến hoạt động đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên

quan [H5.21.04.06]

Trong giai đoạn 2018 đến 2020, thực hiện cải tiến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng ngày càng phát triển và mang lại nhiều kết quả tích cực, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan theo kế hoạch. Cụ thể là thực hiện kế hoạch Cải tiến, nâng cao chất lượng giáo dục và Kế hoạch Rà soát, cải tiến chương trình đào tạo, qua đó góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu của xã hội [H5.21.04.07], Nhà Trường đã tổ chức nhiều cuộc hội thảo về các hoạt động liên quan nhằm thu thập ý kiến, đánh giá của các chuyên gia, đây chính là cơ sở khoa học cho việc cải tiến, mang lại kết quả hoạt động cao hơn [H5.21.04.08]. Nhà trường đã có sự cải tiến trong việc kết nối và tăng cường các chương trình thực tập thực tế cho SV tại nước ngoài có hưởng lương [H5.21.04.09].

Với quan điểm gắn NCKH phục vụ nhiệm vụ giáo dục đào tạo của Nhà trường và phát triển kinh tế-xã hội địa phương, những năm qua Trường đã tích cực phối hợp với Sở Khoa học công nghệ để đăng ký và triển khai nhiều đề tài, dự án KHCN theo đơn đặt hàng của tỉnh và nhu cầu xã hội, vì vậy hoạt động nghiên cứu khoa học đã có những kết quả đáng khích lệ, thu hút đông đảo SV và GV trong toàn trường tham gia và hưởng ứng tích cực, GV của Trường đã tham gia nhiều đề tài ở các cấp (có 6 đề tài và 2 dự án cấp tỉnh; 7 đề tài cấp bộ), các đề tài có tính ứng dụng và PVCD ngày càng cao [H5.21.04.10].

ĐTN - HSV định kỳ đều tiến hành tổng kết đánh giá lại kết quả hoạt động sau mỗi năm học, sau các chiến dịch tình nguyện. Từ đó định hướng, xây dựng kế hoạch hoạt động cho kỳ tiếp theo và luôn hướng tới các giải pháp toàn diện cho các hoạt động tình nguyện và thiện nguyện PVCD [H5.21.04.11]. So sánh chất lượng các hoạt động tình nguyện cộng đồng ngày càng hiệu quả hơn, điều đó được thể hiện ở kết quả khen thưởng của nhà trường và cấp trên ghi nhận thành tích của cá nhân tập thể [H5.21.04.12].

Công đoàn cũng đã thể hiện được việc cung cấp các dịch vụ cộng đồng được cải tiến trong việc chú trọng quan tâm đến các hoạt động một cách có chiều sâu và thực chất hơn như: đóng góp các quỹ xã hội, từ thiện; các phong trào thi đua cho công đoàn viên [H5.21.04.13].

Để đánh giá chất lượng, hiệu quả của hoạt động cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng làm cơ sở cho việc cải tiến để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, hàng năm Nhà trường có kế hoạch khảo sát ý kiến các bên liên quan về hoạt động của Trường. Qua khảo sát cho thấy, các bên liên quan rất hài lòng về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng. Các cơ sở dữ liệu về kết quả thực hiện các hoạt động dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng (phiếu khảo sát, dữ liệu khảo sát gốc, báo cáo kết quả khảo sát) của Trường qua các năm được lưu giữ tại phòng Đảm bảo chất lượng. [H5.21.4.14].

Tuy Nhà trường đã có kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hoạt động cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng nhưng chưa bao gồm tất cả các lĩnh vực. Do đó, cơ sở dữ liệu về đánh giá chất lượng, hiệu quả của hoạt

động chưa được kiểm soát để làm cơ sở cho việc cải tiến hoạt động này.

## **2. Tự đánh giá đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Trường ĐHHT đã có tương đối đầy đủ các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Trường.

- Trường ĐHHT đã triển khai thực hiện các quy định quản lý, hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ theo đúng đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, đúng quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Nhà trường đã cụ thể hóa các văn bản quy định của cấp trên theo điều kiện thực tế của trường nhằm tổ chức, triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ có hiệu quả cao nhất.

- Nhà trường đã triển khai hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và PVCĐ với nhiều hình thức, biện pháp: Xây dựng được hệ thống đo lường kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ; Cơ sở dữ liệu về hoạt động kết nối, PVCĐ của trường được xác lập, thống kê, lưu trữ tương đối đầy đủ.

- Các hoạt động PVCĐ được rà soát, đề xuất cải tiến, đặc biệt được thích ứng linh hoạt trong bối cảnh phòng chống dịch Covid-19.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Nhà trường chưa thật mạnh, đa dạng về quy mô. Vì vậy mà hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường vẫn còn thiếu tính đồng bộ.

- Việc thực hiện giám sát quá trình triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ, để tăng trách nhiệm đối với xã hội chưa được triển khai một cách có hệ thống.

- Nhà trường chưa thực hiện đầy đủ về nội dung khảo sát, định kỳ khảo sát sự hài lòng các bên liên quan để cải tiến hoạt động cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng.

#### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Các hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ của Trường phải đủ mạnh và đồng bộ	P.CTCT-HSSV, P. Đào tạo, TT. ĐT-BDTX	2023-2025	
2	Khắc phục tồn tại 2	Hệ thống giám sát quá trình triển khai các hoạt động kết nối và cung cấp	P. KT-ĐBCL P.TT - PC P. Đào tạo	2023-2025	



TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
		các dịch vụ PVCD phải hoàn thiện			
3	Khắc phục tồn tại 3	Cần khảo sát đầy đủ các bên liên quan về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD	P. KT-ĐBCL P. CTCT-HSSV P. Đào tạo TT.ĐT-BDTX ĐTN, HSV	2023-2025	
4	Phát huy điểm mạnh 1	Trường tiếp tục bổ sung đầy đủ các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD	Nhà trường	2023-2025	
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục triển khai thực hiện các quy định quản lý, hướng dẫn về hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD theo đúng	Các đơn vị liên quan	2023-2025	
6	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục bổ sung, rà soát, đề xuất cải tiến hoạt động kết nối và dịch vụ PVCD	Các đơn vị liên quan	2023-2025	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 21</b>	<b>4,00</b>
Tiêu chí 21.1	4
Tiêu chí 21.2	4
Tiêu chí 21.3	4
Tiêu chí 21.4	4

#### Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

**Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ NH đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các CTĐT, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

##### 1. Mô tả

Trường Đại học Hà Tĩnh có các kế hoạch đào tạo theo khóa học, theo năm học và theo kỳ học. Khóa học là thời gian thiết kế để SV hoàn thành một chương trình cụ thể. Thời gian của khóa học tùy thuộc vào trình độ đào tạo, ngành đào tạo. Hàng năm, Phòng Đào tạo và các khoa lập kế hoạch đào tạo (trong đó có xác

lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT) [H16.16.01.01]. Để đánh giá chất lượng dạy học, Nhà trường không chỉ đánh giá chất lượng đầu vào, chất lượng của quá trình mà còn đánh giá chất lượng CDR và SV tốt nghiệp. Các chỉ số liên quan đến người học như: các kết quả học tập, rèn luyện, kết quả tốt nghiệp, việc làm ... luôn được xác lập, lưu trữ, theo dõi và đối sánh cải tiến [H1.22.01.02].

Trong quá trình học tập, người học phải đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng và thái độ được đề ra trong chuẩn đầu ra các CTĐT. Để đánh giá được mức độ đáp ứng của SV đối với từng học phần cụ thể, Nhà trường đã đưa ra các thang đánh giá kết quả học tập trong Quy quy chế đào tạo của Trường. Một học phần được xem là đạt (được tích lũy) nếu điểm đánh giá học phần từ điểm D trở lên [H1.22.01.03].

Nhà trường có một hệ thống (quy chế quy định, phần mềm) theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ bỏ học/thôi học, thi lại của SV để đưa ra các biện pháp cải tiến kịp thời. Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác quản lý, đào tạo. Phần mềm EduSoft.Net do Phòng Đào tạo quản lý hỗ trợ cho công việc lưu trữ dữ liệu đào tạo, xuất dữ liệu theo yêu cầu để các CB-NV chuyên trách lập thống kê báo cáo. Phần mềm thi trắc nghiệm trên máy giúp tổ chức thi, quản lý điểm, xuất báo cáo theo yêu cầu. Cổng thông tin đào tạo hỗ trợ việc đưa thông tin kết quả đến từng người học. Ngoài ra, tại các khoa, Phòng Đào tạo theo dõi các tỷ lệ này, báo cáo lãnh đạo và hỗ trợ SV cải tiến kết quả học tập và rèn luyện [H1.22.01.04].

Sau mỗi năm học, phòng Đào tạo và các khoa, bộ môn sẽ thống kê kết quả học tập của SV. Từ kết quả đó xác định được tỷ lệ SV đạt điểm theo yêu cầu, tỷ lệ này được theo dõi, phân tích, đối sánh giữa các năm để đưa ra các cập nhật, điều chỉnh trong quy trình đào tạo nhằm nâng cao chất lượng.

Ngoài thống kê kết quả học tập của SV, phòng Đào tạo còn thống kê số lượng, tỷ lệ SV nghỉ học/bỏ học, đối sánh qua các năm tìm nguyên nhân để có biện pháp cải tiến giảm tỷ lệ này [H1.22.01.05].

**Bảng 22.1 Thống kê tỉ lệ SV tốt nghiệp và thôi học các CTĐT**

<b>CTĐT</b>	<b>Khóa học</b>	<b>Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (%)</b>	<b>Tỉ lệ thôi học(%)</b>	<b>Ghi chú</b>
Sur phạm Toán học	2014-2018	86.36	13.64	
Khoa học môi trường	2014-2018	81.25	18.75	
Sur phạm Tiếng Anh	2014-2018	63.64	36.36	
Ngôn ngữ Anh	2014-2018	90	10	
Giáo dục Chính trị	2014-2018	87.64	12.36	
Luật	2014-2018	92.41	7.59	

<b>CTĐT</b>	<b>Khóa học</b>	<b>Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (%)</b>	<b>Tỉ lệ thôi học(%)</b>	<b>Ghi chú</b>
Công nghệ thông tin	2014-2018	84	16	
Kỹ thuật xây dựng	2014-2018	85.45	14.55	
Giáo dục tiểu học	2014-2018	89.23	10.77	
Giáo dục mầm non	2014-2018	93.06	6.94	
Kế toán	2014-2018	87.96	12.04	
Tài chính - Ngân Hàng	2014-2018	88.5	11.5	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2014-2018	75	25	
Sư phạm Toán học	2015-2019	90.91	9.09	
Khoa học môi trường	2015-2019	86	14	
Sư phạm Tiếng Anh	2015-2019	87.1	12.9	
Ngôn ngữ Anh	2015-2019	63.64	36.36	
Ngôn ngữ Trung Quốc	2015-2019	75	25	
Giáo dục Chính trị	2015-2019	92.08	7.92	
Luật	2015-2019	90.07	9.93	
Công nghệ thông tin	2015-2019	81.82	18.18	
Kỹ thuật xây dựng	2015-2019	85.71	14.29	
Giáo dục tiểu học	2015-2019	80.33	19.67	
Giáo dục mầm non	2015-2019	86.33	13.67	
Kế toán	2015-2019	87.27	12.73	
Tài chính - Ngân Hàng	2015-2019	88.78	11.22	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2015-2019	70.59	29.41	
Sư phạm Toán học	2016-2020	55.56	44.44	
Khoa học môi trường	2016-2020	91.3	8.7	
Sư phạm Tiếng Anh	2016-2020	84.21	15.79	
Ngôn ngữ Anh	2016-2020	100	0	
Ngôn ngữ Trung Quốc	2016-2020	60.87	39.13	
Giáo dục Chính trị	2016-2020	96.83	3.17	
Luật	2016-2020	86.08	13.92	
Công nghệ thông tin	2016-2020	86.79	13.21	
Kỹ thuật xây dựng	2016-2020	88.89	11.11	
Giáo dục tiểu học	2016-2020	86.44	13.56	
Giáo dục mầm non	2016-2020	87.65	12.35	
Quản trị kinh doanh	2016-2020	79.17	20.83	
Kế toán	2016-2020	76	24	

<b>CTĐT</b>	<b>Khóa học</b>	<b>Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn (%)</b>	<b>Tỉ lệ thôi học(%)</b>	<b>Ghi chú</b>
Tài chính - Ngân Hàng	2016-2020	84.42	15.58	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2016-2020	100	0	
Sư phạm Toán học	2017-2021	66.67	33.33	
Sư phạm Tiếng Anh	2017-2021	66.67	33.33	
Ngôn ngữ Anh	2017-2021	80	20	
Ngôn ngữ Trung Quốc	2017-2021	82.76	17.24	
Luật	2017-2021	90.48	9.52	
Chính trị học	2017-2021	91.3	8.7	
Công nghệ thông tin	2017-2021	88.57	11.43	
Kỹ thuật xây dựng	2017-2021	71.43	28.57	
Giáo dục tiểu học	2017-2021	82	18	
Giáo dục mầm non	2017-2021	82.43	17.57	
Quản trị kinh doanh	2017-2021	59.09	40.91	
Kế toán	2017-2021	74.19	25.81	
Tài chính - Ngân Hàng	2017-2021	91.67	8.33	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2017-2021	75	25	
Khoa học môi trường	2017-2021	80	20	
Sư phạm Tiếng Anh	2018-2022	100	0	
Ngôn ngữ Anh	2018-2022	46.15	53.85	
Ngôn ngữ Trung Quốc	2018-2022	83.33	16.67	
Luật	2018-2022	53.7	46.3	
Chính trị học	2018-2022	75	25	
Công nghệ thông tin	2018-2022	79.49	20.51	
Kỹ thuật xây dựng	2018-2022	100	0	
Giáo dục tiểu học	2018-2022	80	20	
Giáo dục mầm non	2018-2022	84.34	15.66	
Quản trị kinh doanh	2018-2022	85.71	14.29	
Kế toán	2018-2022	86.11	13.89	
Tài chính - Ngân Hàng	2018-2022	87.5	12.5	
Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	2018-2022	87.5	12.5	
Khoa học môi trường	2018-2022	75	25	

Hàng năm, Nhà trường có thống kê, báo cáo số liệu về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học để có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và

giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các CTĐT; giảm tỷ lệ học lại, thi lại môn học/học phần [H1.22.01.06].

## 2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

**Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

### 1. Mô tả

Nhà trường đã thiết kế CTĐT, bố trí các học phần một cách hợp lý đảm bảo khối lượng kiến thức và thời gian tốt nghiệp cho SV. Đối với các CTĐT Đại học hệ chính quy, đa số các ngành có thời gian thiết kế chuẩn là 4 năm. Thời gian tối đa hoàn thành chương trình bao gồm: thời gian thiết kế cho chương trình, cộng với 2 học kỳ đối với các khoá học 1,5 năm đến 2,5 năm; 4 học kỳ đối với các khoá học từ 3 năm đến 5 năm. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV trình độ đại học dự kiến là 4 năm [H1.22.02.01].

**Bảng 22.2.1. Thời gian đào tạo các bậc, hệ**

Trình độ đào tạo	Thời gian đào tạo thiết kế chuẩn (năm)	Thời gian học tập tối đa(năm)
Cao đẳng	3	5
Đại học	4	6
Đại học liên thông (từ cao đẳng)	1.5	2.5
Đại học liên thông (từ trung cấp)	2.5	3.5
Đại học liên thông (từ đại học)	2.5	3.5

Nhà trường có một hệ thống (quy chế quy định, phần mềm) theo dõi, giám sát, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, tốt nghiệp đúng tiến độ, tốt nghiệp không đúng (sớm/muộn) tiến độ của SV để đưa ra các biện pháp cảnh báo kịp thời. Phần mềm Edusoft.net lưu trữ dữ liệu học tập của SV (kết quả học phần, thi lại, kết quả xét tốt nghiệp, xuất dữ liệu theo yêu cầu để các CB-NV chuyên trách lập thống kê báo cáo. Cổng thông tin đào tạo hỗ trợ việc đưa thông tin kết quả đến từng SV để SV có thể theo dõi kết quả học tập cũng như tiến độ tốt nghiệp của mình. [H1.22.02.02].

Quy chế đào tạo cũng đã cung cấp đủ các thông tin liên quan đến điều kiện để được xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp cho SV. SV có thể gửi đơn đến Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học; SV cũng có thể học cùng lúc hai chương trình và chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất [H1.22.02.03]. Vào đầu khóa học, năm học, SV sẽ được phổ biến về thời gian đào tạo trong buổi sinh hoạt đầu năm. Bên cạnh đó, các thông tin về kết quả học tập từng học kỳ, kết quả điểm số tích lũy qua các năm học cũng được cung cấp cho SV Cổng thông tin đào tạo.

SV có thể sắp xếp thời gian để bố trí lịch học cá nhân cụ thể từng học kỳ, chủ động lên kế hoạch học tập nhằm tốt nghiệp đúng hoặc sớm tiến độ [H1.22.02.04].

Từng năm học, Nhà trường thống kê số lượng SV tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp nhằm theo dõi tiến độ tốt nghiệp của SV. Trên cơ sở dữ liệu thống kê được, phòng Đào tạo làm báo cáo tổng kết tình hình tốt nghiệp của SV tất cả các CTĐT, số lượng và SV tốt nghiệp đúng tiến độ, sớm tiến độ hay muộn hơn so với tiến độ quy định, đánh giá thời gian tốt nghiệp trung bình của SV của tất cả các CTĐT, đề ra biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp [H1.22.02.05].

**Bảng 22.2.2. Thời gian bình quân tốt nghiệp của các khóa SV trong giai đoạn 2018-2022**

STT	Khóa học	Năm tốt nghiệp theo đúng tiến trình	Năm tối đa hoàn thành khóa học	Thời gian tốt nghiệp theo đúng tiến trình	Thời gian bình quân tốt nghiệp
1	Khóa 7 (2014 - 2018)	6/2018	6/2010	4	4,04
2	Khóa 8 (2015 - 2019)	6/2019	6/2011	4	4,01
3	Khóa 9 (2016 - 2020)	6/2020	6/2022	4	4,05
4	Khóa 10 (2017 - 2021)	6/2021	6/2023	4	3,89
5	Khóa 11 (2018 - 2022)	6/2022	6/2024	4	4,00
6	Thời gian bình quân tốt nghiệp trong 5 năm				4,00

**Bảng 22.2.3. Thời gian bình quân tốt nghiệp của CTĐT trong giai đoạn 2018-2022**

TT	Khóa học	Chương trình đào tạo	Thời gian tốt nghiệp trung bình	Ghi chú
1.	2014-2018	Sư phạm Toán học	4	
2.	2014-2018	Sư phạm Tiếng Anh	4	
3.	2014-2018	Ngôn ngữ Anh	4.11	
4.	2014-2018	Luật	4	
5.	2014-2018	Công nghệ thông tin	4.1	
6.	2014-2018	Kỹ thuật xây dựng	5	
7.	2014-2018	Giáo dục tiểu học	4	
8.	2014-2018	Giáo dục mầm non	4	
9.	2014-2018	Kê toán	4.04	
10.	2014-2018	Tài chính - Ngân Hàng	4.06	

<b>TT</b>	<b>Khóa học</b>	<b>Chương trình đào tạo</b>	<b>Thời gian tốt nghiệp trung bình</b>	<b>Ghi chú</b>
11.	2014-2018	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4.06	
12.	2014-2018	Khoa học môi trường	4.12	
13.	2014-2018	Giáo dục Chính trị	4	
14.	2015-2019	Sư phạm Toán học	3.97	
15.	2015-2019	Sư phạm Tiếng Anh	4	
16.	2015-2019	Ngôn ngữ Anh	4	
17.	2015-2019	Ngôn ngữ Trung Quốc	4	
18.	2015-2019	Luật	4	
19.	2015-2019	Công nghệ thông tin	4.06	
20.	2015-2019	Kỹ thuật xây dựng	5.06	
21.	2015-2019	Giáo dục tiểu học	4	
22.	2015-2019	Giáo dục mầm non	4	
23.	2015-2019	Kê toán	4.02	
24.	2015-2019	Tài chính - Ngân Hàng	4	
25.	2015-2019	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4	
26.	2015-2019	Khoa học môi trường	4.05	
27.	2015-2019	Giáo dục Chính trị	4	
28.	2016-2020	Sư phạm Toán học	4	
29.	2016-2020	Sư phạm Tiếng Anh	4	
30.	2016-2020	Ngôn ngữ Anh	4.6	
31.	2016-2020	Ngôn ngữ Trung Quốc	4.07	
32.	2016-2020	Luật	4.01	
33.	2016-2020	Công nghệ thông tin	4.02	
34.	2016-2020	Kỹ thuật xây dựng	5.04	
35.	2016-2020	Giáo dục tiểu học	4	
36.	2016-2020	Giáo dục mầm non	4.02	
37.	2016-2020	Quản trị kinh doanh	4	
38.	2016-2020	Kê toán	4.02	
39.	2016-2020	Tài chính - Ngân Hàng	4	
40.	2016-2020	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4	
41.	2016-2020	Khoa học môi trường	4	
42.	2016-2020	Giáo dục Chính trị	4	
43.	2017-2021	Sư phạm Toán học	3	
44.	2017-2021	Sư phạm Tiếng Anh	4	
45.	2017-2021	Ngôn ngữ Anh	4	
46.	2017-2021	Ngôn ngữ Trung Quốc	4	
47.	2017-2021	Luật	4	
48.	2017-2021	Chính trị học	4.05	

TT	Khóa học	Chương trình đào tạo	Thời gian tốt nghiệp trung bình	Ghi chú
49.	2017-2021	Công nghệ thông tin	4.06	
50.	2017-2021	Kỹ thuật xây dựng	4	
51.	2017-2021	Giáo dục tiêu học	4.02	
52.	2017-2021	Giáo dục mầm non	4	
53.	2017-2021	Quản trị kinh doanh	3.46	
54.	2017-2021	Kê toán	4	
55.	2017-2021	Tài chính - Ngân Hàng	4	
56.	2017-2021	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	3.83	
57.	2017-2021	Khoa học môi trường	4	
58.	2018-2022	Sư phạm Tiếng Anh	4	
59.	2018-2022	Ngôn ngữ Anh	4	
60.	2018-2022	Ngôn ngữ Trung Quốc	4	
61.	2018-2022	Luật	4	
62.	2018-2022	Chính trị học	4	
63.	2018-2022	Công nghệ thông tin	4	
64.	2018-2022	Kỹ thuật xây dựng	5	
65.	2018-2022	Giáo dục tiêu học	4	
66.	2018-2022	Giáo dục mầm non	4	
67.	2018-2022	Quản trị kinh doanh	4	
68.	2018-2022	Kê toán	4	
69.	2018-2022	Tài chính - Ngân Hàng	4	
70.	2018-2022	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	4	
71.	2018-2022	Khoa học môi trường	4	

Sau các cuộc họp rà soát tình hình tốt nghiệp SV năm cuối của các CTĐT, bên cạnh việc tư vấn, hỗ trợ SV hoàn thành khóa học đúng tiến độ, Nhà trường luôn quan tâm, tạo điều kiện để SV có thể tốt nghiệp sớm tiến độ với nhiều biện pháp khác nhau [H1.22.02.06].

Những SV có nguy cơ tốt nghiệp không đúng tiến độ, sau khi có các kết quả thi của mỗi học kỳ, Phòng Đào tạo phối hợp cùng các Khoa tiến hành xét tiến độ, và gửi kết quả đến những SV bị cảnh báo kết quả học tập. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng học kỳ chính, nhằm giúp cho SV có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình, hạn chế SV bỏ học ở mức thấp nhất [H1.22.02.07].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***



### 1. Mô tả

Bên cạnh việc tập trung vào chất lượng đào tạo nhằm trang bị kiến thức vững chắc cho SV, khả năng có việc làm của SV sau khi ra trường cũng là vấn đề Nhà trường quan tâm hàng đầu. Khi lập kế hoạch đào tạo, Nhà trường đã xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ/thôi học, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình và dự đoán khả năng có việc làm của SV [H1.22.01.01]. Trường giao cho phòng CTCT - HSSV là đầu mối tổ chức khảo sát thông tin việc làm của SV tốt nghiệp hằng năm. Các kết quả khảo sát được tổng hợp báo cáo và công khai trên cổng thông tin điện tử của Nhà trường theo Quy định ba công khai [H1.22.03.02]. Việc khảo sát được thực hiện theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT, các kết quả khảo sát thông tin SV tốt nghiệp có việc làm được nộp về Bộ GD&ĐT và được đưa vào là một điều kiện phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh đại học hằng năm [H1.22.03.03].

Các kết quả khảo sát thông tin SV tốt nghiệp từ năm 2018 đến năm 2022 cho thấy tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm trong vòng 12 tháng đều đạt trên 79%. Tỉ lệ SV tốt nghiệp có việc làm phù hợp với chuyên ngành được đào tạo đều đạt trên 37%.

**Bảng 22.3.1. Bảng thống kê tỉ lệ việc làm sau tốt nghiệp 12 tháng**

<b>Năm tốt nghiệp (năm khảo sát)</b>	<b>Tỉ lệ SV tìm được việc làm trong vòng 12 tháng</b>	<b>Tỉ lệ có việc làm phù hợp với chuyên môn (Kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đáp ứng công việc)</b>	<b>Ghi chú</b>
2017 (2018)	79,87%	54,00%	
2018 (2019)	79,77%	37,90%	
2019 (2020)	88,65%	46,85%	
2020 (2021)	82,23%	52,50%	
2021 (2022)	89,02%	84,70%	

Căn cứ kết quả khảo sát tỉ lệ có việc làm của SV các năm, trường tiến hành đối sánh tỉ lệ có việc làm và mức độ đáp ứng công việc giữa các ngành cũng như các xu hướng khu vực làm việc của SV tốt nghiệp. Các kết quả báo cáo là căn cứ cho việc điều chỉnh chỉ tiêu tuyển sinh giữa các ngành theo hướng tăng chỉ tiêu cho các ngành đào tạo đáp ứng tốt nhu cầu xã hội và giảm chỉ tiêu cho các ngành có nhu cầu xã hội thấp [H1.22.03.04]. Ngoài ra, kết quả báo cáo việc làm là cơ sở để Trường có các điều chỉnh trong CTĐT như tăng cường các hoạt động hỗ trợ nhằm bổ sung các kiến thức, kỹ năng phù hợp cho người học; Kết quả báo cáo việc làm cũng giúp nhà trường dự đoán được tỷ lệ linh viên tốt nghiệp của từng khóa học [H1.22.03.05].

Bên cạnh việc đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo theo hướng đáp ứng nhu cầu thị trường lao động, Trường tổ chức các hoạt động hướng nghiệp để người học sớm có định hướng nghề nghiệp cho bản thân. Hoạt động hướng nghiệp không

chỉ tổ chức ở cấp trường mà được các đơn vị đào tạo quan tâm triển khai phù hợp với ngành đào tạo của mình. Nhà trường ký kết hợp tác với nhiều doanh nghiệp, kêu gọi sự tham gia của doanh nghiệp vào xây dựng chương trình, hỗ trợ đào tạo và hỗ trợ SV lập nghiệp, khởi nghiệp [H1.22.03.05].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***

### **1. Mô tả**

Chất lượng của NH tốt nghiệp được Nhà trường rất quan tâm nên được đưa vào kế hoạch dài hạn. Khi lập kế hoạch đào tạo hàng năm, Nhà trường đã xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ/thôi học, dự đoán thời gian tốt nghiệp trung bình và dự đoán khả năng có việc làm của SV ra trường [H1.22.01.01]. Trường đã xác lập và duy trì hoạt động khảo sát ý kiến các bên liên quan qua hàng năm. Nhà trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan phục vụ công tác nâng cao chất lượng toàn diện trong Nhà trường thông qua hệ thống quy trình làm việc ISO: Quy trình khảo sát ý kiến các bên liên quan. Gồm các loại khảo sát sau: Khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV; Khảo sát ý kiến SV chuẩn bị tốt nghiệp; Khảo sát cơ quan, doanh nghiệp về chất lượng đào tạo của trường; Khảo sát lấy ý kiến nhận xét, đánh giá về hệ thống CSVC và đội ngũ Kỹ thuật viên, nhân viên. [H1.22.01.02].

Trường có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan để thu thập thông tin về sự hài lòng đối với chất lượng của người học. Kết quả của các loại khảo sát sau khi được Phòng Khảo thí - ĐBCL, Phòng CTCT - HSSV xử lý bằng phần mềm chuyên dụng [H1.22.04.03]. Hàng năm, Phòng Khảo thí - ĐBCL, Phòng CTCT - HSSV lập báo cáo, thống kê đối sánh kết quả của các loại khảo sát gửi BGH và tất cả các đơn vị để Nhà trường có thông tin tổng quan hơn về hiệu quả của công tác cải tiến này [H1.22.04.04].

Khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp, giúp Nhà trường nắm được tình hình việc làm của SV vừa tốt nghiệp. Ngoài ra, khảo sát ý kiến SV tốt nghiệp còn giúp Trường tìm hiểu những thông tin cơ bản về CTĐT và khóa học, những kiến thức và kỹ năng cần bổ sung giúp SV sau khi ra trường nhanh chóng tìm được việc làm và sớm thích nghi với công việc. Kết quả khảo sát này cho nhà trường một thông tin tổng thể về nguồn nhân lực mà nhà trường đã đào tạo cho xã hội [H1.22.04.05].

Khảo sát ý kiến cựu SV và NTD về CĐR và CTĐT, về sự hài lòng của NTD về chất lượng SV của Trường đã và đang làm việc tại các đơn vị, nhằm giúp Nhà trường đánh giá mức độ phù hợp của các CĐR và CTĐT đã được thiết kế với các yêu cầu thực tiễn của các bên liên quan, qua đó giúp Khoa có thêm cơ sở để có những điều chỉnh, cải tiến về CĐR và CTĐT mà Khoa đã xây dựng nhằm không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; Tăng cường mối liên kết giữa Nhà trường và NTD trong quá trình đào tạo và sử dụng lao động [H1.22.04.06].

Về cơ chế giám sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau khi tốt nghiệp, hiện Nhà trường chưa có quy trình cụ thể. Dự kiến trong năm học tới, Trường sẽ xây dựng bổ sung quy trình này để nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý của Nhà trường.

Từ các khảo sát về mức độ hài lòng của các bên liên quan, Nhà trường đã sử dụng thông tin phản hồi, phân tích số liệu và từ đó có những cải tiến về CTĐT; Kế hoạch đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ, giảng viên; Nâng cấp cơ sở vật chất phục vụ đào tạo nhằm nâng cao chất lượng đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội [H1.22.04.07].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22:**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Trước mỗi khóa học, Trường đều có Kế hoạch đào tạo trong đó có xác lập, dự đoán tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT;
- Nhà trường đã xác lập được đầy đủ thời gian bình quân tốt nghiệp của CTĐT trong giai đoạn 2018-2022 để phục vụ đối sánh các CTĐT;
- Hàng năm, nhà trường tổ chức khảo sát thông tin việc làm của SV tốt nghiệp đúng quy định của Bộ GD&ĐT;
- Có hệ thống phần mềm khảo sát, thống kê, tổng hợp khá hiện đại.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Chưa có đối sánh về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian bình quân tốt nghiệp tất cả CTĐT với các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế.
- Việc lưu trữ các biên bản họp rà soát, điều chỉnh sau khi có kết quả về tỷ lệ việc làm, mức độ đáp ứng công việc của người học sau tốt nghiệp chưa đầy đủ;
- Chưa có cơ chế giám sát phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau khi tốt nghiệp.
- Việc khảo sát NTD có một số năm vẫn chưa thực hiện được do dịch Covid-19.

#### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Khắc phục tồn tại 1	Thu thập số liệu và đối sánh về tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, thời gian bình quân tốt nghiệp tất cả CTĐT với các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế.	Phòng Đào tạo	Từ năm 2023	

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện hoặc hoàn thành	Ghi chú
2	Khắc phục tồn tại 2	Các cuộc họp rà soát, điều chỉnh nhằm nâng cao chất lượng đào tạo cần được ghi chép và lưu trữ đầy đủ.	Phòng Đào tạo	Từ năm 2023	
3	Khắc phục tồn tại 3	Có quy định giám sát phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học sau khi tốt nghiệp	Phòng TT-PC	Từ năm 2023	
4	Khắc phục tồn tại 4	Việc khảo sát NTD phải thực hiện thường xuyên hàng năm.	Phòng KT-ĐBCL	Từ năm 2023	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 22</b>	<b>4,00</b>
Tiêu chí 22.1	4
Tiêu chí 22.2	4
Tiêu chí 22.3	4
Tiêu chí 22.4	4

### Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH

**Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và CB nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến**

#### 1. Mô tả

Trường ĐHTT thường xuyên chú trọng đến việc xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến về các loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV và CB nghiên cứu. Cụ thể như sau:

Trường đã có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV và CB nghiên cứu phải thực hiện. Các loại hình nghiên cứu của GV được quy định tại Mục 2, Điều 3, Quy định quản lý hoạt động KHCN, theo đó, các loại hình NCKH của GV bao gồm: Tham gia đề tài NCKH các cấp, biên soạn sách, viết bài tham luận hội nghị, hội thảo, công bố trên các Tạp chí uy tín trong và ngoài nước [H1.23.01.01]. Số lượng giờ NCKH mà GV phải thực hiện mỗi năm (ứng với mỗi vị trí công việc khác nhau) được quy định cụ thể trong Quy định về chế độ làm việc của GV [H1.23.01.02]. Ngoài ra, để triển khai hoạt động KHCN theo đúng sứ mệnh phát triển của Nhà trường,

Trường ĐHHT đã xây dựng chiến lược phát triển KHCN, trong đó xác lập các chỉ tiêu về số lượng và loại hình nghiên cứu cần đạt được cho từng giai đoạn phát triển [H1.23.01.03]. Hằng năm, Nhà trường triển khai hoạt động NCKH, GV, viên chức đăng ký theo đơn vị trong kế hoạch năm học hàng năm của các đơn vị [H1.23.01.04]. Đồng thời, trong Báo cáo của Hiệu trưởng tại HNVC hàng năm, Nhà trường đã thống nhất kế hoạch NCKH mà GV cần thực hiện [H1.23.01.05].

Việc theo dõi, giám sát các hoạt động NCKH của viên chức, GV Nhà trường được thực hiện một cách có hệ thống, theo chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị đã được quy định [H1.23.01.06]. Nhà trường đã thành lập Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông với chức năng quản lý hoạt động KHCN toàn trường, đồng thời phân công 01 đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách lĩnh vực NCKH [H1.23.01.07], [H1.23.01.08]. Để triển khai và quản lý hoạt động NCKH của GV, Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông và các khoa chuyên môn đã lập kế hoạch năm học, trong đó có phân công cụ thể CB thực hiện nhiệm vụ theo dõi giám sát hoạt động NCKH của GV [H1.23.01.09]. Các quy định hướng dẫn triển khai đề tài KHCN, giáo trình, hội nghị, hội thảo khoa học, sáng kiến, tiêu chí, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình NCKH được quy định cụ thể trong Quy định quản lý hoạt động KHCN [H1.23.01.05]. Để xây dựng và thường xuyên cập nhật số liệu cho cơ sở dữ liệu về loại hình nghiên cứu và khối lượng nghiên cứu đạt được của GV, nghiên cứu viên, hàng năm Nhà trường thông báo và thực hiện thống kê giờ NCKH của GV [H1.23.01.06]. Theo hướng dẫn của Nhà trường, các đơn vị triển khai việc kê khai giờ NCKH và quy đổi theo Quy định chế độ làm việc đối với GV. Sau đó, Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông tổ chức hoạt động kiểm tra việc kê khai này để đảm bảo việc kê khai và đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của GV, nghiên cứu viên rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, chính xác. Trên cơ sở việc thống kê giờ NCKH, Nhà trường nắm giữ thông tin, xây dựng và hình thành cơ sở dữ liệu được cập nhật về loại hình và khối lượng nghiên cứu đạt được của từng GV [H1.23.01.11].

Nhằm thu thập các ý kiến khách quan về kết quả nghiên cứu của GV, nhà trường đã tiến hành khảo sát các nhà khoa học là phản biện của Tạp chí khoa học Trường ĐHHT, các phản biện đề tài NCKH của GV [H1.23.01.12], [H1.23.01.13]. Kết quả khảo sát là một trong những cơ sở để Nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN trong năm tiếp theo, cũng như điều chỉnh các quy định nhằm phù hợp hơn với tình hình thực tiễn.

Hoạt động đối sánh, đánh giá về chất lượng, khối lượng nghiên cứu của GV Nhà trường giữa kế hoạch và thực hiện; giữa chỉ tiêu năm sau so với năm trước được thể hiện rõ trong báo cáo hoạt động KHCN hàng năm của Nhà trường [H1.23.01.14]. Cũng thông qua các báo cáo đó cho thấy số lượng, chất lượng các đề tài NCKH tăng lên đáng kể. Cụ thể, số lượng các đề tài nghiệm thu được

đánh giá loại khá và xuất sắc tăng so với những năm trước. Trong thời gian từ 01/7/2018 đến 31/12/2022, GV toàn trường đã thực hiện được 114 đề tài, dự án các cấp, trong đó có 7 đề tài, dự án khoa học cấp Bộ, 6 Đề tài, dự án cấp tỉnh, 101 đề tài, dự án cấp cơ sở [H1.23.01.06]. Các đề tài các cấp về cơ bản đều nghiên cứu những vấn đề liên quan đến các chuyên ngành đào tạo, các hoạt động phục vụ cho sự phát triển của Nhà trường và phát triển kinh tế - xã hội, vì vậy, tính ứng dụng của các kết quả nghiên cứu ngày càng cao, gắn với địa chỉ ứng dụng cụ thể. So sánh với giai đoạn 2011-2016, số bài báo, công bố khoa học trung bình của GV từ năm 2017-2021 tăng dần cả về số lượng và chất lượng. Đa số các GV đảm bảo giờ định mức NCKH, sản phẩm KHCN thông qua các đề tài, bài báo... đều được hội đồng khoa học, các bên liên quan đánh giá tốt.

Để nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động NCKH, trên cơ sở ý kiến đóng góp của các bên liên quan, Nhà trường đã đánh giá chất lượng hoạt động NCKH hàng năm, chỉ ra những tồn tại và hạn chế, từ đó xây dựng định hướng và giải pháp cụ thể về hoạt động khoa học hàng năm [H1.23.01.15], [H1.23.01.16]. Giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã có những điều chỉnh về Quy định chế độ làm việc của GV theo hướng phù hợp với tình hình thực tiễn và khuyến khích GV tích cực tham gia NCKH [H1.23.01.02], đồng thời, để tăng số lượng, chất lượng bài báo đăng Tạp chí Khoa học và hội thảo hội nghị, Nhà trường đã ban hành kế hoạch viết bài đăng Tạp chí Khoa học và tổ chức Hội thảo NCKH cấp trường, trong đó phân công cụ thể chỉ tiêu cho từng đơn vị chuyên môn [H1.23.01.17]. Ngoài ra, năm 2021, Nhà trường đã ban hành kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục giai đoạn 2021-2023 trong đó có nội dung cải tiến chất lượng NCKH [H1.23.01.18].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7***

### ***Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

#### ***1. Mô tả***

Hoạt động NCKH của người học luôn được Trường ĐHHT chú trọng, quan tâm. Với mục tiêu khuyến khích sinh viên tích cực tham gia NCKH nhằm trang bị cho sinh viên các kỹ năng cần thiết, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, Nhà trường đã xây dựng chiến lược phát triển khoa học công nghệ, trong đó xác định các mục tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của sinh viên trong từng giai đoạn [H2.23.02.01]. Nhà trường đã có quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu và chất lượng NCKH mà người học thực hiện. Mục 3 Điều 31 Quy định về quản lý hoạt động khoa học công nghệ của Trường ĐH Hà Tĩnh quy định cụ thể về các loại hình NCKH của sinh viên bao gồm: Thực hiện các đề tài NCKH thuộc lĩnh vực được đào tạo và các lĩnh vực khác phù hợp với khả năng của sinh viên; tham gia các đề tài NCKH, đề án, dự án cùng GV, nghiên cứu viên; tham gia các hội nghị, hội thảo... [H2.23.02.02]. Ngoài ra, trong Báo cáo của Hiệu

trường tại HNVC hàng năm, Nhà trường đã thống nhất các chỉ tiêu về kết quả NCKH của sinh viên trong từng năm học.[H2.23.02.03].

Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được giám sát chặt chẽ theo các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc và trong quy định về quản lý hoạt động KHCN[H2.23.02.04], [H2.23.02.02]. Nhà trường đã thành lập Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông với chức năng quản lý hoạt động NCKH và phân công 01 đồng chí Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm theo dõi và quản lý hoạt động NCKH [H2.23.02.05], [H2.23.02.06]. Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông phối hợp chặt chẽ với các khoa để thực hiện hoạt động theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, các hoạt động NCKH của người học. Để cụ thể hóa việc giám sát, theo dõi hoạt động này, Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông và các khoa chuyên môn xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng năm học [H2.23.02.07]. Các quy định hướng dẫn, quy trình để đánh giá mức độ hoàn thành chỉ tiêu và loại hình nghiên cứu của sinh viên được thể hiện rõ ở Chương 3 Quy định về quản lý hoạt động KHCN[H2.23.02.02]. Cơ sở dữ liệu về hoạt động NCKH của sinh viên được Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông và các khoa cập nhật và lưu dữ liệu trên các phần mềm word, excel và bản in lưu ở Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông bao gồm: Hồ sơ NCKH của sinh viên, các bài báo cáo của SV tại Hội nghị, hội thảo...[H2.23.02.08]. Trong giai đoạn 2018 - 2021 có 577 SV tham gia NCKH với 254 đề tài NCKH cấp khoa, có 168 sinh viên tham gia NCKH cấp Trường với 62 đề tài nghiên cứu.

Nhằm đánh giá khách quan về kết quả NCKH của sinh viên, Nhà trường đã tiến hành khảo sát ý kiến phản hồi của GV và một số doanh nghiệp có liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của người học [H2.23.02.09]. Kết quả cho thấy các bên liên quan hài lòng với các đề tài nghiên cứu của sinh viên, tuy nhiên, cần phát huy thêm số lượng sinh viên tham gia nghiên cứu [H2.23.01.10].

Hoạt động đối sánh về kết quả NCKH của sinh viên thực hiện so với kế hoạch, giữa năm sau và năm trước được thể hiện trong Báo cáo hoạt động NCKH sinh viên tại Hội nghị tổng kết hoạt động Khoa học công nghệ hàng năm [H2.23.02.11]. Cũng trong hội nghị này, Nhà trường đã đánh giá các kết quả đạt được và những mặt hạn chế về hoạt động NCKH của sinh viên [H2.23.02.12] từ đó xây dựng kế hoạch hoạt động cho năm học tiếp theo [H2.23.02.13]. Nhằm phát huy, khích lệ, thu hút người học tham gia NCKH ngày càng cao, Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông thường xuyên tham mưu, tư vấn cho Ban Giám hiệu cải tiến quy trình, thủ tục và cách thức tổ chức, quản lý hoạt động sinh viên NCKH. Năm 2020, Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục, trong đó có nội dung kế hoạch cải tiến chất lượng sinh viên NCKH giai đoạn 2021-2023 [H2.23.02.14]. Năm 2022, Nhà trường đã xây dựng dự thảo quy định về quản lý hoạt động NCKH của sinh viên [H2.23.02.15].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường có quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các công bố khoa học, bao gồm cả các loại trích dẫn cho từng năm học và trong từng giai đoạn trong kế hoạch chiến lược phát triển khoa học Công nghệ Trường ĐH Hà Tĩnh [H3.23.03.01] và trong phương hướng nhiệm vụ năm học mới trong Báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị CB viên chức hàng năm [H3.23.03.02], các loại hình công bố khoa học được quy định cụ thể tại Điều 3, Quy định quản lý hoạt động KHCN [H3.23.03.03]. Nhà trường đã đề ra các chỉ tiêu cụ thể về công bố khoa học trong chiến lược phát triển KHCN giai đoạn 2020-2025 và tổ chức thống kê kết quả hàng năm. Số liệu được tổng hợp báo cáo theo từng đơn vị, từng GV để đánh giá kết quả hoạt động về công bố khoa học, những điểm mạnh nên phát huy và điểm yếu cần khắc phục. Số lượng và loại hình các công bố khoa học của Tạp chí Khoa học Trường ĐH Hà Tĩnh được quy định cụ thể trong giấy phép hoạt động báo chí [H3.23.03.04]; Theo đó, mỗi năm Tạp chí Khoa học Trường ĐH Hà Tĩnh được phép xuất bản 3 ấn phẩm, số lượng các bài báo giao động từ 17-20 bài trong mỗi số. Ngoài ra, Nhà trường đã ban hành kế hoạch viết bài đăng Tạp chí Khoa học và tổ chức Hộ thảo NCKH cấp khoa, trong đó phân công cụ thể chỉ tiêu cho từng đơn vị chuyên môn [H3.23.03.05].

Để thực hiện việc giám sát, theo dõi loại hình và số lượng công bố khoa học Nhà trường Phân công 01 đồng chí Phó Hiệu trưởng phụ trách NCKH, đồng thời, giao Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông (Điều 27, quy định quản lý hoạt động Khoa học công nghệ) thực hiện theo dõi, giám sát về công bố khoa học trong toàn trường [H3.23.03.06], [H3.23.03.07]. Triển khai nhiệm vụ này, Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông đã xây dựng kế hoạch năm học, trong đó kế hoạch cụ thể về việc giám sát các công bố khoa học của toàn trường [H3.23.03.08]. CB chuyên trách của Phòng sử dụng Website: [SJR : Scientific Journal Rankings \(scimagojr.com\)](http://SJR:ScientificJournalRankings(scimagojr.com)) và Quyết định Phê duyệt danh mục tạp chí được tính điểm của Hội đồng chức năng GSNN làm công cụ để kiểm tra các công bố của CB, GV, SV toàn trường, đồng thời, thiết cơ sở dữ liệu cập nhật về loại hình và số lượng các công bố khoa học của Nhà trường [H3.23.03.09], [H3.23.03.10], [H3.23.03.11].

Giai đoạn 2018-2022, toàn Trường đã công bố được 121 bài báo quốc tế, trong đó có 91 bài báo quốc tế thuộc danh mục cơ sở dữ liệu Scopus, Web of Science, ISI, SCI và 30 bài báo quốc tế khác; 316 bài báo trên các tạp chí chuyên ngành trong nước; 173 bài báo trên TCKH Trường ĐHTT.

Nhà trường đã lấy ý kiến của các bên liên quan về loại hình và các công bố khoa học, bao gồm cả trích dẫn [H3.23.03.12], kết quả cho thấy, hầu hết các bên liên quan đánh giá cao về các công bố khoa học của Nhà trường [H3.23.03.13].



Việc đối sánh về loại hình và số lượng các công bố khoa học được thể hiện trong báo cáo tổng kết hoạt động KHCN hàng năm, theo đó, kết quả các công bố khoa học của Nhà trường giai đoạn 2017-2022 có xu hướng tăng, đặc biệt là số lượng các bài báo đăng các tạp chí quốc tế và các tạp chí uy tín trong nước [H3.23.03.14]. Bên cạnh đó, nhà trường cũng đã rà soát những điểm mạnh và hạn chế cần khắc phục trong cuộc Hội nghị tổng kết hoạt động KHCN hàng năm [H3.23.03.15]. Đây là cơ sở để xây dựng kế hoạch hoạt động Khoa học - Công nghệ trong năm học tiếp theo, trong đó đã điều chỉnh các chỉ tiêu và chính sách nhằm phù hợp hơn với tình hình thực tiễn [H3.23.03.16].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### ***Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

#### ***1. Mô tả***

Nhà trường đã có quy định cụ thể về loại hình các tài sản trí tuệ tại Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ của Trường ĐH Hà Tĩnh và Quy chế quản trị tài sản trí tuệ của Nhà trường [H4.23.04.01], [H4.23.04.02]. Số lượng và loại hình tài sản trí tuệ được thiết lập trong kế hoạch hoạt động KHCN hàng năm [H4.23.04.03].

Việc theo dõi, giám sát loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được quy định cụ thể tại Điều 17 Quy định về quản lý sở hữu trí tuệ của Trường ĐH Hà Tĩnh, Quy chế quản trị Tài sản trí tuệ, và Quy định quản lý hoạt động KHCN của Nhà trường [H4.23.04.01], [H4.23.04.02], [H4.23.04.04]. Theo đó, các đơn vị chức năng phối hợp với Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông thực hiện việc giám sát các tài sản trí tuệ, Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông thiết lập cơ sở dữ liệu về các tài sản trí tuệ của Nhà trường [H4.23.04.06]. Trong giai đoạn từ 2017 - 2021, CB, GV đã chủ trì thực hiện 368 đề tài, dự án các cấp, trong đó có 7 đề tài, dự án khoa học cấp Bộ, 6 Đề tài, dự án cấp tỉnh, 101 đề tài, dự án cấp cơ sở và 254 đề tài NCKH của sinh viên.

Nhà trường đã tiến hành thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về tài sản trí tuệ [H4.23.04.07]. Kết quả khảo sát cho thấy các tác giả chưa thực sự quan tâm đến việc đăng kí quyền sở hữu trí tuệ các công trình nghiên cứu sau khi nghiệm thu [H4.23.04.08]. Trên cơ sở các ý kiến đánh giá và cơ sở dữ liệu về TSTT, Nhà trường đã thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các TSTT trong báo cáo Hội nghị tổng kết hoạt động khoa học công nghệ hàng năm [H4.23.04.09]. Trong Hội nghị này Nhà trường hàng năm đã đánh giá thực trạng và chỉ ra các hạn chế, nguyên nhân của hạn chế trong quản lý tài sản trí tuệ; Đồng thời có các thảo luận, phản hồi của đại biểu tham dự hội nghị [H4.23.04.10]. Từ đó, rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ và xây dựng kế hoạch hoạt động KHCN cho năm học tiếp theo phù hợp hơn với tình hình thực tiễn [H4.23.04.10].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

## ***Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

### ***1. Mô tả***

Nhà trường xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển KH-CN trong đó xác định chỉ số về ngân quỹ cho hoạt động nghiên cứu như: đầu tư cơ sở vật chất cho hoạt động nghiên cứu bao gồm chi đầu tư cơ sở vật chất (01 viện, diện tích 10.000 mét vuông, 20 máy tính phục vụ nghiên cứu), chi đầu tư cơ sở dữ liệu phục vụ nghiên cứu (chi 10 tỷ đồng cơ sở dữ liệu, chi 50 triệu đồng dữ liệu báo trực tuyến, 50 triệu đồng chi dữ liệu thông tin kinh tế, tài chính)... [H5.23.05.01]. Nhà trường ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ [H5.23.05.02] trong đó Điều 18 quy định mức kinh phí cho từng loại hình nghiên cứu như chi cho đề tài cấp trường, cấp khoa, chi thưởng cho các cá nhân có bài báo quốc tế có chỉ số ISI, SCI, Scopus... Kinh phí chi thường xuyên được phân bổ theo nhu cầu đào tạo, hoạt động NCKH và các hoạt động khác, trong đó, kinh phí phân bổ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được thiết lập. Việc phân bổ dự toán và quyết toán được quy định rất chi tiết, tạo hành lang thuận lợi cho việc thực hiện đề tài và quyết toán các khoản chi cho đề tài về sau [H5.23.05.03].

Để đảm bảo tính dân chủ, minh bạch và phù hợp của Ngân quỹ cho từng loại hình nghiên cứu, Nhà trường đã tiến hành lấy ý kiến phản hồi của CB, GV [H5.23.05.04]. Kết quả cho thấy CB, GV mặc dù đánh giá mức chi cho từng loại hình nghiên cứu là thấp, nhưng phù hợp với bối cảnh hiện tại của Nhà trường [H5.23.05.05].

Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được giám sát theo Quy định về chức năng nhiệm vụ của các đơn vị trong toàn trường, và trong quy chế chi tiêu nội bộ [H5.23.05.06], [H5.23.05.02]. Theo đó, Phòng Kế hoạch - Tài chính có chức năng: *“thanh toán các khoản chi, kiểm tra, kiểm soát tình hình thực hiện dự toán thu- chi theo các tiêu chuẩn định mức của Nhà nước cũng như quy định của Nhà trường đảm bảo việc quản lý và sử dụng các nguồn lực của nhà trường theo đúng quy trình, hiệu quả”*. Ngoài ra, Nhà trường thành lập ban Thanh tra nhân dân thực hiện chức năng thanh tra tất cả các hoạt động của nhà trường, trong đó có nội dung ngân quỹ cho hoạt động NCKH được thể hiện trong báo cáo của Ban thanh tra nhân dân tại Hội nghị CBVC hàng năm [H5.23.05.07]. Bên cạnh đó, hàng năm, hoạt động kiểm toán, giám sát của các cơ quan có thẩm quyền thực hiện việc giám sát đối với ngân quỹ cho hoạt động KH-CN.

Hàng năm, Nhà trường thực hiện công khai tài chính của Trường (trong đó có kinh phí về hoạt động KH-CN) và kết quả thực hiện Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ về tài chính năm học trong Hội nghị CB, viên chức và lao động [H23.23.02.08];

Việc đối sánh ngân quỹ cho từng loại hình hoạt động nghiên cứu được thể hiện trong báo cáo tài chính và trong báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị CBVC hàng năm [H5.23.05.08], [H5.23.05.09]. Cũng trong Hội nghị này, nhà trường đã

thảo luận các nội dung liên quan đến tài chính cho hoạt động KHCN từ đó có những sự điều chỉnh phù hợp [H5.23.05.10]. Để đảm bảo sự cải tiến và phù hợp của ngân quỹ cho từng loại hình nghiên cứu, Nhà trường đã thành lập ban rà soát, sửa đổi, bổ sung quy chế chi tiêu nội bộ và lấy ý kiến góp ý về Quy chế chi tiêu nội bộ [H5.23.05.11], nhằm điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó có nội dung chi cho NCKH phù hợp hơn với tình hình mới.

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

### **1. Mô tả**

Nhà trường đã ban hành Kế hoạch hoạt động KHCN Trường ĐHHT giai đoạn 2016-2020 [H6.23.06.01], đồng thời hằng năm, Nhà trường đã thực hiện tổng kết hoạt động Khoa học Công nghệ, và định hướng hoạt động trong năm học tới, trong đó chỉ rõ mục tiêu cần đạt của các hoạt động KHCN trong toàn Trường trong đó bao gồm cả việc thử nghiệm, chuyển giao các kết quả nghiên cứu từ các đề tài, dự án KHCN [H6.23.06.02]. Điều 9, Quy định Quản lý hoạt động KHCN Quy định cụ thể về các loại hình công bố khoa học của Nhà trường [H6.23.06.03].

Giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyển giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) [H6.23.06.04]. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các bên liên quan hài lòng với kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường, tuy nhiên, khảo sát cho thấy các bên liên quan đánh giá số lượng các đề tài chuyển giao công nghệ còn hạn chế [H6.23.06.05].

Nhằm tạo điều kiện cho các CB, GV, SV nhà trường có điều kiện nghiên cứu và thí nghiệm, Nhà trường đã thành lập Trại thực nghiệm Nông nghiệp [H6.23.06.06]. Ngoài ra, Đoàn thanh niên thành lập Câu lạc bộ khởi nghiệp, đây là diễn đàn dành cho các sinh viên nghiên cứu về các dự án khởi nghiệp, nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho sinh viên khi ra trường [H6.23.06.07].

Hằng năm, Nhà trường giao Phòng Quản lý Khoa học - Đối ngoại - Truyền thông xây dựng cơ sở dữ liệu về kết quả nghiên cứu và sáng tạo của Nhà trường [H6.23.06.08]. Đây là cơ sở dữ liệu để Nhà trường đối sánh với kế hoạch đề ra và năm học trước đó, thể hiện trong Báo cáo tổng kết hoạt động KHCN hàng năm [H6.23.06.09]. Cũng trong hội nghị này, Nhà trường đã thảo luận các nội dung cần điều chỉnh và xây dựng kế hoạch hoạt động nghiên cứu và sáng tạo cho năm học tới [H6.23.06.10], [H6.23.06.03].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

## **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:**

### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Nhà trường quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu; số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ GV và CB nghiên cứu phải thực hiện theo quy định hiện hành.

- Nhà trường đã xác lập các loại hình và khối lượng hoạt động nghiên cứu của CBGV và của HSSV cũng như các công bố khoa học, vấn đề SHTT, việc thương mại hoá sản phẩm chuyên giao công nghệ... thông qua việc thống kê, quy đổi thành các chỉ số rõ ràng. Từ đó, theo dõi được số lượng, chất lượng các hoạt động này nhằm đưa ra hướng phát triển và kế hoạch chiến lược nghiên cứu cụ thể để đạt mục tiêu đề ra.

- Nhà trường đã có quy định cụ thể về công tác NCKH của người học; hỗ trợ thanh toán các công bố quốc tế và công bố trong nước được đăng ở các tạp chí uy tín; hỗ trợ kinh phí cho công tác NCKH của người học và có kinh phí khen thưởng cho CB GV hướng dẫn và người học có kết quả NCKH tốt.

- Nhà trường có thể mạnh hầu hết các lĩnh vực NCKH, CBGV và HSSV Nhà trường đã tham gia các đề tài KH-CN cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh và có công bố trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, có bài viết tại các Hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, vinh viên đạt các giải cao trong các cuộc thi thuộc các Bộ, Ngành.

### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại:**

- Việc lưu trữ cơ sở dữ liệu về kết quả NCKH của Nhà trường còn chưa chuyên nghiệp, chưa có phần mềm chuyên sâu.

- Hoạt động thương mại hoá cũng như chuyển giao công nghệ các sản phẩm khoa học sáng tạo của CBGV và HSSV chưa phát triển mạnh, nguồn thu từ khai thác các tài sản trí tuệ chưa nhiều.

- Nguồn thu từ các hoạt động NCKH còn hạn chế. Mức đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH ngày càng được quan tâm và cải tiến nhưng còn khiêm tốn so với yêu cầu.

- Việc quản lý đăng ký quyền sở hữu trí tuệ chưa được quan tâm đầu tư đúng mức. Đa số các nhà nghiên cứu, chuyên viên, GV Nhà trường còn hạn chế trong việc tiếp cận quy trình đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và chưa chủ động trong các hoạt động đăng ký để xác lập quyền tài sản trí tuệ của mình.

### **3. Kế hoạch cải tiến:**

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Đầu tư cơ sở vật chất, phần mềm để quản lý dữ liệu NCKH.	Phòng QLKH-ĐN-TT và các đơn vị liên quan	Năm học 2023-2024	
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường phối hợp để đẩy mạnh các hoạt động thương mại hoá cũng như chuyển giao công nghệ các sản phẩm khoa học, các kết quả sau nghiên cứu của CBGV và HVSV	Phòng QLKH-ĐN-TT và các đơn vị liên quan	Năm học 2023-2024	
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường mức đầu tư kinh phí cho hoạt động NCKH đặc biệt là đề tài cơ sở	Phòng QLKH-ĐN-TT và các đơn vị liên quan	Năm học 2023-2024	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tăng cường các hoạt động hỗ trợ cho các nhà khoa học, CB, GV, nghiên cứu viên trong việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ	Phòng QLKH-ĐN-TT và các đơn vị liên quan	Năm học 2023-2024	
5	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xây dựng kế hoạch chiến lược hoạt động KHCN cho giai đoạn tiếp theo trong đó xác lập các chỉ số cần đạt được về kết quả NCKH	Phòng QLKH-ĐN-TT và các đơn vị liên quan	Năm học 2023-2024	
6	Phát huy điểm mạnh 2	Hoàn thiện và ban hành Quy định quản lý hoạt động sinh viên NCKH	Phòng QLKH-ĐN-TT và các đơn vị liên quan	Năm học 2023-2024	

#### 4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<b>Tiêu chuẩn 23</b>	<b>4,17</b>
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	4

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
Tiêu chí 23.3	4
Tiêu chí 23.4	4
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	4

## **Tiêu chuẩn 24. Phục vụ cộng đồng**

**Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.**

### **1. Mô tả**

Nhà trường đã xác định mục tiêu, nguyên tắc, phạm vi, nội dung, giải pháp thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ cũng như nâng cao trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc, của các tổ chức đoàn thể, của CBVC, người lao động, SV và các bên liên quan trong việc xây dựng kế hoạch, tổ chức và tham gia các hoạt động kết nối và PVCĐ. Trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trường nhiệm kỳ 2015 - 2020, nhiệm kỳ 2020 - 2025 cũng như Kế hoạch, chiến lược phát triển Nhà trường và Sứ mệnh của Trường ĐHHT giai đoạn 2016 - 2025 và tầm nhìn đến năm 2030, Nhà trường đã xác định rõ các chỉ số và loại hình, khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ. Theo đó, Nhà trường có sứ mạng “*Cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, NCKH, chuyển giao tri thức KHCN có chất lượng nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và nghề nghiệp tối đa cho người học, PVCĐ và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của toàn xã hội*”. [H1.24.01.01].

Nhà trường cũng đã có hệ thống giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, cụ thể là Nhà trường đã ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường ĐHHT; sắp xếp tổ chức bộ máy và quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc; Quy định chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHHT; Quy định đánh giá kết quả rèn luyện của HS, SV. ĐTN, HSV cũng đã ban hành Quy chế hoạt động theo từng nhiệm kỳ. [H1.24.01.02] Khối lượng các hoạt động kết nối và PVCĐ được Nhà trường và các tổ chức đoàn thể xây dựng dựa trên chức năng, nhiệm vụ của mình [H1.24.01.03].

Để giám sát tác động, kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ cũng như có số liệu để đối sánh về loại hình và khối lượng tham gia vào các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội cũng như thực hiện rà soát, điều chỉnh các hoạt động, hàng tháng và sau mỗi học kỳ, sau mỗi năm học, các đơn vị và các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, ĐTN, HSV, Tổ giúp việc thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới... đều phải xây dựng báo cáo các hoạt động để tổng hợp [H1.24.01.04].

Ngay từ đầu năm học, Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của mình để xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng tháng, từng kỳ và toàn năm học về về loại hình, khối lượng các hoạt động kết nối và PVCĐ. Sau mỗi học kỳ, năm học Nhà trường, các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể đều phải tổ chức các cuộc họp, các Hội

ngiht sớ kết, tống kết để có những đánh giá, rút kinh nghiệm nhằm xây dựng phương hướng hoạt động cũng như có kế hoạch chi tiết hơn, cụ thể hơn trong các hoạt động tiếp theo nhằm cải tiến, nâng cao hơn nữa chất lượng các hoạt động, đặc biệt là các hoạt động kết nối và PVCD [H1.24.01.05].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 24.2. Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***

### **1. Mô tả**

Nhà trường luôn coi hoạt động kết nối và PVCD là một trong những hoạt động cần thiết, thể hiện trách nhiệm của Nhà trường đối với xã hội. Hoạt động này đã góp phần mang lại lợi ích cho cộng đồng và xã hội, qua đó nâng cao chất lượng đào tạo, NCKH và vị thế của Nhà trường. Các tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội của Nhà trường được thể hiện thông qua các báo cáo sơ kết, tổng kết của các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể tại các cuộc họp liên tịch hàng tháng, hàng kỳ và năm học [H2.24.02.01].

Nhằm theo dõi và đánh giá kết quả của các hoạt động kết nối và PVCD, Nhà trường và các tổ chức đoàn thể đều căn cứ vào nội dung các hoạt động theo kế hoạch để thành lập các ban tổ chức, ban chỉ đạo để kịp thời điều hành, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của kế hoạch, cụ thể như hoạt động tình nguyện hè, tình nguyện mùa đông, tình nguyện mùa xuân, hiến máu nhân đạo, hỗ trợ nhân dân khắc phục hậu quả lũ lụt, Đông ấm Biên cương, phòng chống COVID-19... [H2.24.02.02].

Sau khi kết thúc mỗi hoạt động, các đợt thi đua, kết thúc học kỳ và năm học, Nhà trường và các tổ chức đoàn thể đã tiến hành báo cáo sơ kết, tổng kết, đánh giá các hoạt động, các báo cáo đã thể hiện rõ được kết quả cụ thể của từng hoạt động mà Nhà trường và các tổ chức đoàn thể đã triển khai [H2.24.02.03].

Thông qua kết quả của các hoạt động kết nối và PVCD, Nhà trường và các tổ chức đoàn thể sẽ tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm để có căn cứ xây dựng phương hướng hoạt động, xây dựng kế hoạch cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động kết nối và PVCD trong học kỳ và năm học tiếp theo [H2.24.02.04].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

***Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CBVC, NV được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***

### **1. Mô tả**

Vào đầu mỗi năm học, Nhà trường, các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể căn cứ vào chức năng nhiệm vụ để xây dựng kế hoạch hoạt động cho đơn vị mình. Việc đánh giá tác động của của hoạt động kết nối và PVCD đối với đội ngũ CBVC, người lao động và SV được tiến hành thông qua các cuộc họp giao ban, họp liên tịch, thông qua báo cáo tổng kết năm học của Nhà trường, của

các đơn vị, các tổ chức đoàn thể và báo cáo của Hiệu trưởng tại Hội nghị CBVC, người lao động đầu mỗi năm học [H3.24.03.01].

Đề chỉ đạo, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các kế hoạch đã ban hành, Nhà trường và các tổ chức đoàn thể đều ban hành các quyết định thành lập ban tổ chức, ban chỉ đạo các hoạt động để kịp thời kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung của kế hoạch để đạt kết quả cao nhất. Ngoài ra, các đơn vị và các tổ chức đoàn thể còn căn cứ vào chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của mình để kiểm tra, giám sát thực hiện các kế hoạch và các hoạt động kết nối và PVCD [H3.24.03.02].

Nhằm để đánh giá tác động của các hoạt động kết nối và PVCD đối với đội ngũ CBVC, người lao động và SV của Nhà trường, sau mỗi học kỳ, năm học, Nhà trường và các tổ chức đoàn thể căn cứ vào chức năng nhiệm vụ đã xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết đánh giá. Các báo cáo cũng đã thể hiện rõ kết quả của hoạt động kết nối và PVCD cũng như kết quả hoạt động của đội ngũ CBVC, người lao động và SV của Nhà trường. Kết quả hoạt động là cơ sở để Nhà trường xem xét, đánh giá mức độ hoàn thành công việc, làm căn cứ xét khen thưởng của CBVC, người lao động theo quy định chế độ làm việc đối với GV của Trường ĐHHT. Đối với SV, kết quả đánh giá hoạt động kết nối và PVCD là một trong các tiêu chí để tính điểm rèn luyện theo quy chế đánh giá xếp loại rèn luyện của SV [H3.24.03.03].

Nhà trường cũng đã tiến hành tổ chức đánh giá các hoạt động để biết được tác động xã hội đối với các hoạt động của Nhà trường trong việc kết nối và PVCD để nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động, Nhà trường và các đơn vị sẽ xây dựng kế hoạch, phương hướng hoạt động phù hợp hơn để nâng cao hơn nữa chất lượng của các hoạt động kết nối và PVCD tiếp theo [H3.24.03.04], [H3.24.03.05].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

***Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.***

### ***1. Mô tả***

Trong kế hoạch chiến lược phát triển Trường ĐHHT đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã nêu rõ “*Cung cấp dịch vụ giáo dục, đào tạo, NCKH, chuyển giao tri thức KHCN có chất lượng nhằm mang lại cơ hội phát triển học thuật và nghề nghiệp tối đa cho người học, PVCD và đóng góp vào sự phát triển thịnh vượng của toàn xã hội*” [H4.24.04.01]. Điều đó cho thấy Nhà trường đã có trách nhiệm và chú trọng đến việc tổ chức các hoạt động kết nối và PVCD.

Trong những năm qua, hoạt động kết nối và PVCD và đóng góp cho xã hội của tập thể CBVC, người lao động và SV của Nhà trường đã phong phú về nội dung, đa dạng về hình thức tổ chức và đã thu hút được đông đảo CBVC, người lao động và SV Nhà trường tham gia. Với mong muốn tìm hiểu thông tin, nắm bắt được mức độ đáp ứng của Nhà trường đối với xã hội trong các hoạt động kết nối và PVCD, Đảng ủy, BGH Nhà trường đã chỉ đạo các đơn vị và các tổ chức



đoàn thể, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình tổng hợp ý kiến đánh giá của các bên liên quan đối với các hoạt động kết nối và PVCĐ đã triển khai [H4.24.04.02] [H4.24.04.03]. Các hoạt động thường xuyên, tích cực của Nhà trường và của các tổ chức đoàn thể đã được nhận nhiều bằng khen, giấy khen của các cấp, thư cảm ơn của các cơ quan, đơn vị dành tặng cho các tập thể và các cá nhân là CBVC, người lao động và SV của Nhà trường [H4.24.04.04].

Kết quả khảo sát, đánh giá sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCĐ của tập thể CBVC, người lao động và SV của Nhà trường sẽ là căn cứ để các đơn vị liên quan và các tổ chức đoàn thể rà soát, điều chỉnh, xây dựng kế hoạch, phương hướng các hoạt động kết nối và PVCĐ cho phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan và tình hình thực tế tại địa phương [H4.24.04.05], [H4.24.04.06].

## ***2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7***

### **Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:**

#### ***1. Tóm tắt các điểm mạnh:***

- Nhà trường đã xã lập được loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội phù hợp với nguồn lực, đặc điểm của Nhà trường và của địa phương.

- Nhà trường và các tổ chức đoàn thể đã xây dựng và tổ chức được nhiều kế hoạch hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội phù hợp với Nhà trường và tình hình thực tế tại địa phương.

- Các hoạt động kết nối, PVCĐ luôn được Đảng ủy, BGH Nhà trường quan tâm, chỉ đạo để các đơn vị căn cứ vào chức năng nhiệm vụ xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện thường xuyên, liên tục trong năm học và nhận được sự quan tâm, tham gia nhiệt tình của tập thể CBVC, người lao động và SV Nhà trường.

Nhà trường, các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể đã chủ động xây dựng nhiều kế hoạch hoạt động kết nối và PVCĐ phù hợp để thu hút đông đảo CBVC, người lao động và SV tham gia.

Các bên liên quan đều hài lòng với kết quả đạt được thông qua mỗi hoạt động kết nối và PVCĐ, đồng thời cho thấy sự đa dạng các hoạt động của Nhà trường, của các đơn vị và các tổ chức đoàn thể.

#### ***2. Tóm tắt các điểm tồn tại:***

- Nhà trường chưa ban hành văn bản quy định về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào các hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội.

- Nhà trường chưa xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát toàn diện các bên liên quan và thực hiện đối sánh về tác động xã hội của hoạt động kết nối và PVCĐ để có cơ sở đánh giá và cải tiến cho phù hợp.

- Chưa có văn bản quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ.

- Nhà trường, các đơn vị trực thuộc và các tổ chức đoàn thể cần tổ chức lấy ý kiến đánh giá tác động xã hội của các bên liên quan để cải tiến việc thực hiện các hoạt động kết nối và PVCD cho năm tiếp theo.

### 3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)	Ghi chú
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng và ban hành văn bản quy định về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và khối lượng tham gia vào các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội.	P. TC-HC Công đoàn ĐTN HSV	Năm học 2022-2023	
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng kế hoạch và triển khai khảo sát và đối sánh về tác động xã hội để cải tiến hoạt động kết nối và PVCD.	P. TC-HC Công đoàn ĐTN HSV	Từ năm học 2022-2023	
3	Khắc phục tồn tại 3	Sớm ban hành văn bản quy định lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về kết quả hoạt động kết nối và PVCD.	P. TC-HC Công đoàn ĐTN HSV	Từ năm học 2022-2023	
4	Khắc phục tồn tại 4	Tổ chức lấy ý kiến đánh giá tác động xã hội của các bên liên quan để cải tiến việc thực hiện các hoạt động kết nối và PVCD cho năm tiếp theo.	P. TC-HC Công đoàn ĐTN HSV	Từ năm học 2022-2023	
1	Phát huy điểm mạnh 1	Phối hợp với các bên liên quan để tiếp tục tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội phù hợp với tình hình thực tế của Nhà trường và địa phương.	Các đơn vị Công đoàn ĐTN HSV	Từ năm học 2022-2023	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện thường xuyên hơn các hoạt động kết nối và PVCD để	Các đơn vị Công đoàn ĐTN HSV	Từ năm học 2022-2023	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
		thu hút CBVC, người lao động và SV Nhà trường tham gia.			
3	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục xây dựng và ban hành nhiều kế hoạch phù hợp với Nhà trường và địa phương để thu hút nhiều hơn nữa đội ngũ CBVC, người lao động và SV tham gia.	Các đơn vị Công đoàn ĐTN HSV	Từ năm học 2022-2023	
4	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục đa dạng các hoạt động kết nối và PVCD để tăng thêm mức độ hài lòng cũng như uy tín và chất lượng các hoạt động của Nhà trường.	Các đơn vị Công đoàn ĐTN HSV	Từ năm học 2022-2023	

#### **4. Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 24</i></b>	<b><i>4,00</i></b>
Tiêu chí 24.1	4
Tiêu chí 24.2	4
Tiêu chí 24.3	4
Tiêu chí 24.4	4

### **Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường**

***Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến***

#### **1. Mô tả**

Trong giai đoạn 2018-2022, với mục tiêu đo lường kết quả tài chính của các hoạt động các đào tạo, NCKH và PVCD, Nhà trường đã thực hiện xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến chỉ số tài chính của các hoạt động này.

##### ***a. Về việc xác lập các chỉ số tài chính:***

Hàng năm, trên cơ sở Chiến lược phát triển và Kế hoạch hoạt động của Nhà trường, BGH đã chỉ đạo xây dựng kế hoạch tài chính, dự toán thu chi ngân sách của Nhà trường, trong đó xác định rõ các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo,

NCKH và PVCĐ như: học phí các loại hình đào tạo, lệ phí tuyển sinh, mức chi tiền giảng, hướng dẫn khóa luận tốt nghiệp,... KH-TC hàng năm của Nhà trường được báo cáo Hội đồng xem xét, thông qua [H1.25.01.01]; báo cáo dự kiến thu chi tài chính và dự toán ngân sách được lấy ý kiến và thông qua tại Hội nghị viên chức và người lao động của Nhà trường [H1.25.01.02].

Mức học phí các loại hình đào tạo của Nhà trường được xác định trên cơ sở khung học phí do HĐND Tỉnh quy định, thông báo của Sở GDĐT phù hợp với tình hình kinh tế xã hội, vừa tuân thủ các quy định của pháp luật H1.01.03. Mức học phí các loại hình đào tạo của Nhà trường hàng năm đều được báo cáo Hội đồng xem xét, ra thông báo [H1.25.01.04]

Cùng với các kế hoạch, dự toán tài chính hàng năm của Nhà trường, các đơn vị cũng sẽ xây dựng kế hoạch hoạt động và dự toán ngân sách hàng năm trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ và báo cáo Hiệu trưởng phê duyệt. Trong dự toán ngân sách, các đơn vị sẽ phải làm rõ các khoản chi cho các hoạt động được tổ chức thực hiện trong năm [H1.25.01.05]

*b. Về việc giám sát kết quả và các chỉ tiêu tài chính:*

Từ năm 2018-2021 Nhà trường là đơn vị sự nghiệp công lập tự chủ một phần chi thường xuyên theo NĐ 43-CP, đến năm 2022 thực hiện tự chủ theo NĐ 60-CP, Nhà trường luôn đảm bảo các hoạt động tài chính được triển khai minh bạch, công khai, tuân thủ các quy định của pháp luật. Nhà trường luôn tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân thực hiện giám sát đối với công tác tài chính như:

- Hàng năm báo cáo kết quả tài chính và việc quyết toán kinh phí đối với các nguồn thu hợp pháp của Nhà trường [H1.25.01.06]

- Báo cáo công khai quyết toán tài chính, việc sử dụng các quỹ của Nhà trường tại Hội nghị đại biểu viên chức và người lao động hàng năm [H1.25.01.07]

- Đối với công tác kiểm toán, quyết toán hàng năm, Nhà trường đều được sở Tài chính xét duyệt và thẩm định báo cáo quyết toán [H1.25.01.08]

- Hàng năm, Nhà trường lập dự toán ngân sách được thẩm định, phê duyệt đảm bảo tuân thủ quy định của Luật Ngân sách Nhà nước [H1.25.01.09]

- Công tác giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu và PVCĐ đã được triển khai qua phần mềm kế toán Misa, phần mềm quản lý đào tạo EduSoft để theo dõi hệ thống tài chính trong toàn trường, từ đó nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính và hoàn thành các nhiệm vụ được giao [H1.25.01.10]

*c. Về việc đối sánh để cải tiến:*

Công tác đối sánh được Nhà trường thường xuyên thực hiện nhằm đánh giá về kết quả triển khai các hoạt động, đồng thời đưa ra các kết quả và chỉ tiêu phù hợp lý cho giai đoạn tiếp theo. Việc đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa và PVCĐ được thể hiện qua Báo cáo tổng kết năm học [H1.25.01.11].

**Bảng 25.1.1. Bảng đối sánh chi hoạt động chuyên môn nghiệp vụ giai đoạn 2018 - 2022**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>Nội dung</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tổng số chi	60.946	47.367	66.308	54.086	42.768	271.475
Chi cho hoạt động chuyên môn nghiệp vụ	21.079	6.859	8.362	7.561	3.130	46.991
Tỷ lệ %	35%	14%	13%	14%	7%	

**Bảng 25.1.2. Bảng đối sánh chi hoạt động NCKH giai đoạn 2018 - 2022**

*Đơn vị tính: Triệu đồng*

<b>Nội dung</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>	<b>Tổng cộng</b>
Tổng số chi	60.946	47.367	66.308	54.086	42.768	271.475
Chi cho hoạt động NCKH	550	550	450	420	500	2.470
Tỷ lệ %	0,90%	1,16%	0,68%	0,78%	1,17%	

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

**Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD được xác lập, giám sát và đối sách để cải tiến**

### **1. Mô tả**

Để làm cơ sở định hướng cho Nhà trường trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động của Trường, của các đơn vị để triển khai thực hiện tất cả các mục tiêu đã đề ra của các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Trường Đại học Hà Tĩnh đã ban hành Kế hoạch Chiến lược phát triển Trường ĐHTT đến năm 2020 và tầm nhìn 2030 [H2.25.02.01]. Theo đó, Giai đoạn 2018-2022, kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD của Nhà trường đã được xác lập, giám sát và đối sách để cải tiến, cụ thể như sau:

#### **a. Về hoạt động đào tạo**

Căn cứ vào chỉ tiêu, kế hoạch của Trường Đại học Hà Tĩnh, Nhà trường đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh cho từng năm, từng bậc/hệ đào tạo trên cơ sở các quy định hiện hành về tuyển sinh cũng như đảm bảo tăng quy mô theo lộ trình của Trường và đồng thời đảm bảo phát triển các ngành đào tạo mới đáp ứng nhu cầu của xã hội và phù hợp với sứ mạng của Nhà trường H2.25.02.02, H2.25.02.03.

Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong công tác tuyển sinh song nhờ những đổi mới trong chính sách đào tạo, công tác quảng bá tuyển sinh mà kết quả tuyển sinh, tác động xã hội của tuyển sinh ngày càng lớn, số lượng thí sinh đăng ký nguyện vọng xét tuyển vào các Khoa chủ chốt của trường có số lượng lớn như Khoa Sư

phạm (ngành Giáo dục Tiểu học, Giáo dục Mầm non, Khoa Ngoại ngữ (Ngôn ngữ Trung Quốc)... (Xem Bảng 25.2.1).

**Bảng 25.2.1. Thống kê số lượng sinh viên Đại học nhập học so với chỉ tiêu của các ngành đào tạo tại Trường Đại học Hà Tĩnh giai đoạn 2018 - 2022**

TT	Ngành học	Mã ngành	2018		2019		2020		2021		2022	
			Tổng chỉ tiêu	Số nhập học	Tổng chỉ tiêu	Số nhập học	Tổng chỉ tiêu	Số nhập học	Tổng chỉ tiêu	Số nhập học	Tổng chỉ tiêu	Số nhập học
1	Sư phạm Toán học	7140209	20	0	10	0	40	1	40	15	40	0
2	Sư phạm Vật lý	7140211	20	0	-	-	0	0	20	0	20	0
3	Sư phạm Hóa học	7140212	20	0	-	-	0	0	20	0	20	0
4	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	20	3	20	7	40	8	40	2	40	0
5	Giáo dục Mầm non	7140201	90	83	210	30	100	57	200	113	200	0
6	Giáo dục Tiểu học	7140202	45	24	45	38	100	79	250	269	250	46
7	Giáo dục Chính trị	7140205	20	0	10	3	50	1	20	0	20	0
8	Quản trị kinh doanh	7340101	100	11	80	7	80	7	80	14	80	9
9	Tài chính - Ngân hàng	7340201	100	10	70	11	70	1	70	7	70	7
10	Kế toán	7340301	200	32	150	26	150	14	100	22	100	35
11	Luật	7380101	140	65	150	30	150	7	140	11	140	6
12	Khoa học môi trường	7440301	100	8	100	3	100	1	50	0	50	0

TT	Ngành học	Mã ngành	2018		2019		2020		2021		2022	
			Tổng chỉ tiêu	Số nhập học	Tổng chỉ tiêu	Số nhập học	Tổng chỉ tiêu	Số nhập học	Tổng chỉ tiêu	Số nhập học	Tổng chỉ tiêu	Số nhập học
13	Công nghệ thông tin	7480201	80	36	70	22	50	21	50	22	50	19
14	Kỹ thuật xây dựng	7580201	50	3	40	3	50	4	50	3	50	0
15	Khoa học cây trồng	7620110	50	0	40	0	50	0	50	0	50	0
16	Ngôn ngữ Anh	7220201	90	16	70	7	40	1	40	4	40	10
17	Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	90	48	90	87	150	71	150	96	150	93
18	Chính trị học	7310201	100	8	70	0	40	0	40	0	40	1
19	QTĐV Du lịch và Lễ hành	7810103	80	8	70	9	70	5	70	5	70	3
20	Thú Y	7640101	-	-	100	8	50	6	50	5	50	2
<b>Tổng</b>			<b>1415</b>	<b>355</b>	<b>1395</b>	<b>291</b>	<b>1380</b>	<b>284</b>	<b>1530</b>	<b>588</b>	<b>1530</b>	<b>231</b>

#### *b. Về Nghiên cứu khoa học*

Nhà trường luôn khuyến khích các giảng viên, sinh viên thực hiện các công trình Nghiên cứu khoa học như các đề tài, bài báo khoa học để đóng góp vào sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Căn cứ vào kế hoạch chiến lược phát triển Trường, Nhà trường luôn xác định và thiết lập các nhiệm vụ KH&CN các cấp và có nhiều kết quả về Nghiên cứu khoa học [H2.25.02.04], [H2.25.02.05], [H2.25.02.06], [H2.25.02.07]

Một trong những đóng góp quan trọng vào kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, hoạt động nghiên cứu khoa học chính là hoạt động xuất bản, thực hiện đề tài, tham gia hội nghị hội thảo của đội ngũ giảng viên. Các đề tài, bài giảng, giáo trình, tài liệu, sách chuyên khảo được xuất bản trong những năm vừa qua đã thể hiện trách nhiệm xã hội, khẳng định vai trò, vị trí của các ngành đào tạo của Nhà trường trong hệ thống giáo dục đại học (xem bảng 25.2.2).

**Bảng 25.2.2. Thống kê số lượng công trình NCKH giai đoạn  
2018 - 2022**

<b>Số lượng</b>	<b>2018</b>	<b>2019</b>	<b>2020</b>	<b>2021</b>	<b>2022</b>
Đề tài NCKH cấp cơ sở	06	11	11	16	09
Đề tài NCKH cấp Tỉnh	01	02	01	01	-
Đề tài NCKH cấp Bộ	-	02	03	01	-
Hội nghị, Hội thảo	03	07	06	02	01
Giáo trình	-		04	01	01
Sách chuyên khảo	-	-	02	01	01
Sách hướng dẫn	-	01	-	-	-
Sách tham khảo	-	01	-	-	01
<b>Tổng số</b>	<b>10</b>	<b>24</b>	<b>27</b>	<b>22</b>	<b>13</b>

*(Nguồn: Phòng QLKH-ĐN-TT - TĐHHT)*

*c. Các hoạt động phục vụ cộng đồng*

Các chỉ số hoạt động phục vụ cộng đồng được chính thức đưa vào quy định dành cho giảng viên tại Quy chế làm việc của giảng viên [H2.25.02.13] nhưng trong thời gian qua đã được xây dựng từng năm, triển khai thực hiện dành cho cả giảng viên, cán bộ, sinh viên thông qua việc tổ chức các hoạt động thiện nguyện, đóng góp cứu trợ cho các đồng bào bị lũ lụt, tham gia các dự án hỗ trợ cộng đồng, các hoạt động tiếp sức mùa thi, SV tình nguyện, mùa hè xanh và hiến máu nhân đạo... [H2.25.02.08]

Việc giám sát kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện thông qua báo cáo giao ban hàng tháng [H2.25.02.09], báo cáo tổng kết hoạt động của từng bộ phận, đơn vị trong Trường, thông qua tổng kết từng hoạt động lớn [H2.25.02.04], [H2.25.02.10], [H2.25.02.11], [H2.25.02.12].

Trên cơ sở các báo cáo của mỗi lĩnh vực hoạt động, Nhà trường đưa ra các chính sách, biện pháp cụ thể đảm bảo đạt được các chỉ số thị trường về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Kết quả của việc giám sát và điều chỉnh các chỉ số thị trường được thể hiện ra như sau:

Về hoạt động mở mã ngành đào tạo, trong giai đoạn 2017-2022, Nhà trường đã mở mới 02 mã ngành đào tạo gồm: Ngành Chính trị học theo quyết định số 4389/QĐ-BGDĐT ngày 17/10/2017 của Bộ giáo dục Đào tạo và Ngành Thú Y theo quyết định số 1665/QĐ-BGDĐT ngày 14/6/2019 của Bộ giáo dục Đào tạo [H2.25.02.14].

Nhà trường đã tổ chức Hội nghị về công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ giảng viên Trường Đại học Hà Tĩnh năm 2019, ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, giảng viên giai đoạn 2020-2030 [H2.25.02.14]



Về hoạt động nghiên cứu khoa học, thay đổi định mức giờ nghiên cứu khoa học cho giảng viên theo các nhóm khác nhau để phù hợp với thực tế và thúc đẩy hoạt động nghiên cứu khoa học [H2.25.02.13].

Số hoạt động PVCĐ đề xuất và triển khai: Ủng hộ quỹ vacxin phòng chống Covid-19, thành lập Câu lạc bộ dân vũ cho các công đoàn viên...[H2.25.02.08]. Nhà trường đã thực hiện đối sánh các chỉ số thị trường theo từng lĩnh vực hoạt động. Kết quả đối sánh nội bộ được thể hiện ở các khía cạnh như:

Về chỉ số tuyển sinh, Nhà trường đã thực hiện so sánh tỉ lệ % giữa số lượng tuyển sinh thực hiện/ số lượng chỉ tiêu hàng năm. Có thể thấy, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, sự phân bố chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm từ Bộ giáo dục và Đào tạo nên tỉ lệ này có sự thay đổi khác nhau giữa các ngành học [H24.24.02.03]. Những năm gần đây, vì nhiều lý do khách quan nên số lượng sinh viên nhập học giảm so với những năm trước đây. Mặc dù công tác tư vấn tuyển sinh tiếp tục ghi dấu ấn và sự cạnh tranh gay gắt giữa các đơn vị đào tạo đại học. Những điều chỉnh kịp thời trong công tác tư vấn tuyển sinh như đẩy mạnh tư vấn trực tuyến, đa dạng hóa các ấn phẩm phục vụ tư vấn tuyển sinh, khoán chỉ tiêu tuyển sinh... góp phần không nhỏ mang lại kết quả tuyển sinh khá tốt. Trường ĐHHT làm đầu mối triển khai các hoạt động tư vấn tuyển sinh tại các địa phương cũng như tổ chức các chương trình hướng nghiệp tư vấn trực tuyến đã tạo hiệu ứng tốt trong việc quảng bá hình ảnh, hỗ trợ hiệu quả cho công tác tư vấn tuyển sinh của các đơn vị. Cơ chế làm việc và phối hợp triển khai công tác xét tuyển giữa các “đầu mối” tuyển sinh trong ĐHHT đã tiếp tục được điều chỉnh linh hoạt, kịp thời và mang lại hiệu quả cao. Bộ phận thường trực tuyển sinh của Trường ĐHHT đã có những đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và hoàn thiện quy trình, phần mềm xét tuyển đại học, cán bộ tuyển sinh của Nhà trường cũng đã phối hợp tốt với các đơn vị thành viên của Nhóm xét tuyển đại học chính quy miền Bắc trong suốt quá trình “lọc ảo” và tổ chức xét tuyển đại học chính quy hàng năm [H2.25.02.02].

Hàng năm, Nhà trường đã thu thập thông tin phản hồi của các đơn vị/bộ phận, cán bộ GV trong Trường thông qua các buổi họp báo cáo tình hình hoạt động của Nhà trường, cuộc họp giao ban với các Trưởng đơn vị về tình hình thực hiện kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H2.25.02.09], thông qua báo cáo hằng năm về từng lĩnh vực: tuyển sinh, đào tạo, NCKH, PVCĐ [H2.25.02.4], [H2.25.02.10], [H2.25.02.11], [H2.25.02.12]. Các kết quả sau khi khảo sát, được phân tích lập báo cáo đề các đơn vị liên quan có điều chỉnh kịp thời nếu cần thiết [H2.25.02.15].

Các kết quả đối sánh hàng năm về chỉ số thị trường của các lĩnh vực; báo cáo hằng năm về từng lĩnh vực: tuyển sinh, đào tạo, NCKH, PVCĐ; kết quả khảo sát ý kiến của các đơn vị/bộ phận, cán bộ GV trong Trường về kết quả và các chỉ số thị trường về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ đã được tổng hợp làm căn cứ, cơ sở cho việc cải tiến nâng cao hoạt động NCKH thể hiện như: thay đổi chính sách về NCKH (giao chỉ tiêu đến cá nhân và đơn vị; tăng định mức về chỉ tiêu NCKH của GV [H2.25.02.13]. Từ năm 2017 đến nay, nhằm tăng cường cho phát

triển chi tiêu tuyển sinh và mục đích duy trì nguồn thu, Nhà trường đã xây dựng các đề án mở ngành mới và đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định cho phép triển khai đào tạo các như ngành: Chính trị học, Thú y... [H2.25.02.14].

## **2. Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7**

### **Đánh giá chung về Tiêu chuẩn 25:**

#### **1. Tóm tắt các điểm mạnh:**

- Đã thiết lập được các chỉ số tài chính, chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, khoa học công nghệ và PVCĐ. Các mục tiêu, chỉ tiêu đưa ra hợp lý, đảm bảo vừa thể hiện được sự phát triển của Nhà trường, vừa phù hợp điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước.

- Công tác giám sát kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả. Nhà trường đã có sự phân công thực hiện công tác giám sát nội bộ, đồng thời đảm bảo sự giám sát của các bên liên quan.

- Công tác đối sánh để cải tiến được thực hiện, đảm bảo đáp ứng những nhu cầu của thị trường và yêu cầu của các bên liên quan.

#### **2. Tóm tắt các điểm tồn tại :**

- Tỷ trọng các chỉ số tài chính của các hoạt động còn chưa cân đối, phần lớn kết quả và chỉ số tài chính đến từ hoạt động đào tạo.

- Hoạt động PVCĐ đã được Nhà trường quan tâm triển khai từ lâu, tuy nhiên các chỉ số thị trường của hoạt động này thì mới được đưa vào các văn bản chính thức trong những năm gần đây, do đó cần có thêm thời gian để cân đối, điều chỉnh cho phù hợp.

#### **3. Kế hoạch cải tiến:**

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Phát huy những điểm mạnh 1	Tiếp tục thiết lập kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ hàng năm trên cơ sở phân tích, đánh giá, cải tiến kết quả thực hiện của năm trước	BGH P. KH-TC	Hàng năm	

<b>TT</b>	<b>Mục tiêu</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Đơn vị/ cá nhân thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện (bắt đầu và hoàn thành)</b>	<b>Ghi chú</b>
2	Phát huy những điểm mạnh 2	Tiếp tục đẩy mạnh công tác giám sát nội bộ về kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ; đảm bảo sự giám sát của các bên liên quan.	BGH P. KH-TC P. TC-HC	Hàng năm	
3	Phát huy những điểm mạnh 3	Thường xuyên thực hiện công tác đối sánh về kết quả và các chỉ số tài chính, thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ cả trong nội bộ và với các trường đại học trong cùng khối ngành nhằm đưa ra những cải tiến/điều chỉnh phù hợp.	BGH P. KH-TC P. Đào tạo P.KT-ĐBCL P. QLKH-ĐN-TT	Hàng năm	
4	Khắc phục tồn tại 1	Cân đối lại các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, trong đó đặc biệt chú trọng nâng cao các chỉ số tài chính của hoạt động NCKH.	BGH P. KH-TC P. QLKH-ĐN-TT	Từ năm 2023	
5	Khắc phục tồn tại 2	Thường xuyên thực hiện rà soát, bổ sung, điều chỉnh các chỉ số thị trường về hoạt động PVCĐ đảm bảo vừa thể hiện được sự phát triển, vừa phù hợp với bối cảnh thực tiễn của Nhà trường	BGH P. QLKH-ĐN-TT	Từ năm 2023	

#### **4. Mức đánh giá:**

<b>Tiêu chuẩn/Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá</b>
<b><i>Tiêu chuẩn 25</i></b>	<b>4,00</b>
Tiêu chí 25.1	4
Tiêu chí 25.2	4

## BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

TT	Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược</b>	<b>4,16</b>	
<b>I.1</b>	<b>Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa</b>	<b>4,4</b>	
1.	1.1	5	
2.	1.2	4	
3.	1.3	5	
4.	1.4	4	
5.	1.5	4	
<b>I.2</b>	<b>Tiêu chuẩn 2. Quản trị</b>	<b>4,00</b>	
6.	2.1	4	
7.	2.2	4	
8.	2.3	4	
9.	2.4	4	
<b>I.3</b>	<b>Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý</b>	<b>4,25</b>	
10.	3.1	4	
11.	3.2	4	
12.	3.3	5	
13.	3.4	4	
<b>I.4</b>	<b>Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược</b>	<b>4,00</b>	
14.	4.1	4	
15.	4.2	4	
16.	4.3	4	
17.	4.4	4	
<b>I.5</b>	<b>Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng</b>	<b>4,00</b>	
18.	5.1	4	
19.	5.2	4	
20.	5.3	4	
21.	5.4	4	
<b>I.6</b>	<b>Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực</b>	<b>4,86</b>	
22.	6.1	5	
23.	6.2	5	
24.	6.3	5	

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
25.	6.4	4	
26.	6.5	5	
27.	6.6	5	
28.	6.7	5	
<b>I.7</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất</i></b>	<b>4,20</b>	
29.	7.1	4	
30.	7.2	4	
31.	7.3	5	
32.	7.4	4	
33.	7.5	4	
<b>I.8</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại</i></b>	<b>4,75</b>	
34.	8.1	5	
35.	8.2	5	
36.	8.3	4	
37.	8.4	5	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống</b>	<b>4,61</b>	
<b>II.9</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong</i></b>	<b>4,67</b>	
38.	9.1	5	
39.	9.2	5	
40.	9.3	5	
41.	9.4	5	
42.	9.5	4	
43.	9.6	4	
<b>II.10</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài</i></b>	<b>4,75</b>	
44.	10.1	5	
45.	10.2	5	
46.	10.3	5	
47.	10.4	4	
<b>II.11</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong</i></b>	<b>4,75</b>	
48.	11.1	5	
49.	11.2	5	
50.	11.3	5	
51.	11.4	4	

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>II.12</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng</i></b>	<b>4,25</b>	
52.	12.1	5	
53.	12.2	4	
54.	12.3	4	
55.	12.4	4	
56.	12.5	4	
<b>III</b>	<b>Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng</b>	<b>4,36</b>	
<b>III.13</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học</i></b>	<b>4,40</b>	
57.	13.1	5	
58.	13.2	5	
59.	13.3	4	
60.	13.4	4	
61.	13.5	4	
<b>III.14</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học</i></b>	<b>4,25</b>	
62.	14.1	5	
63.	14.2	4	
64.	14.3	4	
65.	14.4	4	
66.	14.5	4	
<b>III.15</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập</i></b>	<b>4,60</b>	
67.	15.1	5	
68.	15.2	5	
69.	15.3	5	
70.	15.4	4	
71.	15.5	4	
<b>III.16</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học</i></b>	<b>4,25</b>	
72.	16.1	5	
73.	16.2	4	
74.	16.3	4	
75.	16.4	4	
<b>III.17</b>	<b><i>Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học</i></b>	<b>4,00</b>	

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
76.	17.1	4	
77.	17.2	4	
78.	17.3	4	
79.	17.4	4	
<b>III.18</b>	<b>Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH</b>	<b>5,50</b>	
80.	18.1	7	
81.	18.2	5	
82.	18.3	4	
83.	18.4	6	
<b>III.19</b>	<b>Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ</b>	<b>4,25</b>	
84.	19.1	5	
85.	19.2	4	
86.	19.3	4	
87.	19.4	4	
<b>III.20</b>	<b>Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH</b>	<b>4,00</b>	
88.	20.1	4	
89.	20.2	4	
90.	20.3	4	
91.	20.4	4	
<b>III.21</b>	<b>Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng</b>	<b>4,00</b>	
92.	21.1	4	
93.	21.2	4	
94.	21.3	4	
95.	21.4	4	
<b>IV</b>	<b>Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động</b>	<b>4,04</b>	
<b>IV.22</b>	<b>Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo</b>	<b>4,00</b>	
96.	22.1	4	
97.	22.2	4	
98.	22.3	4	
99.	22.4	4	
<b>IV.23</b>	<b>Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH</b>	<b>4,17</b>	
100.	23.1	5	
101.	23.2	4	
102.	23.3	4	
103.	23.4	4	

<b>TT</b>	<b>Lĩnh vực/ Tiêu chuẩn/ Tiêu chí</b>	<b>Tự đánh giá (mức điểm)</b>	<b>Ghi chú</b>
104.	23.5	4	
105.	23.6	4	
<b>IV.24</b>	<b>Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng</b>	<b>4,00</b>	
106.	24.1	4	
107.	24.2	4	
108.	24.3	4	
109.	24.4	4	
<b>IV.25</b>	<b>Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường</b>	<b>4,00</b>	
110.	25.1	4	
111.	25.2	4	

**Ghi chú:**

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 7 điểm (tiêu chí: 18.1);
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm (tiêu chí: 1.2;1.4;1.5;2.1;2.2;2.3;2.4;3.1;3.2;3.4;4.1;4.2;4.3;4.4;5.1;5.2;5.3;5.4;6.4;7.1;7.2;7.4;7.5;8.3;9.5;9.6;10.4;11.4;12.2;12.3;12.4;12.5;13.3;13.4;13.5;14.2;14.3;14.4;14.5;15.4;15.5;16.2;16.3;16.4;17.1;17.2;17.3;17.4;18.3;19.2;19.3;19.4;20.1;20.2;20.3;20.4;21.1;21.2;21.3;21.4;22.1;22.2;22.3;22.4;23.2;23.3;23.4;23.5;23.6;24.1;24.2;24.3;24.4;25.1;25.2);
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4,00 điểm trở lên: 25/25 (100%);
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2,00 điểm:0/25 (0%).

*Hà Tĩnh, ngày 15 tháng 8 năm 2023*  
**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC**  
*(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

**Đoàn Hoài Sơn**



## Phần III. PHỤ LỤC

### PHỤ LỤC 1

#### CƠ SỞ DỮ LIỆU KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Thời điểm báo cáo: Tính đến ngày 31/12/2022

#### I. Thông tin chung về cơ sở giáo dục

1. Tên cơ sở giáo dục (theo quyết định thành lập):

Tiếng Việt: Trường Đại học Hà Tĩnh

Tiếng Anh: Ha Tinh University

2. Tên viết tắt của cơ sở giáo dục:

Tiếng Việt: TĐHHT

Tiếng Anh: HTU

3. Tên trước đây (nếu có): Không có.

4. Cơ quan/Bộ chủ quản: UBND tỉnh Hà Tĩnh

5. Địa chỉ:

+ Trụ sở chính: Xã Cẩm Vịnh, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh

+ Cơ sở Đại Nài: Số 447, đường 26/3 phường Đại Nài, thành phố Hà Tĩnh

6. Thông tin liên hệ:

+ Điện thoại: (84)2393885376 Số fax: (84)393885224

+ E-mail: contact@htu.edu.vn

+ Website: htu.edu.vn

7. Năm thành lập (theo quyết định thành lập): 2007

8. Thời gian bắt đầu đào tạo khóa I: 2008

9. Thời gian cấp bằng tốt nghiệp cho khóa I: 2012

10. Loại hình cơ sở giáo dục:

Công lập  Bán công  Dân lập  Tư thực

Loại hình khác (đề nghị ghi rõ).....

11. Các loại hình đào tạo của cơ sở giáo dục (đánh dấu x vào các ô tương ứng)

	Có	Không
Chính quy	x	<input type="checkbox"/>
Không chính quy	x	<input type="checkbox"/>
Từ xa	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo với nước ngoài	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Liên kết đào tạo trong nước	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Các loại hình đào tạo khác (nếu có, ghi rõ từng loại hình): tiếng Việt cho LHS Lào

12. Danh sách cán bộ lãnh đạo chủ chốt của CSGD (các phòng, ban, khoa, trung tâm chỉ ghi cấp trưởng).

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
<b>1. Hiệu trưởng</b>	Đoàn Hoài Sơn	TS. Hiệu trưởng	0916.877.248	son.doanhoai
<b>2. Phó Giám đốc/ Phó Hiệu trưởng</b>				
1. Phó Hiệu trưởng	Trần Thị Ái Đức	Phó Hiệu trưởng	0918.034.369	duc.tranthi
2. Phó Hiệu trưởng	Hồ Thị Nga	Phó Hiệu trưởng	0947.311.271	nga.hothi
<b>3. Các tổ chức Đảng, Đoàn TN, Công đoàn</b>				
1. Đảng ủy	Đoàn Hoài Sơn	TS. Bí thư ĐU	0916.877.248	son.doanhoai
2. Đoàn Thanh niên	Cù Thị Nhung	Bí thư ĐTN	0985.420.353	nhung.cuthi
3. Công đoàn trường	Tống Thị Cẩm Lệ	Chủ tịch	0917.625.568	le.tongthicam
4. Hội cựu chiến binh	Đình Văn Nam	Chủ tịch	0918.337.033	nam.dinhvan
<b>4. Các phòng, ban chức năng</b>				
1. Phòng Kế hoạch-Tài chính	Nguyễn Việt Hùng	Trưởng phòng	0912.277.316	hung.nguyenviet
2. Phòng Tổ chức-Hành chính	Lưu Thị Thu Hằng	Trưởng phòng	0913.335.557	hang.luuthithu
3. Phòng Quản trị	Đình Văn Nam	Trưởng phòng	0918.337.033	nam.dinhvan
4. Phòng Thanh tra-Pháp chế	Trần Thế Sơn	Trưởng phòng	0912.411.075	son.tranthe
5. Phòng Khảo thí-ĐBCL	Trần Anh Vũ	Trưởng phòng	0912.526.797	vu.trananh
6. Phòng Đào tạo	Nguyễn Văn Hòa	Trưởng phòng	0987.781.919	hoa.nguyenvan
7. Phòng Công tác-CTHHSV	Ngô Tất Đạt	Trưởng phòng	0912.591.778	dat.ngotat
8. Phòng QLKH-ĐNTT	Hồ Thị Nga	Trưởng phòng	0947.311.271	nga.hothi
<b>5. Các trung tâm/ viện trực thuộc</b>				
1. Trung tâm Đào tạo &BDTX	Nguyễn Thị Thái Hòa	Giám đốc	0948.866.538	hoa.nguyenthithai
2. Trung tâm CNTT	Nguyễn Việt Phú	Giám đốc	0912.539.858	phu.nguyenviet
3. Trung tâm Thư viện	Trần Dương	Giám đốc	0988.788.136	duong.tran
<b>6. Các khoa/viện đào tạo, bộ môn</b>				
1. Khoa KT-QTKD	Trần Thu Thủy	Trưởng khoa	0936.027.393	thuy.tranhu
2. Khoa Ngoại ngữ	Trần Minh Đức	Trưởng khoa	0912.426.579	duc.tranminh
3. Khoa Nông nghiệp và Môi trường	Lâm Xuân Thái	Trưởng khoa	0912.743.336	thai.lamxuan
4. Khoa Chính trị Luật	Nguyễn Thị Thanh Nhân	Trưởng khoa	0912.606.615	nhan.nguyenthithanh

Các đơn vị (bộ phận)	Họ và tên	Chức danh, học vị, chức vụ	Điện thoại	E-mail
5. Khoa Tiếng Việt	Nguyễn Thị Lê Hằng	Trưởng khoa	0986.795.592	hang.nguyenthile
6. Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	Nguyễn Sỹ Minh	Trưởng khoa	0912.442.405	minh.nguyensy
7. Khoa Sư phạm	Lê Văn An	Trưởng khoa	0914.090.665	an.levan
8. Bộ môn Tâm lý- Giáo dục	Nguyễn Văn Tĩnh	Trưởng Bộ môn	0916955505	tinh.nguyenvan
9. Bộ môn Giáo dục thể chất	Nguyễn Văn Thành	Trưởng Bộ môn	0988363755	thanh.nguyenvan
10. Trường TH, THCS, THPT	Nguyễn Thị Thanh Tâm	Hiệu trưởng	0912999125	tam.nguyenthithanh
11. Trường mầm non	Lưu Thị Thu Hằng	Hiệu trưởng	0913335557	hang.luuthithu

**Ghi chú:** tất cả cán bộ, giảng viên, nhân viên của Trường đều được cấp email với đuôi @*htu.edu.vn*

### 13. Các khoa/viện đào tạo của CSGD

Khoa/viện đào tạo	Đại học		Sau đại học		Khác (ghi rõ)	
	Số CTĐT	Số sinh viên	Số CTĐT	Số người học	Số CTĐT	Số người học
<b>Năm học 2018-2019</b>						
Khoa KT-QTKD	5	481				
Khoa Ngoại ngữ	3	204				
Khoa Nông nghiệp và Môi trường	2	96				
Khoa Chính trị Luật	3	580				
Khoa Tiếng Việt					01	245
Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	3	283				
Khoa Sư phạm	5	1188				
<b>Năm học 2019-2020</b>						
Khoa KT-QTKD	5	389				
Khoa Ngoại ngữ	3	270				
Khoa Nông nghiệp và Môi trường	2	54				
Khoa Chính trị Luật	3	402				
Khoa Tiếng Việt					01	133
Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	3	224				
Khoa Sư phạm	5	1005				
<b>Năm học 2020-2021</b>						

<b>Khoa/viện đào tạo</b>	<b>Đại học</b>		<b>Sau đại học</b>		<b>Khác (ghi rõ)</b>	
Khoa KT-QTKD	5	240				
Khoa Ngoại ngữ	3	342				
Khoa Nông nghiệp và Môi trường	3	42				
Khoa Chính trị Luật	3	193				
Khoa Tiếng Việt					01	83
Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	3	177				
Khoa Sư phạm	5	776				
<b>Năm học 2021-2022</b>						
Khoa KT-QTKD	5	244				
Khoa Ngoại ngữ	3	383				
Khoa Nông nghiệp và Môi trường	3	27				
Khoa Chính trị Luật	3	119				
Khoa Tiếng Việt					01	59
Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	3	125				
Khoa Sư phạm	5	892				
<b>Năm học 2022-2023</b>						
Khoa KT-QTKD	5	215				
Khoa Ngoại ngữ	3	415				
Khoa Nông nghiệp và Môi trường	3	22				
Khoa Chính trị Luật	3	39				
Khoa Tiếng Việt					01	40
Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	3	93				
Khoa Sư phạm	5	757				

14. Danh sách đơn vị trực thuộc (bao gồm các trung tâm nghiên cứu, chi nhánh/cơ sở của các đơn vị)

<b>TT</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Năm thành lập</b>	<b>Lĩnh vực hoạt động</b>	<b>Số lượng nghiên cứu viên</b>	<b>Số lượng cán bộ/nhân viên</b>
1	Phòng Kế hoạch-Tài chính	QĐ số 57/QĐ-TĐHHT ngày 20/06/2007	Tham mưu, giúp Ban giám hiệu tổ chức quản lý công tác KH-TC, kế toán của Trường		05
2	Phòng Tổ chức-Hành chính	QĐ số 1570/QĐ-TĐHHT ngày 02/11/2012	Tham mưu, giúp việc cho Hiệu trưởng về: - Các hoạt động chung của Trường;		15

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
			- Công tác tổ chức, cán bộ - Công tác bảo vệ chính trị nội bộ - Công tác hành chính - tổng hợp; - Công tác thi đua - khen thưởng;		
3	Phòng Quản trị	QĐ số 57/QĐ-TĐHHT ngày 20/06/2007	Phòng Quản trị có chức năng tham mưu với Hiệu trưởng về: lập kế hoạch mua sắm, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị của nhà trường trên cơ sở tình hình thực tế và đề xuất của các đơn vị; xây dựng quy trình mua sắm, sửa chữa, nâng cấp, trang bị, quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, trang thiết bị. Giúp cho Hiệu trưởng về: Quản lý đất đai, nhà cửa, tài sản, các công trình nổi, chìm, điện, nước, hộ khẩu, lưu trú, tạm vắng; Điều hành việc sử dụng các thiết bị, nơi làm việc, lớp học và các loại tài sản; Xây dựng, cải tạo, sửa chữa nhỏ về cơ sở vật chất; Phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện việc mua sắm, cấp phát các trang thiết bị phục vụ dạy học, làm việc và các sinh hoạt theo đúng quy trình, quy định của Nhà trường; Thực hiện các công tác Quốc phòng An ninh, trật tự - trị a, phòng chống cháy nổ và phòng chống thiên tai cứu nạn, cứu hộ; Quản lý Nội trú KTX HSSV và cán bộ giáo viên; Công tác y tế, vệ sinh môi trường.		23
4	Phòng Thanh tra-Pháp chế	QĐ số 497/QĐ-	Tham mưu, giúp Hiệu trưởng triển khai các hoạt động khảo thí; đảm bảo chất lượng; thanh		02

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
		TĐHHT ngày 31/08/2020	tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường nhằm bảo đảm tính kỷ cương, kỷ luật; tư vấn, giúp Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Trường, bảo đảm tính hợp pháp trong việc ban hành các văn bản quản lý, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường bằng pháp luật.		
5	Phòng Khảo thí-ĐBCL	QĐ số 498/QĐ-TĐHHT ngày 31/08/2020	Tham mưu, giúp Hiệu trưởng triển khai các hoạt động khảo thí; đảm bảo chất lượng; thanh tra, kiểm tra, giám sát các hoạt động của Trường nhằm bảo đảm tính kỷ cương, kỷ luật; tư vấn, giúp Hiệu trưởng về những vấn đề pháp lý liên quan đến tổ chức, quản lý và hoạt động của Trường, bảo đảm tính hợp pháp trong việc ban hành các văn bản quản lý, nâng cao chất lượng các hoạt động của Trường bằng pháp luật.		06
6	Phòng Đào tạo	QĐ số 133/QĐ-TĐHHT ngày 01/03/2017	Tham mưu và giúp Hiệu trưởng trong công tác đào tạo đại học hệ chính quy bao gồm công tác tuyển sinh, tổ chức quản lý đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo và xây dựng chương trình mở ngành đào tạo mới; xét, công nhận tốt nghiệp cho người học.		06
7	Phòng Công tác-CT-HSSV	QĐ số 29/QĐ-TĐHHT ngày 26/01/2018	Tham mưu và giúp hiệu trưởng về công tác chính trị, tư tưởng; công tác học sinh, sinh viên và học viên. Tư vấn, hỗ trợ cho học sinh sinh viên về những vấn đề liên quan đến đời sống sinh hoạt, học tập khi đang học tại trường		04

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
			và tư vấn giới thiệu việc làm cho sinh viên sau khi ra trường.		
8	Phòng QLKH-ĐNTT	QĐ số 500/QĐ-TĐHHT ngày 31/08/2020	Tham mưu và giúp việc cho Hiệu trưởng trong tổ chức triển khai, thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ; hoạt động đối ngoại, hợp tác quốc tế và truyền thông; hoạt động tư vấn du học đáp ứng nhu cầu xã hội; tư vấn và tổ chức cho sinh viên tham gia thực tập sinh nước ngoài; các hoạt động khởi nghiệp trong và ngoài nhà trường.		07
9	Trung Tâm Công nghệ - Thông tin	QĐ số 823/QĐ-TĐHHT ngày 17/12/2020	Có chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu, đào tạo và quản lý của Nhà trường thông qua việc khai thác sử dụng các hoạt động hình tài liệu có trong thư viện.		08
10	Trung tâm Thư viện	QĐ số 02/QĐ-TĐHHT ngày 04/01/2018	Trung tâm Thông tin - Thư viện Trường Đại học Hà Tĩnh có chức năng phục vụ hoạt động giảng dạy, học tập, nghiên cứu, đào tạo và quản lý của Nhà trường thông qua việc khai thác sử dụng các loại hình tài liệu có trong thư viện		06
11	Trung tâm Đào tạo &BDTX	QĐ số 837/QĐ-TĐHHT ngày 18/12/2020	Là đơn vị trực thuộc Trường cung cấp dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng hình thức vừa làm vừa học và ngắn hạn; liên kết hoạt động đào tạo, bồi dưỡng; tư vấn du học khởi nghiệp; nghiên cứu ứng dụng công nghệ; quản lý điều hành về mặt kỹ thuật các thiết bị công nghệ thông tin và các hoạt động công nghệ thông tin trong toàn trường.		05

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
12	Khoa KT-QTKD	QĐ số 57/QĐ-TĐHHT ngày 20/06/2007	Đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực kinh tế, quản trị kinh doanh có trình độ ĐH, CĐ và tC chính quy và VLVH, văn bằng 2; Phối hợp với các đơn vị chức năng đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ đáp ứng nhu cầu của xã hội; đồng thời triển khai các hoạt động NCKH và giảng dạy. Xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo các mã ngành do Khoa quản lý.		27
13	Khoa Ngoại ngữ	QĐ số 57/QĐ-TĐHHT ngày 20/06/2007	Khoa Ngoại ngữ là đơn vị chuyên môn của trường Đại học Hà Tĩnh, quản lý và triển khai các hoạt động chuyên môn về đào tạo và nghiên cứu khoa học thuộc lĩnh vực ngoại ngữ. Đào tạo các chuyên ngành Sư phạm Tiếng Anh, cử nhân Tiếng Anh, cử nhân Tiếng Trung; đồng thời thực hiện chức năng triển khai các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học. Xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo các mã ngành do khoa quản lý.		21
14	Khoa Nông nghiệp và Môi trường	QĐ số 388/QĐ-TĐHHT ngày 03/08/2020	Thực hiện chức năng triển khai các hoạt động NCKH, giảng dạy và đào tạo nguồn nhân lực về khoa học Kỹ thuật Nông - Lâm nghiệp - Thủy sản, khoa học môi trường cho địa phương và cho xã hội; Xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo các mã ngành do khoa quản lý.		13
15	Khoa Chính trị Luật	QĐ số 778/QĐ-TĐHHT ngày 08/11/2019	Đào tạo cử nhân Giáo dục chính trị, Chính trị học, Luật học chính quy, liên thông, văn bằng 2; thực hiện chức năng triển khai các hoạt động giảng dạy, nghiên cứu khoa học, cung ứng các dịch vụ pháp		16



TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
			lý; Trực tiếp tham gia công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giáo dục pháp luật cho cán bộ, giảng viên, học sinh, sinh viên; Xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo các mã ngành do khoa quản lý.		
16	Khoa Tiếng Việt	QĐ số 2313/QĐ-TĐHHT ngày 01/01/2017	Có chức năng đào tạo Tiếng Việt cho người nước ngoài; thực hiện các hoạt động NCKH và giảng dạy		11
17	Khoa Kỹ thuật - Công nghệ	QĐ số 57/QĐ-TĐHHT ngày 20/06/2007	Đào tạo, cung cấp nguồn nhân lực trong lĩnh vực kỹ thuật và công nghệ có trình độ ĐH, CĐ và TCCN chính quy và VLVH, văn bằng 2; phối hợp với các đơn vị chức năng đào tạo ngắn hạn, cấp chứng chỉ đáp ứng nhu cầu của xã hội; đồng thời triển khai các hoạt động NCKH và giảng dạy.		14
18	Khoa Sư phạm	QĐ số 847/QĐ-TĐHHT ngày 01/12/2017	Khoa Sư phạm là đơn vị chuyên môn của trường Đại học Hà Tĩnh có chức năng đào tạo trình độ đại học và cao đẳng các ngành: Sư phạm Toán, Sư phạm Vật lý; Sư phạm Hóa học, Giáo dục tiểu học, Giáo dục mầm non; Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực giáo dục.		32
19	Bộ môn Tâm lý - Giáo dục	QĐ số 57/QĐ-TĐHHT ngày 20/06/2007	Tổ chức thực hiện công tác giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và phát triển kỹ năng thuộc các chuyên ngành Tâm lý học, giáo dục học.		06
20	Bộ môn Giáo dục - Thể chất	QĐ số 57/QĐ-TĐHHT ngày 20/06/2007	Tổ chức thực hiện công tác giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và phát triển kỹ năng thuộc các chuyên ngành Giáo dục Thể chất; huấn luyện các đội tuyển và phát		12

TT	Tên đơn vị	Năm thành lập	Lĩnh vực hoạt động	Số lượng nghiên cứu viên	Số lượng cán bộ/nhân viên
			triển phong trào thể dục, thể thao trong Trường		
21	Trường TH, THCS, THPT	2016	Giáo dục phổ thông song ngữ liên cấp chất lượng cao; giúp học sinh được phát triển toàn diện về nhân cách và được trang bị các kỹ năng cần thiết cho quá trình hội nhập; là cơ sở thực hành sự phạm cho các đơn vị đào tạo giáo viên; là nơi ứng dụng và triển khai có hiệu quả các thành tựu khoa học và giáo dục phổ thông góp phần đổi mới giáo dục và đào tạo		51
22	Trường Mầm non IvyHSchool	2017	Giáo dục mầm non song ngữ chất lượng cao; phát triển toàn diện về chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ và hình thành nhân cách cho học sinh; cơ sở thực hành sự phạm cho khoa sư phạm; ứng dụng và triển khai có hiệu quả các thành tựu khoa học giáo dục mầm non.		21

## II. Cán bộ, giảng viên, nhân viên

15. Thống kê số lượng giảng viên và nghiên cứu viên

### a. Năm 2018:

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	210	12,86		
Nghiên cứu viên				
<b>Tổng</b>	210	12,86		

### b. Năm 2019

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	194	14,43		
Nghiên cứu viên				
<b>Tổng</b>	194	14,43		

c. Năm 2020

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	185	16,22		
Nghiên cứu viên	0	0		
<b>Tổng</b>	185			

d. Năm 2021

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	181	17,13		
Nghiên cứu viên	0	0		
<b>Tổng</b>	181			

e. Năm 2022:

Phân cấp giảng viên và nghiên cứu viên	Cơ hữu/toàn thời gian		Hợp đồng/ thỉnh giảng	
	Số lượng	Tiến sĩ (%)	Số lượng	Tiến sĩ (%)
Giảng viên	176	19,89	05	100
Nghiên cứu viên	0	0	0	0
<b>Tổng</b>	<b>176</b>	<b>19,89</b>	<b>05</b>	<b>100</b>

16. Thống kê số lượng cán bộ quản lý, nhân viên

a. Năm 2018:

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	38	0	38
Nhân viên	81	0	81
<b>Tổng cộng</b>	<b>119</b>	<b>0</b>	<b>119</b>

b. Năm 2019:

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	27	0	27
Nhân viên	110	0	110
<b>Tổng cộng</b>	<b>137</b>	<b>0</b>	<b>137</b>

c. Năm 2020:

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	28	0	28
Nhân viên	103	0	103
<b>Tổng cộng</b>	<b>131</b>	<b>0</b>	<b>131</b>

**a. Năm 2021:**

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	25		25
Nhân viên	100		100
<b>Tổng cộng</b>	<b>125</b>		<b>125</b>

**b. Năm 2022:**

Phân cấp cán bộ, nhân viên (Nêu cụ thể)	Số lượng		
	Cơ hữu/toàn thời gian	Hợp đồng bán thời gian	Tổng số
Cán bộ quản lý	26	0	26
Nhân viên	66	0	66
<b>Tổng cộng</b>	<b>92</b>	<b>0</b>	<b>92</b>

17. Thống kê số lượng cán bộ, giảng viên và nhân viên (gọi chung là cán bộ) của CSGD theo giới tính:

**a. Năm 2018:**

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu</b> <i>Trong đó:</i>	113	188	301
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	93	161	254
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	20	27	47
II	<b>Các cán bộ khác</b> Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	0	2	2
	<b>Tổng cộng</b>	<b>113</b>	<b>190</b>	<b>303</b>

**b. Năm 2019:**

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu</b> <i>Trong đó:</i>	109	190	299
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	80	148	228
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	29	42	71
II	<b>Các cán bộ khác</b> Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	1	9	10
	<b>Tổng cộng</b>	<b>110</b>	<b>199</b>	<b>309</b>

**c. Năm 2020:**

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu</b> <i>Trong đó:</i>	103	184	287
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	77	149	226
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	26	35	61
II	<b>Các cán bộ khác</b> Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	1	9	10
	<b>Tổng cộng</b>	<b>104</b>	<b>193</b>	<b>297</b>

**d. Năm 2021:**

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu</b> <i>Trong đó:</i>	<b>100</b>	<b>183</b>	<b>283</b>
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	74	147	221
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	26	36	62
II	<b>Các cán bộ khác</b> Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	1	5	6
	<b>Tổng cộng</b>	<b>101</b>	<b>188</b>	<b>289</b>

**e. Năm 2022**

TT	Phân loại	Nam	Nữ	Tổng số
I	<b>Cán bộ cơ hữu</b> <i>Trong đó:</i>	78	147	225
I.1	Cán bộ được tuyển dụng, sử dụng và quản lý theo các quy định của pháp luật về viên chức (trong biên chế)	72	146	218
I.2	Cán bộ hợp đồng có thời hạn 3 năm và hợp đồng không xác định thời hạn (hợp đồng dài hạn)	10	4	17
II	<b>Các cán bộ khác</b> Cán bộ hợp đồng ngắn hạn, bao gồm cả giảng viên thỉnh giảng	5	13	18
	<b>Tổng cộng</b>	<b>87</b>	<b>163</b>	<b>250</b>

18. Thống kê, phân loại giảng viên theo trình độ

**a. Năm 2018:**

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0		1			1
2	Phó Giáo sư	1		1			2
3	Tiến sĩ khoa học						0
4	Tiến sĩ	16		8			24
5	Thạc sĩ	139	12	16			167
6	Đại học	10	6				16
7	Cao đẳng						0
8	Trung cấp						0
9	Trình độ khác						0
	<b>Tổng cộng</b>	166	18	26			210

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 210 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 69,77%

#### b. Năm 2019:

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0					0
2	Phó Giáo sư	1					1
3	Tiến sĩ khoa học	0					0
4	Tiến sĩ	20		7		0	27
5	Thạc sĩ	131	13	12			156
6	Đại học	4	5	1			10
7	Cao đẳng	0		0			0
8	Trung cấp	0		0			0
9	Trình độ khác	0		0			0
	<b>Tổng cộng</b>	156	18	20		0	194

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 194 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 64,88%

**c. Năm 2020:**

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0					
2	Phó Giáo sư	1					1
3	Tiến sĩ khoa học	0					
4	Tiến sĩ	21		9			30
5	Thạc sĩ	131	5	12			148
6	Đại học	2	4				6
7	Cao đẳng	0					
8	Trung cấp	0					
9	Trình độ khác	0					
	<b>Tổng cộng</b>	155	9	21			185

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 185 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 64,46%

**d. Năm 2021:**

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0					0
2	Phó Giáo sư	1					1
3	Tiến sĩ khoa học	0					0
4	Tiến sĩ	22		8		0	30
5	Thạc sĩ	127	6	11			144
6	Đại học	2	4				6
7	Cao đẳng						0
8	Trung cấp						0
9	Trình độ khác						0
	<b>Tổng cộng</b>	152	10	19		0	181

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 181 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 63,96%

**e. Năm 2022:**

TT	Trình độ, học vị, chức danh	GV trong biên chế trực tiếp giảng dạy	GV hợp đồng dài hạn trực tiếp giảng dạy	Giảng viên kiêm nhiệm là cán bộ quản lý	Giảng viên thỉnh giảng trong nước	Giảng viên thỉnh giảng quốc tế	Tổng số
1	Giáo sư, Viện sĩ	0					0
2	Phó Giáo sư	01					1
3	Tiến sĩ khoa học	0					0
4	Tiến sĩ	26		8			34
5	Thạc sĩ	121	5	11			137
6	Đại học	02	2	0			4
7	Cao đẳng	0		0			0
8	Trung cấp	0		0			0
9	Trình độ khác	0		0			0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>150</b>	<b>7</b>	<b>19</b>			<b>176</b>

(Khi tính số lượng các TSKH, TS thì không bao gồm những giảng viên vừa có học vị vừa có chức danh khoa học vì đã tính ở 2 dòng trên)

Tổng số giảng viên cơ hữu: 176 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu: 75,86%

19. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo độ tuổi (số người):

**a. Năm 2018:**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	1	0,48	1						1
2	Phó Giáo sư	2	0,95	2				1		1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0						
4	Tiến sĩ	24	11,43	16	8		5	15	4	
5	Thạc sĩ	167	79,52	56	111	17	100	42	8	
6	Đại học	16	7,62	2	2	6	5	3	2	
7	Cao đẳng	0	0,00							
8	Trung cấp	0	0,00							
9	Trình độ khác	0	0,00							
	<b>Tổng cộng</b>	<b>210</b>	<b>100</b>	<b>77</b>	<b>121</b>	<b>23</b>	<b>110</b>	<b>61</b>	<b>14</b>	<b>2</b>

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 37,78 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 12,38%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 91,9%



**b. Năm 2019:**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0,00							
2	Phó Giáo sư	1	0,52	1						1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0						
4	Tiến sĩ	27	13,92	17	10		10	14	3	
5	Thạc sĩ	156	80,41	52	104	8	94	45	9	
6	Đại học	10	5,15	4	6	4	2	2	2	
7	Cao đẳng	0	0,00							
8	Trung cấp	0	0,00							
9	Trình độ khác	0	0,00							
	<b>Tổng cộng</b>	<b>194</b>	<b>100</b>	<b>74</b>	<b>120</b>	<b>12</b>	<b>106</b>	<b>61</b>	<b>14</b>	<b>1</b>

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 38,54 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 14,43%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 94,85%

**c. Năm 2020:**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0,00							
2	Phó Giáo sư	1	0,54	1						1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0						
4	Tiến sĩ	30	16,22	18	12		12	15	3	
5	Thạc sĩ	148	80,00	40	98	6	87	47	8	
6	Đại học	6	3,24	2	4	2	3	1		
7	Cao đẳng	0	0,00							
8	Trung cấp	0	0,00							
9	Trình độ khác	0	0,00							
	<b>Tổng cộng</b>	<b>185</b>	<b>100</b>	<b>61</b>	<b>114</b>	<b>8</b>	<b>102</b>	<b>63</b>	<b>11</b>	<b>1</b>

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39,17 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 16,76%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 96,76%

**d. Năm 2021:**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0,00							
2	Phó Giáo sư	1	0,55	1						1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0						
4	Tiến sĩ	30	16,57	18	12		14	12	4	
5	Thạc sĩ	144	79,56	46	98	3	82	51	8	
6	Đại học	6	3,31	2	4		5	0	1	
7	Cao đẳng	0	0,00							
8	Trung cấp	0	0,00							
9	Trình độ khác	0	0,00							
	<b>Tổng cộng</b>	<b>181</b>	<b>100</b>	<b>67</b>	<b>114</b>	<b>3</b>	<b>101</b>	<b>63</b>	<b>13</b>	<b>1</b>

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 39,94 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 17,13%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 96,69%

**e. Năm 2022:**

TT	Trình độ / học vị	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Phân loại theo giới tính		Phân loại theo tuổi (người)				
				Nam	Nữ	< 30	30-40	41-50	51-60	> 60
1	Giáo sư, Viện sĩ	0	0							
2	Phó Giáo sư	1	0,57	1						1
3	Tiến sĩ khoa học	0	0,00	0						
4	Tiến sĩ	34	19,32	20	14		18	11	5	
5	Thạc sĩ	137	77,84	40	97	1	77	47	12	
6	Đại học	4	2,27	2	2		2	1	1	
7	Cao đẳng	0	0,00							
8	Trung cấp	0	0,00							
9	Trình độ khác	0	0,00							
	<b>Tổng cộng</b>	<b>176</b>	<b>100</b>	<b>63</b>	<b>113</b>	<b>1</b>	<b>97</b>	<b>59</b>	<b>18</b>	<b>1</b>

Độ tuổi trung bình của giảng viên cơ hữu: 41,85 tuổi

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 19,89%.

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu của CSGD: 97,73%.

20. Thống kê, phân loại giảng viên cơ hữu theo mức độ thường xuyên sử dụng ngoại ngữ và tin học cho công tác giảng dạy và nghiên cứu:

**a. Năm 2018:**

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	12,38	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	4,76	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	3,81	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	5,71	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0- 20% thời gian của công việc)	73,33	-
	<b>Tổng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

**b. Năm 2019:**

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	12,89	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	5,15	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	4,12	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	7,73	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0- 20% thời gian của công việc)	70,10	-
	<b>Tổng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

**c. Năm 2020:**

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	13,51	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	5,41	-

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	4,32	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	8,11	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0- 20% thời gian của công việc)	68,65	-
	<b>Tổng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

**d. Năm 2021:**

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	14,36	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	5,52	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	4,42	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	8,29	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0- 20% thời gian của công việc)	67,40	-
	<b>Tổng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

**e. Năm 2022:**

TT	Tần suất sử dụng	Tỷ lệ (%) giảng viên cơ hữu sử dụng ngoại ngữ và tin học	
		Ngoại ngữ	Tin học
1	Luôn sử dụng (trên 80% thời gian của công việc)	14,77	100
2	Thường sử dụng (trên 60-80% thời gian của công việc)	5,68	-
3	Đôi khi sử dụng (trên 40-60% thời gian của công việc)	4,55	-
4	Ít khi sử dụng (trên 20-40% thời gian của công việc)	8,52	-
5	Hiếm khi sử dụng hoặc không sử dụng (0- 20% thời gian của công việc)	66,48	-
	<b>Tổng</b>	<b>100,00</b>	<b>100,00</b>

**III. Người học**

Người học bao gồm sinh viên, học sinh, học viên cao học và nghiên cứu sinh:

21. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ chính quy**:

<b>Đối tượng, thời gian (năm)</b>	<b>Số thí sinh dự tuyển (người)</b>	<b>Số trúng tuyển (người)</b>	<b>Tỷ lệ cạnh tranh</b>	<b>Số nhập học thực tế (người)</b>	<b>Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)</b>	<b>Điểm trung bình của người học được tuyển</b>	<b>Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)</b>
<b>1. Nghiên cứu sinh</b>							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
<b>2. Học viên cao học</b>							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
<b>3. Đại học</b>							
2018	486	364	1.00	342	13.5	20.3	104
2019	729	422	1.00	309	15	20.02	63
2020	669	424	1.00	286	14	22.48	24
2021	1628	964	1.10	618	15	23.44	20
2022	738	373	1.00	236	15	24.44	21
<b>4. Cao đẳng</b>							
2018	38	36	1.00	18	15	22.01	
2019	71	44	1.42	38	16.5	21.46	
2020	24	24	1.00	19	16.5	22.36	
2021	58	42	1.16	30	16.5	22.63	
2022	0	0	1.00	0			
<b>5. Trung cấp</b>							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
<b>6. Khác .....</b>							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							

Số lượng người học hệ chính quy đang học tập tại CSGD 1541 người.

22. Tổng số người học đăng ký dự thi vào CSGD, trúng tuyển và nhập học trong 5 năm gần đây **hệ không chính quy**:

Năm	Số thí sinh dự tuyển (người)	Số trúng tuyển (người)	Tỷ lệ cạnh tranh	Số nhập học thực tế (người)	Điểm tuyển đầu vào (thang điểm 30)	Điểm trung bình của người học được tuyển	Số lượng sinh viên quốc tế nhập học (người)
<b>1. Đại học</b>							
2018	20	20	0	20	18,50	19,25	0
2019	127	125	0	125	19,0	21,85	0
2020	92	92	0	87	19,0	22,35	0
2021	196	196	0	179	21,0	23,77	0
2022	57	57	0	54	15,5	16,57	0
<b>2. Cao đẳng</b>							
2018							
2019							
2020							
2021							
2022							
<b>3. Trung cấp</b>							
20...							
20...							
20...							
20...							
20...							
<b>4. Khác .....</b>							
20...							
20...							
20...							

23. Ký túc xá cho sinh viên:

Các tiêu chí	2018	2019	2020	2021	2022
1. Tổng diện tích phòng ở (m <sup>2</sup> )	23955	23955	23955	23955	23955
2. Số lượng sinh viên	2832	2344	1770	1790	1594
3. Số sinh viên có nhu cầu ở ký túc xá	2298	1671	987	701	514
4. Số lượng sinh viên được ở ký túc xá	2298	1671	987	701	514
5. Tỷ số diện tích trên đầu sinh viên ở trong ký túc xá, m <sup>2</sup> /người	10,4	14,3	24,2	34,1	46,6

24. Sinh viên tham gia nghiên cứu khoa học:

	2018	2019	2020	2021	2022
Số lượng (người)	160	140	118	118	159
Tỷ lệ (%) trên tổng số sinh viên	5,65	5,97	6,67	6,59	9,97

25. Thống kê số lượng người học tốt nghiệp trong 5 năm gần đây:

Đơn vị: người

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ					
2. Học viên tốt nghiệp cao học					
3. Sinh viên tốt nghiệp đại học Trong đó:					
Hệ chính quy	780	787	672	405	314
Hệ không chính quy	40	236	20	120	87
4. Sinh viên tốt nghiệp cao đẳng Trong đó:					
Hệ chính quy	87	4	16	15	35
Hệ không chính quy					
5. Học sinh tốt nghiệp trung cấp Trong đó:					
Hệ chính quy	33	0	0	0	0
Hệ không chính quy					
6. Khác...					

(Tính cả những người học đã đủ điều kiện tốt nghiệp theo quy định nhưng đang chờ cấp bằng).

26. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên đại học hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	780	787	672	405	314
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	85.9	92.26	86.6	86.54	91.28
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:					
A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này @ chuyển xuống câu 4					
B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này @ điền các thông tin dưới đây					
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	85.13	83.49	96.69	97.37	71.77
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)	2.27	3.81	2.61	1.83	2.87
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <b>KHÔNG</b> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết	10.18	9.82	0	0.77	17.49

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
cho công việc theo ngành tốt nghiệp					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp		41,11	46,85	52,50	84,70
4.2 Tỷ lệ có việc làm trái ngành đào tạo (%)		15,11	12,07	13,08	0,78
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)		36,51	3,86	14,54	5,88
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)	4,35	46,50	72,40	72,5	73,3
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)	96,75	53,50	27,60	25,5	26,7
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)	90,76	43,50	34,40	35,0	33,3

*Ghi chú:*

- Sinh viên tốt nghiệp là sinh viên có đủ điều kiện để được công nhận tốt nghiệp theo quy định, kể cả những sinh viên chưa nhận được bằng tốt nghiệp.
- Sinh viên có việc làm là sinh viên tìm được việc làm hoặc tự tạo được việc làm.
- Năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: 12 tháng kể từ ngày tốt nghiệp.
- Các mục bỏ trống đều được xem là nhà trường không điều tra về việc này.

27. Tình trạng tốt nghiệp của sinh viên cao đẳng hệ chính quy:

Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
1. Số lượng sinh viên tốt nghiệp (người)	80	2	4	15	35
2. Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%)	86.96	100	100	83.33	92.11
3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 4 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					



Các tiêu chí	Năm tốt nghiệp				
	2018	2019	2020	2021	2022
3.1 Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.2 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>chỉ học được một phần</i> kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
3.3 Tỷ lệ sinh viên trả lời <i>KHÔNG</i> học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%)					
4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này ® chuyển xuống câu 5 B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này ® điền các thông tin dưới đây					
4.1 Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo (%) - Sau 6 tháng tốt nghiệp - Sau 12 tháng tốt nghiệp					
4.2 Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%)					
4.3 Tỷ lệ tự tạo được việc làm (%)					
4.4 Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm					
5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo: A. Nhà trường không điều tra về vấn đề này → chuyển xuống và kết thúc bảng này B. Nhà trường có điều tra về vấn đề này → điền các thông tin dưới đây					
5.1 Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%)					
5.2 Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%)					
5.3 Tỷ lệ sinh viên phải được đào tạo lại hoặc đào tạo bổ sung ít nhất 6 tháng (%)					

#### IV. Nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ

28. Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ của nhà trường được nghiệm thu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0	0	0	0	0
2	Đề tài cấp Bộ*	1	3	4	2	0	10

TT	Phân loại đề tài	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
3	Đề tài cấp trường	7	11	11	16	9	65
	<b>Tổng cộng</b>	<b>9</b>	<b>14</b>	<b>15</b>	<b>18</b>	<b>9</b>	<b>75</b>

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ trên cán bộ cơ hữu: 44,5%

29. Doanh thu từ nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ của CSGD trong 5 năm gần đây:

TT	Năm	Doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ (triệu VNĐ)	Tỷ lệ doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ so với tổng kinh phí đầu vào của CSGD (%)	Tỷ số doanh thu từ NCKH và chuyển giao công nghệ trên cán bộ cơ hữu (triệu VNĐ/người)
1	2018	0	0	0
2	2019	0	0	0
3	2020	0	0	0
4	2021	0	0	0
5	2022	0	0	0

30. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng cán bộ tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	41	120	161
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	2	2
Trên 6 đề tài	0	0	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>		<b>41</b>	<b>122</b>	<b>163</b>

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp Nhà nước

31. Số lượng sách của CSGD được xuất bản trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại sách	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
1	Sách chuyên khảo	0	0	2	1	4	7
2	Sách giáo trình	0	0	4	1	0	5
3	Sách tham khảo	0	1	0	0	0	1
4	Sách hướng dẫn	0	1	0	0	0	1
	<b>Tổng cộng</b>	<b>0</b>	<b>2</b>	<b>6</b>	<b>2</b>	<b>5</b>	<b>15</b>

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 10,65%.

32. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết sách trong 5 năm gần đây:

Số lượng sách	Số lượng cán bộ cơ hữu tham gia viết sách			
	Sách chuyên khảo	Sách giáo trình	Sách tham khảo	Sách hướng dẫn
Từ 1 đến 3 cuốn sách	7	25	4	1
Từ 4 đến 6 cuốn sách	0	0	0	0
Trên 6 cuốn sách	0	0	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>7</b>	<b>25</b>	<b>4</b>	<b>1</b>

33. Số lượng bài của các cán bộ cơ hữu của CSGD được đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại tạp chí	Số lượng					Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Tạp chí KH quốc tế Trong đó:	17	15	15	21	23	91
	Danh mục ISI	12	11	13	15	17	68
	Danh mục Scopus	3	4	2	5	5	19
	Khác	2	0	0	1	1	4
2	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	65	55	54	115	158	447
3	Tạp chí/ tập san của cấp trường	52	37	54	60	51	254
	<b>Tổng cộng</b>	<b>134</b>	<b>145</b>	<b>166</b>	<b>181</b>	<b>220</b>	<b>846</b>

Tỷ số bài đăng tạp chí (quy đổi) trên cán bộ cơ hữu: 5%

34. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD tham gia viết bài đăng tạp chí trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có bài báo đăng trên tạp chí	Nơi đăng		
	Tạp chí KH quốc tế	Tạp chí KH cấp Ngành trong nước	Tạp chí / tập san của cấp trường
Từ 1 đến 5 bài báo	125	169	153
Từ 6 đến 10 bài báo	2	63	65
Từ 11 đến 15 bài báo	0	0	0
Trên 15 bài báo	0	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>127</b>	<b>222</b>	<b>218</b>

35. Số lượng báo cáo khoa học do cán bộ cơ hữu của CSGD báo cáo tại các hội nghị, hội thảo, được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					Tổng số
		2018	2019	2020	2021	2022	
1	Hội thảo quốc tế	12	0	0	0	0	12
2	Hội thảo trong nước	48	60	30	15	32	185

TT	Phân loại hội thảo	Số lượng					
		2018	2019	2020	2021	2022	Tổng số
3	Hội thảo của trường	3	2	3	3	3	14
	<b>Tổng cộng</b>	<b>73</b>	<b>62</b>	<b>33</b>	<b>18</b>	<b>35</b>	<b>211</b>

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường vì đã được tính 1 lần)

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 0,93%

36. Số lượng cán bộ cơ hữu của CSGD có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo được đăng toàn văn trong tuyển tập công trình hay kỷ yếu trong 5 năm gần đây:

Số lượng cán bộ cơ hữu có báo cáo khoa học tại các hội nghị, hội thảo	Hội thảo quốc tế	Hội thảo trong nước	Hội thảo của trường
Từ 1 đến 5 báo cáo	10	83	115
Từ 6 đến 10 báo cáo	0	0	0
Từ 11 đến 15 báo cáo	0	0	0
Trên 15 báo cáo	0	0	0
<b>Tổng số cán bộ tham gia</b>	<b>10</b>	<b>83</b>	<b>115</b>

(Khi tính hội thảo trong nước sẽ không bao gồm các hội thảo của trường)

37. Số bằng phát minh, sáng chế được cấp trong 5 năm gần đây:

Năm	Số bằng phát minh, sáng chế được cấp (ghi rõ nơi cấp, thời gian cấp, người được cấp)
2018	0
2019	1
2020	0
2021	0
2022	0

38. Nghiên cứu khoa học của sinh viên

38.1. Số lượng sinh viên của nhà trường tham gia thực hiện đề tài khoa học trong 5 năm gần đây:

Số lượng đề tài	Số lượng sinh viên tham gia			Ghi chú
	Đề tài cấp Nhà nước	Đề tài cấp Bộ*	Đề tài cấp trường	
Từ 1 đến 3 đề tài	0	0	254	
Từ 4 đến 6 đề tài	0	0	0	
Trên 6 đề tài	0	0	0	
<b>Tổng số sinh viên tham gia</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>254</b>	

\* Bao gồm đề tài cấp Bộ hoặc tương đương, đề tài nhánh cấp nhà nước

38.2 Thành tích nghiên cứu khoa học của sinh viên:

(Thống kê các giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo, các bài báo, công trình được công bố)

TT	Thành tích nghiên cứu khoa học	Số lượng				
		2018	2019	2020	2021	2022
1	Số giải thưởng nghiên cứu khoa học, sáng tạo	18	16	15	15	16
2	Số bài báo được đăng, công trình được công bố	0	0	0	1	1

## V. Cơ sở vật chất, thư viện, tài chính

### 39. Diện tích đất, diện tích sàn xây dựng

TT	Nội dung	Diện tích (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
			Sở hữu	Liên kết	Thuê
1	Tổng diện tích đất của trường	906.501,43	x		
2	Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học của trường Trong đó: Gồm các khu nhà học, nhà làm việc, nhà ký túc xá, nhà y tế...	55.091	x		
2.1	<i>Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu</i>	18.274	x		
2.2	<i>Thư viện, trung tâm học liệu</i>	1.075	x		
2.3	<i>Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập</i>	1.748	x		

40. Tổng số đầu sách trong thư viện của nhà trường (bao gồm giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử)

Khối ngành/ Nhóm ngành	Đầu sách	Bản sách
Khối ngành I	3582	20398
Khối ngành II	0	0
Khối ngành III	1466	11744
Khối ngành IV	1537	12685
Khối ngành V	1864	17478
Khối ngành VI	0	0
Khối ngành VII	3175	11791
Các môn chung	870	1354
<b>Tổng</b>	<b>12494</b>	<b>75450</b>

41. Tổng số thiết bị chính của trường:

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
1.	PH-A1CSCV	1	Máy chiếu, loa máy trợ giảng, bàn ghế, hệ thống mạng Lan, wifi, bảng viết, bóng đèn, quạt...	GV-HSSV	78	x		
2.	PH-A1CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
3.	PH-A1CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
4.	PH-A1CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
5.	PH-A1CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
6.	PH-A1CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
7.	PH-A1CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
8.	PH-A1CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
9.	PH-A1CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
10.	PH-A1CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
11.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
12.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
13.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
14.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
15.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
16.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
17.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
18.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
19.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
20.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
21.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
22.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
23.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
24.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
25.	PH-A3CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
26.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
27.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
28.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
29.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	52	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
30.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	52	x		
31.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	52	x		
32.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
33.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
34.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
35.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
36.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
37.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	78	x		
38.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	52	x		
39.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	52	x		
40.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	104	x		
41.	PH-A5CSCV	1	nt	GV-HSSV	104	x		
42.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
43.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
44.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
45.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
46.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
47.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
48.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
49.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
50.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
51.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
52.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
53.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
54.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
55.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
56.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
57.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
58.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
59.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
60.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
61.	PH-A1CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
62.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
63.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
64.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
65.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
66.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
67.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
68.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
69.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
70.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
71.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	50	x		
72.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	78	x		
73.	PH-A2CSĐN	1	nt	GV-HSSV	78	x		
74.	GĐL-A3CSĐN	1	nt	GV-HSSV	300	x		
75.	HTL-A6CSĐN	1	Máy chiếu, bộ dàn loa máy văn nghệ, sân khấu, bàn ghế, hệ thống mạng Lan, wifi, , bóng đèn, quạt...	GV-HSSV	700	x		
76.	HTL-15TCSCV	1	Máy chiếu, bộ dàn loa máy văn nghệ, sân khấu, bàn ghế, hệ thống mạng Lan, wifi, , bóng đèn, quạt...	GV-HSSV	360	x		
77.	LY-PTN	1	Phòng lab thí nghiệm vật lý tào nhà A4 CSĐN	GV-HSSV	60	x		
78.	HOA-PTN	1	Phòng lab thí nghiệm hóa học tào nhà A4 CSĐN	GV-HSSV	60	x		
79.	SINH-PTN	1	Phòng lab thí nghiệm sinh học tào nhà A4 CSĐN	GV-HSSV	60	x		
80.	KHMT-PTN	1	Phòng lab thí nghiệm khoa học môi trường tào nhà A4 CSĐN	GV-HSSV	60	x		
81.	PTH-MUA	1	Phòng thực hành học Múa tào nhà giảng đường A5 CSCV	GV-HSSV	78	x		



STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
82.	PTH-MUA	1	Phòng thực hành học Múa tòa nhà giảng đường A5 CSCV	GV-HSSV	78	x		
83.	PTH-ĐAN	1	Phòng thực hành học Đàn tòa nhà giảng đường A5 CSCV	GV-HSSV	78	x		
84.	PTH-ĐAN	1	Phòng thực hành học Đàn tòa nhà giảng đường A4 CSDN	GV-HSSV	78	x		
85.	PTH-401-A1	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà giảng đường A1 CSCV	GV-HSSV	78	x		
86.	PTH-402- A1	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà giảng đường A1 CSCV	GV-HSSV	78	x		
87.	PTH-501- A1	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà giảng đường A1 CSCV	GV-HSSV	78	x		
88.	PTH-502-A1	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà giảng đường A1 CSCV	GV-HSSV	78	x		
89.	PMC-A1	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà giảng đường A1 CSCV	GV-HSSV	60	x		
90.	PMC-15T	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà 15T CSCV	GV-HSSV	40	x		

STT	Tên phòng/giảng đường/lab	Số lượng	Danh mục trang thiết bị chính	Đối tượng sử dụng	Diện tích sàn xây dựng (m2)	Hình thức sử dụng		
						Sở hữu	Liên kết	Thuê
91.	PTH-201-T15	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà 15T CSCV	GV-HSSV	82	x		
92.	PTH-202-T15	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà 15T CSCV	GV-HSSV	70	x		
93.	PTH-301-T15	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà 15T CSCV	GV-HSSV	185	x		
94.	PTH-302-T15	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà 15T CSCV	GV-HSSV	185	x		
95.	PHTT3-T15	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà 15T CSCV	GV-HSSV	28	x		
96.	PTH-301-CS1	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà A4 CSDN	GV-HSSV	78	x		
97.	PTH-302-CS1	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà A4 CSDN	GV-HSSV	78	x		
98.	PTH-BIDV-CS1	1	Phòng thực hành học máy tính và công nghệ thông tin tòa nhà A4 CSDN	GV-HSSV	78	x		
	<b>Tổng</b>	<b>98</b>			<b>7828</b>			

## VI. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

TT	Đối tượng	Bộ tiêu chuẩn đánh giá	Tự đánh giá		Đánh giá ngoài		Thẩm định và công nhận		
			Năm hoàn thành báo cáo TĐG lần 1	Năm cập nhật báo cáo TĐG	Tên tổ chức đánh giá	Tháng /năm đánh giá ngoài	Kết quả đánh giá của Hội đồng KĐCL GD	Giấy chứng nhận	
								Ngày cấp	Giá trị đến
1	Cơ sở giáo dục	VBHN số 06/VBHN-BGDĐT	2009	2014, 2017	VNU-CEA	4/2018	82%	30/6/2018	30/6/2023
2	CTĐT ngành Giáo dục Mầm non	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2019						
3	CTĐT ngành Giáo dục Chính trị	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2019						
4	CTĐT ngành Công nghệ thông tin	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2019						
5	CTĐT ngành Kế toán	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2019						
6	CTĐT ngành Ngôn ngữ Anh	TT số 04/2016/TT-BGDĐT	2019						

## VII. Tóm tắt một số chỉ số quan trọng

Từ kết quả khảo sát ở trên, tổng hợp thành một số chỉ số quan trọng dưới đây (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

### 1. Giảng viên:

Tổng số giảng viên cơ hữu (người): 176 người

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu trên tổng số cán bộ cơ hữu (%): 75,86%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ tiến sĩ trở lên trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 19,89%

Tỷ lệ giảng viên cơ hữu có trình độ thạc sĩ trên tổng số giảng viên cơ hữu (%): 97,73%

## 2. Sinh viên:

Tổng số sinh viên chính quy (người): 1594

Tỷ số sinh viên trên giảng viên (sau khi quy đổi): 4,92

Tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp so với số tuyển vào (%): 91,28%

## 3. Đánh giá của sinh viên tốt nghiệp về chất lượng đào tạo của nhà trường:

Tỷ lệ sinh viên trả lời đã học được những kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 86.89%

Tỷ lệ sinh viên trả lời chỉ học được một phần kiến thức và kỹ năng cần thiết cho công việc theo ngành tốt nghiệp (%): 2.68%

## 4. Sinh viên có việc làm trong năm đầu tiên sau khi tốt nghiệp:

Tỷ lệ sinh viên có việc làm đúng ngành đào tạo, trong đó bao gồm cả sinh viên chưa có việc làm học tập nâng cao (%): 67,9%

Tỷ lệ sinh viên có việc làm trái ngành đào tạo (%): 5,8%

Tỷ lệ tự tạo được việc làm trong số sinh viên có việc làm (%): 12,1

Thu nhập bình quân/tháng của sinh viên có việc làm (triệu VNĐ): 10,83

## 5. Đánh giá của nhà sử dụng về sinh viên tốt nghiệp có việc làm đúng ngành đào tạo:

Tỷ lệ sinh viên đáp ứng yêu cầu của công việc, có thể sử dụng được ngay (%): 72.5%

Tỷ lệ sinh viên cơ bản đáp ứng yêu cầu của công việc, nhưng phải đào tạo thêm (%): 46.01%

## 6. Nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng:

Tỷ số đề tài nghiên cứu khoa học, chuyển giao khoa học công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 44,5%

Tỷ số doanh thu từ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng trên cán bộ cơ hữu: 0%

Tỷ số sách đã được xuất bản trên cán bộ cơ hữu: 10,65%

Tỷ số bài đăng tạp chí trên cán bộ cơ hữu: 5%

Tỷ số bài báo cáo trên cán bộ cơ hữu: 0,93%

## 7. Cơ sở vật chất (số liệu năm cuối kỳ đánh giá):

Tỷ số diện tích sàn xây dựng trên sinh viên chính quy:  $55091/1495=36.85$  m<sup>2</sup>/1SV chính quy.

Tỷ số chỗ ở ký túc xá trên sinh viên chính quy:  $2750/1495 = 1.84$ .

## 8. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

Cấp cơ sở giáo dục: Đạt (82%), Giấy chứng nhận cấp ngày 30/6/2018, có giá trị đến 30/6/2023.

Cấp chương trình đào tạo: Đã tự đánh giá 5 chương trình đào tạo, chưa đánh giá ngoài.

# PHỤ LỤC 2. QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ VÀ BAN THƯ KÝ

UBND TỈNH HÀ TĨNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: *642* /QĐ-TĐHHT

Hà Tĩnh, ngày *23* tháng 11 năm 2022

## QUYẾT ĐỊNH Về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Hà Tĩnh

### HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hà Tĩnh;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-TĐHHT ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh về việc sắp xếp, điều chỉnh tổ chức bộ máy và quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc;

Xét đề nghị của Trường phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, Trường phòng Tổ chức - Hành chính.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Thành lập Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Hà Tĩnh gồm các ông/bà có tên trong danh sách kèm theo.

Giúp việc cho Hội đồng có Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách gồm các ông, bà có tên trong danh sách kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá Trường Đại học Hà Tĩnh theo Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các văn bản hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Nhiệm vụ cụ thể của các thành viên do Chủ tịch Hội đồng phân công. Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.



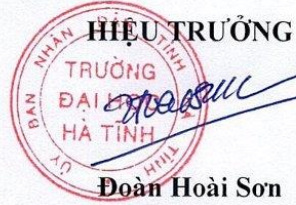
Các đơn vị trực thuộc có trách nhiệm phối hợp với Hội đồng, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách trong việc thực hiện và hoàn thành tự đánh giá.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Các ông/bà trưởng các đơn vị trực thuộc và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KTĐBCL.







**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH**

(Kèm theo Quyết định số 642/QĐ-TĐHHT ngày 23 tháng 11 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Đoàn Hoài Sơn	Hiệu trưởng	Chủ tịch
2	Trần Thị Ái Đức	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
3	Hồ Thị Nga	Phó Hiệu trưởng	Phó Chủ tịch
4	Trần Anh Vũ	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Thành viên TT-Trưởng Ban thư ký
5	Lưu Thị Thu Hằng	Trưởng phòng Tổ chức-HC	Thành viên
6	Nguyễn Văn Hòa	PTP PT Phòng Đào tạo	Thành viên
7	Nguyễn Văn Thanh	Phó TP Quản lý KH-ĐN-TT	Thành viên
8	Ngô Tất Đạt	Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
9	Đình Văn Nam	Trưởng phòng Quản trị	Thành viên
10	Nguyễn Việt Hùng	Trưởng phòng Kế hoạch-TC	Thành viên
11	Trần Thế Sơn	PTP PT Phòng Thanh tra-PC	Thành viên
12	Nguyễn Thị Thái Hòa	Giám đốc Trung tâm ĐTBĐTX	Thành viên
13	Nguyễn Việt Phú	Giám đốc Trung tâm CNTT	Thành viên
14	Trần Dương	P.Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thành viên
15	Trương Quang Duẩn	Phó Trưởng phòng KT-ĐBCL	Thành viên
16	Nguyễn Thị Hải Lý	CV Phòng Khảo thí-ĐBCL	Thành viên
17	Lê Văn An	Trưởng khoa Sư phạm	Thành viên
18	Trần Thu Thủy	Trưởng khoa KT-QTKD	Thành viên
19	Trần Minh Đức	PTK PT Khoa Ngoại ngữ	Thành viên
20	Nguyễn T.Thanh Nhân	Trưởng khoa Chính trị-Luật	Thành viên
21	Nguyễn Sỹ Minh	Trưởng khoa Kỹ thuật-CN	Thành viên
22	Lâm Xuân Thái	PTK PT Khoa Nông nghiệp-MT	Thành viên
23	Nguyễn Thị Lệ Hằng	PTK PT Khoa Tiếng Việt	Thành viên
24	Nguyễn Văn Tịnh	Trưởng bộ môn Tâm lý-GD	Thành viên
25	Tổng Thị Cẩm Lệ	Chủ tịch Công đoàn trường, Giảng viên Khoa Sư phạm	Thành viên (Đại diện giảng viên)
26	Cù Thị Nhung	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
27	Phan Văn Việt Hoàng	SV K13 GD Tiểu học, Khoa SP	Thành viên (Đại diện người học)

(Danh sách gồm có 27 người).





## DANH SÁCH THÀNH VIÊN BAN THƯ KÝ

(Kèm theo Quyết định số 642/QĐ-TĐHHT ngày 25 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Trần Anh Vũ	Trưởng phòng Khảo thí-ĐBCL	Trưởng Ban thư ký
2	Phan Thị Dung	Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
3	Nguyễn Thị Thoa	Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
4	Trần Hòa Bình	Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
5	Trần Thị Khánh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
6	Nguyễn Hải Trung	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
7	Dương Quỳnh Lưu	Phó TP QLKH-ĐN-TT	Thành viên
8	Trương Quang Duẩn	Phó Trưởng phòng KT-ĐBCL	Thành viên
9	Nguyễn Viết Thừa	P.Trưởng phòng CTCT-HSSV	Thành viên
10	Thái Đình Hưng	P.Trưởng phòng Quản trị	Thành viên
11	Nguyễn Thị Thu Hiền	P.Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
12	Võ Cẩm Hiếu	CBHC kiêm giảng	Thành viên
13	Ng. Thị Thanh Thơ	CV Phòng TC-HC	Thành viên
14	Nguyễn Thị Hằng	CV Phòng TC-HC	Thành viên
15	Hồ Thị Huyền Mơ	NV Phòng TC-HC	Thành viên
16	Nguyễn Thị Hương	NV Phòng TC-HC	Thành viên
17	Đặng Diệp Thêm	NV Phòng TC-HC	Thành viên
18	Lê Đức Anh	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
19	Nguyễn Thu Hiền	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
20	Thái Bá Liên	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
21	Đặng Thị Thái Linh	CV Phòng QLKH-ĐN-TT	Thành viên
22	Lê Thị Thu	CV Phòng QLKH-ĐN-TT	Thành viên
23	Biện Văn Quyền	Phó Trưởng khoa Sư phạm	Thành viên
24	Nguyễn Thị Hải Lý	CV Phòng Khảo thí-ĐBCL	Thành viên
25	Lê Thị Hương	CV Phòng Khảo thí-ĐBCL	Thành viên
26	Nguyễn Thị Thủy	CV Phòng Thanh tra-PC	Thành viên
27	Bùi Ngọc Anh	CV Phòng CTCT-HSSV	Thành viên
28	Hoàng Thị Chiến	Trợ lý CTSV, Khoa CT-Luật	Thành viên
29	Lê Văn Dung	CV Phòng Quản trị	Thành viên
30	Nguyễn Đình Vũ	CV Ban Quản lý dự án	Thành viên
31	Nguyễn T. Viết Công	CV Phòng Kế hoạch-TC	Thành viên

(Danh sách gồm có 31 người).



## DANH SÁCH CÁC NHÓM CÔNG TÁC CHUYÊN TRÁCH

(Kèm theo Quyết định số 642/QĐ-TĐHHT ngày 23 tháng 11 năm 2022  
của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
<b>Nhóm 1:</b> Phụ trách các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 6; Phần I. Hồ sơ về CSGD; Mục I, Mục II, Mục VII.1 của Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD			
1	Lưu Thị Thu Hằng	Trưởng phòng TC-HC	Trưởng nhóm
2	Phan Thị Dung	Phó Trưởng phòng TC-HC	TV, Thư ký
3	Nguyễn Thị Thoa	Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
4	Trần Hòa Bình	Phó Trưởng phòng TC-HC	Thành viên
5	Võ Cẩm Hiếu	CBHC kiêm giảng	Thành viên
6	Ng. Thị Thanh Thơ	CV Phòng TC-HC	Thành viên
7	Nguyễn Thị Hằng	CV Phòng TC-HC	Thành viên
8	Hồ Thị Huyền Mơ	Nhân viên Phòng TC-HC	Thành viên
9	Nguyễn Thị Hương	Nhân viên Phòng TC-HC	Thành viên
10	Đặng Diệp Thêm	Nhân viên Phòng TC-HC	Thành viên
<b>Nhóm 2:</b> Phụ trách các tiêu chuẩn 5, 12, 13, 14, 15, 16, 22; Mục III, Mục VII.2 của Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD			
1	Nguyễn Văn Hòa	Phó Trưởng phòng phụ trách Phòng Đào tạo	Trưởng nhóm
2	Trần Thị Khánh	Phó Trưởng phòng Đào tạo	TV, Thư ký
3	Nguyễn Hải Trung	Phó Trưởng phòng Đào tạo	Thành viên
4	Lê Đức Anh	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
5	Nguyễn Thu Hiền	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
6	Thái Bá Liên	CV Phòng Đào tạo	Thành viên
7	Nguyễn T. Thái Hòa	Giám đốc Tr.tâm ĐTBĐTX	Thành viên
8	Nguyễn Viết Thừa	Phó TP CTCT-HSSV	Thành viên
9	Dương Quỳnh Lưu	Phó TP QLKH-ĐN-TT	Thành viên
10	Cù Thị Nhung	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
11	Trần Thế Sơn	Phó TP Thanh tra - PC	Thành viên
<b>Nhóm 3:</b> Phụ trách các tiêu chuẩn 8, 18, 19, 20, 23; Mục IV, Mục VII.6 của Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD			
1	Nguyễn Văn Thanh	Phó TP QLKH-ĐN-TT	Trưởng nhóm
2	Dương Quỳnh Lưu	Phó TP QLKH-ĐN-TT	TV, Thư ký
3	Hồ Thị Nga	PHT, TP QLKH-ĐN-TT	Thành viên
4	Đặng Thị Thái Linh	CV Phòng QLKH-ĐN-TT	Thành viên
5	Lê Thị Thu	CV Phòng QLKH-ĐN-TT	Thành viên
6	Biện Văn Quyền	Phó Trưởng khoa Sư phạm	Thành viên



<b>Nhóm 4:</b> Phụ trách các tiêu chuẩn 9, 10, 11; Mục VI, Mục VII.8 của Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD			
1	Trần Anh Vũ	Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng	Trưởng nhóm
2	Nguyễn Thị Hải Lý	CV Phòng Khảo thí-ĐBCL	TV, Thư ký
3	Trương Quang Duẩn	Phó TP Khảo thí-ĐBCL	Thành viên
4	Lê Thị Hương	CV Phòng Khảo thí-ĐBCL	Thành viên
5	Nguyễn Thị Thủy	CV Phòng Thanh tra-PC	Thành viên
<b>Nhóm 5:</b> Phụ trách các tiêu chuẩn 17, 21, 24; Mục VII.3,4,5 của Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD			
1	Ngô Tất Đạt	Trưởng phòng Công tác chính trị - HSSV	Trưởng nhóm
2	Bùi Ngọc Anh	CV Phòng CTCT-HSSV	TV, Thư ký
3	Nguyễn Việt Thừa	Phó TP CTCT-HSSV	Thành viên
4	Cù Thị Nhung	Bí thư Đoàn trường	Thành viên
5	Hoàng Thị Chiến	Trợ lý CTSV,Khoa CT-Luật	Thành viên
6	Phan Văn Việt Hoàng	Hội Sinh viên	Thành viên
<b>Nhóm 6:</b> Phụ trách tiêu chuẩn 7; Mục V, Mục VII.7 của Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD			
1	Đình Văn Nam	Trưởng phòng Quản trị	Trưởng nhóm
2	Thái Đình Hưng	Phó TP Quản trị	TV, Thư ký
3	Lê Văn Dung	CV Phòng Quản trị	Thành viên
4	Nguyễn Việt Hùng	Trưởng phòng KH-TC	Thành viên
5	Nguyễn Việt Phú	Giám đốc Trung tâm CNTT	Thành viên
6	Trần Dương	Phó GD Trung tâm TT-TV	Thành viên
7	Nguyễn Đình Vũ	CV Ban Quản lý dự án	Thành viên
<b>Nhóm 7:</b> Phụ trách tiêu chuẩn 25			
1	Nguyễn Việt Hùng	Trưởng phòng Kế hoạch - Tài chính	Trưởng nhóm
2	Nguyễn T.Việt Công	CV Phòng Kế hoạch-TC	TV, Thư ký
3	Nguyễn T.Thu Hiền	Phó TP Kế hoạch-TC	Thành viên

(Danh sách gồm có 44 người).

*DXL*



**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc bổ sung thành viên Ban Thư ký, nhóm công tác chuyên trách của Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Hà Tĩnh**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH**

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 19 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Hà Tĩnh;*

*Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học ngày 19 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 99/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 5 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học;*

*Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-TĐHHT ngày 07/10/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh ban hành "Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Tĩnh";*

*Căn cứ Quyết định số 798/QĐ-TĐHHT ngày 20/11/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh về việc sắp xếp, điều chỉnh tổ chức bộ máy và quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên, Trưởng phòng Khảo thí - Đảm bảo chất lượng, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Bổ sung thành viên Ban Thư ký, nhóm công tác chuyên trách 2 của Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Hà Tĩnh gồm các ông, bà:

- Ông Đặng Quốc Tuấn, Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên;
- Ông Phạm Huy Thông, Phó Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên;
- Bà Trần Thị Huyền, Chuyên viên Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên;
- Ông Nguyễn Hồng Quang, Chuyên viên Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng thường xuyên.



**Điều 2.** Các thành viên được bổ sung vào Ban Thư ký, nhóm công tác chuyên trách 2 thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá Trường Đại học Hà Tĩnh (ban hành kèm theo Quyết định số 642/QĐ-TĐHHT ngày 23/11/2022).

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ban hành.

Các ông, bà trưởng các phòng, ban, trung tâm, khoa, bộ môn trực thuộc và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Lưu: VT, KTĐBCL.





## PHỤ LỤC 3

UBND TỈNH HÀ TĨNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 103/KH-TĐHHT

Hà Tĩnh, ngày 23 tháng 11 năm 2022

### KẾ HOẠCH

#### Tự đánh giá Trường Đại học Hà Tĩnh giai đoạn 2017 - 2022

##### 1. Mục đích tự đánh giá

Nhằm duy trì, cải tiến, nâng cao chất lượng các hoạt động của Nhà trường, tiến tới đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục.

##### 2. Phạm vi tự đánh giá

Đánh giá các hoạt động toàn diện của Nhà trường trong giai đoạn 31/12/2017 - 31/12/2022 theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

##### 3. Công cụ tự đánh giá

Công cụ tự đánh giá là Tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và các tài liệu hướng dẫn: Công văn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học; Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Cục Quản lý chất lượng về việc hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học; Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 của Cục Quản lý chất lượng về việc thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD.

##### 4. Hội đồng tự đánh giá

###### 4.1. Thành phần Hội đồng Tự đánh giá

Hội đồng Tự đánh giá được thành lập theo Quyết định số 642/QĐ-TĐHHT ngày 23 tháng 11 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh, Hội đồng gồm có 27 thành viên (có danh sách kèm theo).

###### 4.2. Ban thư ký giúp việc và các nhóm công tác chuyên trách

Giúp việc cho Hội đồng tự đánh giá có Ban Thư ký gồm 31 thành viên và 07 nhóm công tác chuyên trách gồm 44 thành viên (có danh sách kèm theo).

###### 4.3. Phân công thực hiện

TT	Tiêu chuẩn/nội dung công việc	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
1	Tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 6; Phần I. Hồ sơ về CSGD; Mục I, Mục II, Mục VII.1 của Phụ lục 8. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD	Nhóm công tác chuyên trách 1; Trưởng nhóm: Bà Lưu T.Thu Hằng	



TT	Tiêu chuẩn/nội dung công việc	Nhóm chịu trách nhiệm	Ghi chú
2	Tiêu chuẩn 5, 12, 13, 14, 15, 16, 22; Mục III, Mục VII.2 của Phụ lục 8. <i>Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD</i>	Nhóm công tác chuyên trách 2; Trưởng nhóm: Ông Nguyễn Văn Hòa	
3	Tiêu chuẩn 8, 18, 19, 20, 23; Mục IV, Mục VII.6 của Phụ lục 8. <i>Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD</i>	Nhóm công tác chuyên trách 3; Trưởng nhóm: Ông Nguyễn Văn Thanh	
4	Tiêu chuẩn 9, 10, 11; Mục VI, Mục VII.8 của Phụ lục 8. <i>Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD</i>	Nhóm công tác chuyên trách 4; Trưởng nhóm: Ông Trần Anh Vũ	
5	Tiêu chuẩn 17, 21, 24; Mục VII.3,4,5 của Phụ lục 8. <i>Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD</i>	Nhóm công tác chuyên trách 5; Trưởng nhóm: Ông Ngô Tất Đạt.	
6	Tiêu chuẩn 7; Mục V, Mục VII.7 của Phụ lục 8. <i>Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng CSGD</i>	Nhóm công tác chuyên trách 6; Trưởng nhóm: Ông Đinh Văn Nam	
7	Tiêu chuẩn 25	Nhóm công tác chuyên trách 7; Trưởng nhóm: Ông Nguyễn Việt Hùng	

#### 5. Kế hoạch huy động các nguồn lực

Xác định nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính cần được huy động và cung cấp cho từng hoạt động tự đánh giá, thời gian cần được cung cấp như sau:

Nhóm chịu trách nhiệm	Phục trách các Tiêu chuẩn	Các hoạt động	Các loại nguồn lực và tài chính cần được huy động/cung cấp	Thời gian cần huy động/cung cấp
Nhóm 1	<b>Tiêu chuẩn 1:</b> Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng Tổ chức - Hành chính 2. Các đơn vị phối hợp: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	Từ 05/12/2022 đến 24/02/2023
	<b>Tiêu chuẩn 2:</b> Quản trị		1. Đơn vị chủ trì: Phòng Tổ chức - Hành chính. 2. Các đơn vị phối hợp: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu, Đảng ủy, Công đoàn trường, Đoàn TN, Hội SV. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	



	<b>Tiêu chuẩn 3:</b> Lãnh đạo và quản lý		<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn vị chủ trì: Phòng Tổ chức - Hành chính.</li> <li>Các đơn vị phối hợp: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu</li> <li>Tài chính: Ngân sách Nhà trường.</li> </ol>	
	<b>Tiêu chuẩn 4:</b> Quản trị chiến lược		<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn vị chủ trì: Phòng Tổ chức - Hành chính.</li> <li>Các đơn vị phối hợp: Hội đồng trường, Ban Giám hiệu</li> <li>Tài chính: Ngân sách Nhà trường.</li> </ol>	
	<b>Tiêu chuẩn 6:</b> Quản lý nguồn nhân lực		<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn vị chủ trì: Phòng Tổ chức - Hành chính.</li> <li>Các đơn vị phối hợp: BGH,</li> <li>Tài chính: Ngân sách Nhà trường.</li> </ol>	
<b>Nhóm 2</b>	<b>Tiêu chuẩn 5:</b> Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng	<ol style="list-style-type: none"> <li>Thu thập thông tin;</li> <li>Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được;</li> <li>Viết báo cáo.</li> </ol>	<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn vị chủ trì: Phòng Đào tạo</li> <li>Đơn vị phối hợp: Trung tâm ĐTBĐTX, Phòng QLKH-ĐN-TT, Phòng CTCT-HSSV, Đoàn TN, Hội SV</li> <li>Tài chính: Ngân sách Nhà trường.</li> </ol>	Từ 05/12/2022 đến 24/02/2023
	<b>Tiêu chuẩn 12:</b> Nâng cao chất lượng		<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn vị chủ trì: : Phòng Đào tạo</li> <li>Đơn vị phối hợp: Trung tâm ĐTBĐTX, Phòng QLKH-ĐN-TT, Phòng CTCT-HSSV, Đoàn TN, Hội SV</li> <li>Tài chính: Ngân sách Nhà trường.</li> </ol>	
	<b>Tiêu chuẩn 13:</b> Tuyển sinh và nhập học		<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn vị chủ trì: Phòng Đào tạo</li> <li>Đơn vị phối hợp: Trung tâm ĐTBĐTX, Phòng TT-PC</li> <li>Tài chính: Ngân sách Nhà trường.</li> </ol>	
	<b>Tiêu chuẩn 14:</b> Thiết kế và rà soát chương trình dạy học		<ol style="list-style-type: none"> <li>Đơn vị chủ trì: Phòng Đào tạo</li> <li>Đơn vị phối hợp: Trung tâm ĐTBĐTX</li> <li>Tài chính: Ngân sách Nhà trường.</li> </ol>	



	<b>Tiêu chuẩn 15:</b> Giảng dạy và học tập		1. Đơn vị chủ trì: Phòng Đào tạo 2. Đơn vị phối hợp: Trung tâm ĐTBĐTX 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
	<b>Tiêu chuẩn 16:</b> Đánh giá người học		1. Đơn vị chủ trì: Phòng Đào tạo 2. Đơn vị phối hợp: Trung tâm ĐTBĐTX 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
	<b>Tiêu chuẩn 22:</b> Kết quả đào tạo		1. Đơn vị chủ trì: Phòng Đào tạo 2. Đơn vị phối hợp: Trung tâm ĐTBĐTX 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
<b>Nhóm 3</b>	<b>Tiêu chuẩn 8:</b> Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại		1. Đơn vị chủ trì: Phòng QLKH - ĐN - TT 2. Đơn vị phối hợp: Ban Giám hiệu 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	Từ 05/12/2022 đến 24/02/2023
	<b>Tiêu chuẩn 18:</b> Quản lý nghiên cứu khoa học		1. Đơn vị chủ trì: Phòng QLKH-ĐN-TT 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu, các đơn vị liên quan 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
	<b>Tiêu chuẩn 19:</b> Quản lý tài sản trí tuệ	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng QLKH-ĐN-TT 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu, các đơn vị liên quan 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
	<b>Tiêu chuẩn 20:</b> Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học		1. Đơn vị chủ trì: Phòng QLKH-ĐN-TT 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu, các đơn vị liên quan 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
	<b>Tiêu chuẩn 23:</b> Kết quả nghiên cứu khoa học		1. Đơn vị chủ trì: Phòng QLKH-ĐN-TT 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu, các đơn vị liên quan 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	



<b>Nhóm 4</b>	<b>Tiêu chuẩn 9:</b> Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong		1. Đơn vị chủ trì: Phòng KT-ĐBCL 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	Từ 05/12/2022 đến 24/02/2023
	<b>Tiêu chuẩn 10:</b> Tự đánh giá và đánh giá ngoài	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng KT-ĐBCL 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
	<b>Tiêu chuẩn 11:</b> Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong		1. Đơn vị chủ trì: Phòng KT-ĐBCL 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu, các đơn vị liên quan 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
<b>Nhóm 5</b>	<b>Tiêu chuẩn 17:</b> Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học		1. Đơn vị chủ trì: Phòng CTCT-HSSV 2. Đơn vị phối hợp: Đoàn TN, Hội SV 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	Từ 05/12/2022 đến 24/02/2023
	<b>Tiêu chuẩn 21:</b> Kết nối và phục vụ cộng đồng	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng CTCT-HSSV 2. Đơn vị phối hợp: Phòng Đào tạo, Phòng QLKH-ĐN-TT, Đoàn TN, Hội SV 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
	<b>Tiêu chuẩn 24:</b> Kết quả phục vụ cộng đồng		1. Đơn vị chủ trì: Phòng CTCT-HSSV 2. Đơn vị phối hợp: Đoàn TN, Hội SV 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	
<b>Nhóm 6</b>	<b>Tiêu chuẩn 7:</b> Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được ; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng Quản trị 2. Các đơn vị phối hợp: Phòng Kế hoạch-TC, Trung tâm CNTT, Trung tâm TT-TV, Ban dự án 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	Từ 05/12/2022 đến 24/02/2023



<b>Nhóm 7</b>	<b>Tiêu chuẩn 25:</b> Kết quả tài chính và thị trường	1. Thu thập thông tin; 2. Xử lý, phân tích thông tin và minh chứng thu được; 3. Viết báo cáo.	1. Đơn vị chủ trì: Phòng Kế hoạch-TC 2. Đơn vị phối hợp: Ban giám hiệu, các đơn vị liên quan 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	Từ 05/12/2022 đến 24/02/2023
	Hoàn chỉnh báo cáo tự đánh giá	1. Kết nối các nhóm công tác chuyên trách; 2. Rà soát, xử lý thông tin, minh chứng và báo cáo của các nhóm công tác chuyên trách; 3. Viết báo cáo tự đánh giá tổng thể; 4. In ấn, photocopy các bản báo cáo tự đánh giá; 5. Một số phần việc khác liên quan.	1. Đơn vị chủ trì: Ban thư ký 2. Các đơn vị phối hợp: Các nhóm công tác chuyên trách, Phòng/Ban/Trung tâm, khoa/bộ môn trực thuộc liên quan. 3. Tài chính: Ngân sách Nhà trường.	Từ 13/3/2023 đến 28/4/2023

### 5.1. Nhân lực

Ngoài các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, tùy tình hình thực tế khi triển khai công tác tự đánh giá, có thể huy động thêm cán bộ, giảng viên, nhân viên, sinh viên từ các đơn vị trong Trường.

### 5.2. Cơ sở vật chất

Tận dụng cơ sở vật chất hiện có tại các đơn vị và có thể mua thêm các trang thiết bị cần thiết cho công tác tự đánh giá trên cơ sở kinh phí được cấp hàng năm cho hoạt động tự đánh giá.

### 5.3. Tài chính

Về kinh phí tự đánh giá gồm các nội dung chi cơ bản sau:

- Chi phụ cấp trách nhiệm của Hội đồng tự đánh giá, Ban Thư ký, các nhóm công tác chuyên trách.
- Chi tập huấn, hội nghị.
- Chi thu thập tài liệu và xử lý minh chứng.
- Chi viết báo cáo tiêu chí, tiêu chuẩn.
- Chi nghiệm thu từng tiêu chuẩn, báo cáo tự đánh giá tổng thể.
- Chi vật tư, văn phòng phẩm và chi khác.



Kinh phí từ các nguồn do Nhà trường cấp trên cơ sở có dự toán cụ thể, hợp lý cho từng công việc được Hiệu trưởng phê duyệt.

**6. Kế hoạch thu thập thông tin từ nguồn ngoài:**

Tùy tình hình thực tế, các nhóm công tác chuyên trách có nhu cầu thu thập thông tin, minh chứng từ nguồn ngoài trường sẽ đề xuất với Hội đồng tự đánh giá (*các thông tin cần thu thập, nguồn cung cấp, thời gian cần thu thập, kinh phí cần có, người thực hiện...*).

**7. Kế hoạch thuê chuyên gia từ bên ngoài:** Không

**8. Thời gian biểu:**

Thời gian thực hiện tự đánh giá khoảng 6 tháng, cụ thể như sau:

Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 1-2</b> (01/11/2022 đến 11/11/2022)	<ol style="list-style-type: none"> <li>Họp Lãnh đạo nhà trường và các đơn vị để quán triệt chủ trương của Đảng ủy, Ban Giám hiệu; nêu rõ mục đích, phạm vi, thời gian biểu tự đánh giá cấp trường; tiếp cận Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục, đề cương báo cáo tự đánh giá.</li> <li>Thảo luận và phân công các đơn vị chủ trì từng mục, từng tiêu chuẩn.</li> <li>Xác định các thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách để giúp Hội đồng tự đánh giá thực hiện trách nhiệm tự đánh giá theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học.</li> </ol>
<b>Tuần 3-4</b> (14/11/2022 đến 25/11/2022)	<ol style="list-style-type: none"> <li>Ra quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.</li> <li>Họp Hội đồng tự đánh giá để: <ul style="list-style-type: none"> <li>Công bố quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách;</li> <li>Thảo luận và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Hội đồng tự đánh giá;</li> <li>Thảo luận bản Dự thảo kế hoạch tự đánh giá;</li> <li>Thảo luận bản Dự thảo đề cương báo cáo tự đánh giá.</li> </ul> </li> <li>Trình Hiệu trưởng phê duyệt Kế hoạch tự đánh giá.</li> <li>Công bố kế hoạch tự đánh giá đã được phê duyệt, thông báo phân công nhiệm vụ cho từng thành viên Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.</li> </ol>
<b>Tuần 5</b> (28/11/2022 đến 02/12/2022)	<ol style="list-style-type: none"> <li>Phổ biến chủ trương triển khai tự đánh giá đến toàn thể cán bộ, giảng viên, nhân viên và người học (thông qua các khoa/bộ môn, phòng/ban/trung tâm).</li> <li>Tổ chức Hội thảo/tập huấn (lần 1) về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách, các cán bộ chủ chốt của nhà</li> </ol>



Thời gian	Các hoạt động
	trường...(do cán bộ của trường tham gia khoá tập huấn về tự đánh giá tổ chức Hội thảo/tập huấn).
<b>Tuần 6-9</b> (05/12/2022 đến 30/12/2022)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng.</li> <li>2. Phân loại và mã hóa các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>3. Nghiên cứu sự đáp ứng của minh chứng đối với các mốc chuẩn tham chiếu của từng tiêu chí đánh giá.</li> </ol>
<b>Tuần 10-11</b> (02/01/2023 đến 13/01/2023)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Họp Hội đồng tự đánh giá để xem xét việc phân tích tiêu chí, thu thập thông tin và minh chứng của các nhóm công tác chuyên trách; giải quyết những khó khăn, vướng mắc (nếu có).</li> <li>2. Tổ chức Hội thảo/tập huấn (lần 2) về chuyên môn, nghiệp vụ triển khai tự đánh giá cho các thành viên của Hội đồng tự đánh giá, Ban thư ký và các nhóm công tác chuyên trách.</li> </ol>
<b>Tuần 12-17</b> (16/01/2023 đến 24/02/2023)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các nhóm công tác chuyên trách viết các báo cáo của từng tiêu chí (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết).</li> <li>2. Trưởng các nhóm công tác chuyên trách tổng hợp các báo cáo tiêu chí thành các báo cáo tiêu chuẩn (thu thập thông tin, minh chứng bổ sung nếu cần thiết).</li> </ol>
<b>Tuần 18-19</b> (27/02/2023 đến 10/3/2023)	<p>Hội đồng tự đánh giá :</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xem xét các báo cáo của từng tiêu chuẩn, tiêu chí do các nhóm chuyên trách dự thảo.</li> <li>2. Kiểm tra lại các thông tin và minh chứng được sử dụng trong báo cáo tự đánh giá.</li> <li>3. Xác định các vấn đề phát sinh từ các thông tin và minh chứng thu được.</li> <li>4. Xác định các thông tin, minh chứng cần thu thập bổ sung (nếu cần thiết).</li> </ol>
<b>Tuần 20-21</b> (13/03/2023 đến 24/3/2023)	<p>Hội đồng tự đánh giá:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xem xét dự thảo báo cáo tự đánh giá và đề xuất những chỉnh sửa (nếu cần).</li> <li>2. Họp với các khoa, bộ môn, phòng, ban, trung tâm... để thảo luận về báo cáo tự đánh giá, xin ý kiến góp ý.</li> </ol>
<b>Tuần 22-23</b> (27/3/2023 đến 07/4/2023)	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Công bố bản Dự thảo báo cáo tự đánh giá (đã chỉnh sửa sau góp ý) trong nội bộ Trường</li> <li>2. Cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học,... đóng góp ý kiến cho Dự thảo báo cáo tự đánh giá.</li> <li>3. Tổng hợp ý kiến của cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học.</li> </ol>



Thời gian	Các hoạt động
<b>Tuần 24-25</b> (10/4/2023 đến 21/4/2023)	1. Hội đồng tự đánh giá: - Họp để tiếp tục bổ sung và hoàn thiện báo cáo tự đánh giá theo các ý kiến góp ý của cán bộ, giảng viên, nhân viên, người học (nếu cần thiết); - Thông qua báo cáo tự đánh giá lần cuối và trình Hiệu trưởng Nhà trường xin ý kiến phê chuẩn. 2. Các thành viên của Hội đồng tự đánh giá ký tên vào danh sách trong báo cáo tự đánh giá. 3. Hiệu trưởng ký tên vào bảng tổng hợp kết quả trong báo cáo tự đánh giá.
<b>Tuần 26</b> (24/4/2023 đến 28/4/2023)	1. Gửi báo cáo tự đánh giá và công văn cho cơ quan chủ quản, Bộ Giáo dục và Đào tạo. 2. Công bố bản báo cáo tự đánh giá đã hoàn thiện (trong nội bộ Nhà trường). 3. Tổ chức bảo quản báo cáo tự đánh giá, các thông tin và minh chứng theo quy định.

**Nơi nhận:**

- Hiệu trưởng, các Phó Hiệu trưởng;
- Ban Thư ký (để thực hiện);
- Các nhóm công tác CT (để thực hiện);
- Lưu: VT, KTĐBCL.

  
**HIỆU TRƯỞNG**  
**Đoàn Hoài Sơn**  
**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ**